PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO • SỐ 15 - THÁNG 8 NĂM 2007

Nội dung số này:

LÒNG TỪ CỦA CHA MẸ | 2 –Thư người chủ trương, *Vĩnh Hảo* • GƯƠNG BÁO HIẾU CỦA NGƯỜI XUẤT GIA | 5 – *HT Thích Phước Sơn* • Ý NIỆM VỀ MẸ NHÂN MÙA VU LAN | 8 – *Lâm Như Tạng* • MẸ TÔI | 13 – thơ *HT Thích Tín Nghĩa* • NHỮNG BÌNH DIỆN CỦA TÂM LINH | 14 – Bài giảng của Đức Dalai Lama – *Thích Nguyên Tạng* dịch • TUỔI CHA, VỌNG TIẾNG RU | 19 – thơ *Diệu Linh* • PHẬT HÓA GIA ĐÌNH, CON ĐƯỜNG VƯƠN TỚI HẠNH PHÚC | 20 – *Thích Giải Hiền* • TƯƠNG NGÂU, Ở LẠI, HẸP BỜ… | 22 – thơ *Vũ Tiến Lập* • LINH NHÂN THÁI HẬU - SỰ QUAY VỀ MUỘN MÀNG? | 23 – *Vĩnh Liêm – Văn Uyên* • NHỚ BÓNG CHA XƯA | 25 – thơ *Đan Hà* • AN CƯ, TỰ TỨ VÀ VU LAN | 26 – *Bình Anson* • SAU BA MƯƠI NĂM | 29 – thơ *Võ Hồng* • LỄ VU LAN, NGUYỄN DU LẬP ĐÀN BẠT ĐỘ CÔ HỒN THẬP LOẠI | 30 – *Thích Tâm Tôn* • MƯA VẪN BAY, VÔ TÂM, HOA KHAI, KHI HUỆ NỞ | 34 – thơ *Lý Thừa Nghiệp* • ĐỌC 'HUYỀN THOẠI DUY MA CẬT' CỦA TT TUỆ SỸ | 35 – *Thanh Hòa* • QUÉT LÁ, ĐI VỀ MỘT CHỖ TƯƠNG QUAN | 36 – thơ *Tâm Nghĩa – Ngô Văn Quy* • NHÂN MÙA VU LAN ĐỌC LẠI THIÊN HUYỀN SỬ MỤC KIỀN LIÊN THẦN THÔNG ĐỆ NHẤT | 37 – *Thẩm Thệ Hà* • MẸ VÀ TÔI | 40 – đoản văn *Trịnh Công Sơn* • ĐỐI ẢNH | 41 – truyện ngắn *Ngô Nguyên Dũng* • MẸ, QUÊ HƯƠNG CỦA CON, KHÚC QUANH, ƯU TƯ, CÕI MỘNG | 44 – thơ *Lê Bích Sơn* • CHUYỆN NGƯỜI PHỤ NỮ MIỀN QUÊ | 45 – truyện tiền thân, *Nguyên Hiệp* dịch • ĐỜI THƠ TẶNG MÁ | 46 – thơ *QuốcThái* • MẸ ĐANG BỆNH, MỘT CÕI | 46 – thơ *Bạch Xuân Phẻ* • ĐI VỀ CÕI TỊNH | 47 – tùy bút *Nghiêm Xuân Cường* • NHỚ MẸ MÙA VU LAN | 52 – thơ *Trần Kiêm Đoàn* • TRĂNG CŨNG NHƯ TA | 52 – thơ *Liên Viên* • NGƯỜI ĐÀN BÀ LÀ ME TÔI | 53 – tùy bút *Nhiên An* • MẸ LÀ PHẬT ĐỘ CON QUA KHỔ HẢI, NHƯ LAI LÀ TÌNH YÊU, TỪNG BƯỚC YÊN VUI | 55 – thơ *Nghiêm Xuân Cường* • MẸ VÀ NHỮNG LỜI CẦU NGUYỆN | 56 – tùy bút *Mỹ Đức Phạm Kim Dung* • HOA BƯỞM NGÀY XƯA | 58 – thơ *Võ Doãn Nhẫn* • MẸ CON | 59 – tùy bút *Thu Thuyền* • CẢM NIỆM NHÂN MÙA VU LAN | 61 – tùy bút *Chân Hiền Tâm* • MẸ | 62 – thơ *Ngậm Ngùi* • DÁNG MẸ TRĂM CHIỀU | 63 - truyện ngắn *Từ Thế Mộng* • PARENTS' WISH – MONG ƯỚC CỦA CHA MẸ | 64 – thơ *Tâm Minh Ngô Tằng Giao* dịch • TRÁI TIM PHỤ NỮ | 66 – truyện ngắn *Trần Quỳnh Nga* • TIỀN KIẾP | 68 – thơ *Lưu Trọng Tưởng* • VU LAN VỚI NHỮNG NGƯỜI CON XA XỨ | 69 – tùy bút *Lam Khê* • NÓI VỚI CHÁU NỘI | 70 – thơ *Phạm Hồng Ân* • NHÀ XƯA | 71 – tùy bút *Quỳnh My* • CÁNH THƯ SEN | 73 – tùy bút *Diệu Trang* • MẸ VIỆT NAM, NGÀY KÍNH MẸ | 74 – thơ *Hàn Tâm* • CÓ NHỮNG MÙA XUÂN BẤT TẬN | 75 – tùy bút *Từ Tú Trinh* • SƯƠNG MAI | 76 – thơ *Tâm Sương* • CHUYỆN CỦA TÍ | 77 - truyện ngắn *Chiêu Hoàng* • VỀ, CHICAGO – HANCOCK TOWER, TỰ HÁT | 79 – thơ *Võ Quỳnh Uyển* • MỒ CÔI | 80 – tùy bút *Trầm Bội Phương* • TU BỤI | 81 – truyện dài *Trần Kiêm Đoàn* • VU LAN CON NGẮM SAO TRỜI | 86 – thơ *Mỹ Huyền* • TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI | 87

Tranh bìa: NGÔ NGUYÊN DŨNG

❖

Chủ nhiệm / Chủ bút: VĨNH HẢO
Địa chỉ liên lạc: P.O. Box 374 - Midway City, CA 92655 – USA
Telephone: **(714) 623-4285**
E-mail: vinhhao@vinhhao.net hoặc phuongtroicaorong@vinhhao.net • Website: www.vinhhao.net

Bài đăng trên Phương Trời Cao Rộng *do văn thi hữu gửi đến bằng e-mail với attachments, đĩa (CD), hoặc viết tay trên một mặt giấy. Bài không đăng không gửi lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc nếu cần. Bài có nhuận bút xin ghi rõ* "yêu cầu nhuận bút."

Phương Trời Cao Rộng *là nơi tập đại thành những bài viết của Tăng Ni và văn thi sĩ Phật giáo khắp nơi, nhiều khuynh hướng, nhiều giáo hội, tông phái, do đó không nhất thiết phản ảnh quan điểm và chủ trương của tạp chí.*

LÒNG TỪ của CHA MẸ

(THƯ SỐ 15 của NGƯỜI CHỦ TRƯƠNG)

Vĩnh Hảo

Kinh điển nhà Phật thường nói lòng từ bi của Phật và các vị bồ-tát đối với chúng sinh giống như lòng thương của cha mẹ đối với con cái. Nói ngắn gọn, Phật thương chúng sinh như cha mẹ thương con.

Chúng ta được Phật thương như con, và muốn học theo con đường của ngài, nên được gọi là con Phật.

Con Phật, muốn được như Phật, phải chuyên tu giới, định, huệ, phá được ngã chấp, pháp chấp, dứt trừ các phiền não, xa lìa mọi mộng tưởng điên đảo, đạt đến trạng thái tịch tĩnh, ái diệt, vô tham… Con đường từ vị trí một đứa con phàm phu tiến đến nơi chốn của người cha trí đức cao dày, là con đường dài xa vời vợi, không thể nghĩ bàn, vì có thể ngắn trong gang tấc mà cũng có thể đi suốt những kiếp số vô tận của thời gian. Không thể trong ba tạng kinh mà bàn nói hết được, huống chi vài ba dòng của ngôn ngữ đời thường.

Nhưng hãy trở lại vấn đề lòng từ bi của Phật đối với chúng sanh, hay lòng thương của cha mẹ đối với con cái. Đây là một ví dụ sống động, cụ thể, đối với những người đã từng là cha mẹ, và tất nhiên là rất mơ hồ mông lung đối với những người chưa hề có kinh nghiệm sinh dưỡng và nuôi dạy con cái. Những người ấy, là những tăng ni đồng chơn xuất gia, sống đời phạm hạnh. Cũng có thể kể thêm một số trường hợp đặc biệt khác là trường hợp những người thế tục không thể có con, hoặc không muốn có con, hay vì lý do nào đó, chưa muốn có con. Không có kinh nghiệm thương yêu con cái thì nếu muốn phát khởi và ban rải lòng từ bi đến với người khác hay chúng sinh khác một cách bình đẳng, vô điều kiện—như là cha mẹ đối với con cái—tất phải thực tập. Phương pháp thực tập ấy của hành giả đạo Phật, căn bản thì có "từ bi quán" (một trong ngũ đình tâm quán), ở mức rộng sâu hơn thì phát triển toàn mãn bốn tâm vô lượng (từ, bi, hỷ, xả). Ở cảnh giới ấy, lòng từ bi đối với tha nhân và chúng sinh là vô hạn, ngay cả tình thương của cha mẹ đối với con cái cũng không thể nào sánh được. Nhưng chưa đạt đến thì ở giai đoạn thực tập, với cương vị và tâm cảnh của người xuất gia đồng chơn phạm hạnh nói trên, khó mà khởi động thứ tình cảm đòi hỏi sự thực nghiệm bản thân, là tình cảm cha mẹ. Tình cảm ấy tràn đầy một cách tự nhiên, gần gũi, thuần túy gia đình, gắn bó từ máu huyết, không chứng nghiệm bằng cả thể xác lẫn tinh thần thì không thể cảm thấu trọn vẹn. Thế nên, trừ khi hành giả đạt đến trình độ vô ngã, thực chứng trọn vẹn bốn tâm vô lượng, còn không thì vẫn tiếp xử với chúng sanh bằng một lòng thương tuy cũng to lớn, nhưng không thoát khỏi những điều kiện và giới hạn.

Có lẽ vì vậy mà Mục-kiền-liên trở thành nhân tố quan trọng để đức Phật khai thị một con đường cứu khổ lợi sinh bằng phương thức quán tưởng khác, dựa trên tình cảm của người con đối với cha mẹ thay vì ngược lại. Như thế, để thực hiện con đường bồ-tát, cứu độ chúng sinh với lòng thương yêu vô hạn và không phân biệt, người xuất gia khởi đi bằng tình cảm thương yêu và báo hiếu đối với cha mẹ đời này, rồi từ cha mẹ đời này, liên tưởng đến cha mẹ nhiều đời, và từ cha mẹ nhiều đời liên tưởng đến vô lượng vô số chúng sanh trong khắp ba cõi và ba thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai), tất cả đều là cha mẹ.

Còn những người thế tục thì thế nào? Chúng ta đã có sẵn câu trả lời, không cần đắn đo suy nghĩ: cũng thực tập thương yêu kẻ khác, chúng sinh khác, như là cha mẹ của mình, y như cách thế mà tôn giả Mục-kiền-liên đã làm. Nhưng thực tế cho thấy, hiếu cảm và lòng thương yêu của người con dành cho cha mẹ rất giới hạn. Cha mẹ thương con, nghĩ đến con thường xuyên hơn là người con thương nghĩ đến cha mẹ. Chính vì vậy mà kinh điển nhà Phật cũng như các tôn giáo khác, hoặc các nền văn hóa đạo đức khác nhau ở đông cũng như tây phương đều không ngớt kêu gọi, nhắc nhở, khuyến khích con cái về lòng hiếu thảo và sự thương tưởng đến cha mẹ. Kinh Phật thường khuyên nhắc sự báo hiếu, tức là nhằm giáo dục khuyến hóa những người con. Tây phương có ngày dành cho cha và cho mẹ rất trang trọng, nhưng không cần phải có một ngày đặc biệt dành cho con cái. Là con thì cần phải nhớ, thương, nghĩ đến ân đức cha mẹ mà báo đền. Còn đối với cha mẹ thì không cần phải kêu gọi nhắc nhở gì cả, bởi vì tình thương của cha mẹ dành cho con là không giới hạn, và không gián đoạn. Hầu như tất cả thời gian, và trọn cuộc đời, tâm tư và tình cảm của cha

mẹ đều dành cho người con.

Là một người đã từng làm cha trước khi xuất gia và chứng thành đạo quả, cố nhiên đức Phật đã cảm nhận sâu sắc tình phụ tử mà ngài dành cho La-hầu-la, con ngài; do đó, khi so sánh lòng từ bi của Phật dành cho chúng sinh với lòng thương yêu của cha mẹ dành cho con cái, ngài đã nói sự thực nghiệm của ngài: tấm lòng của bậc đại giác, cũng như của người cha. Đó là kinh nghiệm thật, sống động, không phải lý thuyết suông. Sự so sánh như thế cũng gợi ý cho ta một phương pháp thực tập, lấy con cái làm đề mục quán tưởng, liên tưởng, và lấy lòng thương của cha mẹ làm chất liệu, làm động lực thúc đẩy, từ đó mở ra cánh cửa của lòng từ vô hạn.

Có thể nói là chưa có giáo chủ, hoặc những nhà lãnh đạo của tôn giáo nào nâng vị trí của cha mẹ đến chỗ cao tột như là trong Phật giáo. Kinh Phật nói, gặp thời kỳ không có Phật, có thể thờ cha kính mẹ trong nhà, cũng được phước báo như cúng dường Phật; cha mẹ còn sinh tiền cũng không khác chi Phật còn tại thế. Không còn so sánh nào xứng đáng hơn. Nhưng chúng ta cũng phải hiểu rằng tất cả các so sánh đều mang tính tương đối: chỉ mượn cái mình biết để mô tả, hình dung về cái chưa biết. Như vậy, Phật và cha mẹ chỉ tương đồng ở một mặt nào đó thôi. Phật không thể thay thế cha mẹ, và ngược lại, cha mẹ cũng không thể thay thế Phật. Chỉ có tính cách thương yêu con không điều kiện và không giới hạn của cha mẹ là điều đáng trân trọng, khắc ghi, cần học hỏi; còn ngoài ra, cha mẹ vẫn là những con người bình thường, sống trong thế giới của phiền não, uế trược, cũng có hỉ, nộ, ái, ố như ai. Có những bậc cha mẹ thường trách cứ người con tội bất hiếu, cho rằng một khi chúng lập gia đình, sinh dưỡng con cái thì quên cha mẹ, chỉ lo cho gia đình của chúng. Trách như vậy thì cũng có nghĩa là tự trách, vì cha mẹ cao cả cũng đã từng là những người con bất hiếu, chỉ biết chăm lo và thương yêu chồng (vợ) con mà lãng quên cha mẹ của mình (ông bà nội, ngoại). Cái mâu thuẫn ấy, là thực tế nói lên giới hạn của con người thế tục. Cha mẹ chỉ có thể là Phật, là bồ-tát, đối với chính những đứa con của mình mà thôi.

Dù sao, ngần ấy tình thương, so với lòng từ bi của Phật thì không lớn, nhưng đối với những người con, là biển, là trời cao rộng, thật quá đầy đủ để sống, vươn lên, và đi suốt đoạn đường trăm năm của chúng trên cuộc đời đầy hương sắc tình yêu mà cũng không thiếu những cạm bẫy, chông gai, những tình cảm tráo trở, lọc lừa, man trá, từ cá nhân hay từ tập thể.

Trên tất cả những tình cảm thế nhân là tình cảm cha mẹ. Lòng thương của cha mẹ dành cho con là lòng từ bi của bồ-tát đối với chúng sinh. Lòng thương ấy không phân biệt con đẹp hay xấu, hiền hay dữ, thông minh hay ngu độn, ngoan ngoãn hay cứng đầu… Cha mẹ chỉ biết thương. Ngay cả đứa con tật nguyền, bệnh hoạn, nằm vạ suốt đời, cha mẹ vẫn thương, chăm sóc từng li từng tí, ôm hôn, vỗ về, nựng nịu, tưng tiu như viên ngọc quí. Cha mẹ luôn là bóng mát, là chỗ dựa cho con trong mọi hoàn cảnh. Cha mẹ nghĩa là như thế, là nơi mà đứa con, dù đã có tóc bạc trên đầu, vẫn có thể tự nhiên quay về để nũng nịu, vòi vĩnh, đón nhận tình thương và tấm lòng bao dung cao cả.

Ở nhà, tài sản cha mẹ để lại cho con có khi to lớn, có khi chẳng bao nhiêu, có khi không có gì; nhưng gia tài thương yêu thì vô hạn. Ở đời, chúng sanh cũng khao khát một thứ gia tài từ bi, cứu khổ như thế từ Phật và những vị bồ-tát. Những ai muốn học hạnh Phật để thương yêu tất cả chúng sinh, có thể khởi đầu bằng cách học từ cha mẹ. Tình thương yêu ấy không bến bờ. Có thể gọi đó là lòng từ bi. Lòng từ bi mà diễn giải và chú thích theo chân nghĩa của Phật giáo thì rộng lắm, nói không cùng. Nhưng chúng ta có thể sà vào lòng cha mẹ để thương và được thương, sẽ cảm nhận tính cách bao la của từ bi mà ta muốn trang trải cho kẻ khác như thế nào.

Bồ-tát thương chúng sinh không thể khởi bất cứ một ý niệm phân biệt, so sánh nào. Giống như cha mẹ đối với con cái, chỉ có một thứ tình thương. Thương kẻ hiền trí, thuần thục đã đành; thương và đối xử bình đẳng với người hiểm ác, bất lương mới là khó. Nhưng cha mẹ làm được đối với con cái thì bồ-tát cũng phải làm được đối với chúng sinh.

Đức Đạt-lai lạt-ma, người được tôn sùng như là hóa thân của bồ-tát Quán-thế-âm theo truyền thống Tây-tạng, nói rằng khi thực tập trải rộng lòng từ bi, trước hết hành giả phải thực tập với những người "dễ thương," như cha mẹ, con cái, anh chị em, bạn bè thân, các thiện tri thức, người hàng xóm tốt bụng… rồi sau đó, mới tiến đến giai đoạn thực tập gay go hơn, đó là thương yêu một đối tượng nào mà trong cuộc sống thực tế, là một kẻ "đáng ghét' của mình, của mọi người.

Không thương được đứa con hư thì không phải là cha mẹ; cũng vậy, không thương yêu được kẻ xấu ác thì không thể gọi là bồ-tát.

Hơn ba mươi năm trước, khi còn bé xíu, tôi nghe được một câu chuyện ẩn dụ sâu sắc trong một buổi thuyết pháp của một vị giảng sư. Rất tiếc vị giảng sư này không nói là câu chuyện trích dẫn từ kinh sách nào, hoặc có nói nhưng tôi không nhớ.

Chuyện kể rằng, ở làng nọ có một con rắn độc to lớn, thường cắn người hại vật, ai gặp cũng hãi sợ né tránh. Một hôm có nhà sư đi ngang, rắn định tấn công nhưng thấy ông bình tĩnh không kinh khiếp mà còn tỏa ra một thứ tình thương không bến bờ đối với nó, rắn qui phục xin được giáo hóa để chuyển kiếp. Nhà sư dạy rắn về lòng từ bi và nhẫn nhục, không tổn hại đến mạng

sống kẻ khác. Dạy rồi, nhà sư tiếp tục lên đường du hóa. Rắn ở lại theo lời thầy dạy, không cắn người, không ăn thịt loài thú khác, chỉ ăn rau cỏ. Bọn trẻ chăn trâu trong làng ban đầu gặp rắn cũng sợ hãi bỏ chạy, nhưng sau nhiều lần, thấy rắn có vẻ hiền lành và không có ý cắn, chúng hết sợ; không những vậy, còn quay trở lại ném đá, đánh đập rắn đến độ thương tích đầy mình. Rắn nhớ lời nhà sư, không tỏ bất cứ thái độ hằn học, dữ dằn nào, chỉ nhẫn nhục chịu đựng những trận đòn của lũ trẻ. Một ngày, nhà sư lại có dịp đi qua làng, thấy rắn nằm bất động bên đường, trầy vi tróc vảy, nhà sư hỏi: "Con sao lại ra nông nỗi này?" Rắn than khóc: "Thưa thầy, chính vì lòng từ bi nhẫn nhục mà con phải chịu sự tấn công hành hạ của kẻ khác như thế này. Con không muốn tổn hại bất cứ ai nên lại bị mọi người hiếp đáp." Nhà sư nói: "Con lầm rồi. Từ bi nhẫn nhục không có nghĩa là thụ động như đất đá để hứng chịu sự tấn công của kẻ khác. Với nhẫn nhục, con có thể chịu đựng mọi bất hạnh và bất trắc trong đời mà không khởi niềm oán hận; với từ bi, con luôn thương yêu và không làm tổn thương đến kẻ khác. Nhưng con có thể tỏ một thái độ nào đó để tự vệ, để kẻ khác biết rằng con có khả năng và bản lĩnh để giết họ nhưng vì lòng từ bi, con không làm. Tuy thế, con cũng không nhất thiết phải để họ hại con đến mức phải tuyệt mạng." Nghe lời nhà sư, sau này mỗi lần bị lũ trẻ xúm lại bức hại, rắn làm bộ phùng mang, trợn mắt, nhe răng khiến cho chúng hãi sợ mà tránh xa. Từ đó, rắn được yên thân, giữ được mạng để tu hành.

Đó là câu chuyện nghe được từ hơn ba mươi năm trước. Cách đây mười năm, tôi cũng đã kể lại câu chuyện này trong một tác phẩm truyện dài. Sở dĩ nhắc đến ba mươi năm và mười năm, là muốn nói dù thời gian thế nào, đối với tôi, ý nghĩa và phương thức thực hiện lòng từ bi cũng không thay đổi.

Khi cần thiết, người con Phật có thể cất lên tiếng nói của lẽ phải. Tiếng nói ấy phát xuất từ lòng từ bi, không phải bởi niềm sân hận. Vì lòng từ bi mà lên tiếng bênh vực những kẻ không phương tự vệ. Vì lòng từ bi mà lên tiếng khuyến hóa kẻ ác, điều chỉnh những sai lầm của họ. Tất cả đều vì lòng từ bi muốn làm lợi ích cho tha nhân. Giống như cha mẹ dạy con khi hư: thương mà dạy. Không đánh đòn, la trách, kết tội bất hiếu chỉ vì con không làm theo ý mình. Kẻ ác đối với người con Phật giống như lũ trẻ vui thích đánh đập rắn. Nếu không làm bạn để tìm cơ hội cảm hóa lũ trẻ, rắn cần lánh đi để không bị hại; nếu không lánh được, có thể giả vờ nhe răng, trợn mắt để tự vệ. Nhưng rượt đuổi lũ trẻ đến tận cùng làng xóm thì đã đi quá mức cần thiết rồi; không còn là một biểu hiện để tự vệ hay bảo vệ kẻ khác, mà chỉ là sự manh động khởi xuất từ lòng sân hận, hiểm ác, tâm lý báo thù.

Cậu bé thật khấu khỉnh. Tôi biết và làm quen với cậu khi cậu mới mười tháng tuổi, còn đi chập chững. Đến lúc ba cậu mang đến gửi tôi giữ hộ để đi làm xa, cậu đã được mười bốn tháng. Ban đầu tôi cũng ngại, vì chưa có kinh nghiệm làm cha, làm sao biết chăm sóc. Nhưng chỉ một vài ngày thì đã quen. Mấy ngày đầu, có khi cũng sinh bực bội, khó chịu, đến nỗi tôi phải bật lên tiếng than với vài người bạn. Sau một tuần, sự quấn quít, nũng nịu, cũng như tiếng khóc của cậu bé đã hoàn toàn chiếm ngự tôi, chuyển hóa tôi, làm bừng tỏa trong tôi tất cả tình thương của một người cha. Tắm rửa, thay tã, pha sữa, hâm sữa, cho bú, mớm ăn, bồng ẵm, đùa giỡn, dắt đi chơi, ru ngủ… tất cả những gì tôi làm, ngày cũng như đêm, đều tràn ngập lòng thương. Khi cậu bé làm điều hư, tôi học theo cách giáo dục của người tây phương, chỉ dùng ngón tay trỏ khẽ nhẹ trên bàn tay của cậu, vừa khẽ vừa dạy, dù cậu bé chưa biết nói. Nhưng cũng có khi rất bực bội vì cậu bé không chịu nghe, cứ thường vặn lò bếp, tôi có ý muốn xử phạt nặng hơn thay vì dùng ngón trỏ gõ nhẹ trên bàn tay làm sai. Tôi nói, giọng có pha chút giận, "con à, tại sao cứ vặn lò bếp hoài vậy! Đưa tay đây." Cậu bé ngơ ngác đưa bàn tay mũm mĩm ra cho tôi. Chỉ mới tưởng tượng là sẽ dùng chiếc đũa khẽ trên bàn tay ấy thôi, thì nước mắt tôi đã chực rơi rồi, không thể đánh phạt được, dù là đánh phạt với lòng thương dạy con. Tôi biết ba mẹ thương tôi biết dường nào.

Sau hai tháng, tôi đưa cha con cậu bé ra phi trường. Cậu bé có vẻ linh cảm được sự chia xa. Suốt những giờ còn lại, cậu buồn, không cười. Trước khi chia tay ở phi trường, tôi hôn lên trán cậu; cậu cũng hôn lại trên má tôi. Tôi ứa lệ và thấy đau thắt trong lòng.Tôi biết ba mẹ tôi cũng đã từng nhớ thương tôi biết bao khi tôi xa gia đình, xa biền biệt phương trời từ những ngày thơ ấu.

Cảm ơn ba mẹ đã là những vị bồ-tát đầu đời của con. Lòng từ bi của ba mẹ đã dạy con rất nhiều và đã hướng dẫn con điều gì nên làm, điều gì không nên làm. Khi làm cha, dù chỉ là cha nuôi, con mới thực sự cảm nhận được thế nào là sự bao la, không bến bờ của tình thương ba mẹ; và cảm nhận được thế nào là lòng từ bi của những vị bồ-tát. Lòng từ bi ấy tỏa đến đâu, mang lại sự trong mát, dễ chịu đến đó.

Con biết ba mẹ thương con, không đòi hỏi bất kỳ sự báo đáp nào, và cũng chưa hề một lần trách con bất hiếu. Nhưng ở phương xa, con vẫn muốn làm một điều gì đó để báo đền. Có lẽ chỉ cần một điều đơn giản thôi: giữ được lòng từ của mình đối với kẻ khác, như là ba mẹ đã thương yêu con suốt đời vậy.

California, 15 tháng 8, 2007.

GƯƠNG BÁO HIẾU CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Thích Phước Sơn

Mỗi năm đến mùa Vu Lan báo hiếu, người Phật tử tại gia thường noi gương hiếu thảo của Tôn giả Mục Kiền Liên báo đáp công ơn cao dày của cha mẹ đã qua đời cũng như còn tại thế, mà cách phổ thông nhất như ca dao từng bảo:

Cha già là Phật Thích Ca,
Mẹ già như thể Phật Bà Quan Âm
Nhớ ngày xá tội vong nhân
Lên chùa lạy Phật đền ơn sanh thành.

Đó là một trong những cách báo hiếu đơn giản nhất của người sơ cơ học đạo. Còn những Phật tử thì vào dịp này, thường sắm sửa phẩm vật, thiết lễ trai tăng cúng dường thập phương tăng chúng - sau ba tháng thanh tịnh tu học - để hồi hướng công đức cầu nguyện cho cha mẹ hiện tiền được phước thọ tăng long, và phụ mẫu quá cố được sinh về nhàn cảnh. Thế còn người xuất gia báo hiếu cha mẹ bằng cách nào?

I. BÁO HIẾU VỀ MẶT VẬT CHẤT LẪN TINH THẦN

Vào thời đức Phật có Tôn giả Tất Lăng Già Bà Ta, sau khi xuất gia hành đạo, chạnh lòng nghĩ đến cha mẹ già yếu, nghèo khổ không ai nuôi dưỡng. Ngài muốn đem y phục và thực phẩm cúng dường cha mẹ, nhưng vì sợ phạm giới luật. Ngài bèn trình bày nỗi băn khoăn của mình lên Thế Tôn. Nhân đó, đức Đạo sư họp các Tỳ kheo và truyền dạy: "Nếu có người nào suốt cả trăm năm, vai phải cõng cha, vai trái cõng mẹ, và dù cha mẹ có đại tiểu tiện trên vai mình, cũng chưa thể gọi là làm tròn hiếu đạo. Hoặc đem những thứ y phục và ẩm thực quý nhất trên đời cung phụng cha mẹ cũng chưa đủ báo đền công ơn cha mẹ trong muôn một. Từ nay Ta cho phép các Tỳ Kheo suốt đời hết lòng cúng dưỡng cha mẹ. Nếu ai không cúng dường thì phạm tội nặng". (1)

Vâng lời Phật dạy, hàng ngày Tôn giả đi khất thực đem về chia cho cha mẹ hai phần, còn mình thọ dụng một phần, và thường dâng cho cha mẹ những nhu yếu khi cần.

Trường hợp trên đây cho chúng ta thấy, dù là người xuất gia vẫn có bổn phận cưu mang cha mẹ nếu cha mẹ không người nuôi dưỡng. Trường hợp Tổ Liễu Quán (1667-1742) sau đây cũng tương tự như thế. Tổ mồ côi mẹ lúc vừa sáu tuổi, thân phụ bèn dẫn đến chùa Hội Tôn cho thọ giáo với Hòa thượng Tế Viên. Nhưng theo hầu được bảy năm thì Hòa thượng viên tịch. Tổ liền vượt núi băng ngàn tìm ra Thuận Hóa thọ học với Giác Phong Lão Tổ chùa Báo Quốc. Được một năm, lại hay tin cha già không người chăm sóc. Tổ phải trở về nhà, hàng ngày lên núi đốn củi, đem về đổi gạo nuôi dưỡng phụ thân. Dù hoàn cảnh gia đình thanh bạch, Tổ vẫn săn sóc cha già chí tình, chí hiếu, cho đến khi thân phụ qua đời. Sau khi lo việc ma chay chu đáo, Tổ mới trở ra Thuận Hóa tiếp tục con đường tu học. (2)

Tấm gương của Tổ Liễu Quán có phần nào giống với hoàn cảnh của Lục Tổ Huệ Năng (638-713). Lục Tổ khi còn bé cha mất sớm, chỉ còn một mẹ già, gia cảnh lại nghèo khó. Do đó, hàng ngày Tổ phải lên non đốn củi, gánh ra chợ bán, rồi đổi lấy gạo đem về nuôi mẹ. Một hôm nghe người ta tụng kinh Kim Cương đến câu "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", Tổ cảm thấy như bừng tỉnh, nên có ý định xin phép mẹ đến núi Hoàng Mai thọ giáo với Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Nhưng vì mẹ già không ai phụng dưỡng, nên lòng còn trù trừ chưa nỡ xuất gia. Bỗng có người hiểu được tâm nguyện của Tổ, bèn trợ giúp mười lạng bạc, và hứa sẽ thay mặt Tổ để trông nom nuôi dưỡng bà cụ đến trọn tuổi già. Nhờ thế, Tổ mới an tâm, từ thân xuất gia học đạo, và đã trở thành một trụ cột độc sáng của thiền tông Trung Hoa. (3)

Nhìn lại nước ta vào thời kỳ vàng son của Phật giáo đời Trần, cũng có vị Tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là thiền sư Huyền Quang (1254-1334). Tổ là một vị trạng nguyên xuất chúng, mặc dù thi đỗ, làm quan, nhưng xem phú quý như bèo bọt. Một hôm, Tổ theo vua đến chùa Vĩnh Nghiêm tham dự pháp hội, thấy Quốc sư Pháp Loa đang hành đạo, liền nhớ lại duyên xưa, bùi ngùi than rằng: "Làm quan lên bổng đảo, đắc đạo đến Phổ Đà; trên cõi nhân gian là tiên, cảnh giới Tây phương là Phật. Phú quý nào khác lá vàng mùa thu, mây trắng mùa hạ, đâu nên lưu luyến mãi hoài".

Thế rồi, dâng biểu xin vua xuất gia học đạo tu hành.

Bỗng một hôm nghe tiếng chim khách kêu vang trên cành ở trước sân, Tổ chạnh lòng nhớ đến cha mẹ già yếu, nghĩ đến công ơn sinh dưỡng sâu dày, liền sắm sửa hành trang trở lại cố hương, hầu thăm cha mẹ. Về nhà, trông cha mẹ còn khỏe mạnh, và biết ông bà cụ rất sùng tín Tam Bảo, lòng Tổ rất hoan hỉ. Nhân đó cho xây một ngôi chùa ở phía tây nhà, đặt tên là chùa Đại Bi, lấy ý từ câu: "Đại từ đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát cứu độ cha mẹ hướng về Phật đạo". Bấy giờ cha mẹ đã có ngôi bảo điện để hàng ngày tụng niệm, khuây khỏa tinh thần, thấm nhuần pháp vị, di dưỡng tuổi già, Tổ mới an tâm tiếp tục sứ mệnh hoằng dương chánh pháp. (4)

II. BÁO HIẾU TRÊN PHƯƠNG DIỆN TINH THẦN

Thiền sư Hư Vân (1840-1959) lúc mới sinh được bảy ngày thì thân mẫu từ trần, được kế mẫu thương yêu nuôi dưỡng. Đến năm mười bảy tuổi, Ngài có chí xuất trần, nhưng thân phụ không cho phép. Vì ông đang làm quan, tính tình lại nghiêm khắc, hơn nữa Ngài là con trai độc nhất của gia đình. Thế nhưng, do động cơ xuất gia mãnh liệt, cuối cùng, Ngài đã lặng lẽ thoát ly gia đình, để hoàn thành chí nguyện cao cả của mình. Đến khi thân phụ qua đời, Ngài ân hận đã làm cho cha già phiền lòng, lại nhớ thương mẹ hiền vắng bóng từ lúc còn thơ ấu. Do đó, Ngài phát nguyện hành hương đến Ngũ Đài Sơn - nơi di tích của Bồ Tát Văn Thù - cứ đi ba bước lạy một lạy với mục đích sám hối tội lỗi không phụng dưỡng mẹ cha trọn đạo, đồng thời hồi hướng công đức để nguyện cầu cha mẹ sinh về cảnh giới an lành.

Tấm gương hiếu thảo của thiền sư Hư Vân làm cho chúng ta phải thán phục. Thế còn thiền sư Hám Sơn (1545-?) lúc còn bé đã là một đứa trẻ khác thường. Năm lên ba tuổi, Ngài chỉ thích ngồi lặng lẽ một mình hơn là đi chơi với những đứa trẻ khác. Mẹ Ngài lại là một Phật tử thuần thành, suốt đời thờ đức Đại Sĩ Quán Âm. Năm ngài lên bảy tuổi, bà gởi con đến một ngôi trường cách nhà một dòng sông. Một hôm, sau khi về thăm mẹ, Ngài trở lại nhà trường, được mẹ tiễn chân ra tận bờ sông, nhưng vì quá quyến luyến mẹ, Ngài không muốn rời khỏi tay bà. Đang cơn tức giận, bà liền túm tóc con, ném xuống sông rồi quay về nhà mà không một lần ngoái lại. Lúc ấy, bà nội của Ngài có mặt ở đó, kêu cứu, Ngài mới thoát chết. Sau đó, mẹ Ngài nhiều lần đứng khóc một mình trên bờ sông và phân trần với mẹ chồng: "Con phải làm thế để cho nó vượt qua cái tính quá đa cảm mà học hành nghiêm chỉnh".

Năm mười hai tuổi, Ngài từ giã mẹ cha, dấn thân trên con đường du phương học đạo. Suốt thời gian ấy, mẹ Ngài luôn luôn theo dõi tin tức con mình. Khi nghe tin Ngài đang tham học ở Ngũ Đài Sơn, bà liền hướng về đó đảnh lễ và niệm danh hiệu đức Bồ Tát Quán Âm. Nhờ thế, bà cảm thấy lòng mình trở nên khuây khỏa.

Sao bao năm xa cách, Ngài trở về nhà thăm lại song thân và định chọn đất xây mộ cho hai người. Một buổi sáng, Ngài cùng cha mẹ đi thăm mồ mả tổ tiên để tỏ lòng tôn kính. Lúc ấy thân phụ Ngài đã 80 tuổi. Ngài nói đùa với ông: "Hôm nay con chôn cha, như vậy giúp cha khỏi trở lại thế gian này lần nữa". Vừa nói Ngài vừa gõ cuốc xuống đất. Mẹ Ngài lập tức giật lấy cuốc và tiếp: "Phần mụ để mụ tự đào mồ lấy, không cần ai lo cho mụ cả". Rồi bà bắt đầu đào đất một cách vui vẻ.

Về sau, Ngài mới hiểu rằng mình có một bà mẹ rất khác thường, và đó chính là một trợ duyên thật quý báu để Ngài thành tựu được đạo nghiệp rạng rỡ. (5)

Thiền sư Động Sơn Lương Giới (807-869), vị Tổ khai sáng tông Tào Động Trung Hoa, cũng có một bà mẹ rất đặc biệt. Ngài đã trình bày quan niệm hiếu thảo và cách thức báo hiếu của người xuất gia đối với cha mẹ, cũng như sự mong đợi của cha mẹ đối với người con đi tu, qua hai bức thư trao đổi giữa Ngài và mẹ Ngài. Trước hết là lá thư Ngài gởi cho mẹ trình bày lý do và xin phép xuất gia.

"Được nghe chư Phật ra đời đều do cha mẹ mà có thân. Muôn loài hàm linh phải nhờ trời đất che chở. Thế nên, không có cha mẹ thì chẳng sinh, không có trời đất thì chẳng trưởng. Nhưng, tất cả hàm thức đều chịu định luật vô thường chi phối. Nghĩ đến ân bú sú thâm trọng, cũng như công nuôi dưỡng cao dày, nếu đem của cải thế gian phụng dưỡng, hoặc cùng máu thịt thân này dâng hiến, cũng không thể đáp đền. Hiếu kinh nói: "Dù một ngày giết đôi ba con vật để cung hiến cha mẹ vẫn là bất hiếu. Vì sẽ lôi nhau vào vòng sanh tử, chịu muôn kiếp luân hồi". Do đó, muốn đền ân sâu dày của cha mẹ đâu bằng công đức xuất gia. Vì sẽ cắt đứt dòng sông khát ái sinh tử, vượt qua bể khổ trầm luân, đáp ân cha mẹ nghìn đời, đền nghĩa từ thân muôn kiếp. Kinh nói: "Một người con xuất gia, chín họ đều sinh lên cõi trời". Con nguyện bỏ thân mạng đời này, để thành tựu đạo quả Bồ đề, đem căn trần muôn kiếp mà thắp sáng trí tuệ Bát nhã. Cúi mong cha mẹ mở lòng hỷ xả, dứt nỗi nhớ mong, noi gương đức vua Tịnh Phạn và Thánh Mẫu Ma Da, hẹn sẽ gặp nhau trong hội Long Hoa. Còn hiện nay xin cam chịu lìa nhau. Chẳng phải con quên ân dưỡng dục, mà chỉ vì thì giờ chẳng đợi người. Cổ đức từng nói: "Thử thân bất hướng sinh thân độ, cánh hướng hà thân độ thử thân? Thân này chẳng nhắm đời này độ, còn đợi đời nào độ thân này?"

Kính xin cha mẹ lòng chớ nhớ mong! Nhận được thư con, mẹ Ngài hồi âm:

"Mẹ cùng con đời trước có nhiều nhân duyên nên

mới kết thành tình mẹ con. Kể từ lúc mẹ hoài thai, sớm chiều cầu thần khẩn Phật, mong sinh được con trai. Thai bào đủ tháng, mạng sống như chỉ mành. Sinh được con trai, mẹ rất toại nguyện, xem như châu báu, không nề hôi hám nhơ uế, chẳng ngại bú sú nhọc nhằn. Con vừa thành người, mẹ dắt đến trường cho con học tập. Mỗi khi con đi chơi về trễ, mẹ đứng tựa cửa ngóng trông. Nay con viết thư về quyết xin xuất gia. Cha con đã mất, mẹ già, anh yếu, em nghèo, mẹ biết trông cậy vào ai! Con có ý bỏ mẹ, chớ mẹ nào có dạ quên con. Từ khi con cất bước tha phương, ngày đêm mẹ thường rơi lệ, khổ thay! Khổ thay! Nay con lại thề chẳng về nhà, mẹ cũng tùy theo chí nguyện của con. Mẹ không dám mong con như Vương Tường nằm giá, như Đinh Lai khắc cây, mà chỉ mong con như Tôn giả Mục Liên, độ mẹ thoát khỏi trầm luân, tiến lên Phật quả. Nếu mẹ không như vậy, e phải có tội. Mẹ cầu mong cho con hoàn thành chí nguyện của mình". (6)

Trên đây, chúng tôi đã trình bày một vài tấm gương báo hiếu của người xuất gia, mỗi người có mỗi hoàn cảnh riêng, nhưng chung quy ai cũng mang nặng ân tình của cha mẹ. Vì nhờ cha mẹ mới có thân ta. Do đó, mở đầu bức thư Ngài Động Sơn đã nói "Chư Phật ra đời đều nhờ cha mẹ mới có thân này". Và nhờ có thân này mới tu thành chánh quả cứu độ quần sinh. Thế nên, sự báo hiếu cha mẹ đương nhiên là bổn phận thiêng liêng, không một ai được phép quên lãng.

Vì vậy, người xuất gia, nếu cha mẹ già yếu, cô độc, không người nuôi dưỡng, vẫn có bổn phận phụng dưỡng cha mẹ cho đến trọn đời. Trái lại, nếu cha mẹ đã có người chăm sóc tạm được an lành, thì người tu sĩ cần dốc chí tu học, hoàn thành đạo nghiệp, rồi vận dụng tâm lực, hồi hướng công đức, cứu vớt cha mẹ khỏi vòng trầm luân khổ hãi. Thiết nghĩ, đó là cách báo hiếu chân chính của đạo từ bi, và thích hợp với những ai đã chọn con đường thoát tục.

Chú thích:

(1) *Luật Ngũ Phần*, Đ.22, tr. 140c
(2) Theo văn bia Tổ Liễu Quán, do T.T Giới Hương phiên dịch
(3) *Kinh Pháp Bảo Đàn*
(4) *Tam Tổ Thực Lục*, bản chữ Hán, tr. 50b-54a
(5) *Thiền đạo Tu Tập*, Trương Trừng Cơ, Như Hạnh dịch, Kinh Thi XB 1972, tr.188-219
(6) Theo bản dịch của H.T Thanh Từ trong băng giảng

thơ

TRẦN HUY SAO

NGÀN DẶM BIỆT LY (*)

cho nỗi lòng thầm kín của em

con quỳ lạy Mẹ, con đi
nước non ngàn dặm biệt ly xót lòng
Mẹ nhìn mờ nhạt dáng con
đôi môi mấp máy mà không ra lời
bàn tay muốn níu chẳng rời
hai hàng nước mắt thay lời tiễn đưa
ngoài hiên trời đổ cơn mưa
nước mưa-nước mắt trộn vừa xót xa
con đi quá nửa địa cầu
Mẹ nằm chăn chiếu nát nhàu nỗi đau
rồi đây biển rộng sông sâu
sớm hôm bên Mẹ còn ai bây giờ !
ai người dỗ Mẹ giấc mơi
thay cơm đổi cháo lựa lời Mẹ vui
lò than ai quạt mỗi chiều
đêm đêm thức giấc Mẹ nhìn thấy ai !
chỉ là một cõi đêm dài
một thân hiu quạnh chiếc chăn lạnh lùng
nước non xa biệt nghìn trùng
con không về để lót đường Mẹ đi
bể dâu nên cảnh biệt ly
lòng con quặn thắt mỗi khi nhớ về...

Ngày giỗ của Mẹ

(*) nhạc sĩ Võ Tá Hân phổ nhạc cùng tựa (?)

Ý NIỆM VỀ MẸ
NHÂN MÙA BÁO HIẾU VU LAN

Lâm Như Tạng

Làm người ai cũng có đấng sinh thành là Cha Mẹ. Đặc biệt nhân mùa Vu Lan báo hiếu này, tôi xin được nói về Mẹ như một bó hoa tưởng niệm Mẹ tôi đã qua đời tại Việt Nam ngày 1-3-1996. Khi đề cập đến Mẹ trong ngôn từ tiếng Việt, ta thử so sánh với nhiều ngôn ngữ khác nhau gọi Mẹ như thế nào và tìm xem có từ nào mà toàn thể các dân tộc trên thế giới nầy có tiếng gọi chung về Mẹ hay không?

Mẹ trong văn hóa và tập tục của Đông Phương và Tây Phương như thế nào?

Mẹ trong kinh điển Phật Giáo, và phương pháp báo hiếu ra sao?

I. DANH TỪ MẸ

Tiếng Việt gọi Mẹ là người đàn bà đã sinh ra ta. Trong đó bao gồm ý nghĩa mười tháng cưu mang chịu không biết bao nhiêu điều cực nhọc cho đến ngày khai hoa nở nhụy và nuôi nấng dạy dỗ cho đến khi khôn lớn nên người. Những thâm ân đó chỉ khi nào chúng ta nuôi con mới biết được công ơn của Cha Mẹ. Như Đức Khổng Tử đã nói: "dưỡng tử phương tri phụ mẫu ân" (Khi nuôi con mới biết được công ơn Cha Mẹ).

Danh từ Mẹ ấy, tiếng Tây Ban Nha gọi là Madre, tiếng Ý cũng gọi là Madre. Tiếng La Tinh là Mater. Tiếng Anh là Mother. Tiếng Đức là Mutter. Tiếng Pháp là La Mère. Tiếng Hy Lạp là Mitera. Tiếng Nga là Matb (Moma). Tiếng Iran là Modar, Tiếng Trung Hoa là Mouchan (Ma, Mu). Tiếng Ấn Độ là Mata, Tiếng Nhật là Okaasan. Tiếng Ả Rập là Waldetak.

Kể cả tiếng Việt, tất cả 14 ngôn ngữ vừa nêu trên hầu như là đại đa số các dân tộc trên thế giới ngày nay đang dùng những ngôn ngữ đó. Trừ tiếng Nhật và tiếng Ả Rập có âm vận riêng, còn mười hai ngôn ngữ còn lại âm vận na ná giống nhau và đều bắt đầu bằng mẫu tự "M".

Có điều tôi muốn nhấn mạnh ở đây là tất cả các dân tộc trên thế giới đều có ngôn ngữ riêng, thế nhưng khi nói danh từ Mama tất cả đều biết đó là Mẹ. Làm sao tôi có thể cả quyết được điều đó. Bởi vì chính tôi đã tiếp xúc trực tiếp với mấy chục người nói những ngôn ngữ hoàn toàn khác nhau nhưng khi hỏi danh từ Mẹ trong ngôn ngữ của họ tất cả đều gọi là Mama. Tôi chưa thỏa mãn. Vì tôi biết từ đó không phải là ngôn ngữ chính gốc của họ nên lần lượt họ mới cho biết từ chính gốc trong ngôn ngữ riêng biệt của mỗi dân tộc. Thế nhưng tại sao lại có một từ cộng thông như thế. Theo tôi nghĩ, đó là tiếng nói bập bẹ đầu tiên của đứa bé vừa mới tập nói mà ra, rồi thành ra tiếng nói phổ thông bất thành văn trong dân gian của mỗi dân tộc mà thành. Trừ danh từ Mama là Mẹ vừa nói, ngoài ra không có một từ nào có tính phổ thông như thế cả. Như vậy đủ chứng tỏ Mẹ là thiêng liêng cao cả không có người nào hoặc vật gì khác có thể sánh bằng Mẹ. Khi nghĩ về công sinh thành dưỡng dục đứa con mà nói, ngay cả Cha cũng không bằng Mẹ. Vì chỉ có thân thể người Mẹ mới có thể thai nghén và sinh con được mà thôi.

II. MẸ TRONG TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA VIỆT NAM

Mẹ là mười tháng cưu mang, ba năm bồng bế, sau đó là giáo dục cho con nên người hữu ích trong xã hội như Chinh Phụ Ngâm đã nói:

Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam
Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân

Hai câu thơ trên còn nói lên bổn phận, công lao của người Mẹ đối với con với chồng trong gia đình Việt Nam.

Cha Mẹ là chỗ dựa về tinh thần và là cây đa cổ thụ để con nương nhờ về vật chất:

Gió đưa cây cửu lý hương
Con xa cha mẹ thất thường bữa ăn
(không rõ tác giả)
Hoặc là:
Có Cha có Mẹ thì hơn
Không Cha không Mẹ như đờn đứt dây
(Ca dao)

Hay là những câu thơ sau đây đã nói lên được một phần công ơn của người Mẹ. Trong thời kỳ đầu của sự thai nghén, người Mẹ phải chịu:

...
Sự buồn nôn của thời kỳ đầu thai nghén
Mặt mày xanh choáng váng lúc về chiều
Mắt tối sầm dù nắng đẹp trưa hè
Những thú vui không màng mơ tưởng đến
(thơ Như Tạng)

Khi bào thai trong thời kỳ phát triển trong cơ thể người Mẹ:

...
Mỗi ngày con mỗi lớn
Da căng theo ngày tháng bước nặng dần
Cữ kiêng từng hành động lẫn thức ăn
Đêm trằn trọc dáng nằm ngồi khó nhọc
(thơ Như Tạng)

Nỗi lo lắng và đau đớn của người Mẹ trong lúc sinh nở:

...
Nỗi lo của người gần sinh nở
Những cơn đau quằn quại vỡ người
Kịp đến khi nghe con khóc chào đời
Hồn nhẹ nhõm cơn đau dường đứng lại
(thơ Như Tạng)

Công lao của người Mẹ nuôi con và lo giáo dục, lo tương lai cho con mình:

Và con sẽ lớn lên Người dạy bảo
Nuôi nấng, nâng niu, ấp ủ, dỗ dành
Vì tương lai, Mẹ lo lắng tảo tần ...
(thơ Như Tạng)

Biết bao nhiêu là thơ, nhạc, văn chương nói về Mẹ. Nào là ví lòng Mẹ như biển rộng bao la như trời cao không cùng tột... Bài nào nói về Mẹ cũng hay, cũng réo rắt, cảm động dễ đi vào lòng người. Bởi vì nói về Mẹ là nói về tình thương, mà tình thương là bắt đầu từ cõi lòng chân thật và sâu lắng nhất của tâm hồn mình. Do đó nói về Mẹ là nói về những gì mình có kinh nghiệm sống thực, những xúc động chân thành, những suối nguồn êm dịu trong lành mát mẻ nhất. Vì thế cho nên những bài thơ, nhạc... viết về Mẹ đều hay và cảm động.

Vì ân trọng đối với Mẹ như thế nên ngày xưa trong xã hội Việt Nam không được làm đám cưới hoặc người vợ không được có thai trong lúc thọ tang Cha Mẹ. Trong sách "Hải Dương Phong Vật Chí" của Trần Đạm Trai có ghi: *"Cổ thời trọng đạo hiếu đến nỗi luật pháp cấm vợ có thai trong khi tang chế, đến đời Lê Thánh Tông mới bỏ lệ ấy, nhân vì có người tỉnh Hải Dương huyện Đường An xã Thời Cử tên là Nguyễn Kim An, thuở nhỏ hàn vi, thời Hồng Đức (1470-1497) làm lính chầu trong cung. Vua thấy có tài nên cho về đi học. 22 tuổi đỗ Hương Cống, rồi thi Hội thi Đình đỗ Bảng Nhãn (học vị của người thi đỗ thứ hai, sau Trạng Nguyên, trong khoa thi Đình). Được bổ làm quan ít lâu sau, về cư tang, giữ trọn ba năm đạo hiếu thì mất, không có con trai, vua cảm thương, từ đó bỏ lệ kia."*

"Các triều vua thường khuyến miễn thuần phong mỹ tục vẫn nhắc nhở đạo hiếu, như lệnh vua Lê Huyền Tông ra năm Cảnh Trị thứ ba (1665) cho tỉnh biểu những người có hiếu hạnh (cho biển vàng biểu dương hiếu hạnh, trong biển ghi tên tuổi quán chỉ người được khen thưởng và nói rõ duyên do có hiếu hạnh như thế nào) (Lê Triều Chiếu Lịnh Thiện Chính). Lệnh vua Hàm Nghi năm đầu (1884) ban thưởng biển son khắc bốn chữ vàng "Hiếu Hạnh Khả Phong" cho những người có tiếng hiếu hạnh (Đại Nam Điển Lệ)". (theo sách Đất Lề Quê Thói, của Nhất Thanh, 1992).

Những gương hiếu thảo ngày xưa nhiều khi đã phải hy sinh thân mình để cứu mạng Cha Mẹ. Trong sách "Việt Nam Văn Học Toàn Thư" của Hoàng Trọng Miên có ghi trường hợp: *"Lãnh Tạo, người làng Tuần Lễ tỉnh Nghệ An, chống đối triều Minh Mạng. Lê Văn Duyệt được cử làm Tổng Trấn Nghệ An để dẹp Lãnh Tạo, bị Tạo lừa, ngang nhiên đem quân lính tới dinh trấn giả làm đi thanh tra; Lê văn Duyệt dụ hàng, tâu vua cho làm quan, Tạo không chịu, chỉ ưng nhận vàng bạc rồi đi. Sau đó Lê Văn Duyệt sai lính bắt giữ mẹ và vợ của Tạo. Vì thương Mẹ mà Tạo phải ra hàng..."*

Năm 1962, Thầy Nhất Hạnh cho ra đời tác phẩm *Bông Hồng Cài Áo* rất nổi tiếng và rất thành công trong mục đích cổ võ cho Ngày Mẹ nhằm ngày Vu Lan rằm tháng bảy Âm Lịch. Hiện nay ngày rằm tháng bảy đã nghiễm nhiên trở thành Ngày Mẹ của người Việt Nam. Trong ngày ấy hoa hồng được cài cho người có diễm

phúc còn Mẹ và hoa trắng cho những người mà Mẹ đã qua đời.

Theo truyền thống Đông Phương thì Hiếu đứng đầu trăm hạnh lành như trong Nhị Thập Tứ Hiếu Diễn Âm của Lý Văn Phức có câu:

Chữ hiếu hạnh niệm tròn một tiết
Thời suy ra trăm nết đều nên

Người bất hiếu nghĩa là đối xử không tốt với đấng sinh thành của mình thì khi ra đời không còn ai tin tưởng được người ấy nữa. Do đó mà trăm sự trăm việc sẽ đổ vỡ, không thể thành công trên đường đời dù là việc nhỏ hay việc lớn.

III. MẸ TRONG KINH ĐIỂN PHẬT GIÁO

A. Tấm Gương Hiếu Hạnh của Đức Phật

Trong bài kinh Ba Mẹ hồi các đời trước (trong sách "Một Trăm Bài Kinh Phật" của Đoàn Trung Còn, không ghi năm xuất bản) có ghi tấm gương hiếu hạnh của Đức Phật như sau:

Lúc ấy Phật ngự với Giáo Hội chư đại tỳ kheo tại xứ Ca-căn-ga-la (Kacangala). Trong cánh rừng ở gần đó, có bà già tên là Ca-căn-ga-lác (Kâcangalâ), bà xách một cái bình đến giếng mà múc nước.

Lúc ấy Đức Thế Tôn gọi A-Nan và bảo rằng: "Nầy A-Nan hãy đi nói với bà ấy rằng: Đức Thế Tôn khát nước, bà cho Ngài uống với."

A-Nan nói với bà mấy lời ấy, bà đáp rằng:

"Để tôi đem đến cho Ngài."

Bà đổ nước vào đầy bình mang đến trước mặt Phật. Bà thấy Phật rất trang nghiêm với 32 tướng chánh, 80 tướng phụ, một vòng hào quang sáng ngời. Bà vừa thấy Phật, tình Mẹ thương con nảy sinh nơi lòng bà, bà vội đưa tay lên ôm hôn Đức Phật vừa nói rằng: "Con tôi! Con tôi!" Mấy vị tỳ kheo muốn cản bà lại nhưng Đức Phật liền phán rằng: "Nầy chư tỳ kheo! Chớ cản bà ấy!"

Tại sao vậy?

Bởi vì trong năm trăm đời liên tiếp bà đã làm Mẹ ta:

Vì tình mẫu tử sâu xa
Nên bà chạy đến ôm ta hôn nhầu
Ai mà ngăn cản đón đầu
Thì bà tức giận máu hầu tuôn ra
Ta đây nhớ Mẹ buổi qua
Cám ơn nghĩa nặng vì ta bao đời
Từ bi, thương xót lấy người
Nên ta chịu để ôm vùi mà hôn

Liền sau đó Đức Thế Tôn thuyết pháp Tứ Diệu Đế để độ bà. Bà liền chứng quả Tu-Đà-Hườn và đọc bài kệ như sau:

Làm con mà biết báo đền
Tác thành việc khó, đáp tình mẫu thân
Thế Tôn giữ trọn hiếu phần
Giúp ta đổi tánh thoát trần dứt mê
Độ ta ra khỏi bến mê
Đường Tiên, đưởng Phật đưa về đúng nơi
Con ta chuyển sức ra tài
Đặng làm việc tốt, đáng đời kính khen

Sau đó bà xin phép xuất gia và nhập vào hàng tỳ kheo ni. Bà tinh tấn tu hành và chứng quả A-La-Hán.

B. Kinh Tâm Địa Quán

Kinh Tâm Địa Quán, phẩm báo ân, Đức Phật nhân tán thán 500 vị trưởng giả thành Vương Xá, nước Ma Kiệt Đa đến cúng dường Phật và đại chúng. Đức Phật giảng cho họ nghe về công ơn sinh thành của Mẹ như sau:

"... Mẹ hiền thương con, thật không biết lấy vật gì để so sánh cho cân xứng vậy. Từ khi vào thai, trải qua 10 tháng, những lúc Mẹ đi, đứng, ngồi, nằm chịu trăm điều khổ não mà miệng mẹ không thể nói ra. Muốn những đồ uống ăn hay áo mặc, dù có được cũng chẳng mừng, vì lòng lo lắng không hề dứt, chỉ lo nghĩ cho đứa con sắp sanh sao cho hoàn hảo là hơn thôi. Nếu khi đẻ khó thì như trăm ngàn mũi dao đồng thời đâm khắp toàn thân. Nếu khi sanh đẻ an lành, bà mẹ cùng các thân thuộc cùng chung vui sướng y như kẻ nghèo được châu báu. Sự đau khổ của Mẹ trong mười tháng do một tiếng khóc đầu tiên của con khi mới lọt lòng, mà nỗi khổ ấy Mẹ liền quên mất và vui sướng như nghe âm nhạc. Con lấy nơi bụng ngực của Mẹ làm chỗ ngủ, lấy hai cổ vế làm chỗ dạo chơi, và do nước giếng cam lồ nơi ngực Mẹ chảy ra mà nuôi lớn. Ôi ơn đức của Mẹ, núi cao biển sâu cũng chẳng sánh kịp. Nếu đứa con nào biết tùy thuận nghe theo những lời dạy bảo của từ mẫu mà không trái nghịch thì được chư thiên hộ niệm, phước đức vô cùng..."

(Kinh Tâm Địa Quán, H.T. Thích Tâm Châu dịch) (tham khảo sách Cho Trọn Hiếu Ân của T.T. Thích Bảo Lạc, 1991).

C. Kinh Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân

Nhân khi Đức Phật dẫn đại chúng đi hành đạo hướng về Phương Nam, giữa đường Đức Phật đến lạy trước một đống xương khô đã lâu đời chất to như quả núi. Đại chúng thấy vậy không rõ nguyên do, A-Nan liền bạch Phật xin dạy cho biết tại sao Đức Thế Tôn lại làm như thế. Phật chỉ rõ rằng đống xương đã chồng chất đó rất lâu đời về trước nên biết đâu trong đó có xương của cha, mẹ, vợ, con, anh, em ta nhiều đời trước. Vì lòng hiếu kính nên ta lạy đống xương như vậy. Đức

Phật đã dạy bảo đại chúng rất nhiều về công ơn sinh thành của Cha Mẹ, đặc biệt mười điều chúng ta nên ghi nhớ như sau:

Thế Tôn lại bảo A-Nan:
Ơn Cha nghĩa Mẹ mười phần phải tin
Điều thứ nhất giữ gìn thai giáo
Mười tháng trường châu đáo mọi bề
Thứ hai sanh đẻ gớm ghê
Chịu đau chịu khổ mỏi mê trăm phần
Điều thứ ba thâm ân nuôi dưỡng
Cực đến đâu bền vững chẳng lay
Thứ tư ăn đắng nuốt cay
Để dành bùi ngọt đủ đầy cho con
Điều thứ năm lại còn khi ngủ
Ướt Mẹ năm khô ráo phần con
Thứ sáu sú nước nhai cơm
Miễn con no ấm chẳng nhờm gớm ghê
Điều thứ bảy không chê ô uế
Giặt đồ dơ của trẻ không phiền
Thứ tám chẳng nỡ chia riêng
Nếu con đi vắng cha phiền mẹ lo
Điều thứ chín miễn con sung sướng
Dầu phải mang nghiệp chướng cũng cam
Tính sao có lợi thì làm
Chẳng màng tội lỗi bị giam bị cầm
Điều thứ mười chẳng ham trau chuốt
Dành cho con các cuộc thanh nhàn
Thương con như ngọc như vàng...
("Kinh Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân" - không rõ dịch giả)

Ngoài mười điều ân trọng ghi trên toàn bài kinh Đức Phật còn chỉ rất ràng rẽ từng ly từng tý một về công sinh thành nuôi nấng và dạy dỗ cho con nên người. Đọc toàn bài kinh được chuyển ngữ thành thơ song thất lục bát khiến tôi bùi ngùi xúc động đến rơi nước mắt nhiều lần khi nghĩ đến người Mẹ qua đời. Tôi thấy mình bất hạnh vì đã xa Cha Mẹ rất lâu năm, và bây giờ nhìn đóa hoa trắng trên áo tôi mới thấm dần thấm dần và hiểu nghĩa rất sâu sắc của tâm trạng kẻ mồ côi.

Đây! bầu trời đen tối đã phủ kín tâm hồn tôi! Tôi trở thành kẻ mồ côi Mẹ, đau đớn quá! Cho dù tôi đã bao nhiêu tuổi trên đầu!...

IV. PHƯƠNG PHÁP BÁO HIẾU

Tôi nghĩ ai có khát nước đến cùng cực khi gặp nước mới thấy nước uống quý giá vô vàn. Vấn đề báo hiếu cũng vậy. Ai đã mất Cha Mẹ mới thấy phương pháp báo hiếu của Đức Phật dạy là quý báu.

Lấy kinh nghiệm bản thân mà nói, khi Mẹ tôi còn tại thế tôi vẫn thường xem kinh sách, vẫn tin lời Đức Phật dạy, vẫn cầu nguyện cho bảy đời Cha Mẹ đã qua trong quá khứ siêu sanh về miền cực lạc của Đức Phật A Di Đà, như trong kinh Vu Lan đã dạy. Vẫn luôn luôn học về gương hiếu hạnh của Đức Đại Hiếu Mục Kiền Liên. Vẫn biết ngày Mother's Day của các nước Tây Phương. Và truyền thống báo hiếu của Đông Phương. Thế nhưng việc làm đã qua của tôi là do lý trí chủ đạo. Còn việc báo hiếu của tôi nhân mùa Vu Lan năm nay được thúc bách bởi một sự mất mát to lớn nhất trong đời tôi. Đồng thời nó bắt nguồn từ lòng thương Mẹ mà ra. Tôi muốn tìm một cái gì đó, một hành động nào đó để may ra lấp bớt được một khoảng trống trong tâm hồn.

Ngược dòng thời gian về thời điểm trước khi Mẹ tôi qua đời, tôi thường tìm hiểu xem những người không phải là Phật tử họ nghĩ gì về tôn giáo của mình, để có thêm kiến thức. Tôi cũng tìm hiểu những giáo lý của Đức Phật dạy được các học giả khác tôn giáo với mình và các nhà khoa học, triết gia Tây Phương có những nhận xét gì về Phật Giáo để củng cố thêm niềm tin của mình về phương pháp báo hiếu của Đức Phật dạy.

Trong đó có Giáo Hoàng John Paul II đã công nhận là rất nhiều tín đồ Thiên Chúa Giáo có cả các vị Linh Mục đã áp dụng phương pháp thiền quán để tu tập, trau dồi thân tâm của họ.

Một học giả đạo Hồi đã nói: Đức Phật là của cả nhân loại (Buddha is for whole mankind. The Buddha is not property of Buddhists only. He is the property of whole mankind. His teaching is common to everybody. Every religion, which came into existence after the Buddha, has borrowed many good ideas from the Buddha).

Triết gia Bertrant Russell ca ngợi Phật Giáo có triết lý hành động vĩ đại nhất và lâu đời nhất...

Có thể nói khoa học gia nổi tiếng nhất thế kỷ, Albert Einstein, đã nói là: "Phật Giáo đương đầu với khoa học" (Buddhism copes with Science), (If there is any religion that would cope with modern scientific needs it would be Buddhism).

Theo tôi không phải Phật Giáo đương đầu với khoa học mà Đức Phật đã hướng dẫn cho khoa học tự nhiên tiến lên về mọi mặt mới đúng. Tôi không muốn dài dòng trích dẫn lời Đức Phật để chứng minh ở đây vì bài báo đã quá dài. Xin mời bạn đọc đọc duy thức học ta sẽ thấy Đức Phật đã giải thích về nguồn gốc của con người và vũ trụ rất tinh tế, rất khoa học, khiến các nhà khoa học và các triết gia phải tìm tòi học hỏi.

Giáo sư Rhys Davids nói rằng: "không có tôn giáo nào vượt trội hơn Phật Giáo". (Nothing to surpass

Buddhist. Buddhist or not Buddhist, I have examines every one of the great religion systems of the world, and in none of them have I found anything to surpass, in beauty and comprehensiveness, the Noble Eightfold Path and the Four Noble Truths of the Buddha. I am content to shape my life according to that path). (tham khảo sách "BUDDHISM in the EYES of INTELLECTUALS" của K. Sri Dhammananda).

Trở lại lời Phật dạy về phương pháp báo hiếu trong Kinh Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân và Kinh Vu Lan: Phật đã dạy rằng vì công ơn của Cha Mẹ bao la như biển cả và cao vòi vọi như trời xanh vô hạn. Vì thế cho nên chúng ta không thể nào đền đáp công ơn ấy bằng phương pháp vật chất hữu hạn được. Hơn nữa trong cõi luân hồi kể từ vô thủy đến nay, chúng ta có biết bao nhiêu là Cha Mẹ thì làm sao chỉ dùng những phương tiện vật chất để phụng dưỡng Cha Mẹ hiện tiền mà có thể đền đáp thâm trọng ân ấy. Phật đã cho ví dụ là:

Ví có người gặp cơn đói rét
Nuôi song thân dâng hết thân này
Xương nghiền thịt nát phân thây
Trải trăm ngàn kiếp ân đâu chưa đồng...
(Kinh Báo Ân)

Như vậy phải làm thế nào để báo đáp được hiếu ân đó. Đức Phật đã dạy rất nhiều phương pháp trong rất nhiều kinh điển như Bố Thí Ba La Mật, Thân Cận Ba La Mật, Chân Thật Ba La Mật... Nhưng hôm nay xin theo các bộ kinh đã dẫn và đặc biệt về sự giới hạn của bài này nên chúng tôi xin tóm lược thành hai phương pháp đơn giản: Tự Lực và Tha Lực.

Thứ Nhất Là: Tự Lực

Phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề, cầu Phật Đạo giải thoát, tiến tu, thật học để đem khả năng của mình giảng giải cho mọi người chung quanh chúng ta cùng phát tâm ấy, hướng về Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và cuối cùng là cầu nhất thừa Phật Đạo.

Giai đoạn đầu là chúng ta học hỏi và hiểu thấu đáo về thâm ân sinh thành của Cha Mẹ. Ăn năn hối cải những lỗi lầm, nếu có, từ trước đã làm hại mình hại người vạ lây tiếng xấu đến song thân. Giai đoạn kế tiếp là phải siêng năng không ngừng nghỉ để đạt được những thành công lớn trong đời, khiến Cha Mẹ vui lòng toại nguyện, an tâm vì con... Và làm thế nào để cho Cha Mẹ cảm nhận được lòng hiếu kính, yêu thương của mình đối với Cha Mẹ. Đồng thời phải có tâm niệm sung sướng không gì bằng khi mình còn được Cha Mẹ trên đời. Bởi vì nếu Cha Mẹ biết được điều đó Cha Mẹ cũng sung sướng vô vàn. Những điều vừa kể rất đơn giản nhưng không kém phần khó khăn khi thực hiện được nó. Giai đoạn cuối cùng như trên đã nói là cầu nhất thừa Phật Đạo để giải thoát cho mình, và phổ độ giải thoát cho Cha Mẹ nhiều đời đã qua và hiện tiền Cha Mẹ sống lâu và tránh khỏi những ách nạn trong đời.

Thứ Hai là: Tha Lực

Như Đức Phật đã dạy trong Kinh Vu Lan, cho dù chứng được quả Bồ Tát và đã được thần thông quảng đại như Ngài Mục Kiền Liên, cộng với tiếng tăm lừng cả trời người đều nể phục đi chăng nữa, một mình Ngài không thể nào cứu được Mẹ Ngài trong địa ngục và càng không thể cầu siêu độ cho Cha Mẹ bảy đời trước đó nữa. Như vậy chỉ có một cách là cầu Tha Lực. Hay nói đúng hơn là cầu Cộng Lực của chư Tăng trong mười phương tụ hội nhân ngày rằm tháng bảy, Trong hàng chư Tăng đó gồm có phàm Tăng, thánh Tăng, và những hàng Bồ Tát mười phương vì nguyện lực độ sinh nên các Ngài đã hiện hình làm Phàm Tăng thân cận chúng ta.

Nhân ngày ấy nhờ thần lực Chư Tăng chú nguyện cho sở cầu báo hiếu của chúng ta được viên thành.

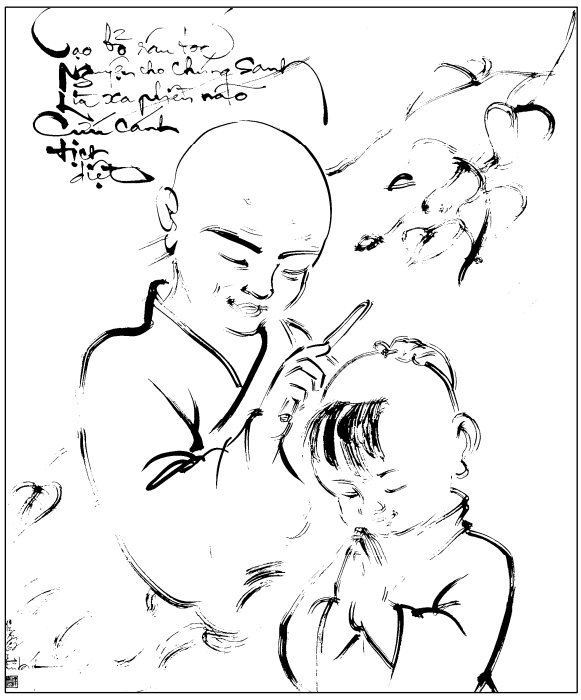

Tranh Minh Chiếu

MẸ TÔI

HT. Thích Tín Nghĩa

Mẹ tôi lưng còng mình hạc xương mai,
Quanh năm suốt tháng miệt mài với đàn con,
Tảo tần xuôi ngược bán buôn,
Lo con, lo cháu, tròn vuông nỗi niềm.,
Tuổi già tóc bạc như tiên,
Mẹ tôi đôn hậu nhất trên cõi đời.
Mẹ là lũy tre tươi xanh ngát,
Là đồng ruộng bát ngát mênh mông,
Mẹ là dòng suối trong,
Là liếp dừa tươi mát,
Là vườn cây sai trái,
Là liếp cải hoa vàng,
Là bông bưởi ngát hương, …
Mẹ là tất cả tình thương vô bờ.
Tuy già mẹ vẫn ước mơ,
Đàn con khôn lớn đến bờ tương lai.
Mẹ còn mong một ngày mai,
Đàn con của mẹ an vui với đời.
Nhìn con sự nghiệp mà vui,
Bao la diệu vợi trọn đời hy sinh,
Tình mẹ là một trang kinh,
Dạy con hiếu tình đầy đủ chẳng sai.
Mẹ mong con một ngày mai!

Điệp Khúc (*)
Mẹ tôi lưng còng tuổi hạc xương mai,
Mẹ tôi kiên trì nhọc nhằn đôi vai,
Tảo tần xuôi ngược sớm hôm,
Chẳng nề vất vả gió sương,
Thương con mẹ gánh mọi nỗi ưu phiền.

Mẹ tôi héo mòn vì đàn trẻ thơ,
Dạy con hiếu đạo đậm đà tình thâm,
Mẹ hiền như Mẹ Quán Âm,
Dịu dàng nhẫn nhục chính tâm,
Mong con khôn lớn mai sau thành người.

Mẹ là dòng suối trong,
Là vườn cây thắm tươi,
Là đồng ruộng thơm mùa lúa mới ;
Mẹ là lũy tre xanh,
Là liếp cải hoa vàng,
Mẹ là tất cả tình thương vô bờ.

Bàn tay ân cần dịu hiền chở che,
Hằn sâu trán mẹ một đời truân chuyên,
Tình mẹ như ngọc lưu ly,
Rạng ngời khắp cả thế gian,
Lung linh soi sáng tâm con đời đời.

(*) Đã được Nhạc sĩ Võ Tá Hân phổ thành nhạc, Ca sĩ Quỳnh Lan ca

NHỮNG BÌNH DIỆN CỦA TÂM LINH

Bài giảng của **Đức Đạt Lai Lạt Ma**

Thích Nguyên Tạng dịch

Hai bình diện tâm linh

Thưa các anh chị em, tôi muốn nói về đề tài những giá trị tâm linh qua việc định nghĩa hai bình diện hoạt động tâm linh hay tôn giáo.

Để bắt đầu tôi xin nói rằng, mục tiêu chính yếu của con người là chúng ta muốn có một đời sống hạnh phúc. Tất cả chúng ta đều muốn có hạnh phúc. Chúng ta đều mưu cầu để đạt được hạnh phúc, đó là điều tự nhiên. Đó là mục đích trong cuộc sống của chúng ta. Lý do rất rõ ràng khi không còn hy vọng với đời sống này, chúng ta trở nên đau khổ, buồn chán và có thể còn nghĩ đến chuyện tự tử nữa. Vì vậy sự sống của chúng ta bắt rễ sâu trong sự hy vọng hay mong cầu. Dù không có gì bảo đảm rằng tương lai sẽ mang lại một cái gì đó, nhưng vì có hy vọng nên chúng ta vẫn tiếp tục sống. Vì thế có thể nói rằng mục tiêu trong đời sống của chúng ta là hạnh phúc.

Con người không phải là những sản phẩm của máy móc. Chúng ta còn có một cái gì đó vượt lên trên khối vật chất. Chúng ta có tình cảm và kinh nghiệm. Vì vậy chỉ có sự thỏa mãn về vật chất không thôi thì không đủ. Chúng ta cần có một cái gì sâu xa hơn, một thứ mà tôi thường gọi là tình yêu con người, hay lòng từ bi. Với tình yêu nhân loại hay lòng từ bi, tất cả những lợi thế vật chất mà chúng ta đã có sẵn có thể có tính chất xây dựng và có thể tạo ra những kết quả tốt. Nhưng nếu không có tình yêu nhân loại thì lợi thế vật chất kia không giúp cho chúng ta có sự an lạc hạnh phúc. Sự thật là sung mãn về vật chất mà không thiếu vắng tình yêu chỉ có thể tạo ra thêm những vấn đề rắc rối mà thôi. Vì vậy tình yêu nhân loại hay lòng từ bi là chìa khóa đưa đến hạnh phúc của cuộc đời.

Bình diện tâm linh thứ nhất:

Giá trị các tôn giáo trên thế giới đối với loài người

Đối với mọi người ở khắp nơi, bình diện thứ nhất của tâm linh là niềm tin vào một trong những tôn giáo của thế giới. Tôi nghĩ rằng mỗi tôn giáo trên thế giới đều có một vai trò quan trọng. Nhưng để cho những tôn giáo này có sự đóng góp hữu hiệu cho lợi ích của loài người, cần phải xem xét hai nhân tố quan trọng sau đây:

Nhân tố thứ nhất là mỗi tín đồ của các tôn giáo - tức là chính chúng ta - phải tu tập một cách thành tâm. Giáo lý tôn giáo phải là một phần gắn liền với đời sống của chúng ta, và không nên phân cách với đời sống. Có khi chúng ta đến nhà thờ hay chùa để cầu nguyện hay phát tâm, sùng tín, và rồi đi ra khỏi tôn nghiêm đó, đời sống của chúng ta không liên hệ gì đến tôn giáo đó nữa. Đây không phải là cách thực hành tôn giáo đúng đắn. Giáo nghĩa của tôn giáo phải gắn liền với chúng ta dù chúng ta đang ở nơi đâu. Giáo lý của tôn giáo mà chúng ta đã tin theo phải có mặt ngay trong đời sống của chúng ta để khi nào chúng ta thực sự cần có sự ban ơn hay sức mạnh nội tâm, những giáo lý đó sẽ có sẵn trong những lúc như vậy. Vì thế mỗi khi chúng ta gặp một sự khó khăn nào đó, những giáo lý đó sẽ có mặt, vì chúng luôn hiện diện. Chỉ khi nào tôn giáo trở thành một phần gắn liền với đời sống của chúng ta thì tôn giáo đó mới thực sự có hiệu quả.

Chúng ta cũng cần phải chứng nghiệm sâu xa hơn ý nghĩa và giá trị tinh thần của truyền thống tôn giáo mình theo, chúng ta cần phải biết những giáo lý đó không chỉ ở mức tri thức mà còn phải qua chứng nghiệm sâu xa. Có khi chúng ta hiểu những giáo lý tôn giáo khác nhau một cách phiến diện hay chỉ ở mức tri thức. Không có sự cảm nhận sâu xa hơn thì hiệu quả của tôn giáo sẽ bị giới hạn. Vậy chúng ta phải tu tập một cách chí thành và tôn giáo phải trở thành một phần của đời sống của chúng ta.

Sự quan trọng của mối liên hệ mật thiết giữa các tôn giáo.

Nhân tố thứ hai là liên quan nhiều đến sự tương tác giữa các tôn giáo. Ngày nay vì có sự gia tăng những biến đổi kỹ thuật và tính chất của nền kinh tế thế giới, chúng ta tùy thuộc lẫn nhau nhiều hơn trước kia. Các quốc gia, các lục địa đã có sự giao tiếp với nhau chặt chẽ hơn. Thực tế là đời sống của một khu vực trên thế giới tùy thuộc vào sự sống còn của những khu vực khác. Vì

vậy thế giới đã trở nên gần gũi hơn, tùy thuộc vào nhau nhiều hơn. Kết quả là có thêm sự tương tác giữa mọi người. Trong hoàn cảnh như vậy ý tưởng đa nguyên giữa các tôn giáo là điều rất quan trọng. Trước đây các cộng đồng sống phân cách nhau và các tôn giáo xuất hiện một cách tương đối đơn độc, ý tưởng cho rằng chỉ có một tôn giáo mà mình tin theo là rất hữu dụng, nhưng ngày nay tình trạng ấy đã thay đổi, và hoàn cảnh cũng đã khác biệt. Vì vậy chúng ta cần phải chấp nhận sự thật là có sự hiện hữu của nhiều tôn giáo khác nhau, và để phát triển sự tôn trọng lẫn nhau thực sự giữa các tôn giáo, phải có sự tiếp xúc mật thiết giữa các tôn giáo đó. Nhân tố thứ hai này sẽ làm cho các tôn giáo của thế giới có hiệu quả nhiều hơn trong việc làm lợi ích cho loài người.

Hồi tôi còn ở Tây Tạng, tôi không tiếp xúc với các tín ngưỡng khác, thái độ của tôi đối với tôn giáo đã không tích cực lắm. Nhưng ngay khi tôi có cơ hội tiếp xúc với những người thuộc các tín ngưỡng khác và học được từ sự tiếp xúc trực tiếp và từ kinh nghiệm, thái độ của tôi đối với các tôn giáo khác đã thay đổi. Tôi đã nhận ra rằng các tôn giáo khác có ích lợi nhiều cho loài người và mỗi tôn giáo đều có tiềm năng đóng góp cho việc thiết lập một thế giới tốt đẹp hơn. Trong mấy thế kỷ vừa qua, các tôn giáo đã đóng góp nhiều cho phúc lợi của loài người và ngay cả ngày nay vẫn có đông đảo tín đồ của Ky Tô Giáo, Hồi Giáo, Do Thái Giáo, Phật Giáo, Ấn Độ Giáo và các tôn giáo khác. Hàng triệu người đang nhận được lợi ích từ các tôn giáo này.

Một thí dụ về sự gặp gỡ giữa những người thuộc các tín ngưỡng khác nhau là việc tôi gặp Linh Mục Thomas Merton đã làm cho tôi nhận ra rằng ông là một người có những đức tính tuyệt vời. Một lần khác tôi gặp một tu sĩ Ky Tô Giáo khác ở Monserrat, một trong những tu viện nổi tiếng của Tây Ban Nha. Tôi được biết vị tu sĩ này đã ẩn tu trên một quả đồi ở ngay phía sau tu viện. Khi tôi đến thăm tu viện, ông ra khỏi am thất và xuống đồi để gặp tôi. Tôi nhận thấy tiếng Anh của ông ta còn dở hơn tiếng Anh của tôi. Điều này làm cho tôi có thêm can đảm để nói chuyện với ông ta. Chúng tôi đối diện với nhau và tôi hỏi 'trong mấy năm nay ngài làm gì ở trên quả đồi đó?', ông ta nhìn tôi rồi trả lời 'chiêm nghiệm về lòng từ bi và bác ái'. Khi nghe mấy lời này và qua ánh mắt của ông ta tôi hiểu được ý tưởng của ông. Tôi thực sự khâm phục con người này và những người giống như ông ta. Những cuộc gặp gỡ như vậy giúp tôi khẳng định rằng tất cả các tôn giáo của thế giới đều có tiềm năng sản sinh những người tốt, dù triết lý và giáo thuyết của các tôn giáo đó có khác nhau. Mỗi tôn giáo đều có thông điệp giá trị của mình để truyền cho mọi người.

Theo quan điểm của Phật Giáo thì ý niệm về một đấng sáng tạo là vô lý, cách phân tích nhân duyên của Phật Giáo làm cho người không theo Phật Giáo cảm thấy khó hiểu ý niệm về lời dạy này. Tuy nhiên chúng ta không thảo luận những vấn đề về triết lý ở đây. Điểm quan trọng ở đây là đối với những người tin theo những giáo lý mà ở trong đó chính yếu là tin vào một đấng sáng tạo, điều này có nhiều hiệu quả. Theo những truyền thống đó, con người do Thượng Đế tạo ra. Thêm nữa, như những người bạn Ky Tô Giáo của tôi đã cho tôi biết, họ không chấp nhận thuyết luân hồi, và do đó họ không tin là người ta sẽ có những kiếp quá khứ và những kiếp sống ở tương lai. Họ chỉ chấp nhận một kiếp hiện tại này mà thôi. Họ cho rằng kiếp sống này là do Thượng Đế tạo ra, và ý tưởng đó làm cho họ có cảm giác gần gũi với Thượng Đế. Giáo lý quan trọng nhất của họ là Thượng Đế muốn họ có ở đây, vì vậy tương lai của họ đều tùy thuộc vào đấng sáng tạo, chính vì thế mà đấng toàn năng được xem là thiêng liêng và tối thượng nên họ phải kính yêu.

Tiếp theo những điều này là giáo lý dạy rằng họ phải yêu thương mọi người khác và đó thông điệp chính trong giáo lý của họ. Lý do là nếu yêu thương Thượng Đế, chúng ta cũng phải yêu thương đồng loại, vì họ giống như chúng ta, cũng do Thượng Đế tạo ra. Tương lai của họ cũng giống như chúng ta, tùy thuộc vào đấng sáng tạo, và vì vậy số phận của họ giống số phận của chúng ta. Như vậy niềm tin của những người nói "tôi kính yêu Thượng Đế", nhưng không biểu lộ tình yêu chân thật đối với đồng loại là điều đáng nghi ngờ. Người tin vào Thượng Đế phải biểu lộ sự thành tâm kính yêu Thượng Đế của mình qua sự yêu thương trực tiếp dành cho đồng loại. Cách thể hiện này gây ấn tượng mạnh có phải thế không?

Vậy chúng ta xét mỗi tôn giáo từ nhiều góc độ khác nhau với cùng một cách, không chỉ từ quan điểm triết lý của mình mà từ nhiều quan điểm khác nhau, chúng ta sẽ thấy chắc chắn rằng tất cả các tôn giáo lớn đều có tiềm năng cải thiện con người. Điều này là hiển nhiên. Qua sự tiếp xúc thân mật với những người thuộc các tín ngưỡng khác, chúng ta có thể phát triển một thái độ dễ cảm thông và tôn trọng lẫn nhau đối với các tôn giáo khác. Việc tiếp xúc thân mật với các tôn giáo khác nhau giúp tôi học được những ý tưởng mới, những pháp thực hành mới, những phương pháp hay kỹ thuật mới mà tôi có thể phối hợp với pháp môn tu tập của chính mình. Tương tự, một số những người bạn Ky Tô Giáo đã chấp nhận một số pháp tu nào đó của Phật Giáo, thí dụ như pháp trụ tâm và những phương pháp phát triển lòng khoan dung, từ bi và tình yêu thương. Chúng ta sẽ đạt được nhiều lợi ích khi tín đồ của các tôn giáo đến với nhau để làm công việc trao đổi theo loại này. Thêm vào

sự hòa hợp giữa họ là những chính trị gia và các nhà lãnh đạo của các quốc gia thường nói về 'sống chung' và 'đến với nhau'. Tại sao những người theo tôn giáo của chúng ta không nói được như vậy? Tôi nghĩ rằng đã đến lúc nên chia sẻ và thực hành. Thí dụ, ở Assisi vào năm 1987, các nhà lãnh đạo và đại biểu của các tôn giáo đã gặp nhau để cầu nguyện cùng với nhau, dù tôi không biết chắc 'cầu nguyện' có phải là từ ngữ chính xác để diễn tả nghi thức của tất cả các tôn giáo hay không. Nhưng điều quan trọng ở đây là các đại biểu của các tôn giáo đã đến với nhau ở một địa điểm và cầu nguyện theo niềm tin của mình. Điều này đã xảy ra và tôi nghĩ rằng đây là một sự kiện rất tích cực. Tuy vậy, chúng ta vẫn cần có thêm nỗ lực cho việc phát triển sự hòa hợp và thân thiện giữa các tôn giáo, vì nếu không có nỗ lực đó, những vấn đề gây chia rẽ loài người sẽ vẫn tồn tại.

Nếu tôn giáo được xem là phương thuốc duy nhất để giảm thiểu sự tranh chấp giữa loài người, nhưng chính phương thuốc đó lại trở thành một nguồn tranh chấp nữa, rõ ràng là một tai họa. Ngày nay cũng như trong quá khứ, những cuộc tranh chấp đã diễn ra nhân danh tôn giáo vì những khác biệt niềm tin, đây là điều rất đáng buồn. Nhưng như tôi đã nói, nếu chúng ta suy nghĩ một cách rộng rãi và sâu xa hơn một chút, chúng ta sẽ nhận thấy rằng tình trạng trong quá khứ hoàn toàn khác với ngày nay. Chúng ta không còn cô lập nữa mà tùy thuộc lẫn nhau. Vì vậy ngày nay điều quan trọng là nhận thức mối liên hệ thân mật giữa các tôn giáo là thiết yếu, để các cộng đồng tôn giáo khác nhau có thể làm việc với nhau và tạo nỗ lực chung để mang lại lợi ích cho loài người.

Vậy, một mặt là sự thành tâm và niềm tin trong tu tập tôn giáo, và một mặt khác là sự khoan dung và sự hợp tác giữa các tôn giáo, hai điều này bình diện thứ nhất của giá trị thực hành tâm linh cho loài người.

Bình diện thứ hai:

Từ bi như là một tôn giáo toàn cầu

Bình diện thứ hai quan trọng hơn mức thứ nhất, bởi vì dù một tôn giáo có thể thâm diệu đến đâu, tôn giáo đó cũng chỉ được một số người rất giới hạn chấp nhận. Phần lớn của sáu tỷ người trên hành tinh chúng ta không thực hành một tôn giáo nào hết. Theo truyền thống của gia đình, họ có thể xem mình là tín đồ của tôn giáo này hay tôn giáo khác: *"Tôi là người Ấn Độ Giáo," "Tôi theo Phật Giáo," "Tôi là tín đồ Ky Tô Giáo,"* nhưng ở bên trong đa số của những người này không thực hành một tín ngưỡng nào cả. Điều này không phải là tội lỗi, một người có tin theo một tôn giáo hay không, đó là quyền cá nhân của người đó. Tất cả các vị thầy vĩ đại ngày xưa như Phật Thích Ca, Mahavira, Jesus Christ, và Mohamed, đã không thể làm cho toàn thể loài người hướng tâm đến tôn giáo. Sự thật là không ai có thể làm được điều này. Những người "không tin" đó có được gọi là vô thần hay không thì không phải là điều quan trọng. Thật vậy, theo một số học giả Tây Phương thì những tín đồ Phật Giáo cũng là vô thần, vì họ không tin có một đấng sáng tạo. Vì vậy, có những khi tôi dùng thêm một từ ngữ nữa để mô tả những người không tin này, đó là 'cực đoan'. Tôi gọi họ là những người không tin cực đoan. Họ không chỉ không tin mà còn có quan điểm cực đoan cho rằng tôn giáo không có giá trị gì cả. Tuy nhiên chúng ta phải nhớ rằng những người này cũng là một phần của nhân loại, và giống như tất cả mọi người, họ cũng muốn có hạnh phúc và có đời sống an lạc. Đây mới là điểm quan trọng.

Tôi nghĩ rằng nếu người ta vẫn cứ là người không tin vào tâm linh thì cũng không tai hại gì, nhưng khi người ta là một phần của nhân loại, còn là một con người thì người ta vẫn cần đến tình cảm của con người, lòng từ bi của loài người. Đây chính là giáo lý cốt tủy của tất cả các truyền thống tôn giáo. Không có tình cảm con người thì ngay cả những tín điều tôn giáo cũng có thể trở thành loại hình có tính chất hủy diệt. Như vậy ở bên trong hầu hết các tôn giáo, điều cốt yếu là tấm lòng tốt. Tôi xem tình cảm con người hay lòng từ bi, chính là tôn giáo toàn cầu, tôn giáo phổ quát. Dù có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng, ai cũng cần có tình cảm con người và lòng từ bi, bởi vì từ bi giúp cho ta có sức mạnh nội tâm, hy vọng và an lạc tâm trí. Vậy, đối với mọi người, đây là tính chất không thể thiếu vắng.

Chúng ta hãy xét sự hữu ích của lòng tốt trong đời sống hằng ngày. Khi thức dậy vào buổi sáng, nếu chúng ta có tâm trạng tốt, có cảm giác nồng ấm, thì trong ngày hôm đó cánh cửa nội tâm của chúng ta tự động mở ra. Ngay khi cả một người không thân thiện xuất hiện chúng ta cũng không cảm thấy phiền lòng mà lại còn có thể nói những lời tốt đẹp nào đó với người đó. Chúng ta có thể trò chuyện với người lạ đó và có thể có một cuộc đàm thoại có ý nghĩa. Nhưng trong một ngày khi tâm trạng của chúng ta không hoan hỷ và chúng ta có cảm giác khó chịu, thì ngày đó cánh cửa nội tâm của chúng ta tự động đóng bít lại. Hậu quả là dù gặp người bạn thân nhất chúng ta cũng cảm thấy không dễ chịu và căng thẳng như thường. Những thí dụ này cho thấy thái độ bên trong của chúng ta tạo ra những khác biệt lớn trong đời sống hằng ngày như thế nào. Vì vậy để tạo bầu không khí dễ chịu trong tâm trí, trong gia đình và trong cộng đồng, chúng ta phải nhận thức rằng nguồn gốc của bầu không khí dễ chịu đó là ở bên trong mỗi cá nhân, ở bên trong mỗi con người chúng ta. Nguồn gốc đó là lòng tốt, từ bi hay tình yêu con người.

Một khi chúng ta tạo bầu không khí dễ chịu và thân thiện, nó sẽ tự động giúp giảm trừ sự lo âu và sợ hãi. Như vậy chúng ta dễ có thêm bạn bè và dễ có thêm những nụ cười. Dù sao chúng ta cũng là những sinh vật có đời sống hợp quần xã hội. Nếu không có bạn bè và những nụ cười thì đời sống của chúng ta sẽ trở nên khó khăn hơn, cảm giác cô đơn sẽ hành hạ chúng ta. Đó là quy luật tự nhiên, tức là theo luật tự nhiên, chúng ta tùy thuộc vào người khác để sống còn. Nếu trong một hoàn cảnh nào đó, có một điều gì không ổn trong tâm tư, chúng ta có thái độ đối nghịch với người khác, vốn là những người mà chúng ta tùy thuộc, làm sao chúng ta có được an lạc và hạnh phúc. Theo bản tính của con người hay luật tự nhiên, thì tình cảm và lòng từ bi là chìa khóa mở cửa hạnh phúc.

Y học ngày nay nói rằng trạng thái tâm dễ chịu hay an lạc nội tâm cũng có ích lợi cho sức khỏe cơ thể chúng ta. Nếu tâm trí luôn xao động sẽ làm hại đến sức khỏe, an lạc nội tâm là điều rất quan trọng. Thể xác vật chất cũng biết cảm nhận và đáp ứng tình cảm con người và an lạc nội tâm.

Bản tính con người

Khi nhìn vào bản tính con người, chúng ta thấy tính chất của con người hiền hòa nhiều hơn là thù hận. Thí dụ khi xem xét những động vật khác, chúng ta thấy những loài có tính hiếu hòa hơn thì có cấu trúc cơ thể tương ứng với tính chất đó, còn những loài thú săn mồi thì có thân hình phát triển tùy theo tính hung bạo của chúng. Hãy so sánh loài cọp với loài nai, chúng có cấu trúc cơ thể rất khác nhau. Khi so sánh thân thể con người với những sinh vật khác, chúng ta thấy con người giống con nai và con thỏ hơn là giống con cọp. Răng của chúng ta cũng giống như răng của nai và thỏ và không giống như răng cọp, móng tay của chúng ta là một ví dụ khác, chúng ta không thể bắt nổi một con chuột chỉ bằng móng tay của mình. Tất nhiên vì có trí thông minh của loài người, chúng ta có thể chế tạo và dùng những công cụ để làm nhiều việc, thí dụ để săn bắt những loài vật khác. Vậy con người thuộc loại động vật hiền hòa chứ không thuộc loại ác thú. Tôi nghĩ rằng đây là bản chất của loài người, như cấu trúc cơ thể con người đã cho thấy điều đó.

Từ bi và giải pháp loại bỏ sự xung đột

Với tình trạng thế giới ngày nay, sự hợp tác là điều cần yếu, đặc biệt là ở trong những lãnh vực kinh tế và giáo dục. Hiện tại, ý kiến cho rằng cần phải có sự khác nhau đã không còn được ủng hộ nữa, như chúng ta đã thấy phong trào hướng về sự hợp nhất của các quốc gia Tây Âu. Tôi nghĩ rằng phong trào này rất hợp lý và đúng lúc. Nhưng sự hợp tác giữa các quốc gia này không phát xuất từ đạo đức tôn giáo hay lòng từ bi mà từ nhu cầu cần thiết. Thế giới đang có sự gia tăng khuynh hướng về ý thức toàn cầu. Trong hoàn cảnh hiện tại một mối liên hệ mật thiết giữa các quốc gia đã trở thành nhân tố của sự sống còn của loài người. Vì vậy ngày nay điều cần yếu là ý niệm trách nhiệm toàn cầu dựa trên từ bi và ý thức về tình huynh đệ giữa mọi người. Thế giới có đầy những sự mâu thuẫn về ý thức hệ, về tôn giáo, và cả những sự xung đột ngay bên trong gia đình do bất đồng ý kiến, Vậy những sự xung đột này có nhiều nguyên nhân khác nhau, kể cả những nguyên nhân ở bên trong bản thân của chúng ta.

Nhưng mỗi chúng ta có tiềm lực và khả năng đến với nhau trong sự hòa hợp. Tất cả những điều khác chỉ có tính chất tương đối. Có nhiều nguyên nhân gây ra sự đối địch hay tranh chấp, nhưng cũng có nhiều giải pháp đưa đến sự thống nhất và hòa hợp. Đã đến lúc cùng hướng đến mục tiêu hợp nhất. Ở đây cũng phải nói đến tình cảm giữa mọi người. Thí dụ, có thể bạn có lý tưởng hay ý kiến tôn giáo khác một người nào đó. Nếu bạn tôn trọng quyền tự do của người đó và thành thực có thái độ từ bi đối với người đó thì ý kiến của người đó có phù hợp với bạn hay không không là điều quan trọng nữa. Khi người đó tin vào ý kiến của mình, khi người đó nhận được sự lợi ích từ ý kiến ấy thì đó là quyền tuyệt đối của người ấy. Vậy chúng ta phải tôn trọng quyền của người khác và chấp nhận sự kiện có những ý kiến khác với mình. Trong lãnh vực kinh tế cũng vậy, người ta phải tôn trọng những người cạnh tranh với mình, miễn là họ không dùng những phương cách bất hợp pháp. Khi chúng ta có cái nhìn rộng rãi dựa trên lòng từ bi, sự việc sẽ trở nên dễ dàng hơn. Xin nhắc lại một lần nữa, từ bi là nhân tố chính yếu.

Phi quân sự hóa

Hiện tại tình trạng thế giới đã lắng dịu đáng kể. Bây giờ chúng ta có thể nghĩ và nói một cách nghiêm chỉnh về phi quân sự hóa. Năm năm trước đây, hay chỉ mới hai năm trước đây, người ta khó có thể nghĩ đến điều này, nhưng bây giờ chiến tranh lạnh giữa Liên Xô cũ và Hoa Kỳ đã qua rồi. Đối với Hoa Kỳ, tôi luôn luôn nói với những người bạn Mỹ của tôi rằng "sức mạnh của các bạn không phải là vũ khí hạt nhân mà là ý tưởng cao quý về tự do và dân chủ của các vị tổ phụ của các bạn." Khi tôi viếng thăm Mỹ quốc vào năm 1991, tôi đã có cơ hội gặp cựu tổng thống George Bush. Lúc đó chúng tôi thảo luận về *Trật Tự Thế Giới Mới (A New World Order)* và tôi nói với ông ấy rằng "một trật tự thế giới mới là điều rất tốt. Tôi không thể nói chắc chắn như vậy về một trật tự thế giới mới mà không có lòng từ bi."

Tôi tin rằng đã đến lúc nghĩ và nói về phi quân sự hóa. Đã có một dấu hiệu về sự giảm thiểu vũ khí, và lần đầu tiên, phi hạt nhân hóa. Từng bước một, chúng ta thấy sự giảm thiểu vũ khí, và tôi nghĩ rằng mục tiêu của chúng ta là làm cho thế giới không có vũ khí nữa. Nhưng điều này không có nghĩa là chúng ta nên hủy bỏ mọi hình thức vũ trang. Có thể chúng ta cần giữ lại một chút nào đó, vì luôn luôn có những người và những nhóm trong chúng ta có ý định xấu. Để phòng bị và giữ an ninh, chúng ta có thể thiết lập một hệ thống với những lực lượng cảnh sát quốc tế do khu vực điều hành, không nhất thiết là phải thuộc về một quốc gia mà điều khiển tập thể và được một tổ chức như Liên Hiệp Quốc hay một tổ chức quốc tế tương tự giám sát. Như vậy khi không có sẵn vũ khí, sẽ không có nguy cơ đối địch quân sự giữa các quốc gia và cũng sẽ không có những cuộc nội chiến.

Cho đến nay chiến tranh vẫn là một phần của lịch sử loài người, nhưng tôi nghĩ rằng đã đến lúc phải thay đổi những tư tưởng dẫn đến chiến tranh. Có những người xem chiến tranh là một cái gì vinh quang, họ nghĩ rằng chiến tranh có thể làm cho họ trở thành anh hùng. Thái độ thiên về chiến tranh này quả thật là sai lầm. Mới đây một phóng viên nói với tôi "Người Tây Phương rất sợ chết, còn người Đông Phương có vẻ ít sợ hơn" (Westerners have a great fear of death, but Easterners seem to have very little fear death). Tôi đáp với giọng nửa đùa "*Tôi thấy có lẽ đối với người Tây Phương, chiến tranh và quân đội là những điều rất quan trọng. Chiến tranh có nghĩa là chết, vì người ta giết nhau chứ không vì những nguyên nhân tự nhiên. Như vậy có thể nói người Tây Phương chính là những người không sợ chết, vì họ ưa thích chiến tranh. Người Đông Phương chúng tôi, đặc biệt là người Tây Tạng, không nghĩ đến chiến tranh. Chúng tôi không có quan niệm về chiến tranh, vì chiến tranh là hủy diệt, là chết, là thương vong và kéo theo những khổ đau khác. Vì vậy đối với chúng tôi, ý tưởng chiến tranh rất tiêu cực. Như vậy có nghĩa là người Đông Phương sợ chết hơn người Tây Phương*". Vì những nguyên nhân nào đó ý tưởng chiến tranh của loài người chúng ta không đúng. Vì vậy đã đến lúc để suy nghĩ một cách nghiêm túc về phi quân sự hóa.

Tôi đã suy nghĩ nhiều về việc này trong khi và sau khi chiến tranh vùng vịnh Ba Tư diễn ra. Tất nhiên nhiều người đã buộc tội Sadam Hussein và rõ ràng Saddam Hussein[1] đã phạm lỗi. Ông ấy đã làm nhiều điều sai lầm. Hơn nữa, ông ấy là một nhà độc tài, mà một chế độ độc tài thì là một sự sai lầm. Tuy nhiên, nếu không có quân đội, không có vũ khí thì làm sao Saddam Hussein có thể hành động như một nhà độc tài như vậy? Ai cung cấp những vũ khí ấy? Người cung cấp vũ khí cũng phải chịu trách nhiệm. Một số quốc gia Tây Phương nào đó đã cung cấp vũ khí cho ông ấy mà không nghĩ đến hậu quả.

Chỉ nghĩ đến tiền, đến lợi nhuận từ việc bán vũ khí là điều thật kinh khủng. Có lần tôi gặp một người Pháp đã sống nhiều năm ở Beirut, thủ đô của Lebanon. Bà ta buồn bã nói với tôi rằng trong cuộc biến động ở Beirut, ở một đầu của thành phố có những người bán vũ khí để kiếm lời, và mỗi ngày, ở đầu kia của thành phố có những người vô tội bị giết chết từ những vũ khí ấy. Tương tự, ở một bên hành tinh này chúng ta có những người sống giàu sang bằng nghề bán vũ khí trong khi bên kia những người vô tội bị giết từ những viên đạn vô tình. Vậy trước hết phải ngừng bán vũ khí. Có lúc tôi nói đùa với những người bạn Thụy Điển của tôi rằng *"Ôi các ông thật là tuyệt vời. Trong giai đoạn cuối của cuộc chiến, các ông giữ thế trung lập, và các ông luôn xem trọng nhân quyền và hòa bình thế giới. Rất tốt, nhưng các ông lại bán nhiều vũ khí quá. Như vậy có phải là hơi mâu thuẫn hay là không?"*

Vì vậy kể từ chiến tranh vùng Vịnh, tôi đã thệ nguyện với chính mình rằng cho đến cuối đời tôi sẽ đóng góp cho việc đẩy mạnh ý tưởng phi quân sự hóa. Còn về tổ quốc của tôi thì tôi đã nhất quyết nghĩ rằng trong tương lai, Tây Tạng sẽ phải là một khu vực hoàn toàn phi quân sự. Một lần nữa, để thực hiện phi quân sự hóa, nhân tố then chốt là lòng từ bi.

Kết luận:

Ý nghĩa của từ bi

Tôi đã nói nhiều về từ bi mà không giải thích ý nghĩa chính xác của từ ngữ này. Tôi muốn kết luận bằng việc giải thích ý nghĩa của từ bi, vốn là từ ngữ thường bị hiểu lầm. Lòng từ bi đích thực không dựa trên ý tưởng và ý muốn của riêng mình, mà dựa trên quyền lợi của người khác: dù người khác là bạn thân hay kẻ thù, nếu người đó muốn hòa bình và hạnh phúc hay muốn thoát khỏi khổ đau, chúng ta sẽ thực sự quan tâm đến vấn đề người đó. Đó là lòng từ bi đích thực.

Thông thường khi chúng ta quan tâm đến một người bạn thân, chúng ta cho đó là từ bi. Đây không phải là từ bi mà là một hình thức tham ái. Trong hôn nhân

---

1 Saddam Hussein (1937-2006) là tổng thống Irag từ năm1979 đến 2003, đã bị chính quyền Irag treo cổ ngày 30-12-2006. Khi phóng viên của AP hỏi, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã phản đối quyết định này, ngài nói " Tôi phản đối việc treo cổ, con người cần chung sống trong hòa bình nhưng bạo lực không phải là giải pháp để đạt được điều đó, Phật giáo tin rằng mọi hình thức bạo lực đều là sai lầm" (chú thích của người dịch).

những cặp vợ chồng sống lâu dài với nhau là không vì tham ái, dù tham ái thường có mặt, mà vì có lòng từ bi. Những cuộc hôn nhân sẽ ngắn ngủi nếu không có từ bi mà chỉ có cảm xúc tham ái dựa trên vọng niệm và ý muốn của riêng mình. Khi giữa những người bạn thân chỉ có sự tham ái thì ngay cả những vấn đề nhỏ cũng làm cho người ta thay đổi ý tưởng; khi có sự thay đổi thì tham ái không còn, vì sự tham ái đó chỉ dựa trên vọng niệm và mong cầu.

Không thể có từ bi mà không có tham ái, và tương tự không thể có sự nổi giận mà không có sự ghét bỏ, vì vậy chúng ta phải nhận rõ sự khác nhau giữa từ bi và tham ái, giữa nổi giận và ghét bỏ. Sự phân biệt rõ ràng này có ích lợi trong đời sống hằng ngày của chúng ta, và trong nỗ lực tiến đến hòa bình thế giới của chúng ta. Tôi xem đây là những giá trị tâm linh căn bản cho hạnh phúc của mọi người, dù là người có tín ngưỡng hay là người không có tín ngưỡng.

Mời bạn tìm đọc:

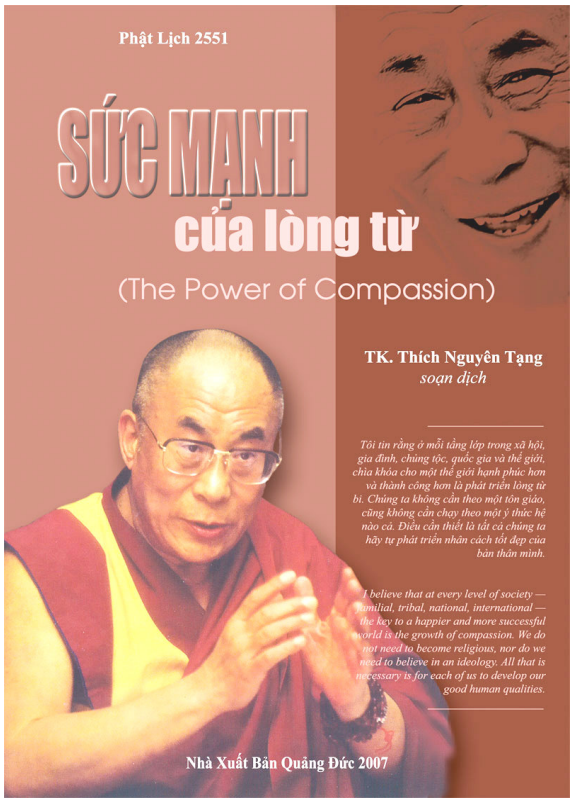

Liên lạc **ĐĐ Thích Nguyên Tạng**
www.quangduc.com

TUỔI CHA

Tuổi Cha mong manh khói thuốc
Bay vương mắt con cay nồng
Nhìn Cha mỗi ngày suy nhược
Con nghe xốn xang trong lòng

Ngỡ còn ngày xưa bé dại
Bên Cha rạng rỡ môi cười
Giật mình, xót xa, ngoảnh lại
Tuổi Cha bóng hạc qua trời

Đêm qua con nằm ác mộng
Khóc bên cỗ quan lạnh lùng
Tỉnh giấc, quanh mình vắng trống
Con sợ... sợ đến khôn cùng

Biết đời thoáng qua như huyễn
Con xin quỳ dưới Phật đà
Vu Lan khai Kinh, cầu nguyện
Cho Cha an lạc tuổi già.

VỌNG TIẾNG RU

Đứa con xa về quỳ bên Mẹ
Và nghe Mẹ khe khẽ lời ru
Ầu ơ, một chiếc lá thu
Sắp bay về cõi sa mù... ầu ơi !

Con mải miết bên đời rong đuổi
Nên nào hay thoắt tuổi lá già
Chân đi về phía phù hoa
Bỏ quên tuổi Mẹ trầm kha theo ngày

Biết lá tàn sẽ quay về cội
Nhưng xin đừng bay vội lá ơi
Hãy luôn vọng tiếng ru hời
Cho con còn Mẹ giữa đời vấn vương.

DIÊU LINH

PHẬT HÓA GIA ĐÌNH CON ĐƯỜNG VƯƠN TỚI HẠNH PHÚC

Thích Giải Hiền

Cư sĩ tại gia là một bộ phận trong thất chúng của Phật giáo. Thời Phật tại thế, Ngài vẫn chú trọng đến cuộc sống gia đình và mối quan hệ giữa vợ chồng, con cái của những người Phật tử. Vì vậy, có nhiều kinh điển đề cập đến vấn đề hôn nhân, mang thai, sinh con... Điều này cho thấy Phật giáo không hoàn toàn cách tuyệt với thế gian.

I. Ý NGHĨA CỦA HÔN NHÂN

Hôn nhân, hiểu theo nghĩa thông thường, là việc nam nữ lấy nhau, để cùng gánh vác, thực hiện bổn phận, trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau. Đó là bổn phận và nghĩa vụ thiêng liêng không chỉ của riêng hai người mà với con cái của họ sau này nữa. Thế nhưng, nhiều người chưa kết hôn vẫn thường nghĩ rằng mình còn tự do, họ không lo nghĩ nhiều đến cuộc sống tuổi già của cha mẹ, thậm chí có người còn để cho cha mẹ chu cấp cho mình nữa. Sau khi có gia đình riêng và nhất là sau khi sinh con, họ mới thật sự cảm nhận được công lao của cha mẹ và trách nhiệm đối với gia đình. Do vậy, người chưa kết hôn và người đã kết hôn có nhiều khác biệt. Hôn nhân vốn là sự khởi đầu khẳng định trách nhiệm của bản thân. Như chúng ta đã biết, Phật giáo rất chú trọng việc hôn nhân và nhấn mạnh vấn đề vợ chồng phải biết giữ chữ tín và tiết hạnh. Theo quan điểm của Phật giáo, giới không tà dâm vợ chồng đều cùng tuân giữ, phải được mọi người cùng xem trọng, vì đây là nền tảng của hạnh phúc gia đình và sự ổn định, hòa hợp trong xã hội. Đừng nghĩ chỉ vui chơi trong chốc lát mà xem thường, không giữ gìn sự thủy chung, bởi nó sẽ là nguyên nhân làm tan vỡ gia đình. Do vậy, không thể xem thường trách nhiệm xã hội trong hôn nhân được.Kết hôn cũng là sự kết hợp giữa hai gia đình, từ đó mối quan hệ trong xã hội càng mở rộng và thay đổi; cần lấy tinh thần từ bi để đối đãi nhau. Đối mặt với hoàn cảnh và cuộc sống mới đó, hãy lấy trí tuệ để xử lý, lấy tình thương và đạo lý để dạy dỗ con cái. Đây là nghĩa vụ và thái độ cần phải có trong quá trình hôn nhân.

II. Ý NGHĨA CỦA VIỆC XÂY DỰNG PHẬT HÓA GIA ĐÌNH

1. Lấy tín ngưỡng tôn giáo thúc đẩy xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc mỹ mãn.- Kết hôn chỉ là một việc đơn giản, nhưng cuộc sống gia đình mới là chặng đường dài phải đi ở tương lai. Nếu gia đình có chung một tín ngưỡng, hãy lấy niềm tin làm tiêu chuẩn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Học theo hạnh từ bi của Bồ tát Quan Âm, vợ chồng sẽ thương yêu và tương kính lẫn nhau, tin tưởng và trung thành với nhau; con cái có trách nhiệm với cha mẹ già, giữ tròn chữ hiếu, không bao giờ bỏ mặc cha mẹ mà không hề chăm sóc. Có cùng niềm tin tôn giáo, khi gặp khó khăn rắc rối trong cuộc sống chung, hai người cùng cầu nguyện Bồ tát Quan Âm gia hộ để có được trí tuệ và nghị lực đối mặt và giải quyết khó khăn. Hai người vốn xuất thân từ hai gia đình, hai hoàn cảnh khác nhau, nên khi về sống chung phải biết bao dung lẫn nhau, hoàn thiện nhân cách cho nhau, bằng không, người ta chỉ làm khổ cho nhau!

2. Lấy việc tịnh hóa gia đình để nâng cao nhân cách và Tịnh độ hóa nhân gian.- Tịnh hóa nhân gian phải bắt đầu từ tịnh hóa gia đình, cũng có nghĩa là phải bắt đầu từ việc xây dựng Phật hóa gia đình, lấy trí tuệ và lòng từ bi của chư Phật, Bồ tát làm đối tượng học tập trong xử lý việc gia đình, nâng cao phẩm cách của chính mình, từ đó hoàn thành việc tịnh hóa gia đình, ảnh hưởng đến người thân, bạn bè và xã hội, xây dựng Tịnh độ tại trần gian.

III. LÀM THẾ NÀO ĐỂ XÂY DỰNG PHẬT HÓA GIA ĐÌNH?

1. Xây dựng nhận thức chung về hôn nhân.- Chúng ta nói đến việc xây dựng Phật hóa gia đình là hy vọng bắt đầu từ việc kết hôn của đôi trẻ, từ một gia đình để đi đến việc xây dựng Phật hóa gia đình trong xã hội. Làm thế nào để xây dựng Phật hóa gia đình? Đầu tiên là phải xây dựng nhận thức chung về hôn nhân. Nhận thức chung về hôn nhân chính là sự quan tâm lẫn nhau, kính trọng lẫn nhau, nhường nhịn nhau, xem nhau là bạn cùng tu, là thiện hữu tri thức của nhau, nâng đỡ dắt dìu nhau để cùng nhau trưởng thành và tiến bộ. Khi người kia tiêu cực, buồn chán, cô đơn đến cùng cực thì phải biết động viên an ủi - *"chỉ cần núi kia tồn tại, sợ gì tìm không ra củi đốt. Khó khăn trước mắt chỉ là tạm thời, chúng ta hãy cùng nhau cố gắng. Mình không nên chán nản, tôi luôn ở bên mình để cùng mình vượt qua khó khăn này; hơn nữa, con chúng ta rất cần sự chăm sóc của mình"*. Hãy thường xuyên gởi cho nhau mối cảm thông, niềm an ủi, sẻ chia ấy. Đức Phật dạy, mỗi chúng sinh đều có Phật tính, nghĩa là mọi chúng sinh đều tiềm ẩn khả năng thành Phật, mọi người đều sẽ là Đức Phật ở tương lai. Vì thế, chúng ta phải biết tôn trọng đối tượng của mình, cho dù họ không tôn trọng chúng ta đi nữa, thậm chí họ có đối xử không tốt với mình cũng tập xem đó là nghịch tăng thượng duyên, là cơ hội luyện tập đối với sự tu dưỡng của chúng ta. *"Núi không chuyển thì đường chuyển, đường không chuyển thì người chuyển"*. Nếu đối phương không thể thay đổi trong nhất thời thì tự mình phải biết điều chỉnh để giữ được thái độ tôn trọng, tôn kính, cùng sống chung với người ấy, và xem họ là Phật, là Bồ tát ở tương lai. Suy nghĩ, thái độ đó đã tạo nên cái tâm luôn luôn tôn trọng lẫn nhau. Sự hòa thuận trong gia đình rất quan trọng. Nhiều gia đình đổ vỡ bắt đầu từ việc vợ chồng không kính nhượng lẫn nhau, đặc biệt chồng phải biết tập nhường vợ vì điều này khó làm hơn là ngược lại.

2. Giáo dục từ khi còn trong bụng mẹ.- Kết hôn nhưng không muốn sinh con là hành vi thiếu trách nhiệm, cũng là từ chối cơ hội trưởng thành đối với mình. Tuy vậy, sinh con thật nhiều cũng là điều không tròn bổn phận; có con, chúng ta mới có thể hiểu được sự khó nhọc của cha mẹ đối với chúng ta, từ khi mang thai, đến sinh con, nuôi con ăn học, dựng vợ gả chồng cho con rồi giúp con tạo dựng cơ nghiệp. Nếu không có con, làm sao hiểu được trách nhiệm và nỗi khổ của người làm cha mẹ. Ngày nay, những đôi vợ chồng trẻ ở xã hội phương Đông lẫn phương Tây thường quên đi trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ già của mình, thậm chí khi sinh con đẻ cái, mình không chăm sóc đã đành, còn đem con cái giao cho cha mẹ già "hiếu thuận" nó nữa. Đây là điều cần phải nên suy nghĩ.Trong lúc mang thai phải nghĩ rằng mình đang mang trong mình vị "tiểu Bồ tát", không nên nghĩ rằng trong bụng mình đang mang là "tiểu quỷ". Trong khi mang thai phải thường niệm Quan Âm, thường chiêm ngưỡng Quan Âm, thường nghĩ đến lòng từ bi và công hạnh cứu thế của Bồ tát Quan Âm, như vậy sẽ rất tốt cho thai nhi. Mặt khác, còn phải biết giữ cho tâm khí luôn an hòa, không nên bực tức, giận dữ lúc mang thai, cũng không được tham ăn, tham uống, phải giữ cho cuộc sống của mình thật quy củ, vì mọi ý niệm, cử chỉ, hành động và lời nói của mình đều sẽ ảnh hưởng đến thai nhi. Trong lúc này, người chồng đừng nghĩ rằng mình không có nghĩa vụ gì trong việc giáo dục thai nhi, vì sự đối xử, ngôn ngữ, hành động của mình sẽ ảnh hưởng đến vợ và như vậy sẽ ảnh hưởng đến con, nên giáo dục thai nhi là việc làm của cả vợ lẫn chồng.

3. Giáo dục từ nhỏ.- Khi con mới biết bò, phải dạy cho con biết lễ Phật, tiếp đến phải cho con xem những sách truyện nói về sự yêu thương động vật, cây cỏ và tâm từ bi cứu độ chúng sinh của chư Phật, Bồ tát để hun đúc cho con lòng thương yêu người và vạn vật ngay từ tấm bé. Nhiều người cho rằng để cho con cái tự chọn niềm tin tôn giáo sau khi nó lớn khôn. Điều này không thật đúng hoàn toàn. Chúng ta phải biết xây dựng niềm tin, tín ngưỡng cho con mình ngay từ trong bụng, ngay lúc còn nhỏ, nếu không như vậy thì cha mẹ chưa làm hết bổn phận và nghĩa vụ của mình. Cha mẹ phải biết dành cho con càng nhiều thời gian càng tốt, bởi như vậy con nhỏ mới có thể trưởng thành khỏe khoắn về cả thể xác lẫn tâm hồn.

4. Cuộc sống vợ chồng.- "Hãy biết tha thứ cho người ấy" - câu nói ấy nghe thì dễ nhưng thực hiện lại khó. Vợ chồng sống chung phải biết bao dung lẫn nhau, tha thứ cho nhau; những lỗi lầm, trái ý sửa được thì tốt, không sửa được thì phải tập biết coi đó là chuyện nhỏ, đừng làm chuyện bé xé ra to. Có như vậy mới chồng hòa vợ thuận, trong ấm ngoài êm được. Bằng không, hai người cứ "thêm mắm dặm muối" hoài thì làm sao có thể xây dựng được một đời sống hạnh phúc?

Ngoài ra, vợ chồng còn phải biết tha thứ cho nhau, tin tưởng và thương yêu nhau hết mình, cho dù người ấy lỡ có ngoại tình đi chăng nữa, nếu mình tin tưởng hết lòng và nhẹ nhàng khuyên nhau thì đến lúc họ cũng phải hối hận mà quay về. Vợ chồng phải tuyệt đối tin tưởng nhau, phải hiểu để tha thứ cho nhau. Là người Phật tử, càng phải tin tưởng, tha thứ và bao dung người mình yêu hơn những người khác. Bởi đây là một trong những điều kiện quan trọng trong việc xây dựng đời sống hôn nhân tốt đẹp theo mô hình Phật hóa gia đình vậy.

Thơ

VŨ TIẾN LẬP

TƯƠNG NGÂU

Sụt sùi tan tác khung cửa hẹp
giã từ tháng bẩy nát môi hôn
đáo hạn mong manh ngày giã biệt
hạt rừng rơi trắng hóa đêm vời.

Ở LẠI

Chênh vênh chỗ tựa
gầy guộc nốt nhớ trên phím rời
lá hát
mùa trăng mật
ngày quá vãng
giấc mơ không kịp tới
đem nhiệm mầu vào thời gian
thung lũng huyền
mây rách mí nhìn
trăng tháng bẩy hàm hồ giữ bước
tôi ở lại
nghe mùa thu đến sớm.

HẸP BỜ

Về lại
chiều nay mưa còn giăng
lê thê réo rắt điệu nhạc blue
thở cháy
nỗi buồn đom đóm
tình ngâu
đựng không vừa tháng 7
gọi đôi bàn chân
thôi nhẫn nại
nghe gió
vùng vằng xô cửa nhớ
tấp mù giấc ngủ
hẹp bờ vai.

HOÀN MÃN

Đêm trũng huyệt sâu
trăng mù thiên cổ
chốn tịch mịch
áo quan vàng run trí nhớ động kinh
hoàn mãn như nước mắt trên má khô
mùa thu chưa về nghe sớm lạnh
mai em đi giấc mơ nhàu vĩnh biệt
tôi về ủi lại niềm tin

Tháng Bẩy
gió
âm công

MÊ ẢNH

Phố vắng mây
nắng càng hung hãn
xoè mê ảnh
phún mật da người
xoay góc nhỏ
trầm ngâm chùng chĩu
rộng ghế tìm
vấp mặt kiếng thưa
ngày dư mộng
ngồi nuôi bóng lẻ
chỗ dư buồn
nỗi tẻ lao đao
mưa nào
gội mướt niềm tin mới
gió về
gặt hết những ngày giông
hoa rơi
tháng tám còn nguyên vẹn
mê ảnh còn rung bóng bước tôi.

ẢO ẢNH

Có một chỗ nào về từ vạn kiếp
hay mê vọng ban sơ
men ký ức
ảo ảnh
bàn tay phù thủy
bóp méo dung nhan
tháng mười đêm về rất sớm
gió đón đường giữ chân kẻ lạ
vó tự phiêu linh
vắng chân kẻ đến
im lặng là nói với chính mình
như Ưu Đàm hoa nở
lời vô niệm.

HOA THIÊN NỮ

Đằng sau hơi thở
lửa tan sẽ về đâu
gió mài lưỡi trên đầu mũi lạnh
ly tán trong vành quay ngờ vực
mùa đông đã mọc
chắc hẳn phải tương tàn
bấu víu nỗi bất tường
hạt ảo tưởng đâm rễ
khó hun đúc một lẽ hằng
không gian trắng hoa thiên nữ
tuyết nhuyễn trong tay
ngược giòng tìm nhau
những ngấn đời xa lạ
xuôi giòng gặp mặt
lặng lẽ từng ngày trôi
dấu chân uyên áo

a lại da thức.

LINH NHÂN THÁI HẬU: SỰ QUAY VỀ MUỘN MÀNG?

Vĩnh Liêm – Văn Uyên

Câu chuyện người con gái hái dâu tên Lê Thị Yến[1] làng Thổ Lôi tỉnh Bắc Ninh (sau này được nhà vua đổi tên là Siêu Loại) trở thành Ỷ Lan nguyên phi, vợ yêu cuả vua Lý Thánh Tông đã trở thành huyền thoại. Với dân gian Ỷ Lan là nguyên mẫu của cô Tấm thảo hiền trong truyện cổ tích Tấm Cám. Bắc Ninh vốn là nơi chuyên về nghề nuôi tằm dệt vải, là quê hương của những làn quan họ diễm tình và cũng là nơi sản sinh nhiều mỹ nữ trong đó không ít đã trở thành những vương phi sủng ái cuả các bậc vua chúa.

Nàng Tấm của chúng ta chắc hẳn phải xinh đẹp, thông minh và giàu ước mơ tham vọng. Sử kể rằng vua Thánh Tông đời Lý đã 40 tuổi chưa có con trai, vua bèn đến chùa cầu tự. Ngự giá đi đến đâu, dân làng đều dàn hầu hai bên đường để chiêm vọng. Lúc qua làng Thổ Lôi có người con gái hái dâu thấy xe vua đi, cứ đứng tựa gốc lan chứ không ra xem. Vua lấy làm lạ truyền gọi vào cung, phong làm Ỷ Lan phu nhân (phu nhân tựa cây lan), sau sinh ra thái tử Càn Đức, Ỷ Lan được phong làm nguyên phi (đứng đầu các phi)[2] .

Sở dĩ nàng có hành động khác thường vì nàng thừa thông minh để hiểu rằng nhà vua đang trông chờ phép lạ mà các hoàng hậu[3] và phi tần chốn hoàng cung đã không đáp ứng được, đó là sinh cho nhà vua một hoàng tử; một cô gái xinh đẹp và tràn đầy sức sống như nàng sao lại không ước mơ và tự tin rằng đây là duyên trời dành riêng cho mình. Có lẽ trái tim vị vua 40 tuổi đã rung động trước nhan sắc hồn nhiên tươi thắm cuả người con gái hái dâu nên không những không bắt tội khi quân mà lại cho là điềm lạ và lập tức đưa nàng về cung. Như một giấc mơ, chỉ trong phút chốc từ chốn dân dã nàng bước vào cung điện lầu son gác tía, từ địa vị phu nhân, ba năm sau, khi sinh Càn Đức (tháng giêng Bính Ngọ-1066)[4] trở thành nguyên phi.

Ỷ Lan không chỉ có công sinh ra Càn Đức để nối dõi ngôi vua mà còn có tài trị nước. Theo *Toàn Thư* vào năm Kỷ Dậu (1069) vua đi đánh Chiêm Thành mãi không được, đem quân về đến châu Cư Liên, nghe tin nguyên phi giúp việc nôi trị vững vàng, lòng dân ca ngợi, vua nói: "nguyên phi là đàn bà còn làm được như thế, ta là nam nhi lại chẳng được việc gì sao?" Bèn quay lại đánh nữa, thắng được.

Nhưng tột đỉnh hạnh phúc ấy chỉ được 9 năm ngắn ngủi, tháng giêng Nhâm Tý (1072) vua Thánh Tông băng, thái tử Càn Đức 7 tuổi nối ngôi tức Lý Nhân Tông. Có lẽ nhà vua mất quá nhanh nên không kịp lập di chiếu trao quyền phụ chính cho ai, Lý Đạo Thành lúc đó giữ chức thái sư, hẳn nhiên chức phụ chính thuộc về ông và ông đã ủng hộ Dương hậu làm nhiếp chính[5]. Sử chép Nhân Tông tôn mẹ ruột làm hoàng thái phi và mẹ đích là Thượng Dương thái hậu buông rèm nhiếp chính.

Cuộc sống hậu cung chứa đầy những cơn sóng ngầm của ghen ghét và toan tính độc ác. Ỷ Lan được nhà vua sủng ái tất có lắm kẻ thù. Dương Hậu là một đối thủ đáng gờm nay được quyền nhiếp chính, còn bà là mẹ đẻ lại bị tước quyền, bị đẩy vào tình thế bất an, thử hỏi làm sao không bất bình lo sợ. Thái hậu còn trẻ, nếu cho rằng khi gặp vua Thánh Tông chừng 17-18 thì lúc này bà khoảng 26-27, số tuổi chưa đủ để bà có một suy nghĩ và hành động chín chắn, nên đã khóc với vua Nhân Tông "mẹ già khó nhọc mới có ngày nay, mà bây giờ phú quý người khác được hưởng, thế thì sẽ để mẹ già vào đâu?"Vua bèn sai đem giam Dương thái hậu và 72 người

---

1 Theo dân gian.

2 Theo *"Ngự chế Việt sử tổng vịnh"* của Dực Tông Anh hoàng đế. (*Việt sử tiêu án* thì chép" Nhà vua đi du quan đến làng Thượng Lôi (làng Sủi, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội) thấy một người con gái hái dâu đứng nấp vào đám cỏ tranh… Theo *Toàn thư* và *Cương mục* thì người con gái hái dâu nép vào đám cỏ lan)

3 Theo *Đại Việt sử lược* vua Lý Thánh Tông lập 8 hoàng hậu.

4 Theo Toàn Thư ngoài Càn Đức, Ỷ Lan còn sinh thêm hoàng tử Minh Nhân vương (không rõ tên) vào tháng 2 Mậu Thân (1068).

5 Theo Hoàng Xuân Hãn - Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao triều Lý trang 84

thị nữ vào cung Thượng Dương rồi buộc phải chết chôn theo Thánh Tông. Hoàng thái phi được tôn làm Linh Nhân thái hậu, cầm quyền nhiếp chính (Quý Sửu – 1073)[1]. Trong vụ đảo chính này có lẽ Ỷ Lan đã dựa vào Lý Thường Kiệt (là thái úy nắm giữ binh quyền), Lý Đạo Thành do can ngăn đã bị giáng chức đổi ra coi châu Nghệ An[2].

(Phải chăng tác giả truyện Tấm Cám đã mô phỏng hành động bức tử Thượng Dương thái hậu của Ỷ Lan mà hư cấu nên tình tiết nàng Tấm phỉnh gạt Cám để giết Cám?)

Linh Nhân thái hậu đã phạm một tội ác tày trời, đó là bức tử 73 sinh mạng nhằm củng cố quyền lực của mình, tội ác này đã làm mai một tiếng thơm của bà từ trước mà phải đợi đến 12 năm sau, qua sử sách ta mới thấy những chứng cứ rằng bà đã thành tâm sám hối tội lỗi cuả mình:

- Năm Ất Sửu (1085) bấy giờ thiên hạ vô sự, thái hậu đi khắp nơi, ý muốn dựng chùa xây tháp (*Toàn Thư* ghi nhầm là hoàng hậu).

- Tháng 8 năm Đinh Sửu (1097) thái hậu làm nhiều chùa tháp (*Toàn Thư*).

- Tháng 2 năm Quý Mùi (1103) thái hậu xuất tiền trong kho để chuộc lại con gái nhà nghèo bị cầm thế đem về gả cho những người góa vợ (*Toàn Thư, Đại Việt sử lược*).

- Năm Ất Mùi (1115) thái hậu dựng chùa thờ Phật, trước sau hơn 100 chùa (*Toàn Thư, Cương Mục*). Theo *Đại Việt sử lược* tháng 3 năm này chùa Sùng Phước ở làng Siêu Loại (quê thái hậu) hoàn thành.

Đại Việt sử lược ghi "Để sám hối việc đã lỡ lầm đó, Linh Nhân hoàng thái hậu lập nhiều chùa chiền thờ Phật và việc chuộc bần gia nữ." *Việt sử tiêu án* thì đánh giá việc sám hối làm phúc ấy là quá muộn (trang 53 - bản điện tử).

Thời Lý đạo Phật có ảnh hưởng lớn trong xã hội, các vua Lý đều rất sùng đạo. Vua Lý Thánh Tông là bậc tu hành thuộc thế hệ thứ nhất cuả phái Thảo Đường[3]. Tất nhiên Ỷ Lan cũng mộ Phật thương người, nhưng do tham sân hận mà đã gây nên tội ác. Khi tham vọng và sự trả thù đã được thoả mãn thì Phật tánh trong bà xuất hiện làm cho bà không thể có những giấc ngủ yên lành. Cứ cho Thượng Dương thái hậu là người đáng bị trừng phạt nhưng cớ sao lại bắt 72 cung nữ vô tội phải chết oan? Bà là người hiểu rõ luật nhân quả, sự báo ân trả oán trong kinh Phật nên lại càng muốn chuộc lỗi. Tuy nhiên vì thời gian thái hậu buông rèm nhiếp chính kéo dài đến 12 năm, cũng là thời gian Đại Việt phải giải quyết những cuộc chiến tranh với nhà Tống ở phương bắc (1075-1077) và Chiêm Thành ở phương nam nên bà chưa thể có những công trình to tát để chứng minh sự thành tâm sám hối dù có thể thái hậu đã từng lập đàn giải oan cho các vong hồn bị bà bức hại.

Hẳn do nhân lành tiền kiếp, trong sự quay về này Linh Nhân thái hậu đã được nhiều vị thiền sư danh tiếng đời Lý Nhân Tông - thường được nhà vua và thái hậu vời vào cung để giảng kinh hay đàm đạo - trợ duyên như Giác Hải, Không Lộ, Chân Không, Mãn Giác, Thông Biện… mà gần gũi và có ảnh hưởng lớn đối với bà là Đại sư Mãn Giác và Quốc sư Thông Biện.

Đại sư Mãn Giác (1052-1096) tên Trường, con của viên ngoại lang Lý Hoài Tố (trước họ Nguyễn, được vua đổi sang họ Lý), năm 20 tuổi (1071) được chọn vào cung hầu thái tử, học rộng hiểu nhiều, thích chú tâm vào thiền học, rất được thái hậu yêu mến. Trong khoảng Anh Vũ Chiêu Thắng (1076-1084), Sư dâng biểu xin xuất gia (có thể ý chí xuất gia càng mãnh liệt khi chứng kiến sự bức tử - NV) và khi đạt đạo đã được vua và thái hậu lúc mới lưu tâm đến thiền học mời về ở chùa gần cung Cảnh Hưng để tiện việc hỏi han. Mãn Giác là người được vô sư trí (trí tuệ không do thầy dạy) nên rất được vua và thái hậu trân trọng gọi là Trưởng lão[4]. Sư là người đầu tiên dẫn dắt con đường tu hành cho thái hậu và hướng dẫn cách giải oan các vong hồn. Đại sư Mãn Giác đã từng tháp tùng cuộc tuần du của thái hậu năm Ất Sửu (1085), ý của thái hậu muốn để Sư chọn những vị trí thích hợp cho viêc xây chùa dựng tháp[5].

Sau Đại sư Mãn Giác thì Quốc sư Thông Biện (?-1134) là người được thái hậu thường xuyên đến trai tăng để hỏi han về Phật học. Sư họ Ngô, hiệu là Trí Không. Do kính phục sự uyên bác về Phật pháp, thái hậu đã phong Sư làm Tăng lục, ban cà sa tía và hiệu Thông Biện đại sư. Về sau thái hậu triệu Sư vào cung, phong làm Quốc sư, hỏi han yếu chỉ của thiền[6]. Sự thông tuệ và đức độ cuả Quốc sư đã làm thái hậu thấm nhuần lẽ vi diệu cuả giáo lý Đức Phật.

---

1 *Toàn Thư* ghi nhầm 76 thị nữ

2 Hoàng Xuân Hãn – Sđd. Về sau Lý Đạo Thành được phục chức ở bên cạnh thái hậu để giúp đỡ

3 *Thiền uyển tập anh* trang 153 - bản điện tử -Lê Mạnh Thát dịch

4 *Thiền uyển tập anh* - phần Đại sư Mãn Giác trang 51-52 (bản điện tử)

5 Hoàng Xuân Hãn – Sđd trang 466-467

6 *Thiền uyển tập anh* - phần Quốc sư Thông Biện trang 48-49-50-51 (bản điện tử)

Những hành động từ bi cuả thái hậu tuy một phần là muốn chuộc tội và cầu phúc cho con[1], nhưng cái chính là nhờ ảnh hưởng của đạo Phật. Bà đã hiểu rõ nguồn gốc mọi tội lỗi là từ vô minh, đời người vô thường, vinh hoa phú quý chỉ phù vân, cái tâm an lạc mới đáng quý. Thái hậu từng có bài kệ Ngộ đạo "*Sắc là không, không là sắc, sắc không đều không bận, mới hiểu được chân không*"[2].

Như vậy, từ khi vua Thái Tông chính thức trị vì, Linh Nhân thái hậu đã giốc tâm vào việc tu học. Bà đã góp công đức để Phật giáo phát triển cũng như làm nhiều việc thiện để sám hối những lầm lỡ trước đây của mình. Dưới ảnh hưởng của thái hậu, Lý Nhân Tông cũng là vị vua sùng đạo, nhân từ, thương dân. Những năm thiên tai, mất mùa đói kém, nhà vua thường tha tội nhân, giảm tô thuế… Trong suốt thời gian nhiếp chính của Linh Nhân thái hậu và trị vì cuả Lý Nhân Tông, ngoài chiến công thắng Tống oanh liệt, đất nước ta thanh bình, dân cư no ấm.

Thái hậu Linh Nhân đã ra đi thanh thản vào mùa thu tháng 7 năm Đinh Dậu (1117) khi mà trước đó vào mùa xuân năm này bà vẫn còn minh mẫn và với tấm lòng thương dân vô hạn đã nhắc nhở vua Nhân Tông định rõ lệnh cấm giết trộm trâu để nông dân được yên ổn cày cấy làm ăn[3].

Sám văn Từ Bi Thủy Sám Pháp có dạy:

"Hà nhân vô tội
Hà giả vô khiên
Phàm phu ngu hạnh
Vô phi thị tội"

Tạm hiểu là:

"Ai mà không phạm tội
Ai mà chẳng lỗi lầm
Kẻ phàm phu hành động ngu si
Cho nên ai cũng phạm tội".

Là một chúng sinh, Linh Nhân thái hậu cũng không tránh khỏi lỗi lầm. Thế nhưng "Vô biên thắng phước giai hồi hướng" (kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện), sự quay về Bến Giác với tâm vô ngã của Linh Nhân thái hậu không phải quá muộn màng, ngược lại đã khiến chúng ta phải suy gẫm và ngưỡng mộ.

----oO0----

(Tác giả ở Đà Lạt - Việt Nam. Mọi liên lạc xin gửi về: Baoco1942@gmail.com)

1 Vua Lý Nhân Tông không có con trai, về sau lập con cuả Sùng Hiền hầu là Dương Hoán làm thái tử
2 *Thiền uyển tập anh* trang 51 - bản điện tử
3 *Toàn Thư* ghi tháng 2 (trang 117 - bản điện tử), Cương Mục ghi tháng 3 (trang 150 - bản điện tử)

NHỚ BÓNG CHA XƯA

bóng cha xưa dưới bầu trời nắng sớm
như thiên thần đang dạo giữa cõi tiên
và quê hương rất đẹp cảnh thiên nhiên
có những cánh đồng thơm mùa lúa trổ

quê hương tôi ở miền trung khốn khó
biết bao đời gắn bó với ruộng nương
cha suốt đời chỉ có một tình thương
như mưa nước trên trời đang rơi xuống

lêu nghêu gió sắp chiều trên bờ ruộng
bóng dáng cha in dấu tận khung trời
như bức tranh cổ tích đẹp tuyệt vời
từng ghi dấu trong con bao năm tháng

bóng mặt trời vừa thức giấc buổi sáng
hòa bóng cha lồng lộng giữa thiên nhiên
đẹp biết bao một hình bóng thần tiên
như dấu ấn nơi con niềm ngưỡng vọng

cha yêu mến cho con tràn sức sống
dù đời cha vất vả lắm truân chuyên
cha mong con sẽ còn mãi ngoan hiền
như buổi mới nhìn con trên tay mẹ

ơn dưỡng dục sanh thành đâu có nhẹ
như bóng cây cổ thụ trước đình làng
tàn sum suê tỏa rợp khắp hành lang
luôn che mát cho dân làng cơn nắng

hoàng hôn xuống khi bầu trời yên ắng
chim bay về theo lối gió mênh mông
là mỗi khi cha xong việc ngoài đồng
cùng bữa cơm chiều gia đình đầm ấm

nhưng giờ đây biết tìm đâu hình bóng
với tình cha nghĩa nặng ấy không còn
nghe đau buồn giọt lệ thấm môi con
thấm vào ướt lòng con tình biển mặn !

ĐAN HÀ

AN CƯ, TỰ TỨ và VU-LAN

Bình Anson

Có ba dịp lễ lớn trong truyền thống Phật giáo Nguyên thủy. Đó là ngày lễ *Magha Puja, Vesakha Puja,* và *Asalha Puja*. *"Puja"* nghĩa là tôn kính, quý kính, còn có nghĩa là sự dâng cúng, cúng dường. Ở đây, *Puja* còn có nghĩa là ngày lễ lớn. *"Magha, Vesakha, Asalha"* là tên các tháng trong lịch của Ấn độ. So với âm lịch Việt Nam, *"Magha"* tương ứng với tháng Giêng, *"Vesakha"* tương ứng với tháng Tư, và *"Asalha"* tương ứng với tháng Sáu.

"Magha Puja" là ngày lễ Rằm tháng Giêng, kỷ niệm ngày Đức Phật thuyết kệ *"Ovada-Patimokkha"*, là căn bản cho các giới luật sau này. *"Vesakha Puja"* là ngày lễ Rằm tháng Tư, tức là ngày Tam Hợp, thường được gọi là lễ Phật Đản. *"Asalha Puja"* là ngày lễ Rằm tháng Sáu, kỷ niệm ngày Đức Phật giảng kinh Chuyển Pháp Luân, và sau đó, chư Tăng Nam tông bắt đầu mùa An cư Kiết hạ.

Ngoài ra, truyền thống Nam tông còn có các ngày lễ khác như ngày Tự Tứ (rằm tháng Chín) -- kết thúc mùa An cư Kiết hạ, và mùa lễ Dâng Y Kathina trong một tháng, từ ngày 16 tháng Chín đến ngày Rằm tháng Mười âm lịch.

1. Chuyển Pháp Luân

Ngài Bồ tát Sĩ-đạt-ta rời gia đình, tìm đạo giải thoát năm 29 tuổi, và thành đạo năm 35 tuổi, vào đêm trăng Rằm tháng Tư. Sau khi Ngài giác ngộ, có vị Phạm thiên Sahampati cung thỉnh Ngài vì lòng từ bi thuyết pháp độ đời. Đức Phật quan sát thế gian và nhận lời thuyết pháp. Đầu tiên, Ngài nghĩ đến đạo sĩ Alàra Kàlàma và đạo sĩ Uddaka Ràmaputta, là hai vị thầy dạy đạo cho ngài khi còn là Bồ-tát tầm sư học đạo, nhưng Chư Thiên báo là hai vị này đã qua đời. Tiếp đến, Ngài nghĩ đến năm người bạn là: Kondanna (Kiều Trần Như), Bhaddiya, Vappa, Mahànàma và Assaji, mà lúc trước đã cùng tu khổ hạnh với ngài, và hiện giờ họ đang ở vườn Lộc Uyển, gần thành Ba La Nại.

Từ Bồ đề đạo tràng, nơi Ngài giác ngộ, Đức Phật đi đến vườn Lộc Uyển, một cuộc hành trình khoảng 210km, mất khoảng 2 tháng, và đến nơi đó vào đúng ngày Rằm tháng Sáu. Thoạt tiên, khi thấy Ngài, anh em Kondanna quyết định không chào hỏi, cũng không đứng lên đảnh lễ Ngài, bởi vì họ cho rằng lúc trước, Ngài đã từ bỏ lối tu khổ hạnh, không còn là một bậc chân tu nữa. Tuy nhiên, khi Ngài tiến đến gần, chư vị đã bị chinh phục trước vẻ cao quý của một bậc giải thoát, khiến họ đối xử với Ngài vô cùng kính cẩn. Chư vị cầm lấy bình bát và thượng y của ngài, sửa soạn chỗ ngồi cho Ngài, rửa chân Ngài và gọi Ngài là "Hiền giả" (Àvuso) theo thói quen. Song Đức Phật bác bỏ cách xưng hô này, và nói:

"Này chư vị, đừng gọi Như Lai (Tathàgata) là "Hiền giả" như một trong các vị. Như Lai là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác" -- (Đại Phẩm, Tạng Luật)

Lời tuyên bố đã khám phá con đường đưa đến Bất Tử tức con đường Giải thoát, đã giác ngộ và chứng đắc Chân Lý của Ngài được năm người bạn đồng tu cũ đáp lại với vẻ hoài nghi. Chư vị hỏi: Làm thế nào một người đã từ bỏ khổ hạnh để chọn đời sống sung túc, lại có thể chứng đắc Chân Lý? Đức Phật giải thích rằng Ngài chẳng hề tham đắm đời sống sung túc. Để làm sáng tỏ mọi việc, Ngài thuyết giảng bài kinh ***Chuyển Pháp Luân***, khởi đầu công trình hoằng pháp của Ngài. Bài kinh trình bày *Pháp Giải Thoát là Trung Đạo*, và nêu lên *Bốn Chân Lý Cao Quý (Tứ Diệu Đế)* - như đã ghi lại trong Tạng Luật và trong Tương Ưng Bộ:

"Có hai cực đoan, này chư vị, mà người xuất gia nên tránh. Hai cực đoan đó là gì? Đắm mình vào dục lạc, thấp kém, tầm thường, hạ liệt, không xứng đáng bậc Thánh, không ích lợi, là một cực đoan. Cực đoan kia là chuyên tâm khổ hạnh ép xác, gây khổ đau, không xứng đáng bậc Thánh, và cũng không ích lợi.

Này chư vị, Như Lai đã tránh xa hai cực đoan này, và tìm ra Trung Đạo, chính là con đường khiến cho Ta thấy và biết rõ, con đường đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn."

Ngài giảng tiếp:

"Đây là Chân lý về Khổ: Sanh, già, bệnh, chết là khổ; sầu, bi, ưu, não là khổ; thân cận những gì ta không thích là khổ; xa lìa những gì ta thích là khổ; cầu không được là khổ; tóm lại, ngũ thủ uẩn là khổ.

Đây là Chân lý về Nguồn gốc của Khổ: Đó chính là khát ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm

thấy lạc thú chỗ này chỗ kia: đó là Dục ái, Hữu ái và Phi hữu ái.

Đây là Chân lý về Khổ Diệt: Đó chính là sự đoạn trừ, diệt tận hoàn toàn khát ái đó, quăng bỏ nó, chấm dứt nó, xả ly nó, không chấp thủ nó.

Đây là Chân lý về Con Đường Diệt Khổ: Đó là Thánh Đạo Tám Ngành, tức là: Chánh Kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, và Chánh Định." -- (Đại Phẩm, Tạng Luật; Tương Ưng Bộ)

Năm vị tôn giả hết sức chú tâm lắng nghe lời Ngài. Khi Ngài thuyết giảng, tôn giả Kondanna quán triệt: *"Những gì có sinh khởi đều phải chịu qui luật hoại diệt,"* và đắc quả Dự lưu. Sau đó, tôn giả liền xin Đức Phật nhận làm đệ tử. Đức Phật nói: *"Đến đây, này Tỳ khưu, Giáo Pháp đã được khéo giảng, hãy sống đời Phạm hạnh để đoạn tận khổ đau"* và nhận tôn giả làm một Tỳ khưu. Như vậy, tôn giả Kondanna là vị Tỳ khưu đầu tiên trong lịch sử Phật giáo, đánh dấu khởi điểm sự thành lập Tăng đoàn, tồn tại cho đến ngày nay.

Chẳng bao lâu, lời dạy của Đức Phật đã giúp cho tôn giả Vappa và Bhaddiya hiểu Pháp và hai vị cũng được nhận làm Tỳ khưu. Trong lúc các ngài Kondanna, Vappa và Bhaddiya đi khất thực để cung cấp thức ăn cho cả nhóm, Đức Phật thuyết giảng riêng cho tôn giả Mahànàma và Assaji. Sau đó, hai vị nầy đắc quả bậc Nhập lưu, và xin làm đệ tử. Như vậy, lúc đó có sáu vị Tỳ khưu trên thế gian -- Đức Phật và năm vị đệ tử đầu tiên của Ngài.

Vài ngày sau, Đức Phật dạy bài pháp về Vô Ngã -- ghi lại trong bài kinh Vô Ngã Tướng, *Tương Ưng Bộ*. Khi năm vị Tỳ khưu nghe lời thuyết giảng này của Đức Phật, tâm của chư vị thoát khỏi mọi lậu hoặc, và trở thành bậc Thánh A-la-hán giải thoát.

2. An cư kiết hạ

Một ngày sau lễ Rằm tháng Sáu, chư Tăng trong truyền thống Phật giáo Nam tông bắt đầu mùa An cư Kiết hạ.

Trong Chương "Vào Mùa Mưa", *Đại Phẩm*, Tạng Luật, có ghi:

Đức Thế Tôn ngự tại thành Vương Xá, Trúc Lâm. Lúc bấy giờ, việc an cư mùa mưa chưa được Đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ khưu. Các vị Tỳ khưu đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng, và cả trong mùa mưa nữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

-"Vì sao các sa-môn Thích Tử lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng, và cả trong mùa mưa nữa? Ngay cả các du sĩ ngoại đạo, dù có giáo lý được thuyết tồi tệ, vẫn sống cố định một chỗ trong mùa mưa, ngay cả những con chim sau khi làm tổ trên các ngọn cây cũng sống cố định trong mùa mưa. Còn các sa-môn Thích Tử thì lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng, và cả trong mùa mưa nữa. Các vị ấy đang dẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan, và đang gây nên việc giết hại hàng loạt chúng sanh nhỏ nhoi."

Các Tỳ khưu nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Vì thế, các vị ấy trình sự việc lên Đức Thế Tôn. Đức Phật nhân sự việc này mà bảo các Tỳ khưu rằng:

"Này các Tỳ khưu, ta cho phép an cư trong mùa mưa. Đây là hai thời điểm vào mùa an cư: thời điểm trước và thời điểm sau. Thời điểm trước là ngày kế của ngày trăng tròn tháng Asalha, thời điểm sau là vào ngày sau trăng tròn tháng sau."

Tính theo âm lịch của Việt Nam nếu không có tháng nhuần thì thời điểm trước là ngày 16 tháng 6, thời điểm sau là ngày 16 tháng 7. Ngài dạy tiếp:

"Này các Tỳ khưu, trong mùa an cư ba tháng thì không nên ra đi du hành. Vị nào ra đi thì phạm tội tác ác (dukkata)."

Tuy nhiên, nếu có chuyện cần kíp và được thỉnh mời, vị Tỳ khưu được phép rời trú xứ trong thời hạn không quá 7 ngày. Đức Phật dạy:

"Này các Tỳ khưu, ta cho phép đi khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày; và không nên đi, nếu không được thỉnh mời."

Suốt thời kỳ gió mùa ở miền bắc Ấn Độ, từ tháng Sáu đến tháng Mười, chư Tăng sống một nơi cố định trong 3 tháng an cư. Chư vị có thể lựa chọn cách tự mình xây một am thất trú mưa, hay ở trong một tinh xá sẵn có.

Mùa an cư bắt đầu từ ngày rằm tháng *Àsàlha* (rằm tháng Sáu). Tuy nhiên, Đức Phật cũng cho phép bất kỳ một Tỳ khưu nào khởi sự chậm hơn một tháng, vào ngày rằm tháng Bảy - gọi là "hậu An cư". Việc đình chỉ du hành chấm dứt vào ngày rằm tháng Chín *(Àssina)*. Nếu vị nào khởi sự chậm hơn một tháng, thì chấm dứt vào tháng Mười *(Kattikà)*. Chư Tăng tổ chức lễ sám hối Bố-tát *(Uposatha)* đặc biệt, gọi là lễ Tự Tứ *(Pavàranà)*, đánh dấu kết thúc mùa an cư. Sau đó, các Tỳ khưu công bố hoàn tất các phận sự trong Giới Luật, rời nơi an cư, và bắt đầu du hành truyền đạo.

Tập tục an cư mùa mưa không chỉ có lý do cổ truyền, mà còn có lý do thực tiễn nữa. Khi trời đổ mưa ào ạt và các con sông chảy tràn bờ, khi đường xá chìm trong bùn lầy, và những mảnh đất không ngập nước làm thành nơi trú ẩn cho rắn rết, bọ cạp, thì việc du hành và cắm lều ngoài trời hầu như không thể thực hiện được. Hơn nữa, khí ẩm bốc hơi trong thời gió mùa tạo ra những tai hại khác cho sức khỏe; và nếu một Tỳ khưu bị bệnh, thì dễ săn sóc vị ấy tại một tinh xá hơn là lúc di

chuyển.

Tục lệ an cư mùa mưa còn có lợi cho Tăng chúng theo nhiều cách. Trong suốt những tháng du hành theo ý riêng của mỗi người, có thể là một vài Tỳ khưu nào đó trở thành buông lung trong nếp sinh hoạt. Trong mùa an cư, các Tỳ khưu chung sống sinh hoạt với nhau, nên phải chú tâm đến quy luật xử thế và theo đúng nguyên tắc. Mùa an cư còn tăng cường mối đạo tình trong Tăng đoàn. Cuộc sống chung ở một nơi và cùng học tập lời dạy của bậc Đạo Sư, sự trao đổi kinh nghiệm và kiến thức đưa đến sự thiết lập các mối quan hệ thân hữu có giá trị giáo dục, đã được Đức Phật đánh giá cao. Ngài nói:

"Quả thật tất cả đời sống đồng Phạm hạnh của Tăng chúng cốt yếu ở tình thân hữu giữa những người ưa thích điều thiện, ở tình đồng đạo, đồng chí hướng. Một Tỳ khưu làm bạn với điều thiện, là người bạn giao du, người đồng chí hướng, có triển vọng tu tập và làm sung mãn Bát Chánh Đạo, để giải thoát cho đồng bạn cũng như bản thân vị ấy."

Có lần Đức Phật thấy một Tỳ khưu bị bệnh, nằm bơ vơ không ai chăm sóc, Ngài và Trưởng lão Ànanda cùng đến săn sóc vị ấy. Rồi Ngài gọi Tăng chúng đến và dạy: *"Này các Tỳ khưu, chư vị không có cha mẹ chăm sóc mình. Vậy, nếu chư vị không chăm sóc nhau, thì ai sẽ làm việc ấy? Này các Tỳ khưu, bất cứ ai trong chư vị muốn chăm sóc ta, thì vị ấy hãy chăm sóc người bạn đồng Phạm hạnh."*

Việc an cư mùa mưa cũng quan trọng trong việc học tập của chư Tăng thời đó. Chư vị tụng đọc lại các bài kinh của Đức Phật và học hỏi những lời dạy mới của Ngài. Việc học tập nghe kinh không chỉ giới hạn vào mùa an cư, nhưng được thuận lợi hơn nhờ sự chung sống suốt ba tháng của một hội chúng Tỳ khưu đông đảo tại cùng một địa điểm. Có lẽ Giáo Pháp sẽ không được truyền tụng đến thời đại chúng ta trong hình thức chính xác như ngày nay, nếu Tăng chúng thời xưa không có cơ hội duyệt lại toàn thể lời giáo huấn của Đức Phật trong các mùa an cư kiết hạ hằng năm ấy.

3. An cư trong các truyền thống khác

Giới luật tu sĩ trong các truyền thống Phật giáo, trên căn bản, rất giống nhau. Các tông phái đều tuân theo quy luật an cư kiết hạ trong 3 tháng. Tuy nhiên, thời điểm bắt đầu và kết thúc không giống nhau, tùy theo cách tính mùa hạ trong năm.

Như đã trình bày ở trên, theo Luật Nguyên thủy (Đại phẩm, Luật tạng, Tỳ khưu Indacanda dịch), chương III (Mùa mưa): An cư bắt đầu từ ngày 16 tháng Asalha (tương ứng với tháng Sáu âm lịch), kéo dài 3 tháng. Hậu an cư bắt đầu một tháng sau đó.

Theo *Luật Hữu Bộ* (Tỳ-nại-da, *Căn bản thuyết nhất thế hữu bộ,* Tỳ khưu Tâm Hạnh dịch), quyển An cư sự: An cư bắt đầu từ ngày 16 tháng Năm âm lịch, kéo dài 3 tháng, Hậu an cư bắt đầu một tháng sau đó.

Theo *Luật Ma-ha-tăng-kỳ* (Hòa thượng Thích Phước Sơn dịch), quyển 27, Phép An cư: An cư bắt đầu từ ngày 16 tháng Tư âm lịch, kéo dài 3 tháng. Hậu an cư bắt đầu một tháng sau đó.

Theo *Luật Tứ Phần* (Thượng tọa Thích Nguyên Chứng dịch), quyển 4, chương III (An cư): An cư trong 3 tháng mùa hạ, không thấy ghi rõ ngày tháng. Hậu an cư bắt đầu một tháng sau đó.

4. Vu-lan và kinh điển nguyên thủy:

Ngày nay, đa số Phật tử chúng ta thường tổ chức ngày Rằm tháng Bảy, theo truyền thống Bắc tông, là ngày Lễ Vu-lan, một ngày báo hiếu công ơn của cha mẹ. Trong cùng ngày đó, chư Tăng Ni Bắc tông làm lễ Tự tứ, kết thúc mùa an cư, theo Luật Ma-ha-tăng-kỳ. Lễ Vu-lan là dựa theo tích chuyện trong kinh Vu-lan-bồn (Ullambana Sutra, Đại Chánh Tạng, tập 16), trong đó, Đức Phật dạy Trưởng lão Mục-kiền-liên cúng dường thức ăn đến chư Tăng trong ngày Tự tứ và hồi hướng phước báu đến mẹ là bà Thanh-đề để giúp bà thoát khỏi khổ cảnh của kiếp ngạ quỷ.

Trong kinh điển nguyên thủy, không thấy đề cập đến sự tích nêu trên. Tuy nhiên, trong quyển Ngạ quỷ sự thuộc Tiểu Bộ có ghi lại một câu chuyện tương tự. Đó là chuyện ngạ quỷ mẹ của Ngài Xá-lợi-phất (Chú giải Ngạ quỷ sự, Phẩm Ubbari, Chuyện số 2, Tỳ khưu Thiện Minh dịch). Tóm tắt như sau:

Một ngày nọ, các ngài Trưởng lão Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, A-nậu-lâu-đà và Ca-bi-na ngụ tại một khu rừng hoang gần thành Vương Xá. Một nữ ngạ quỷ với thân hình gầy ốm, hình tướng gớm ghiếc, đến gặp các ngài và cho biết trong tiền kiếp, ngạ quỷ từng là mẹ của Ngài Xá-lợi-phất. Do lòng keo kiết, bủn xỉn, bà đã đối xử tàn tệ với các vị tu sĩ, và lại sinh ác tâm chưởi rủa mắng nhiếc các vị ấy, nên bà phải lãnh quả báo ác, sinh làm ngạ quỷ trong kiếp này. Bà xin Trưởng lão Xá-lợi-phất tổ chức bố thí cúng dường, rồi hồi hướng phước đến cho bà để được thoát khỏi cảnh ngạ quỷ khổ sở.

Sáng hôm sau, nhân khi đi khất thực trong thành Vương Xá, các ngài đến gặp vua Bình-sa, và Ngài Mục-kiền-liên thuật lại câu chuyện ấy cho vua nghe. Nhà vua hoan hỷ phát tâm trong sạch hứa sẽ giúp Ngài Xá-lợi-phất. Vua truyền lệnh cho các quan dựng bốn tịnh thất trong khu rừng ngoại thành, và sửa soạn vật thực, đồ ăn, thức uống và y phục. Sau đó, nhà vua chuyển toàn bộ những thứ ấy đến Ngài Xá-lợi-phất. Nhân danh mẹ, Ngài Xá-lợi-phất bố thí cúng dường đến Đức Phật và Tăng

đoàn, rồi hồi hướng công đức phước báu đến cho bà. Nhờ đó, bà được tái sinh vào cõi Trời Phạm Thiên.

Mặc dù vài chi tiết trong câu chuyện này không giống như chuyện ghi trong kinh Vu-lan-bồn, việc cúng dường đến chư Tăng, rồi hồi hướng phước báu đến cho cha mẹ đã qua đời, có một ý nghĩa rất rõ ràng, tương hợp trong cả hai truyền thống chính của Phật giáo.

Perth, Tây Úc, tháng 8-2007

Thơ **VÕ HỒNG**

SAU BA MƯƠI NĂM

Nhờ đất cho món ăn
Nhờ nước đưa thức uống
Hô hấp nhờ khí trời
Mà cây đầy sức sống
Cũng vậy ba đứa con
Truyền cho cha sinh lực
Lao khổ dầu sớm hôm
Cô đơn dù nhức buốt
Nhưng nhìn con lớn khôn
Cha quên mọi cơ cực

Đứa Út vừa lên ba
Biết mẹ qua tấm ảnh
Miệng chỉ quen gọi cha
Khi đói và khi lạnh

Chị lớn chín tuổi tròn
Đóng vai người mẹ nhỏ
Vội vã học điều khôn
Cửa nhà tập coi ngó

Thằng giữa khi vào lớp
Tên mình tưởng tên ai
Thầy hỏi không biết đáp
Nghe chim hơn nghe bài

Nay các con nên người
Mỗi đứa đi một ngả
Mình cha căn nhà xưa
Trông vừa quen vừa lạ
Không còn ngày gian khổ
Chỉ dư ngày tiêu điều
Vắng con như cây cỏ
Héo úa giữa quạnh hiu
Tuổi già ngồi ngẫm lại
Quý nhất của đời mình
Là ba đứa con dại
Cha nuôi đến trưởng thành.

LỄ VU LAN NGUYỄN DU LẬP ĐÀN BẠT ĐỘ CÔ HỒN THẬP LOẠI

Thích Tâm Tôn

Ai đã từng sống long đong trong bể khổ không cùng cũng như trong hoan lạc chơi vơi, hay từng trải qua những ngày dài quạnh quẽ và những đêm tàn hoang vu, ắt hẳn không sao tránh khỏi trỗi dậy nỗi động lòng dào dạt khiến lệ trào dâng mi khi đọc Văn Tế Thập Loại Cô Hồn đầy ai oán cảm sầu của cụ Nguyễn Du. Một Nguyễn Du thiên tài, song lại là một mảnh đời lận đận và có phần bạc mệnh như chính cuộc đời Kiều. Phải chăng, đó là nghiệp báo lao xao của một kiếp chúng sanh mà ông đã nhìn nhận trong Văn Tế Thập Loại Chúng Sanh:

"Mỗi người một nghiệp khác nhau,
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ?"

Nghe ra thấy toàn là chất nhân sinh và tâm linh Phật giáo. Và chất Phật giáo ấy có gì lạ, bởi chính ông là một Phật tử trí thức thấm nhuần giáo lý Phật Đà. Hình như cái tư tưởng Phật giáo đã vô hình ứng hiện vào tận nguồn cảm hứng sáng tác cho một nghệ sĩ Nguyễn Du, để tạo nên những áng thi chương lẫy lừng bất hủ. Điều đó đã được thể hiện trọn vẹn trong hai tác phẩm bất tuyệt của ông: *Truyện Kiều* và *Văn Tế Thập Loại Chúng Sanh*. Cả hai tác phẩm này có thể được xem như là những bản kinh của Phật giáo Việt Nam, mang tính cầu an như truyện Kiều và cầu siêu như Văn Tế Thập Loại Chúng Sanh. Nhân Lễ hội Vu Lan xin được lạm bàn về vài áng văn tế của Nguyễn Du, như thể để nhắc lại cái giá trị văn hóa tâm linh Phật giáo tuyệt với mà ông đã thể hiện một cách trọn vẹn về nghĩa cử báo hiếu tình thân và thi ân tế độ phổ đồng. Đó chính là hai mục tiêu trong một ý nghĩa *"Giải Đảo Huyền"* mà người Phật tử Việt Nam nào vào dịp tiết Trung Nguyên - Lễ hội truyền thống Vu Lan cũng vọng hoài thổn thức.

Đức Phật từng dạy: *"Nếu đem nước mắt của hết thảy chúng sanh trong vòng luân hồi từ vô thỉ đến nay tích chứa lại thì nhiều cũng như nước của cả một đại dương"*. Đức Phật là hiện sinh của tinh thần đượm nhuần đức tánh nhân ái và từ bi vô lượng. Bằng vào mọi phương tiện, tinh thần nhân ái cao cả đó được Ngài thể hiện một cách tài tình hằng che chở cho tất cả chúng sanh. Tánh đức từ bi vô ngần ấy chính là tinh thần cảm thông với những nỗi thống khổ bất tận mà những chúng sanh tội lỗi và bệnh tật hằng mang. Đức Phật tỏ bày: *"Nỗi thống khổ của người cũng chính là nỗi thống khổ của ta, và niềm hạnh phúc của người cũng chính là niềm hạnh phúc của ta."* Tình thương cao cả ấy quả là cái đức bạt ngàn của người cha và cái lòng bao la của người mẹ dành cho con thơ tội nghiệp.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam mang theo những tinh ba tươi đẹp nhất để làm tươi mát cho những tâm hồn khốn khổ, đồng thời cũng xúc tác những nguồn tư tưởng phong phú làm trào dâng cho bao trái tim nhân sĩ trí thức Việt Nam. Chỉ có tình thương của đạo Phật mới sản sinh ra những con người giàu đức hiếu sinh, hiếu hòa và giải thoát như Lý Thánh Tôn qua những tâm sự này: *"Ta ở trong cung kín, sưởi lò than, khoác áo lông mà còn rét thế này. Nghĩ đến các tù nhân bị nhốt nơi lao ngục, bị trói buộc khổ sở mà chưa biết phải trái ra sao, ăn không đầy bụng, mặc chẳng che thân; gió rét, tất có kẻ chết không nơi nương tựa. Ta thật lấy làm thương… Ta yêu con ta thế nào thì ta thương dân cũng thế. Vì dân không hiểu luật lệ nên mắc tội, ta thực lấy làm thương xót. Vậy từ nay về sau, tội nặng hay nhẹ, các ngươi cũng khá xử cho khoan hồng."* Và tình thương ấy chúng ta cũng lại được thấy trào dâng bàng bạc vào tận cả chốn u đồ của Cô Hồn Thập Loại mà Nguyễn Du đã động lòng cảm thông trong Văn Tế Thập Loại Chúng Sanh. Đó là tình thương trải rộng, tình thương phổ đồng của tinh thần đại bi nhà Phật. Tinh thần ấy được Ngài Thật Hiền khai mở trong Văn Khuyến Phát Bồ Đề Tâm như sau: *"Ta với chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời làm cha mẹ nhau, có ơn với nhau. Nay do cách đời mờ ám, không biết được nhau, nhưng lấy lẽ mà suy cứu thì làm sao có thể không có sự báo bổ. Ngày nay là thú vật, nhưng biết đâu ngày trước ta đã từng là con cái của chúng. Hiện tại là vi sinh, nhưng biết đâu quá khứ chúng đã từng là cha mẹ của ta. Thường thấy, nhỏ mà xa cha mẹ thì lớn lên đã quên hết hình bóng song thân, huống chi cha mẹ bà con đời trước, ngày nay kẻ họ Trương người họ Vương, khó mà nhớ được nhau. Họ gào thét trong địa ngục, ngất ngưỡng trong ngạ quỷ, thống khổ ai biết, đói khát ai hay. Ta dầu không thấy không nghe, nhưng họ tất cầu cứu*

cầu vớt. Kinh mới dạy được việc ấy, Phật mới tỏ cảnh này, còn kẻ tà kiến thì làm sao biết được. Nên Bồ Tát nhìn sâu kiến cũng thấy toàn là cha mẹ quá khứ và Chư Phật vị lai, thường nghĩ cách lợi ích cho chúng và thường nhớ trả ơn cho chúng."

Hình ảnh Đức Bổn Sư từ phụ của chúng ta sụp lạy đống xương khô trong Kinh Phụ Mẫu Báo Hiếu Ân thể hiện rõ nét cho tinh thần này. Nói đến Nguyễn Du, bậc văn chương chính nhân xưa nay đều hay cái duyên của người nghệ sĩ này với cái chất Phật giáo nó khăng khít thế nào.

Mở đầu cho bài văn tế 184 câu, Nguyễn Du như vừa thì thầm ngâm thơ vừa than thở trong lệ rơi cho nỗi niềm trăn trở đầy ê chề áo não.

"Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt,
Toát hơi may lạnh buốt xương khô,
Não người thay buổi chiều thu,
Ngàn lau nhuộm bạc, lá khô rụng vàng."

Trước hết, nếu chỉ xét đơn thuần về khía cạnh tâm hồn người nghệ sĩ trước cảnh vừa đẹp vừa buồn của tiết thu thì Nguyễn Du cũng như Nguyễn Khuyến hay Lưu Trọng Lư không hơn không kém. Đối cảnh sanh tình là cái bệnh *"đa cảm đa sầu"* bình thường muôn thuở của người nghệ sĩ. Hình ảnh của tiết thu như: mưa dầm, hơi lạnh, sương khô, lá rụng vàng không gì lạ lẫm trong hồn thơ của những bậc thi nhân. Nhưng thoát ra ngoài phạm vi nghệ sĩ ấy, ta cảm nhận như Nguyễn Du không phải bị rơi vào chỗ đồng điệu với cái buồn man mác của chiều thu, mà hình như tự trong sâu lắng tâm hồn ông kết đọng một nỗi niềm u uất hay khắc khoải một hoài vọng xa xăm về một thế giới tâm linh u huyền nào đó. Cái chất thu ở Nguyễn Du có mang một chút sáng tối áo não hòa quyện sắc màu âm dương, dễ dàng khơi dậy một thứ cảm giác bâng khuâng về cái ân và cái nghĩa theo nhà Phật được thể hiện trong Lễ hội Vu Lan mà mỗi con người ai cũng hằng mang nặng. Như vậy, ở đây cái thu không chỉ là cảm xúc khi đối cảnh của tình nghệ sĩ, mà còn là cái thu mang nặng nghĩa ân tình thâm trọng của người con Phật.

"Tháng bảy mùa thu lá rụng vàng,
Ấy mùa báo hiếu lễ Vu Lan."

Đọc những vần thơ tiếp theo ta mới thấy rõ hơn về sự liên tưởng từ cái *"hữu hình"* đến cái *"vô hình"*, từ cái *"dương thể"* đến cái *"âm thể"* trong một tâm hồn trăn trở Nguyễn Du:

"Đường bạch dương bóng chiều man mác,
Dịp đường lê lác đác sương sa,
Lòng nào lòng chẳng thiết tha,
Cõi dương còn thế nữa là cõi âm."

Từ một trực cảnh hiện sinh, thiên tài Nguyễn Du mở ra những cánh cửa bí mật dẫn vào tâm hồn u uẩn của cô hồn thập loại và của chính tâm hồn mình. Ở đó ta thấy xuất hiện một nỗi niềm kỳ lạ khó hiểu trong con người của ông vào lúc cuối cuộc đời. Khi phải bệnh nặng, Nguyễn Du không chịu uống thuốc. Lúc gần chết, sai người sờ tay chân xem còn nóng hay đã lạnh. Người nhà bảo: Đã lạnh cả rồi. Nguyễn Du nói: *"Được!"* Nói xong thì im lặng mà từ giã cõi đời.

Theo thuyết Nghiệp Chủng Thức Phật giáo, mà rõ ràng là giải thích của Thái Hư Đại Sư ở bài kệ:

"Đảnh Thánh, nhãn sanh Thiên,
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc,
Bàng sanh tất cái ly,
Địa ngục cước tâm xuất."

Để đoán biết một người sau khi chết sẽ sanh về cảnh giới nào thì chỉ cần xem người ấy vào lúc lâm chung điểm hơi ấm cuối cùng xuất ra ở chỗ nào trên thân. Nếu ở đảnh đầu thì sẽ sanh về cõi Thánh, nếu ở trán thì sanh vào cõi trời, nếu ở tim thì sanh được làm người, nếu ở bụng thì sanh làm ngạ quỷ, ở đầu gối thì sanh vào loài súc sanh, còn ở bàn chân thì phải đọa vào địa ngục.

Nguyễn Du đã dùng phương pháp này để đoán xem mình sẽ sanh vào thế giới nào. Người nhà bảo lạnh cả rồi mà ông vẫn còn trong trạng thái hoàn toàn tỉnh, rồi bảo rằng: *"Được!"* Từ *"Được"* ấy chính là cái điểm nóng cuối cùng diễn biến đúng như ý của Nguyễn Du. Cũng chính trong cái im lặng ra đi của ông toát lên một sức mạnh gì đó mang tính được dự định cho điều bí mật hiện hữu trong một tâm hồn. Đó phải chăng là một sự tỉnh thức mà từ lâu Nguyễn Du đã tu tập được để chuẩn bị cho một phẩm vị ở cảnh liên trì tự tại.

Sống, Nguyễn Du cứ bị thôi thúc bởi hai chữ *"Sinh hóa"*. Chính vì vậy mà mở đầu bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sanh, ta toàn trực diện với những từ ngữ chứa chan sắc màu lắng đọng của âm dương chập chờn hòa quyện.

"Trong trường dạ tối tăm trời đất,
Có khôn thiêng phảng phất u minh,
Thương thay thập loại chúng sanh,
Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người."

Đạo Phật luôn lấy sứ mạng đem ánh sáng và tình thương đến cho muôn loài làm lý tưởng sống. Ánh sáng của tinh tú, của mặt nhật, mặt nguyệt chỉ có thể giúp chúng sanh thoát khỏi sự hỗn mang phiền tạp cũng như sự mò mẫm, và đen đặc của trời đất hay của cuộc đời. Ánh sáng chánh pháp, của tình thương chính là hai sự trạng chan chứa trong tinh thần của Phật giáo. Chính cái tình thương phổ đồng mới đưa tất cả chúng sanh cùng

hòa vào một khối yêu, và ngay ở chính đó mỗi cá thể sẽ tìm thấy được cái tình thân ấm áp lạ lùng. Đây quả là lời tỉnh giác, là lời mở đầu bài thuyết linh cho chúng cô hồn *"phách chiếc lênh đênh"* không nơi nương tựa của một Pháp sư chứ không phải của một Nguyễn Du mà mọi người chỉ biết dưới danh nghĩa một đại thi hào.

"Tiết đầu thu lập đàn giải thoát,
Nước tỉnh đàn rưới hạt dương chi,
Muôn nhờ Đức Phật từ bi,
Giải oan cứu khổ hồn về Tây Phương."

Đến đây chúng ta càng thấy rõ hơn Nguyễn Du đã thật sự thoát xác hóa thân thành một pháp sư, thành một đạo sĩ tay cầm nhành dương rưới nước phép, mở khai phương tiện quyền xảo đi vào tận cùng thế giới không tên của trăm nghìn kiếp sống mà hiển thật hóa duyên. Một danh nhân không chỉ của riêng dân tộc Việt Nam hay của Phật giáo Việt Nam, mà còn được cả thế giới công nhận và xếp vào hạng những nhà văn hóa nổi bật của mọi thời đại lại còn xiển dương việc *"lập đàn giải thoát"* như thế ấy. Đó chính là phẩm chất của nhà văn hóa Nguyễn Du và cũng là phẩm hạnh cao đẹp của một vị Bồ Tát. Có ai nào dám mạo danh vì một chủ nghĩa, một học thuyết lý luận nào đó mà phê phán hay chỉ trích ấy là việc làm mê tín dị đoan phải bài trừ? Chỉ những ai thiếu kiến thức văn hóa mới hời hợt đánh giá đó là phi văn hóa. Và chỉ có những ai lạm dụng cái giá trị văn hóa đó để phục vụ cho mục đích riêng mình mới là người thiếu văn hóa.

Cách nói của Nguyễn Bỉnh Khiêm:

"Trời đất nào dung tha kẻ ác,
Cớ sao còn có lễ Vu Lan,
Từ bi, ta muốn nhờ công sức,
Cứu được bao người chịu khổ oan?"

Đó là cách nói răn dè để dạy đời theo quan điểm đạo đức về thiện ác, thưởng phạt do trời đất định đoạt mang tính khắt khe của người Nho gia. Theo truyền thống báo hiếu, đáp nghĩa, đền ân thuộc đạo lý làm người của Phật giáo thì chẳng những khi còn sống chúng ta phải biết quan tâm và tử tế với nhau, mà ngay cả sau khi chết chúng ta cũng phải biết thương tưởng hướng về nhau. Vì thế, Vu Lan phải được xem như là một nghĩa cử cao đẹp không chỉ cứu tử mà còn có giá trị độ sanh nữa. Với lại, về mặt pháp luật, không luật lệ nào không có ngoại trừ, cũng không có tòa án xử tội nào lại không có điều khoản ân xá.

Theo Phật giáo, trong thế giới tương đối này, hết thảy vạn hữu đều phải chịu ảnh hưởng của quy luật Nhân Quả. Tất cả đều tương quan tác động qua lại với nhau, duyên vào nhau mà tồn tại. Do đó, nghi lễ cầu an và cầu siêu là những trợ duyên cần thiết, những điều kiện hỗ trợ một cách hợp lý cho sự sống và sự chết của con người về mặt tinh thần. Đứng về phương diện đạo lý thường tình mà xét thì *"lễ"* là sự thể hiện cho cái *"nghĩa"* sống của con người, song để thể hiện cái *"lễ"* ấy thì cần phải dựa vào *"nghi thức"* để thực hiện cho phải lẽ kính tôn.

Tinh thần từ bi cứu khổ của đạo Phật đã hun đúc nên một tình thương rộng lớn không chỉ hạn cuộc trong phạm vi nhân sinh mà còn phổ huân khắp tất cả các loài chúng sanh đang điêu linh nơi âm cảnh ở một đại thi hào. Lòng xót thương đã khiến người nhận ra được tính đồng thể mà chỉ có các Bồ Tát, các bậc giác ngộ trong loài hữu tình mới nhận thấy được để từ đấy phát nguyện độ tận chúng sanh. Một tình thương bao la như thể biết dùng những phương tiện cứu độ và hóa duyên, mà ở đây là *"đàn khai cam lồ môn"* được Nguyễn Du thiết lập theo nghi Vu Lan Bồn để giải oan bạt độ cho chúng cô hồn lạc lõng bơ vơ.

Ngày rằm tháng bảy, tất cả các cửa ngục đều mở, mọi hình phạt đều tạm ngưng, các tội nhơn trong chốn u đồ đều có cơ hội được xá tội. Đêm hôm ấy, kiến lập Vu Lan để cúng tế chúng sanh nơi âm giới và báo đáp cù lao. Ở hội này có thiết lập một đàn *"khai cam lồ môn"* để giải oan bạt độ cho chúng sanh chịu khổ chốn u đồ được giải thoát siêu thăng. Như vậy, *"đàn giải thoát"* mà Nguyễn Du nói đến chính là đàn này vậy.

Theo các khoa nghi chẩn tế thì cô hồn tùy theo nghiệp chủng mà biến hiện ra nhiều hình thù khác nhau để chịu khổ báo. Có những loại cô hồn bụng to như cái trống mà cổ lại nhỏ bằng ống kim, không thể nào ăn uống được. Có những loại cô hồn vì tánh xan tham nên để giành lấy thức ăn họ lại cấu xé nhau đến chết mà vẫn chịu cái khổ đói khát. Có những loại cô hồn nhìn thức ăn thấy toàn máu mủ và than hồng không sao ăn uống được. Ngoài ra còn nhiều nỗi thống khổ không sao tả xiết được mà chúng sanh phải chịu ở chốn u đồ.

"Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc,
Quỷ không đầu đón khóc đêm mưa;
Cho hay thành bại là cơ,
Mà cô hồn biết bao giờ cho tan."

Hơn ai hết, Nguyễn Du làm lắng đọng lòng người để nghe những âm thanh vang động tiếng thiết tha đầy thê thảm của chúng sanh khi viết nên tiếng ai oán Văn Tế Thập Loại Chúng Sanh. Ở đó, ông cũng phác họa nên những hình ảnh âm linh kinh hoàng chịu những nỗi rét mướt lạc loài của những oan hồn cô mộ.

Với thuyết nghiệp báo của Phật giáo, tất cả chúng sanh đều có nghiệp quả, chúng đều hưởng thọ nghiệp quả, chúng lệ thuộc vào nghiệp quả. Chính nghiệp quả mà phân biệt chúng sanh thành các chủng loại: thấp-cao,

sang-hèn, quý-tiện, hạnh phúc-khổ đau. Hay nói theo Lê Thánh Tôn trong Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngữ Văn:

"Hồn là thần, phách là quỷ,
No nên Bụt, đói nên ma."

Như vậy, qua sự hiện hành của nghiệp quả mà người ta đánh giá được nghiệp nhân của chúng sanh. Nghiệp quả càng vô cùng đa dạng thì hình thức hiện sinh của chúng sanh càng đa dạng không cùng.

"Mỗi người một nghiệp khác nhau,
Hồn xiêu, phách lạc biết đâu bây giờ?"

Và cái đa dạng phảng phất ấy trong khoa Mông Sơn Chẩn Thí Cô Hồn có trình bày: *"Hà sa thập loại khôn cùng,… không chùa không miếu lấy ai nương nhờ. Từ đường đâu có phụng thờ. Cô đơn, độc lập nương nhờ gốc cây, lênh đênh* mặt *nước cung mây, đầu đường xó chợ hồn bay lạc loài"*. Hễ cõi dương có bao nhiêu cảnh phiêu bồng lạc lõng thì cõi âm có bấy nhiêu cảnh lang bạt tiêu điều. Trở lại lời thỉnh mời, và cũng là lời mà Nguyễn Du thức tỉnh cho những tâm hồn mang nặng oán thù sân ngoa.

"Cô hồn thất thểu dọc ngang,
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sanh."

Theo quan điểm Phật giáo thì thiên đường hay địa ngục đều do ở mỗi con người mà ra.

"Nghiệp duyên vốn tự mình ra,
Nơi vuông tấc đủ thiên đường, địa ngục."
*(*Vịnh Phật - Nguyễn Công Trứ)

Vậy muốn thoát những cái khổ dằn vặt trong chốn tam đồ thì ở mỗi chúng sanh phải tự mình thức giác diệt trừ mê lầm oán thân, nhờ đó sẽ đạt tới đỉnh cao giác ngộ và giải thoát - hạnh phúc và tự do. Đó không chỉ đơn thuần là lời thức giác cho những cô hồn nặng oan khiên mà còn là lời phản tỉnh cho những con người đang hiện sinh lầm lạc trong cả cuộc đời này.

"Kiếp phù sinh như hình bào ảnh,
Có chữ rằng vạn vật giai không;
Ai ơi lấy Phật làm lòng,
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi."

Ở đây, Nguyễn Du đã diễn tả rất chính xác thực trạng vô thường theo quan điểm nhà Phật, đó là một thực tại khách quan, một chân lý phổ biến khắp không gian và thời gian. Nó không dựa trên ý thức cảm tính hay khái niệm chủ quan, lại hoàn toàn không phải hư cấu giả tưởng hay thêu dệt để lung lạc lòng người. Hết thảy vạn vật kể cả thập loại chúng sanh đều có những điều kiện, những nhân duyên tạo thành, không có cái biệt lập riêng rẽ. Đó là nguyên lý tất yếu, là nhận thức giác ngộ. Nếu giác ngộ đúng sự thật thì lòng ta sẽ vơi, sẽ không còn day dứt, khổ đau; vượt trên những vui buồn thường tình; tháo gỡ những oán thù, những tham lam ích kỷ. Đây là lời thuyết linh, lời phản tỉnh dẫn dắt hết sức tài tình của pháp sư Nguyễn Du. Đồng thời đó cũng là lời thiết tha kêu gọi mọi người hãy mau mau giác ngộ sự thật cuộc đời. Một khi lòng ta đã giác ngộ thức tỉnh thì Phật tại tâm, Phật ở tại lòng ta, vì Phật chính là giác ngộ vậy.

Kết thúc bài văn tế Nguyễn Du viết:

"Phật hữu tình từ bi phổ độ,
Chớ ngại rằng có có không không;
Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng,
Nam mô nhứt thiết siêu thăng thượng đài."

Khi Đức Phật quyết định dấn thân vào đời, Ngài phát bốn thệ nguyện rộng lớn để làm lý tưởng sống giữa cuộc đời: *"Thệ nguyện độ tất cả chúng sanh, thệ nguyện từ bỏ tất cả phiền não, thệ nguyện học hết thảy giáo lý cao siêu, thệ nguyện thành tựu đạo giác ngộ vô thượng.*" Bốn lời thệ nguyện này là hành trang của lòng yêu thương và từ bi vô tận, là tiêu điểm hướng đến thành tựu Phật quả. Bốn câu kết của Nguyễn Du ở bài văn tế bao hàm đủ ý nghĩa của *"Tứ hoằng thệ nguyện"* này. Ta thấy tình yêu thương của ông trang trải khắp tận cùng thế giới chúng sanh. Chính cái tình yêu thương vô tận ấy là nguồn xúc tác khơi dậy những vần thơ trác tuyệt làm rạng rỡ hình ảnh của một đại thi hào. Đứng về mặt đạo đức thế gian, ông quả là một người có đầy đủ hiếu tâm, hiếu đạo, trọn nghĩa, trọn tình. Đứng về mặt giác ngộ, ông có đầy đủ phẩm hạnh của một Phật tử sống biết thể hiện tinh thần tự độ, độ tha.

Tóm lại, đứng trên địa hạt lợi tha, đạo Phật luôn khích lệ tất cả mọi người phải ghi nhớ, tích cực tìm cách báo ân và cứu khổ. Xét rộng thì tất cả chúng sanh đều là ân nhân của nhau. Và cái khổ mà cần cứu cần vớt đó là cái khổ thống thiết của chúng sanh trong chốn u đồ.

Nhân mùa Vu Lan đến với người con Phật, tất cả chúng ta hãy cùng với Nguyễn Du đồng chấp tay hướng về Tam Bảo, đồng thể hiện tình thương tưởng đạo giáo vô biên của người con Phật đến tận khắp pháp giới chúng sanh còn đang đau khổ đọa đày trong cảnh u đồ, và hiện tại thế gian đang sống cơ hàn vì thọ nghiệp đáng thương, các chơn linh anh hùng liệt sĩ vì nước vong thân, đồng bào tử nạn. Hãy cùng nhau thành kính nguyện cầu cho tất cả đều được siêu sanh thoát hóa. Ấy là ý nghĩa báo ân mang tính vừa cao cả, vừa bao la hòa đồng và cảm thông cùng khắp của Nguyễn Du, của người Phật tử trong tinh thần Phật giáo chánh nhân. Cuối cùng, xin hãy đồng niệm câu kinh của Phật tử Nguyễn Du để nguyện cầu cho hết thảy chúng sanh đều được lợi lạc, an lành và hạnh phúc trong ngày lễ Vu Lan này.

"Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng,
Nam mô nhứt thiết siêu thăng thượng đài".

Thơ

LÝ THỪA NGHIỆP

Mưa Vẫn Bay

Mưa vẫn bay trên núi rừng mù mịt
Ai chong đèn ngồi thức với đêm khuya
Nghe lá khô rơi xuống đầm đìa
Hay thân xác chúng sinh hề vô lượng.

Này ngàn sông có hẹn về biển lớn
Đất mênh mông heo hút những bụi tàn
Bốn phương trời gió cát mang mang
Và ảo tưởng vẫn ngàn trùng sinh diệt.

Đêm có hẹn cùng màu trăng xanh biếc
Cuộc lưu vong, ai hẹn buổi quay về
Trên sông dài ai tỉnh với ai mê
Ai thức trắng chờ đêm tàn nguyệt tận.

Ngày sẽ đến khai quang niềm bi mẫn
Bên hiên xưa mưa gió sẽ nguôi dần
Tâm thân người im vắng cả bâng khuâng
Nghe lặng lẽ cả trùng dương sinh diệt.

Vô Tâm

Một tâm nguyện, một hình hài
Đêm nghe biển dội, ngày dài thất thanh
Một thân một bóng tu hành
Với bao hư ảo dỗ dành tiếc thương
Tuổi cao chồng chất vô thường
Bạc đầu lên núi dọn đường vô tâm.

Photo by Thu Hằng

Hoa Khai

Vườn tôi hoa đỏ hoa vàng
Lá xanh như núi, cỏ tràn hồ tâm
Nắng tan từng hạt mưa râm
Nghe se lạnh cả chổ nằm đêm qua
Tiếng ai niệm Phật Di-Đà
Hoa khai thơm cả hiên nhà mùa Xuân.

Khi Huệ Nở

Khi huệ nở bên lưng đồi buổi sáng
Người xa xăm phút chốc bỗng quay về
Ai hẹn hoài cùng ngàn nỗi đam mê
Rừng xanh lắm với hoa vàng lãng mạn.

Hoa huệ nở và đất trời thinh lặng
Lũ chim nào hiển lộng những đường bay
Trăng vẫn xanh chiếu rạng phương này
Soi lấy bóng, bờ tử sinh gang tấc.

Khi huệ nở, hình hài xưa sẽ khác
Cơn mưa dài hay lụy khúc mang mang
Thuở sơ khai hạt máu vỡ hoang đường
Chìm dưới núi tiếng rơi còn thảng thốt.

Khi huệ nở, hương tràn ta sẽ rót
Thơ bay lên từ một điểm tâm người
Bởi lạc loài từ thuở xa xôi
Vầng nguyệt bạch vẫn bên trời cô độc.

Huệ sẽ nở một cành mềm trên ngực
Gió bốn mùa xao xuyến mãi, khôn nguôi
Lệ có rơi về bến cũ luân hồi
Nơi Mẹ vẫn đợi chờ mùa huệ nở.

Đọc "HUYỀN THOẠI DUY MA CẬT" CỦA THƯỢNG TỌA TUỆ SỸ

Thanh Hòa

Cuối năm 2002, vì bệnh duyên, Thượng tọa Tuệ Sỹ vào điều trị ở bệnh viện khoảng một tuần. Vài tuần sau, chúng tôi được đọc bài "Văn Thù thăm bệnh" của Thượng tọa. Bài này về sau là chương V trong cuốn Huyền thoại Duy Ma Cật (HTDMC)*, lời văn thật hoa mỹ mà ý tứ cũng thật gần gũi thâm thiết.

Chúng tôi từng hỏi Thượng tọa về tập văn Duy Ma Cật chừng nào xong thì được Thượng tọa cho biết "ý tứ thì đã có sẵn, nhưng phải đợi cảm hứng chín muồi." Từ đó, chúng tôi, những người học trò, cũng như nhiều độc giả, âm thầm chờ đợi.

Và rồi cuốn sách đã ra đời vào đúng dịp lễ húy nhật lần thứ 23 năm nay (01-3-âm lịch) của cố Đại lão Hòa thượng Thích Trí Thủ, nguyên Chủ tịch HĐTS đầu tiên, khai sáng tu viện Quảng Hương Già Lam. Sách dày 317 trang, do Nhà Xuất bản Phương Đông tại T.P. Hồ Chí Minh ấn hành vào quý 1 năm 2007.

Sách gồm 10 chương chính cùng với bài tựa do chính tác giả viết và một chương kết, ngoài ra còn có thêm phần sách dẫn cho việc tra cứu. Đây là một tác phẩm viết về bộ kinh Đại thừa danh tiếng *Duy Ma Cật Sở Thuyết kinh*, bộ kinh này cũng đã được tác giả chuyển sang Việt ngữ.

Đọc tác phẩm, bên cạnh yếu tố văn chương ít người đủ thẩm quyền bình luận, chúng ta thấy nổi bật lên thái độ của tác giả, một thái độ ưu ái dành cho những nhân cách siêu việt sống gần gũi giữa đời thường. Họ là những vị Đại Thanh văn tay ôm bình bát, đi chân đất, sống tịch lặng giữa núi rừng hay đi khất thực trong thôn xóm. Họ gần đấy mà xa diệu vợi, đời thường đấy nhưng siêu thoát thế gian. Từ trước đến nay đã có rất nhiều nhà chú giải kinh điển coi trọng trưởng giả Duy Ma Cật mà hạ thấp Thánh chất trong tâm hồn của những vị Thanh văn. Với những ý kiến đó, tác giả không khoan nhượng: *"Chỉ những tâm hồn thấp kém, đứng trước cồn cỏ che khuất để không thấy Tu-di là cao, làm sao thấy được tâm tư như không gian vô biên của bậc Thánh"* (tr. 84). Vì là một bậc thầy trong Luận tạng Phật giáo nên tác giả rất coi trọng tính thực tế và luôn lập cước trên mảnh đất "thật pháp" ấy. Những lời bình giảng đi quá mức đều được tác giả nhìn lại dưới nhãn quan luận tạng. Nói về Tôn giả Xá Lợi Phất, tác giả viết: *"Ở đây, Tôn giả thấy rằng Niết bàn mà ngài đã chứng đắc thật sự không thể là cứu cánh. Còn cứu cánh vĩ đại, bao la vô tận nữa, cần đạt đến, cùng với tâm nguyện đại bi vô biên. Từ chỗ đó, chính Xá Lợi Phất là người gõ cửa để mở ra cánh cửa dẫn vào thế giới bao la của Phật trí. Không ngang qua nhân cách và trí tuệ của Xá Lợi Phất, hạng phàm phu thấp kém còn chìm ngập trong dục vọng ô nhiễm, đừng có tự hào mình đủ tầm nhìn để nhìn thấy hình ảnh vĩ đại của Đức Phật. Có thể một vài người học Đại thừa, tự thấy mình hiểu Duy Ma Cật, ngang bằng Văn Thù, khi giảng đến Xá Lợi Phất đã tỏ ra ngạo mạn, cho rằng trí tuệ Thanh văn thấp kém, chẳng hiểu gì cả"*.

Với những chỗ bỏ ngỏ trong chánh kinh khiến nhiều người suy diễn theo ý riêng, tác giả luôn bày tỏ niềm giao cảm với những bậc Thánh Thanh văn ít biện bạch. Sau khi nghe Duy Ma Cật giảng về pháp môn Giải thoát bất tư nghị của Bồ tát, Đại Ca Diếp đột nhiên cất tiếng khóc than, âm thanh chấn động cả ba ngàn đại thiên thế giới; với đoạn kinh này, tác giả viết: *"Ai là bậc đủ tầm vóc trí tuệ để nghe ra đó không phải là tiếng khóc than của những tâm hồn tuyệt vọng, mà là tiếng rống sư tử đang làm khiếp đảm đám thú rừng khiếp nhược?"* (tr.189). Rồi tác giả viết tiếp: *"Những điều kỳ diệu khiến Đại Ca Diếp cất tiếng rống sư tử, mà những kẻ thính giác khiếm khuyết nghe như tiếng kêu gào than khóc; điều kỳ diệu ấy là, trong mảnh xiêm y rách nát trùm bọc thân hình khô héo của thế gian này, là biểu tượng của một thế giới siêu việt, chỉ nhỏ bằng đầu sợi lông nhưng chợt được phát hiện là dung chứa cả đại thiên thế giới; qua đó là nhân cách siêu việt mà Duy Ma Cật đã cúi đầu vì sự thị hiện nghịch hành duy chỉ hàng Bồ tát Đại sỹ mới có thể kham nổi."* (tr. 191)

HTDMC không chỉ có giảng giải mà còn xô đẩy người đọc vào những hình tượng mâu thuẫn, khiến người đọc phải tự suy nghiệm để có kiến giải riêng. *"Với chúng ta, Duy Ma Cật là hình tượng mâu thuẫn nội tâm*

của từng cá nhân học Phật và tu Phật. Những mâu thuẫn ấy càng lúc càng gay gắt, nhưng tự bản thân chúng tự điều hòa để dẫn người tu tập đến những cảnh giới thực chứng cao hơn. Để thấy, để biết, cảm nghiệm, những gì mà trước, từ vô lượng kiếp về trước, chưa hề thấy, chưa hề biết". "Cần phải nhìn từ phía nội tâm để thấy Xá Lợi Phất là hình tượng phản diện của Duy Ma Cật. Nếu tự thấy mỗi chúng ta là một Duy Ma Cật, thì sự xuất hiện của Xá Lợi Phất như là nhân tố xung đột nội tâm, vạch ra giới hạn khắc nghiệt giữa ta và thế giới quanh ta, với những hệ lụy và giải thoát, giữa thanh tịnh và ô nhiễm. Phải vượt qua tất cả những giới hạn xung đột ấy, vượt lên qua nhiều lớp của cánh cửa bất nhị, để đi cho đến tận cảnh giới vô ngôn tịch mịch" (tr. 78).

Phải nói rằng, HTDMC được viết theo phong thái của một nghệ sĩ. Cái cao xa huyễn hoặc được kéo lại gần hơn, cái khô gầy héo úa được tưới mát bằng cam lộ. "Như một nghệ sĩ, từ trong đọa đày khổ lụy mà sáng tạo nên các hình tượng mỹ cảm không chỉ cho mình mà cho cả người đời thưởng thức cái hương vị ngọt ngào từ khổ lụy ấy."

Nơi đây, xin mạn phép được ghi đôi dòng cảm nghĩ.

---

* (Tuệ Sỹ, Huyền thoại Duy Ma Cật, NXB Phương Đông, 2007. 317 tr).

Thơ

TÂM NGHĨA (NGÔ VĂN QUY)

QUÉT LÁ

Lên chùa tôi quét lá cây
Lá vàng rụng cánh rơi đầy cả sân
Nhìn lá úa lòng bâng khuâng
Giữa tôi với lá có gì giống nhau
Dường như tôi, lá khởi đầu
Hóa thân là bụi từ lâu đã thành
Chỉ cần cơn gió mong manh
Thổi về thật nhẹ lá đành xa cây
Từ sanh đã hẹn có ngày
Về nơi cõi đến chốn này tạm dung
Hơi thở tôi, là đã cùng
Một vòng sanh diệt bổng trùng hợp nhau
Nếu chẳng về thì đi đâu
Chao ơi mỏi mệt chìm sâu thăng trầm
Trong mãi mê giữa nợ trần
Đã quên đi mất mấy vầng cõi tôi
Quên chưa sắp sẵn chỗ ngồi
Hành trang trống rỗng ở nơi đi về
Lá ơi chẳng hẹn chẳng thề
Mai nầy, tôi, lá sẽ kề bên nhau...

18.07.2007

ĐI VỀ MỘT CHỖ TƯƠNG QUAN

Gởi Vĩnh Hảo nhân đọc "Sinh tử đại sự"

Ngày mai "có lẽ" đời sau, cái nào đến trước nhìn nhau hỏi chừng. Mai này thức dậy mông lung, khởi đầu cho những muôn trùng được thua. Ngủ qua đêm, giấc mộng thừa, để mang thương ghét đánh lừa cõi tôi. Cõi sanh, cõi diệt ngự hồi, cõi Vô thường "có" đứng ngồi cũng không. Tranh nhau từng hạt bụi hồng, nào hay biến hóa trong từng sát na. Kỷ niệm sanh, tiễn bóng tà, là gần hơn nữa với tà áo quan. Giữa sanh đến diệt họ hàng, khác năm, lạ tháng quan san vẫy chào. Từ không đến chốn lao xao, khi về rồi cũng lao đao chỗ nằm.

24.07.2007

NHÂN MÙA VU LAN ĐỌC LẠI THIÊN HUYỀN SỬ:

MỤC KIỀN LIÊN THẦN THÔNG ĐỆ NHẤT

Thẩm Thệ Hà

Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất là đôi bạn tâm giao, thời niên thiếu cùng học đạo Bà La Môn, vì không tìm được chân lý ở đạo này nên cả hai đồng quy y Phật giáo. Chỉ 7 ngày sau quy Phật, Mục Kiền Liên đắc quả, A La Hán, được Thế Tôn khen là thần thông đệ nhất trong hàng mười đệ tử lớn của Phật.

Đức Thế Tôn thường xuyên răn đệ tử không nên thi thố thần thông với ngoại đạo, nhưng đối với Mục Kiền Liên, Thế Tôn không ngăn cấm vì Ngài biết tôn giả khéo léo phối hợp thần thông và trí tuệ để hàng yêu phục ngoại đạo, giáo hóa chúng sinh.

Một buổi sáng, thành Xá Vệ tưng bừng náo nhiệt, rực rỡ cờ hoa. Dân chúng nhộn nhịp tổ chức đại lễ tuyên dương 96 giáo phái xuất gia, với sự chủ tọa của vua Ba Tư Nặc, sự hiện diện của Thái tử và quần thần văn võ. Muốn vào thành dự lễ, phải qua sông A Kỳ; mà sông A Kỳ hôm nay nước bỗng dâng cao, sóng tràn lớp lớp, gió thổi ào ào, không thuyền bè nào qua sông được. Phái đoàn ngoại đạo từng bước bên bờ sông, lo sợ không đến dự lễ kịp; vừa lúc ấy, Phật và các đệ tử đến nơi. Thấy mặt nước mênh mông, hàng hàng ngoại đạo ủ rũ bên bờ sông, Mục Kiền Liên vận thần thông chỉ ngón tay về phía trước, tức thì hiện ra một chiếc cầu thất bảo bắt ngang sông. Vừa thấy chiếc cầu báu bỗng nhiên xuất hiện bọn ngoại đạo mừng rỡ reo to: "Trời giúp chúng ta rồi".

Nhưng từ thinh không có tiếng pháp âm vọng xuống: "Đó là cầu báu nghênh đón Phật". Mặc dù tiếng vang thông báo như sấm động bên tai, bọn ngoại đạo vẫn tranh nhau lên cầu, mong đến trước để chiếm ghế thượng khách. Ra đến giữa cầu, bỗng một tiếng nổ vang, chiếc cầu gãy làm hai, bọn ngoại đạo rơi xuống nước, vùng vẫy, kêu cứu. Khi Đức Phật đến bờ sông thì chiếc cầu báu hiện lại nguyên hình như cũ, Phật và đoàn đệ tử chậm rãi bước lên cầu, thấy dưới sông bọn ngoại đạo đang loi ngoi trong vòng xoáy, trên những đợt sóng. Thế Tôn động lòng từ bi vận thần thông cứu hết mọi người lên cầu, cho đi theo sau Phật qua sông. Khi tất cả lên bờ, chiếc cầu bỗng nhiên biến mất.

Phái đoàn Phật giáo đến hội trường trước, được nhà vua và quần thần đón rước long trọng, cung nghinh vào hàng thượng khách. Bọn ngoại đạo theo sau, ướt mem, phờ phạc, chẳng khác nào một đám tàn binh. Đại hội trọng thể cử hành, Phật giáo được tuyên dương như vầng thái dương rực rỡ chiếu sáng khắp trần gian, đưa nhân loại đến bờ giải thoát.

Bọn ngoại đạo cảm thấy hổ thẹn vì sự thua kém của mình, một số đông giác ngộ tìm về chánh đạo, xin quy y với đấng vô thượng Chánh đẳng chánh giác Thích Ca Mâu Ni.

Một hôm, Đức Phật bảo Mục Kiền Liên: "Tại biên giới Ấn Độ, có một nước lớn mà toàn thể dân chúng đều theo ngoại đạo Phạm Chí, một số người đã đắc ngũ thông. Ông hãy đến đó, dùng thần lực cảm hóa họ, giúp họ cải tà quy chánh".

Mục Kiền Liên vâng lệnh, cỡi gió bay về biên giới phía Bắc. Đến nơi, Ngài thấy bọn ngoại đạo đang bao quanh một ngọn núi lớn, dường như chúng đang dùng thần thông di chuyển hòn núi. Mục Kiền Liên nhẹ nhàng đáp xuống đỉnh núi, biến thân mình cao lớn tận hư không, đôi chân trụ bộ trên ngọn núi. Chúng ngoại đạo tận dụng hết thần thông mà hòn núi không hề lay động, họ kinh hoảng nhìn lên, thấy một Sa môn cao lớn như người khổng lồ, thân sừng sững trên không, chân đạp ngọn núi. Thì ra vị Sa môn ấy dùng thần thông chồng thần thông, làm cho hòn núi không di chuyển được. Bọn ngoại đạo vừa ngạc nhiên vừa kính phục,

lễ phép hỏi:

"Tôn giả là ai? Sao lại có thần lực vĩ đại như vậy?"

Mục Kiền Liên vui vẻ đáp:

"Ta là Mục Kiền Liên, đệ tử của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật."

Bọn ngoại đạo sợ hãi khẩn cầu:

"Hòn núi này ngăn trở giao thông, nhà vua ra lệnh cho chúng tôi phải phá tan nó đi vì lợi ích của bá tánh. Xin tôn giả giúp chúng tôi hoàn thành sứ mệnh.

Mục Kiền Liên cười nói:

"Việc ấy dễ thôi, ta vui lòng giúp các ông. Các ông hãy xem đây…"

Dứt lời, Tôn giả nhấn mạnh gót chân, hòn núi hùng vĩ biến thành bình địa.

Mục Kiền Liên biến hóa trở lại người bình thường, từ không hạ xuống như một vị thiên thần.

Các Phạm Chí vô cùng kính phục:

"Tôn giả thật thần thông quảng đại, Phật pháp hẳn thật huyền nhiệm, cao siêu. Xin Tôn giả cho chúng tôi quy y Phật."

Mục Kiền Liên hân hoan hướng dẫn bọn ngoại đạo về tịnh xá Trúc Lâm quy Phật. Đức Thế Tôn khen ngợi Mục Kiền Liên biết khéo léo dùng thần thông để hàng phục ngoại đạo. Tôn giả đã làm tròn trách nhiệm một cách vẻ vang.

Một buổi sáng xuân quang đãng, Tôn giả đi khất thực về, ngang qua một vườn hoa, tiết xuân phân trăm hoa đua nở, muôn hồng nghìn tín kheo sắc đua hương. Từ trong vườn, một mỹ nhân bước ra, mình mai yểu điệu, dung nhan diễm lệ, khóe mắt lóng lánh gợi tình, môi hồng xin tươi như đóa hoa vừa chớm nở. Giữa vườn hoa, nàng rực rỡ hơn cả muôn. Bên cành biếc, nàng uyển chuyển thước tha như cành liễu rủ. Nàng đến trước Mục Kiền Liên, cất giọng oanh vàng thỏ thẻ:

"Xin mời Tôn giả bước vào vườn hoa, tiện nữ xin dâng lễ vật cúng dường."

Thoạt nhìn qua, Mục Kiền Liên biết ngay đây là một kiều nữ do ngoại đạo sai đến để quyến rũ người tu hành. Nhưng nhan sắc kiều mị làm sao cám dỗ được bậc chân tu!

Mục Kiền Liên nghiêm trọng giọng nói:

"Này cô nương! Tôi đã nhận rõ chân tướng và ý đồ của cô rồi. Phải chăng ngoại đạo phái cô đến để làm sa ngã kẻ tu hành? Phải chăng vì tiền bạc mà cô cam tâm làm điều ô nhục."

Kiều nữ vẫn thiết tha, khêu gợi:

"Tôn giả ơi! Tuổi xuân giá đáng ngàn vàng, sao nỡ sống vô tình cho uổng phí xanh. Xưa nay anh hùng không qua khỏi ải mỹ nhân, thần thông khó qua khỏi ải nhan sắc. Không lẽ Tôn giả là gỗ đá vô tri, không động tâm trước thuyền tình sóng sắc?"

Mục Kiền Liên nhìn ngài thương hại:

"Cô nương hãy mau tỉnh ngộ. Cuộc đời là vô thường, nhan sắc chỉ là hư vọng. Bậc chân tu chọn thuyền Bát nhã thoát khỏi trầm luân chớ không chìm đắm trong bể ái thuyền tình. Mong cô nương hãy hướng thiện, cải tà quy chánh, để khỏi chịu quả báo ghê rợn sau này."

Kiều nữ lộ vẻ buồn rầu:

"Tôn giả ơi! Tiện nữ vì quá truân chuyên khổ não nên lạc lối lầm đường, dẫy đầy tội lỗi, liệu có thể ăn năn hướng thiện được chăng?"

"Đời cô nương truân chuyên, khổ sở nuư thế nào?"

Nước mắt tuôn trào, kiều nữ ngậm ngùi bày tỏ:

"Thưa Tôn giả, tôi tên là Liên Hoa Sắc, quê ở Đức Xoa Thi La. Năm 16 tuổi, tôi xuất giá vu quy. Chẳng bao lâu biến cố xảy ra, cha tôi chết, mẹ tôi tư thông với chồng tôi. Thật là trái luân thường đạo lý, tôi đau khổ vô cùng. Tôi bỏ nhà ra đi, để lại một đứa con gái. Thời gian trôi qua, để khỏa lấp u buồn, tôi tái giá. Không ngờ chồng sau này có tánh phóng đãng, lấy vàng mua vợ bé. Chừng tôi biết được, truy ra mới biết nàng tiểu thiếp ấy là con gái tôi: Oan nghiệt thay số phận hồng nhân đa truân, nỗi khổ đây cứ dập dồn chồng chất. Tôi sinh ra hận đời, muốn trả thù đời. Từ đấy tôi sống buông thả vào con đường tội lỗi, làm gái buôn hương để làm tan nát bao gia đình đầm ấm. Tôn giả ôi! Càng ngày tôi càng bị lún sâu vào bùn, không ngoi mình lên được nữa. Tôi lại sa vào vòng tà đạo, muốn hãm hại cả bậc chân tu. Giờ đây tôi chỉ còn muốn chết để dứt nợ trần gian, không còn thiết tha gì với cõi đời này nữa."

Nói xong, nàng khóc thảm thiết. Mục Kiền Liên từ hòa an ủi:

"Cô nương đừng quá bi thương, phẫn chí. Bây giờ có chết đi, cô cũng không dứt được nợ trần đâu, vì luân hồi kiếp sau cô phải tiếp tục bị quả báo. Tốt hơn hết là cô nên thành tâm sám hối, quy y Phật pháp, hành tu thập thiện, mới mong an bình trong kiếp này và giải bớt nghiệp chướng ở kiếp sau."

Đôi mắt Liên Hoa Sắc bỗng sáng lên niềm tin tưởng, nàng phủ phục sát đất, cầu xin cứu độ. Thế là nhờ vận dụng thần thông và trí huệ, Mục Kiền Liên đã chứng minh "thần thông thắng sắc đẹp" và đưa được một kẻ chán đời, tuyệt vọng ra khỏi bể khổ trầm luân.

Một năm nọ, vào tháng Bảy, Mục Kiền Liên đi khất thực bên bờ sông Hằng, chợt thấy một đoàn ngạ quỷ xuống sông uống nước. Có quỷ bụng to như cái lu, tay chân như cây sậy, cổ họng nhỏ như cây kim, thấy thực phẩm ngon mà không ăn được. Có quỷ đầu to như cái đấu, lưỡi dài khắp chân thân, máu trong huyết quản cứ vận ngược từ dưới lên trên làm đau đớn vô ngần.

Tôn giả lấy làm xót thương, biết là do nhân quả báo ứng từ kiếp

trước. chjanh nhớn đến mẹ già từ trần từ lâu, Tôn giả liền dùng thiên nhãn thông nhìn xuống âm phủ, Ngài thấy mẹ mình đang bị đọa trong ngạ quỷ, khổ sở, đau đớn vô cùng. Động lòng hiếu thảo, Ngài vận thần thông xuống thẳng địa ngục, mang bát đựng đầy cơm dâng mẹ. Bà mẹ nâng bát đưa lên miệng, cơm trong bát bỗng hóa thành lửa đỏ. Ngài buồn rầu muốn cứu mẹ, nhưng chưa biết làm cách nào.

Ngài trở về, bạch với Phật mọi sự việc, xin Thế Tôn từ bi chỉ dạy. Đức Phật nghiêm trang giải thích rõ:

"Mục Kiền Liên! Mẹ ông kiếp trước phỉ báng Tam bảo, không tin luôn hồi quả báo, kiếp này lúc sinh tiền làm nhiều điều tà ác, ích kỷ hại người, do đó bị đọa làm ngạ quỷ. Ông dù thần thông đệ nhất cũng không thắng được nghiệp báo."

Mục Kiền Liên khẩn khoản cầu xin:

"Xin Thế Tôn chỉ dạy diệu pháp nào có thể cứu mẹ con thóat khỏi đường ngạ quỷ."

Đức Phật dạy:

"Mục Kiền Liên, ông hãy nghe cho kỹ: hiếu đạo của ông tuy sâu, thần thông của ông tuy cao, nhưng thầ lực cá nhan không phải trừ được ác nghiệp. Vậy ông phải nhờ oai lực của tập thể cao tăng mới giúp mẹ ông thoát khổ nạn. Đến ngày Rằm tháng Bảy là ngày giải hạ tự tứ, ông phải thành tâm cúng dường chư cao tăng, thánh chúng, nhờ sức thần tập thể mà giải thoát cho tội nhân. Nên nhớ cứu đến ngày này, ai có lòng thành thiết lập trai tăng cúng dường thánh chúng, nhất định cha mẹ đã chết sẽ được giải thoát khỏi 3 đường khổ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), cha mẹ còn sống sẽ được an khang, trường thọ, phước lạc. Chẳng những cầu siêu cho cha mẹ, mà còn có thể cầu siêu cho tổ tiên bảy đời và lục thân quyến thuộc."

Nghe lời Phật dạy, Mục Kiền Liên hoan hỷ tuân hành, giải thoát được mẹ khỏi khổ ngạ quỷ. Thấy sự ứng nghiệm nhiệm mầu, Ngài khuyến khích người thế gian nên noi theo gương Ngài để đền đáp ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. diệu pháp ấy được truyền bá đến nay thành lễ Vu Lan, cử hành trọng thể hàng năm ở các chùa vào ngày Rằm tháng Bảy âm lịch. Có điều lễ Vu Lan ngày nay không hội đủ các bậc cao tăng đắc quả A La Hán, các vị Bích Chi Phật ở chốn thâm sơn, đồng nhất tâm thọ thực nên giảm đi phần ứng nghiệm diệu kỳ như thời Phật còn tại thế.

Mục Kiền Liên suốt đời nhiệt tâm tuyên dương Phật pháp, dùng thần thông trí huệ trấn áp ngoại đạo, tiếp dẫn chúng sanh. Bọn ngoại đạo rất căm thù Tôn giả, đợi cơ hội để ám hại.

Một hôm, trên đường hoằng dương chánh pháp, Mục Kiền Liên đi ngang qua núi Y Tư Xá Lê. Bọn lõa hình ngoại đạo thám thính biết rõ lộ trình, tụ tập nhau trên núi âm mưu phục kích. Khi Tôn giả vừa tới nơi mai phục, chúng từ trên núi xô đá xuống, đá rơi ầm ầm như sấm rền, che lấp cả lối đi. Nhục thân tứ đại của Tôn giả bị đá đập nát ngứu, máu tuôn đầm đìa. Thật là rùng rợn! Thật là thảm thương! Vậy mà bọn ngoại đạo lấy làm đắc ý, toại nguyện vì trả được mối thâm thù. Chúng không làm gì được Phật thì chúng sát hại đệ tử thượng thủ của Phật để làm cho Phật giáo mất uy danh.

Tin Tôn giả Mục Kiền Liên bị ám hại truyền đến tai Đức Thế Tôn và vua A Xà Thế. Nhà vua nổi giận hạ lệnh bắt hết cả ngàn hung thủ lõa thể ném vào hầm lửa, thần thức chúng bị sa vào địa ngục.

Mặc dù bọn hung thủ bị trừng phạt thích đáng theo luật người và luật quả báo, các Tỳ kheo đại chúng vẫn không ngăn được nỗi bi ai, tập hợp đến trước Phật, lệ thảm tuôn trào:

"Bạch Thế Tôn! Tôn giả Mục Kiền Liên là đệ tử thượng thủ của Phật, là bậc A La Hán thần thông đệ nhất, suốt đời tận tâm phục vụ chân lý, chánh đạo, tại sao Ngài không dùng thần thông kháng ngoại đạo, để đến nỗi chết thảm thương như vậy?"

Đức Phật là bậc đại trí giác, biết trước mọi việc xảy ra, nên Ngài không quá xúc động như đệ tử, Ngài ôn hòa khuyên nhủ:

"Các ông không nên quá bi ai. Ta đã từng nói: 'Thần thông không thắng được nghiệp báo.' Trước đây, Đại Mục Kiền Liên không thể dùng thần thông để cứu mẹ thì nay Tôn giả cũng không thể dùng thần thông để cứu mình khỏi nghiệp lực.

Một Tỳ kheo quá thương cảm, cất tiếng nghẹn ngào:

"Bạch Đức Thế Tôn! Thế Tôn đã biết rõ nhân quả kiếp trước kiếp này, sao Ngài không báo cho Mục Kiền Liên rõ để ông ấy tự phòng thảm nạn?"

Phật nghiêm trang nói:

"Này Tỳ kheo! Ta không cần báo trước, Mục Kiền Liên cũng đã biết trước rồi. Tôn giả có thể dùng thần thông để bảo vệ mình, nhưng đó không phải là biện pháp cứu cánh, vì nghiệp lực vẫn cứ đeo mang. Tôn giả biết trước mà vẫn an nhiên tiến đến cái chết, vì Ngài muốn trả một lần cho dứt nghiệp hầu an nhàn hoàn thành Phật đạo ở kiếp sau. Cái cao quí nhất, tốt đẹp nhất là Mục Kiền Liên đã hy sinh tuẫn tử vì đạo pháp, nêu gương sáng cho mọi người, mọi thời. Các ông hãy noi gương ấy của Tôn giả."

Lời giáo huấn sâu xa của Đức Phật làm cho tất cả đệ tử đều bình tâm tỉnh ngộ. Một Mục Kiền Liên hy sinh, bao nhiêu Mục Kiền Liên khác cũng sẽ nối tiếp hy sinh để chân lý được soi sáng. Phật pháp được trường tồn, nhân loại được giải thoát. Tinh thần tuẫn giáo của Mục Kiền Liên sẽ sáng ngời bất diệt! Hình tượng thánh thiện của Mục Kiền Liên sẽ rực rỡ ngàn đời.

MẸ và TÔI

Trịnh Công Sơn

Vu Lan, xin gửi bạn đoản văn hay và cảm động nhất trong tất cả những tuyệt tác văn chương ca tụng tình mẹ.
(Vĩnh Hảo)

Khi một người mất mẹ ở tuổi năm mươi, điều ấy có nghĩa là không còn gì có thể dàn xếp được. cái sa mạc để lại trong lòng bạn cứ thế mỗi ngày mỗi lan rộng ra và cõi lòng bạn thì tan nát như một cánh đồng xanh tươi vừa trải qua một cơn bão lớn.

Bạn tự nhủ lòng rồi ngày mai sẽ khá hơn nhưng điều ấy không bao giờ có được.

Khi một người mồ côi mẹ ở tuổi năm mươi, thì điều ấy có nghĩa là cái chỗ trống trên giường mẹ nằm sẽ mãi mãi là một khoảng không hiu quạnh những sáng, trưa, chiều, tối. Bạn sẽ đứng nhìn cái gối mẹ thường nằm mỗi ngày và bật khóc. Bạn ngồi lại bên mép giường của mẹ và hiểu rằng từ đây bạn sẽ không còn được mẹ trách móc một điều gì nữa.

Khi một người đã năm mươi tuổi mà vẫn sống một mình và mẹ cũng một mình (vì ba mất sớm), thì mẹ và người ấy là hai người bạn.

Hai người bạn đã cùng nhau chia xẻ những buồn vui trong cuộc đời nhưng mẹ bao giờ cũng là người thiệt thòi nhất vì mẹ bao giờ cũng thấy con mình là một đứa trẻ và do đó mẹ đã chăm sóc con trên từng giấc ngủ, trong từng bữa ăn.

Và cũng chính mẹ sẽ rời bỏ mọi cuộc vui để không rời bạn khi đau ốm.

Không có bài hát nào nói đủ về mẹ.

Mất mẹ là mất đi một tài sản lớn nhất trong toàn bộ sự giàu có của một đời người.

Khi cúi xuống hôn vầng trán lạnh lẽo của mẹ, tôi biết rằng từ nay sự lạnh lẽo ấy sẽ dần dần tràn ngập trái tim tôi.

Sự lạnh lẽo ấy là một nhắc nhở cần thiết như một giòng kinh sám hối đòi hỏi mỗi người phải gieo cấy lại những hạt mầm đức hạnh trong tâm hồn mình trước cuộc đời.

Mỗi người tình có thể ác độc với bạn nhưng trong lòng người mẹ thì chỉ có từ tâm.

Sự ác độc mang đến giá băng trong lòng bạn và chỉ có hủy diệt chứ không thể nào làm sinh nở một điều gì tốt lành.

Chỉ có ở người mẹ, bạn mới có thể tìm được lòng chung thủy tuyệt đối.

Khi mẹ mất rồi thì bạn hãy tin chắc rằng không thể ở nơi nào có một lòng chung thủy tương tự như vậy nữa, bởi vì đối với mẹ, bạn là mục đích đầu tiên và sau cùng.

Khi một người tình cho bạn một tình yêu thì trong trái ngọt đã có thêm mùi vị của cay đắng.

Tình yêu của mẹ là không vụ lợi. Ở trái tim người mẹ chỉ có sự tràn đầy, không có bớt đi hoặc thêm vào gì nữa. Nếu thân xác đi mà linh hồn vẫn còn lại thì bạn hãy tin rằng ,mẹ sẽ là người đau khổ nhất chứ không phải là bạn. Ở nơi linh hồn đó, mẹ biết rằng từ nay không còn ai đủ tình yêu để chăm sóc và an ủi bạn trong những phiền muộn chập chùng của cuộc đời.

Một người năm mươi tuổi mất mẹ, thì đau khổ hơn trẻ lên năm, bởi vì người ấy không còn hy vọng gì ở tương lai nữa. Mất mẹ là mất một phần lớn của cuộc vui muốn được đền đáp, chia xẻ.

Đối Ảnh

Ngô Nguyên Dũng

Tôi chăm chú dõi theo dáng mẹ lom khom bên mấy chậu hoa trong khu vườn mùa Đông. Nắng chiều hắt vàng lên những khóm cây nhiệt đới còi cọc trong chậu đất con. Chòm lê kiểng rải bóng lốm đốm lên lưng áo mẹ. Mẹ mặc áo trắng, quần đen, tóc bới cao, giắt kẹp đồi mồi. Tôi có thể hình dung ra chiếc kẹp này với đầy đủ chi tiết. Những đường vân nâu lượn ngoằn ngoèo trên lớp vỏ màu hổ phách trong như mật. Cái móc thiếc tí hon, chỉ cần bấm nhẹ là bung ra. Đã nhiều lần tôi vụng về tìm cách tháo kẹp, khi mẹ cúi đầu hỏi han hay vỗ về tôi. "Con trai cưng của mẹ ơi!" Giọng mẹ mềm mại như tẩm mật ngọt, được ướp hương trầm. Mẹ gỡ mấy sợi tóc vương quanh móc kẹp, trao cho tôi. Nét mặt mẹ rạng rỡ. Nét mặt tôi cũng rạng rỡ, dẫu chỉ là thứ ánh sáng yếu ớt không soi thấu đáy sâu đại dương. Tay tôi mân mê thân kẹp đồi mồi bóng loáng, trơn lẩy, mát rượi, có cảm tưởng chính tôi là con vật cô đơn lầm lũi trong lòng biển đục tối. Tôi có cặp mắt lờ đờ của đồi mồi. Tôi có chiếc miệng hay nhẩu nhão chất nhờn của đồi mồi. Tôi có hai cánh tay và đôi chân khẳng khiu, co quắp chậm chạp của đồi mồi trên đất cạn. Tôi còn có thứ ngôn ngữ không thể diễn đạt bằng tiếng nói. Tôi là một đứa trẻ mang chứng si ngốc bẩm sinh.

Mẹ tưới cây xong, còn dềnh dàng đứng đấy trong nắng chiều, rồi xoay người bước tới cạnh tôi. Gương mặt mẹ ngược nắng, sẫm lại. Vạt áo mềm như đôi cánh lấm tấm bụi phấn của con bươm mốc vừa rời kén. Mẹ cúi mặt, áp má lên tóc tôi, thầm thì: "Không ai chơi với con trai của mẹ, phải không?"

Tôi hình dung ra nét mặt mình rực vui. Tôi sẽ liến thoắng choàng tay bấu cổ mẹ, sẽ rót vào tai mẹ lời ngọt ngào tầm thường nhất. Nhưng hai mắt tôi vẫn trâng tráo bất động, mép miệng tôi vẫn tiếp tục rỉ nhớt, tay tôi vẫn lỏng khỏng cành khô. Tôi không thể điều khiển hành động mình bằng ý nghĩ. Tôi chỉ giương to mắt như con thú trước cảnh bất trắc, nửa van xin nửa sợ sệt chờ đợi. Mẹ hiểu ánh mắt tôi, gật gù:

"Ừ, ừ, lát nữa chị Quỳnh sẽ tới chơi với con, chịu không?"

Tôi nhếch môi cho mẹ hiểu đó là nụ cười. Mẹ sửa lại sống áo tôi, cẩn thận luồn áo lót vào lưng quần, chặm nước bọt hai bên mép môi tôi. Rồi mẹ nhấc ghế ngồi cạnh, tiếp tục đan áo. Có điều gì không ăn nhịp giữa màu chiều tàn tạ và màu len đỏ rực trong rổ đan. Cử động thoăn thoắt đưa đẩy kim đan của hai tay mẹ cũng không ăn khớp với đám tĩnh vật chung quanh. Như thể chúng đang chờ đợi điều gì. Một thảm cảnh hay một niềm vui bất ngờ? Như thể chúng đang trừng mắt mưu toan chuyện mờ ám. Như thể chúng đang ẩn núp rình rập, chờ xem một biến cố ngoạn mục. Làm sao tôi giải thích cho mẹ, cho cha, cho chị Quỳnh và cho cả anh Trung hiểu rằng, mỗi tĩnh vật trong ngôi nhà này đều tiềm ẩn một câu chuyện. Tất cả gom lại thành một bảo tàng viện của nhân loại thu hẹp. Chiếc ghế sơn trắng kê nơi ngưỡng cửa đã có thời là thông xanh sừng sững trong rừng sâu. Chướng nghiệp nào khiến chúng bị đốn làm gỗ mang về đây, hiện diện nơi này, là nhân chứng theo từng kỳ tăng trưởng bệnh trạng của tôi? Mẹ đã nhiều lần ôm tôi ngồi trên chiếc ghế ấy. Hoặc ru giấc chiều, hoặc mớm cho tôi từng muỗng cháo lỏng. Hay chỉ ngồi thừ như thế. Tôi vùi thân vào đại dương ấm áp vòng tay mẹ. Tôi há miệng bú mớm chất ngọt của tinh bột. Tôi thấy rõ đồng lúa gợn sóng vây vẩy trong nắng gió. Tôi thấy cả thằng bù nhìn ngã rạp sau cơn giông đêm qua. Lũ chim lúa reo mừng hối hả. Tiếng cánh đập lào rào như thóc rẩy. Lẽ nào tôi lại là con chim lúa tinh ranh, từ đất trời nhiệt đới lạc tới chốn này, quéo quắt ngắm từng vật thể bày biện quanh đây?

Vật tôi yêu nhất có lẽ là vạt nắng hắt lên tường nhà, phía sau bình hoa pha lê. Màu nắng thay đổi từng mùa... không, mỗi ngày. Đẹp nhất khoảng tháng Mười, nắng đậm mật. Tôi thấy ra trong đó có vị mặn của cái chết.

Mùa đang cựa mình, rắc lên mặt đất chút sinh lực sau cùng. Hung hãn như tên đồ tể vô tâm. Lạnh lùng như con thú một sống một còn với kẻ thù. Đã nhiều lần tôi hóa thân thành đứa trẻ có tâm sinh lý bình thường, dò dẫm từng bước tới ngồi vào giữa vạt nắng tháng Mười. Lá trong tôi rực vàng như giát kim nhũ. Tâm hồn tôi nóng bức lạ lùng. Hốt nhiên tôi mù mờ nhận ra lẽ huyền bí giữa sống chết. Hoàn toàn không biên giới. Thoắt cái là bên này, hay bên kia. Để

rồi tôi lại rã rượi vòng tay ôm lấy bóng nắng, như đợi ơn cứu rỗi. Vì tôi vừa bâng khuâng nhận ra tôi, vâng, chính tôi là lằn ranh mỏng manh giữa sự sống và cái chết. Không một ai hiểu những suy tư rắc rối này của tôi, kể cả chị Quỳnh. Chị đến để tập cho tôi một vài động tác thể lực, mỗi tuần ba lần. Chị Quỳnh đẹp như tranh vẽ. Bàn tay chị mềm như lụa. Người chị toát hương một loài hoa quý. Tôi nằm yên, gần như trần truồng, cho chị xoa dầu lên người. Tay chị lần tới đâu, hơi ấm lan tới đó. Chị nắn vuốt những khớp xương khẳng khiu, đầu ngón xoay vòng nhè nhẹ, thận trọng như sợ tôi vỡ. Chị ấn lên xương sống tôi, từ cổ xuống tận đốt dưới cùng. Tôi muốn mình hoá thành con rắn để được chị nắn mãi như thế. Chị Quỳnh dường như không nhận biết cảm xúc này của tôi. Và tôi có cảm tưởng càng về sau, chị tới đây không phải để chăm sóc tôi mà vì lý do nào khác. Những hôm chị tới đều có mặt anh Trung. Khi tôi tới tuổi biết nhận thức thì anh Trung đã thường xuyên vắng nhà. Giờ giấc về thăm của anh thất thường. Có khi vào sáng sớm, có khi là nửa đêm. Nhiều lúc anh ở chơi, bầu bạn cùng tôi hai ba tuần liền. Lại có lúc không thấy tăm hơi anh vài tháng liên tiếp. Nhà thiếu hơi hướm đàn ông trẻ, trở nên ẻo lả, xanh xao, bi quan như bản đàn ngũ cung. Có anh, ngôi nhà như đàn bà tiếp nhận tinh lực đàn ông, bừng lên nồng nàn. Tôi cũng linh hoạt rộn ràng. Anh thay mẹ làm những việc nặng. Như đẩy xe cho tôi đi dạo. Như bế tôi vào phòng vệ sinh. Cơ thể tôi vẫn phát triển, dẫu chậm và không bình thường. Tay chân tôi càng lúc càng loằng khoằng. Nửa người bên trái nghiêng lệch như phần lá cây thiếu ánh sáng. Còn khuôn mặt tôi, trời ơi, lâu lắm rồi tôi không đủ can đảm nhìn mình trong gương. Tôi nhận diện mình qua tình thương của cha mẹ, bằng bàn tay mềm mại của chị Quỳnh và qua sắc diện hâm hấp sự sống của anh Trung. Anh đẹp đẽ toàn bích qua cái nhìn của tôi. Anh còn có phong cánh tao nhã của một nghệ sĩ. Dù mang khuyết tật thính giác, nhưng tôi vẫn có thể mường tượng ra dòng nước âm thanh, khi anh ngồi khẩy đàn bên tôi. Những nốt nhạc lóng lánh rắc mưa lên đất cằn. Lá cỏ cong oằn hứng lấy ơn lành. Tôi đẫm hồn mình vào không gian tuyệt diệu của âm nhạc, nấc ngây ngất theo từng ngón tay anh nắn nót trên khung dây. Nét mặt anh an lành tuyệt đối. Ánh mắt anh cũng gợi cảm tuyệt đối, chờn vờn quyện trên khuôn mặt tôi rồi quay sang chỗ chị Quỳnh đang ngồi. Tôi rợn người. Tôi không thể diễn tả được thần sắc anh lúc đó. Nó vượt qua giới hạn của trí tưởng tôi. Nó bứt rời thực tại, lao vào cõi mênh mông nào khác. Nhạc trở thành con thác bạo loạn cảm xúc. Nhạc rưới cường toan lên thân thể tôi. Lửa bừng lên rát bỏng. Thần kinh tôi đứt đoạn tan hoang. Tôi co giật theo cơn động kinh. Tôi dựng ngược mắt, nẩy người hứng mũi tên vừa buông. Chị Quỳnh rú lên thất thanh. Anh Trung chạy tới, đẩy vội bàn tay vào miệng tôi. Tôi cắn tay anh toé máu. Tôi thù ghét thậm tệ những bàn tay đẹp.

***

Trong bàn cơm, mẹ đặt tôi ngồi bên trái. Tôi không tiêu hoá được thức ăn, nên mọi thứ đều phải nấu nhừ rồi tán nhuyễn. Mẹ thường vỗ về tôi:

"Tội nghiệp, con trai cưng, cứ phải ăn những thứ này."

Tôi muốn nói, đáng lẽ con tội nghiệp cho mẹ mới phải, vì tôi là một gánh nặng không bao giờ vơi trong gia đình này.

Cha tôi chặc lưỡi:

"Thằng Trung với nó như hai thái cực."

Mẹ chau mày:

"Không thể so sánh như vậy được, đứa nào cũng là con."

"Tôi có phàn nàn gì đâu."

Mẹ tươi tắn:

"Từ lúc có cô Quỳnh lui tới, thằng Trung về thăm nhà thường hơn."

Cha tôi cười hóm hỉnh:

"Cô Quỳnh coi được mắt đó chứ, lại tận tụy."

"Chỉ sợ thằng Trung nhiều nghệ sĩ tính, thích vui hơn là tính chuyện lâu dài."

"Bà nghĩ chúng nó có gì với nhau thật à?"

Mẹ hừm khẽ:

"Còn phải hỏi."

Tôi lừa thức ăn ra khoé môi, cổ họng tôi nghẹn chặt. Mẹ xoắn xuýt lau miệng, kề ly nước vào miệng tôi. Tôi phun cả thức ăn lẫn nhớt dãi vào ly nước. Mẹ dịu dàng chặm sạch miệng tôi, đổ nước vào chậu nhựa bên dưới, rồi rót cho tôi ly nước khác. Tôi cố gắng ngoan ngoãn ăn uống chiều theo ý mẹ, bằng cách suy nghĩ những chuyện viển vông, không để ý lời cha mẹ bàn chuyện anh Trung và chị Quỳnh.

Tôi là một hộc bàn có vô số ngăn kéo tưởng tượng. Tôi có thể tự động mở ra đóng vào, tự ý. Tôi cũng có thể sai khiến chúng làm theo ý mình, như một nhà ảo thuật đại tài hay như một văn sĩ cừ khôi. Lần này tôi mở ngăn kéo đựng những vì sao lạc xuống địa cầu, thành tuyết sa. Tôi thích làm bạn với những cánh sao lạnh lẽo này. Trông chúng giống nhau thật đấy, nhưng mỗi hoa tuyết là một vì sao có bản mệnh khác nhau. Có vì sao hạnh phúc, có vì sao cô đơn. Có vì sao tầm thường, có vì sao dị thường. Cũng có vì sao mang số phận tật nguyền giống tôi. Chúng chớp tắt đâu đấy lẻ loi trong góc trời, rồi cuồng chân rơi xuống thành hạt tuyết lạc loài, xấu xí, đoản mệnh như một lần chớp.

Tôi cũng có một ngăn đầy sấm sét. Chỉ đựng ánh sáng thôi, không tiếng động. Mở ra, tia sáng loé liên

hồi như pháo bông đêm hội lớn. Những đêm giông trái mùa, tôi thường hé ngăn kéo cho sấm chớp tuôn ra. Một đêm mưa, ngồi nghịch như thế, tôi cảm được tiếng người trò chuyện trong nhà kiếng. Tôi hoá thân thành đứa trẻ sục sạo trà trộn vào bóng tối chập chợn, tới nép mình bên chậu cây. Mưa vỡ lào rào lên mái kiếng. Lâu lâu, một lằn chớp loé lên nứt trời, tiếp theo là âm thanh kinh động không gian, làm hốt hoảng cả gương mặt chị Quỳnh dúi sát vào ngực anh Trung. Một tay, chị bấu lấy vai anh. Cổ áo chị hớ hênh. Hàng nút xa cừ lóng lánh. Bàn tay anh Trung đặt lên chỗ da trắng của vạt áo, xoa nhẹ. Tiếng anh Trung mơn trớn:

"Quỳnh nở vì anh đêm nay, nhé!"

Chị Quỳnh õm ờ:

"Em không muốn."

"Tại sao?"

"Vì hoa quỳnh chóng tàn."

"Ngày tàn, nhưng mỗi đêm lại nở cho anh."

Chị Quỳnh mắng yêu:

"Tham lam."

Rồi chị ngẩng cổ cho anh rúc đầu vào. Anh vục mặt xuống ngực chị mở hờ.

Mưa xối xả, in bóng đậm nhạt lên da trắng. Ngực chị Quỳnh mum múp như búp hoa chờ mãn khai. Tôi bỗng thấy những động tác của anh Trung thô bạo, xấu xí như của một kẻ tật nguyền.

Ngực tôi nóng ran như chứa những lửa than âm ỉ. Khi anh Trung úp người lên thân chị Quỳnh, đất lành trong tôi bừng bừng chuyển động. Nham thạch phún đỏ từ những miệng núi. Đất rách ngoằn ngoèo những rãnh sâu. Gió phẫn nộ bứt ngang địa cầu. Biển dâng sóng lớn, đập hung bạo vào lưng núi đá. Loài người và thiên nhiên đối nghịch nhau. Tôi nhắm mắt để khỏi thấy cảnh gớm ghiếc. Tôi là thiên nhiên đang ầm ì rung chuyển. Tôi cháy, tôi vỡ, tôi thét, tôi phá phách, ngập ngụa, tôi giết người rồi tự sát... Mưa vẫn xoi bóng xuống khu vườn mùa Đông. Tôi hé mắt nhìn, không thấy chị Quỳnh và anh Trung đâu nữa. Cảnh vật im lìm như không có những thiên tai. Đêm vẫn lầm lì gõ nhịp dài ngắn.

Tôi bỗng nghi ngờ giác quan thứ sáu của mình. Tôi đã khiếm khuyết ngũ quan, chỉ còn nó, mà dường như nó cũng phản bội tôi, cho tôi thấy ra những hoang tưởng xảo trá. Tôi đau đớn co người, hai tay bó gối. Tôi và đối ảnh vụn vỡ tan nát nghìn mảnh.

***

Mẹ nâng thân thể mềm nhũn của tôi lên, rơm rớm:

"Trời ơi, sao người con lạnh lẽo thế này."

Ánh mắt tôi nhìn mẹ khẩn khoản. Tôi thều thào, van lơn, không sao đâu, con không sao đâu, mẹ đừng lo. Nhưng tiếng nói tôi chỉ là những gợn sóng nhăn nheo tan vào biển lặng mênh mông. Mẹ xoa dầu nóng, nắn bóp khắp người tôi. Mẹ rên rỉ hỏi han tôi. Tôi nhuốm bệnh lặng lẽ. Chính cơn sốt tâm lý này đã thiêu hủy những nhiễm thể cần thiết của ngũ quan tôi. Nó âm ỉ gặm nhấm những tế bào tăng trưởng. Nó bắt tôi nhỏ dại khi tâm sinh lý tôi đã trưởng thành. Nó xui tôi hình dung những cảnh tượng xa rời thực tế. Nó đẩy tôi tới gần mẹ và chị Quỳnh, cho tôi cảm nhận hơi ấm bàn tay người khác phái. Càng lúc tôi càng xa cách anh Trung. Tôi có cảm tưởng, tình ruột thịt giữa anh và tôi không còn như trước. Cảm xúc tôi, mỗi khi được anh săn sóc, bỗng đắng ngắt như những viên thuốc trị chứng suy nhược. Riêng bàn tay mẹ, vẫn vậy. Cả cái ly nước của riêng tôi. Những khi mẹ nâng đầu, kề miệng ly vào rãnh môi tôi, tôi lại thấy ra vũ trụ đẫm mình trong đáy nước. Mặt trời và mặt trăng của thái dương hệ này. Vô số con đường sữa vắt vẻo trong không gian thẫm tối. Những chòm sao chổi lang thang theo chu kỳ thiên văn. Con mắt tôi trừng trừng lăn mãi như hòn bi mất trọng lực. Tôi hé môi nhấp cả vũ trụ thênh thang vào miệng. Thành ly thủy tinh cứng lạnh và vô cảm. Không, quá khứ của ly cũng đáng hãnh diện lắm chứ, là cát đại dương xa, đã từng hứng nắng, dầm mưa, ấm lạnh theo thời tiết. Rồi cát được loài người biến đổi thành chiếc ly thủy tinh. Không biết thỉnh thoảng ly có hoài niệm tiền thân? Tôi muốn san sẻ cùng ly những xúc động hợp tan đó. Đừng bao giờ quan tâm tới lẽ biến thiên. Không có gì tồn tại mãi. Cả viên thuốc đắng, cả hớp nước lạnh, cả vành ly ngậm nắng, cả tôi và những suy tưởng không thể tiết lộ cùng ai.

Mẹ cầm tay tôi, áp lên má. Nước mắt đọng khoé mi. Tôi nếm được vị mặn ấm trong tay mẹ. Tôi ráo riết khuyên mẹ:

"Có gì đâu, lẽ sống chết."

Lòng tôi dâng lên niềm xót xa không thể giải thích. Tôi đã chết đi, sống lại nhiều lần trong tâm tưởng mình. Tôi đã từng gần gụi với chị Quỳnh, ra tay hạ sát anh Trung trong nhiều giấc mơ hoang. Lưỡi dao tâm ác lún ngập cán vào giấc ngủ tôi. Máu phún đầy những khe nứt thần kinh tôi. Dòng nham thạch cuốn lấy thân tôi. Tôi bất ngờ hoá thành di tích của thời bán khai. Cả thân xác tôi cũng mất đi lực cảm nhận. Tôi là bộ xương hằn dấu trên đá, làm đảo lộn những giả thuyết về nguồn gốc giống người.

Cả đêm tôi được nằm cạnh mẹ. Thân tôi lạnh ngắt. Mẹ quấn chăn quanh người tôi. Cha lăng xăng gọi điện chỗ này chỗ nọ. Anh Trung ngồi ủ dột trong chiếc ghế sơn trắng, bên ngưỡng cửa dẫn ra khu vườn mùa đông. Không có mặt chị Quỳnh. Ánh sáng trong nhà bỗng đổi sắc. Dường như chói hơn và nhuốm chút xanh huyễn hoặc của thạch động.

Tôi thấy mình reo lên, bay lơ lửng trong luồng sáng mầu nhiệm đó. Không một tiếng động. Ý niệm không gian và thời gian đứt lìa tan hoang. Chẳng còn ranh giới giữa sống chết, vọng chân và không có. Tôi vượt qua chúng dễ dàng như đứa trẻ thả diều trên đê đất một chiều nắng gió huy hoàng. Tôi về lại nguyên thủy chính mình, là cái không thể định nghĩa. Tôi tách rời những định lý vật chất. Tôi hoàn toàn tự do, băng qua vực sáng tối của đời sống. Tâm tôi thảnh thơi giũ bụi phiền muộn. Nhưng tôi không thể giải thoát giùm những đồ vật đã kề cận cùng tôi trong phần đời ngắn ngủi. Mỗi thứ là một số mệnh. Mỗi thứ là một chuỗi quá khứ, hiện tại và tương lai. Mỗi thứ là một hoài nghi lớn. Tội nghiệp, chúng là những câu chuyện không có đoạn kết. Chúng bất tử trong cách đối đãi dửng dưng của loài người.

Thơ

Lê Bích Sơn

MẸ - QUÊ HƯƠNG CỦA CON

Biển đời bão tố, gian nan
Mẹ là bờ bến bình an con về
Mẹ là nhạc, Mẹ là thơ
Mẹ là Bồ Tát con thờ trong tâm
Mẹ chưa sống đủ trăm năm
Nhưng cho con hiểu trăng rằm tình thương
Mẹ là biểu tượng quê hương
Dù đi xa cũng vấn vương trở về
Mẹ còn giữ trọn hồn quê
Nếu không có Mẹ con về làm chi!
Con đi nam bắc đông tây
Tóc sương, thân hạc, dáng gầy… chờ con
Mẹ là một trời nước non
Đời còn có Mẹ con còn quê hương!

KHÚC QUANH

Đêm nằm quên mộng mị
thấy đời là hư vô
Sáng dâng hương cúng Phật
lòng bình an vô bờ…
Phiêu du từ vô thuỷ
lãng tử nay trở về
Nguyện đi theo gót Phật
vượt thoát khỏi bến "Mê"…

DU TỬ

Kính dâng lên Mẹ -
người đã cho con trái tim và hình hài
để con đi vào cuộc sống!

Bao năm, con mãi phiêu bồng
Bao năm, con mãi thong dong cõi đời
Bao năm, con mãi rong chơi…
Chiều chiều, tựa cửa Mẹ ngồi chờ con!

CÕI MỘNG

Rong chơi vào cõi mộng,
Hiện làm kiếp con Người,
Trên cao vầng nhật nguyệt,
Dưới chân con đường đời.

Nơi nào, Người sẽ đến?
Đường nào, Người đã qua?
Trăm năm như cuộc mộng,
Một ngày, bỗng xóa nhoà!

Người về quên tất cả,
Bao hạnh phúc, khổ đau,
Ước mơ và kỷ niệm,...
Bao giờ, cho mai sau!

Người đến từ Vô thủy,
Đi về cõi Vô chung.
Du hành qua cuộc mộng
Một lần, Người nhớ không!

Chuyện Người Phụ Nữ Miền Quê

Nguyên Hiệp dịch

Chồng, con dễ dàng kiếm…

Trong khi trú tại tinh xá Kỳ viên (Jetavana), đức Thế Tôn kể câu chuyện này về một người phụ nữ miền quê.

Một lần nọ, ở nước Câu-tát-la (Kosala), có ba người đàn ông đang cày ruộng ở bên ngoài một khu rừng nọ. Cùng lúc đó, những tên cướp đang đào tẩu vào rừng sau khi cướp bóc của dân chúng. Những nạn nhân đi tìm kiếm những tên cướp, và trong nỗi vô vọng tìm kiếm, họ đã đi đến nơi mà ba người đàn ông này đàng cày cuốc. Họ nói:

"Đây là những tên sơn tặc trá hình nông phu."

Rồi họ kéo cả ba tội nhân đến vua Câu-tát-la. Bấy giờ, có một phụ nữ đi đến hoàng cung, than khóc thảm thiết và cầu xin "có được cái gì đó để che chở." Nghe tiếng kêu khóc, nhà vua ra lệnh cho cô ta một bộ áo quần. Nhưng cô ta từ chối, nói rằng đó không phải thứ mà cô ta muốn. Vì thế những người hầu của nhà vua trở lại tâu với hoàng thượng của họ rằng, thứ mà người phụ nữ đó muốn không phải là quần áo mà là một người chồng. Thế là nhà vua cho gọi người phụ nữ đó vào, hỏi rằng có phải cô ta thực sự muốn một tấm chồng hay không. Cô ta trả lời:

"Đúng như vậy, tâu hoàng thượng. Vì người chồng là nơi che chở thực sự của phụ nữ. Người phụ nữ nào không có chồng thì dầu có mặc xiêm y trị giá cả ngàn đồng tiền, người ấy thật sự vẫn trần trụi thân mình."

Và để cho lý lẽ này thêm vững chắc, cô ta đọc lên bài kệ sau:

Như vương quốc không vua
Như suối nguồn khô cạn
Trần trụi không bầu bạn
Hàng phụ nữ không chồng
Dầu khi anh em đông
Đủ mười người tất cả.

Hài lòng khi nghe người phụ nữ này trả lời, nhà vua liền hỏi cô có quan hệ gì với ba người ấy không. Cô nói rằng một người là chồng của mình, một người là anh và một người là con trai. Nhà vua nói:

"Ta cho cô một trong ba người này. Cô muốn chọn người nào?"

Cô trả lời:

"Tâu hoàng thượng, nếu thảo dân sống, thảo dân có thể kiếm được một người chồng và có một người con khác. Nhưng bây giờ song thân của thảo dân đã khuất bóng, thảo dân không bao giờ có được một người anh khác. Vì thế tâu hoàng thượng, xin cho thảo dân người anh của thảo dân."

Rất hài lòng về người phụ nữ này, nhà vua đã thả tự do cho cả ba người. Như thế, chính người phụ nữ này là phương tiện cứu sống ba người đàn ông ra khỏi sự hiểm nguy.

Khi các Tỳ-kheo biết được sự việc này và khen ngợi cô ở trong Chánh pháp đường thì đức Thế Tôn đi vào. Tìm hiểu và biết được vấn đề họ đang bàn luận, Ngài nói:

"Này các Tỳ-kheo, đây không phải lần đầu tiên người phụ nữ này đã cứu sống ba người kia thoát khỏi sự nguy hiểm thôi đâu, mà vào đời trước cô ta cũng đã cứu họ."

Nói vậy xong, đức Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ này.

* * *

Thuở xưa. Khi vua Phạm Dự (Brahmadatta) trị vì thành Ba-la-nại, có ba người đàn ông đang cày ruộng bên ngoài một khu rừng, và mọi chuyện xảy ra giống như trên.

Khi nhà vua hỏi người phụ nữ này sẽ chọn ai trong ba người này, cô nói:

"Hoàng thượng không thể cho thảo dân cả ba sao?"

"Ta không thể cho cả ba được," nhà vua nói.

"Nếu thảo dân không thể có được cả ba, vậy thì xin cho thảo dân người anh trai của mình."

"Tại sao cô không nhận chồng hay con mà lại đi nhận người anh?"

"Chồng và con, thảo dân có thể dễ dàng có lại, nhưng người anh thì không bao giờ."

Nói vậy xong, cô đọc lên bài kệ này:

Chồng, con dễ dàng kiếm
Tùy ý chọn, đầy đường
Nhưng dù khổ vô vàn
Người anh, tìm đâu được?

"Cô ta nói hoàn toàn đúng," nhà vua nói và lấy làm hài lòng.

Rồi ngài bảo đưa cả ba người ra khỏi lao tù và trao họ cho cô, cô liền đưa cả ba người trở về.

* * *

Đức Thế Tôn nói:

- Này các Tỳ-kheo, như các thầy thấy, người phụ nữ này trước đây cũng đã từng cứu ba người đàn ông ra khỏi sự hiểm nguy.

Kết thúc pháp thoại, đức Thế Tôn nêu lên mối liên hệ của hai câu chuyện và nhận diện Tiền thân:

- Người phụ nữ và ba người đàn ông thuở ấy cũng chính là họ bây giờ, còn nhà vua chính là ta.

(Tiền thân Ucchanga)

QUỐC THÁI

Đời thơ tặng má

Con muốn viết bài thơ tặng má
Nhưng lời nào nói được tình thương ?
Lòng của má dạt dào biển lớn
Dắt con đi vạn nẻo đời thường

Con muốn viết bài thơ tặng má
Mồ hôi dài năm tháng nuôi con
Nước mắt chảy ngọt ngào sông Cửu
Vần thơ ngưng - thương má hao mòn

Con muốn viết bài thơ tặng má
Cơn mưa phùn thương má đường trơn
Tay giỏ nặng không quên sách bút
Nuôi hồn thơ gian khó không sờn

Con muốn viết bài thơ tặng má
Thương chồng con, buông bỏ ngày son
Hồn thơ sáng noi nền nếp tốt
Bể dâu nhưng tình nghĩa vuông tròn

Con muốn viết bài thơ tặng má
Lời thơ không nói hết tình con
Con nguyện viết đời thơ tặng má
Nguồn thơ từ một tấc lòng son...
Con nguyện viết đời thơ tặng má
Noi gương xưa tình hiếu chu toàn
Đem ý đẹp tặng đời tươi sáng
Giữ chân tâm, thành bại không màng

Con nguyện viết đời thơ tặng má
Đời thơ không chỉ viết đôi ngày
Con trau chuốt điệu, vần dâng má
Lời thơ huyền theo cánh chim bay

Lời hạnh phúc chúc người may mắn
Lời yêu thương gửi bạn cô liêu
Lời khuyến khích mang niềm hy vọng
Gian truân nuôi ý chí thêm nhiều
Bao câu nữa rồi con sẽ viết
Yêu cuộc đời, cho má yên vui
Hoa quì đón vầng dương diễm tuyệt
Khôn lớn trong mắt má tươi cười.

BẠCH XUÂN PHẺ

Mẹ Đang Bệnh

mẹ
đôi mắt mẹ buồn
nỗi lo âu đậm nét
tình thương của mẹ
bao la như bầu trời
thênh thang
vô hạn
mẹ dòng suối ngọt ngào
mẹ lấp lánh ngàn sao
mẹ là rau thơm sau hè
mẹ là những chùm mận đỏ
mẹ là tiếng chuông tiếng mõ
mẹ là câu kệ bài kinh
mẹ là Bất Khinh Bồ Tát
mẹ là cánh đồng bát ngát
mẹ là nước mắm nhỉ cá cơm
mẹ là cảo thơm
mẹ là bài thơ lục bát
con thương hoài mẹ hát
"ầu ơ…con ơi ngủ đi con!
hay là… tằng tắng tăng… đằng cùng nhau một
giống da vàng"
tình thương mẹ ngút ngàn
mẹ là cuộc đời, là nguồn sống
Mẹ ơi! mau bớt bệnh.
mẹ là cuộc đời, là nguồn sống.
Mẹ ơi! con còn mẹ.
mẹ là cuộc đời, là nguồn sống
Mẹ ơi! con thương mẹ.

Một Cõi

Về đây tổ ấm Phật đà
Gió ngàn tiếng kệ la đà trong sương
Lăng Nghiêm quyện khắp mười phương
Khói sương hiện hữu vô thường khói hương.

Đi Về Cõi Tịnh

Tịnh Nghiêm – Nghiêm Xuân Cường

Mẹ tôi mất vào một buổi trưa cuối tháng Bẩy. Mẹ đi nhẹ nhàng như một hơi thở. Một tuần trước khi mẹ mất, người chị lớn gọi tôi từ Cali:

"Cường ơi, em có về được không, me sắp đi rồi- chắc cũng chỉ độ nay mai thôi."

Cũng lạ, mình sống với mẹ gần cả cuộc đời; mình lớn lên, mẹ già đi, sức khoẻ mỗi ngày một yếu như chiếc đèn dần cạn dầu, biết rằng sẽ có ngày mẹ ra đi nhưng dù ai có sửa soạn cách mấy, đến phút từ ly cũng chẳng thể nào sẵn sàng. Nước mắt từ đâu tràn đầy mắt tôi; vé đã lấy, chỉ chưa đặt tiền 'confirm' thì buổi tối chị tôi lại cho biết:

"Chiều nay anh Hùng về, mẹ đã khỏe lại rồi, mẹ nói sẽ ráng đợi em đó."

Các chị kể lại là mẹ từ bệnh viện về hôm thứ Tư, mê man không nói năng gì, bụng của mẹ không biết vì lý do gì trương cứng như trái banh, ăn gì cũng nôn ra. Anh Hùng về từ Oklahoma tối thứ Bẩy, anh niệm chú Quan Âm Quán Đảnh cầu an cho mẹ. Mầu nhiệm làm sao! hôm sau bụng mẹ xẹp xuống và mẹ dùng được đồ ăn lỏng chuyền qua ống dẫn vào bụng (gastric tube).

Sáng thứ Ba 25 tháng 7, 2006. Tôi đi chuyến sớm nhất từ Detroit. Ngồi trên máy bay tôi cứ thấp thỏm, không biết mình đến nơi có còn kịp gặp mẹ phút cuối không. Tôi chỉ còn biết cầu nguyện Chư Phật và Bồ Tát gia hộ cho mẹ được tâm vắng lặng bình an khi ra đi; lòng thầm nghĩ, nếu còn duyên thì sẽ còn gặp mẹ, có lo cũng đâu ích gì. Tôi đến phi trường LA cũng đã hơn một giờ trưa, và về tới nhà chị Nhung cũng đã gần hai giờ. Tôi vội chạy lại giường nơi mẹ tôi đang nằm từ hơn hai tuần lúc ở bệnh viện về. Các chị lại nhắc mẹ:

"Me ơi, em Cường về rồi này me!"

Mắt vẫn nhắm như từ cả tuần trước, mẹ đưa bàn tay khẳng khiu về phía tôi. Tôi cầm lấy bàn tay mẹ tôi, nắm chặt lại. Đây cũng là đôi bàn tay thương yêu mà hơn bẩy chục năm trời đã miệt mài cho bố và tất cả các anh chị em chúng tôi. Tôi liên tưởng đến những lời thơ thật ngọt ngào về Mẹ của Chiếu Tuệ:

Bất chợt chiều nay nhìn lại
Bàn tay Mẹ cắm hoa hường
Đôi tay một đời nhẫn nại
Bây chừ.. .ngón đã trơ xương
Từ lâu đôi bàn tay ấy
Con quên cầm lấy một lần
Ôi bàn tay thương biết mấy
Dịu dàng, độ lượng, từ tâm ...

Mẹ nằm đó, thân thể gầy yếu sau nhiều năm bị bệnh tiểu đường, tôi nhìn mẹ, lại nhìn tấm hình Bố Mẹ tôi chụp trước đó vài năm. Hơn bẩy mươi năm trời mà các cụ còn gắn bó như keo sơn, đi đâu cũng không rời nhau một bước. Mấy hôm nay về đây tôi sẽ đọc Bát Nhã Tâm Kinh cho mẹ. Tôi giở trang Kinh Bát Nhã bằng tiếng Việt trong Nhật Tụng Thiền Môn năm 2000 của Thầy Nhất Hạnh đọc cho mẹ nghe:

"Bồ Tát Quán Tự Tại khi quán chiếu thâm sâu Bát Nhã Ba La Mật (tức diệu pháp trí độ) bỗng soi thấy năm uẩn đều không có tự tánh. Thực chứng điều ấy xong, Ngài vượt thoát tất cả mọi khổ đau ách nạn…"

Mẹ ơi, mẹ ra đi an vui nhé không có gì để vướng bận đâu. Mà có lẽ mẹ hiểu điều ấy cũng dễ thôi vì tuy rằng ít đi chùa mẹ vẫn thực hành bố thí suốt cả đời mẹ rồi. Chị Khanh kể có một lần (lúc còn ở Việt Nam năm 1973) sau khi lãnh lương, chị vui sướng lắm đến gặp mẹ, nói:

"Hôm nay con mới lãnh lương, me có cần mua sắm gì không?"

Mẹ bảo: "Con đưa me một ngàn. Hôm nay con chở me lên Lăng Ông nhé."

Lăng Tả Quân Lê Văn Duyệt, tên quen thuộc là Lăng Ông ở cách nhà chúng tôi nửa giờ xe. Trước cửa Lăng có hằng chục người ăn mày lúc nào cũng túc trực sẵn, chờ khách thập phương hảo tâm. Vừa thấy mẹ và chị Khanh họ xúm chung quanh bà cụ. Mẹ cầm lấy nắm tiền đưa cả cho một người có vẻ lớn tuổi nhất trong bọn:

"Đây, các ông bà cầm lấy mà chia nhau nhé!"

Mẹ vừa đi, họ lại chạy theo xin nữa. Mẹ cười, bảo:

"Có bao nhiêu tôi đã đưa cả rồi còn đâu mà cho!"

Chị Khanh ngạc nhiên hỏi mẹ:

"Sao mẹ bảo cần tiền tiêu mà lại đưa cả cho họ?"

Mẹ cười hồn nhiên:

"Thì họ tiêu có khác gì mình tiêu đâu."

Một lần khác, mẹ và chị Khanh đang ngồi trên xe buýt bỗng nhìn

thấy một bà cụ đang che nắng cho người con trai, có lẽ là một thương phế binh cụt cả hai chân, giữa trời nắng gắt của trưa hè Sàigòn. Mẹ bảo ông tài xế xe buýt:

"Xin ông dừng xe ngay được không, tôi muốn xuống cho bà cụ ít chục bạc."

Ông tài xế phản đối:

"Phải có trạm mới dừng được chớ. Bà chờ trạm sau đi."

Về nhà, mẹ kể lại mà cứ ấm ức thương hai mẹ con người thương phế binh ấy.

Tính mẹ vốn rất thương người. Những người hoạn nạn, túng thiếu, chỉ cần hỏi là mẹ tìm cách giúp ngay. Nếu trong nhà (thường khi) không có, mẹ lại đi hỏi người khác để vay hộ, kết quả là có nhiều lần mẹ đã phải "trả nợ đậy." Khốn nỗi, vì "chẳng có cái dại nào giống cái dại nào" đến lúc có người khác hỏi mẹ lại quên chuyện cũ và nhận lời giúp nữa. Những người giúp việc trong nhà, khi có việc đi đâu, ở nhà để dành phần cơm, mẹ cũng lựa miếng ngon nhất cho họ. Đối với những người nghèo, kém may mắn hơn mình, mẹ chẳng bao giờ có ý khinh khi mà luôn nói:

"Chẳng qua là mình may mắn hơn họ mà thôi."

Nhà đông mười người con, lúc di cư vào Nam, bố làm công chức lương chẳng bao nhiêu nên lúc nào mẹ cũng phải lo toan sao cho các con đầy đủ. Mười tám năm ở với gia đình, tôi chưa thấy mẹ có nữ trang gì ngoài chiếc nhẫn cưới giản dị. Lúc mất mẹ cũng chỉ có vỏn vẹn một đôi bông tai nhỏ bằng cẩm thạch. Mỗi dạo Tết Trung Thu, tôi lại nhớ những năm còn bé- lúc ấy tôi khoảng 12-13 tuổi - mẹ lại làm bánh dẻo để bầy bán kiếm thêm chút tiền chi tiêu cho gia đình. Gian nhà nhỏ bỗng nhiên trở nên nhộn nhịp, chỗ này một nồi nước đường chỗ kia để nhân bánh, chỗ nọ để khuôn, chỗ khác nhồi bột… Những tiếng khuôn đập vào sạp gỗ cứ liên miên bất tận. Vất vả là vậy mà chẳng bao giờ thấy mẹ than phiền. Sau này khi mẹ mất vài tháng, các chị kiếm được cuốn sổ tay nhỏ của mẹ có ghi những giòng mực đã phai:

- tháng 5, 25 1966 hôm nay bốc hụi
- tháng 8, 1966 trả nợ cho ông bà M.
- tháng 4, 1967 mua hụi tại nhà bà N.
- tháng 10, 1967 mượn ông M. 100,000 lãi 6 phân
- tháng 4, 1968 hốt hụi non…

và sau cùng

- từ tháng 7, 1978 các con đi Mỹ gởi tiền về bây giờ mới trả hết nợ.

Tuổi thơ của tôi là những ngày vui đánh đinh, đánh đáo, lớn hơn nữa thì dùi mài sách vở học thi, nào có biết gì đến những nỗi lo âu "chạy ăn từng bữa toát mồ hôi" của cha mẹ. Tôi đọc những giòng đơn giản đó mà thương mẹ xiết bao. Mấy chục năm trời mẹ sống với mình, có lúc ở ngay bên cạnh mà mình có hiểu mẹ đâu. Bố tôi thì trái lại, bố biết là mình có người vợ rất đảm đang và lo toan, bố viết bài thơ tặng mẹ:

Hiền Thê

Điều khiển lo toan hết sức mình
Xây nhà, mở tiệm việc linh tinh
Kỹ sư nếu luyện dư bằng cấp,
Gia chánh, chuyên theo mấy khoa trình.
Giòng dõi nho phong nguồn đức tính
Công, dung, ngôn, hạnh, nghĩa chung tình.
Bao năm chỉ thắm duyên càng đậm,
Thế sự thăng trầm chẳng kém xinh.
(*1965)*

Bố mẹ sống với nhau bẩy mươi hai năm, từ tháng 11 năm 1934. Năm ấy bố tôi hai mươi sáu tuổi (hăm bảy tuổi ta) mối mai nhiều đám nhưng không thành. Một buổi sáng chủ nhật, tháng 9 năm 1934, ông đi ngang qua công viên trước cửa Vọng Cung (Thái Bình) bỗng thấy mẹ băng qua vườn hoa về nhà. Bố tôi thuật lại như sau:

Hên

Không hẹn mà nên
Hăm bảy tuổi rồi ế thực ư?
Gió đưa hạnh phúc đến không ngờ!
Bình minh soi tỏ công viên tỉnh,
Nhẹ gót băng qua bóng tiểu thư.
Mối lái tuần đầu nhờ mẹ bạn,
Tân hôn trong tháng thoáng như mơ!
Tình yêu hồng thắm tuần trăng mật,
Tiếng sét âm thanh mãi đến giờ.

Đúng là tiếng sét âm thanh vẫn còn mãi tận hơn bảy mươi năm sau. Hai ông bà cụ già đi đâu cũng có nhau, những lúc còn khỏe bố tôi vẫn nấu sữa cho mẹ dùng …

Nấu cháo luộc khoai bừng tỉnh sang
Bung ngô, pha sữa lúc lên đèn.
Cơm lành canh ngọt thêm ngon miệng
Dưa nén, mắm nêm vẫn thấy thèm…

Chị Nhung ở chung nhà để săn sóc bố mẹ, kể lại là mỗi đêm khi mẹ trở mình thì sẵn cái còi đeo ở tay bố lại thổi "toe-toe" lên mấy tiếng, chị lại chạy vội vào để xem bố mẹ cần gì, có đêm bố thổi còi cả mấy lần làm chị thật vất vả. Mấy hôm nay, bố tôi buồn lắm, bỏ ăn, bỏ ngủ. Tính ông cụ vốn đã ít nói, bây giờ lại càng khó cậy được nửa câu. Trưa thứ Tư, chú Tân đến thăm bố tôi, ông cụ nói:

"Bà ấy mà đi thì tôi cũng chẳng thiết sống nữa!"

Chú Tân nói:

"Anh phải ráng ăn mà sống chứ, bây giờ mà anh cũng nằm xuống thì chúng nó lo không xuể đâu!"

Bố tôi bị ung thư bàng quang (bladder cancer) từ tháng 8, 2005, mấy lần tiểu giải phẫu, sức cũng đã rất yếu từ mấy tháng trước nhưng vẫn ráng gắng gượng vì ông cụ nói:

"Tôi mà đi trước thì bà ấy khổ lắm."

Tối thứ Tư, 7-26-06. Hôm nay tôi lại đọc Bát Nhã Tâm kinh cho mẹ nghe:

"*…Nghe đây Xá Lợi Tử: Sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc. Sắc chính thực là không, không chính thực là sắc. Còn*

lại bốn uẩn kia, cũng đều như vậy cả. Xá Lợi Tử nghe đây: Thể mọi pháp là không, không sanh cũng không diệt, không thêm cũng không bớt, không nhơ cũng không sạch…"

Tôi hát cho mẹ bài *Năm Uẩn Chẳng Là Ta* phổ nhạc từ Bát Nhã Tâm Kinh. Mắt mẹ vẫn nhắm chặt, hơi thở lên xuống đều đặn. Mẹ ơi, mẹ có nghe không chúng con đang hát ru mẹ đây? Chị Trang đứng cạnh tôi, hai chị em dựa vai vào nhau, tay nắm tay cùng hát cho mẹ nghe. Mấy chục năm trước mẹ ru cho chúng tôi ngủ, bây giờ chị em chúng tôi lại hát cho mẹ nghe. Gương mặt mẹ thật là bình yên.

Chiều thứ Sáu, 28 tháng 7, 2006. Hôm nay các anh chị trong Ban Hộ Niệm Đạo Tràng Long Hoa và Tổng Hội Cư Sĩ cũng đến cầu an và tụng kinh cho mẹ. Mấy tháng nay, anh chị Sâm-Khanh và quý vị trong Ban Hộ Niệm vẫn thường xuyên tới cầu an cho mẹ. Gần hai năm nay, mẹ bị lẫn (Alzheimer) hơi nhiều, có lẽ vì biến chứng của bệnh tiểu đường. Có lần mẹ mơ thấy ông ngoại, thấy cậu Đôn –các vị đã ra đi từ hơn năm mươi năm trước, khi tỉnh dậy mẹ lại nước mắt ràn rụa nhớ thương. Những lần sau khi được cầu an, mẹ ngủ say một mạch tới sáng và không than phiền vì mộng mị nữa. Huyền diệu thay sức mạnh của những thời kinh!

Trưa thứ Bảy, 29 tháng 7, 2006. Buổi trưa sau 12 giờ, một người bạn thân của gia đình chúng tôi, anh Yến đến thăm mẹ. Chúng tôi đứng trong phòng với mẹ hơn nửa tiếng. Gần 1 giờ trưa, tôi mời anh bạn ra phòng ngoài dùng bữa trưa. Chúng tôi vừa ngồi xuống sửa soạn ăn thì anh Hùng gọi tôi vào trong. Anh bảo tôi:

"Mẹ mới đi rồi, lúc 1 giờ trưa, bình an lắm. Anh lỡ gọi mẹ lại, mẹ mở mắt nhìn anh. Anh thưa với mẹ: 'Thôi mẹ đi vui, chúng con sẽ cầu Phật độ cho mẹ' Thế là mẹ đi."

Như vậy là mẹ đã đi, đi thật rồi. Mười tám năm trời ở bên cạnh mẹ tôi không hiểu hết tình mẹ bao la, lòng mẹ dịu hiền thế nào. Thầy Nhất Hạnh viết về mẹ, một đoản văn (Bông Hồng Cài Áo) mà tôi nghĩ không thể có một bài viết, khúc ca, một bài thơ nào ngọt ngào mà đằm thắm hơn:

"… Một bầu trời thương yêu dịu ngọt, lâu quá mình đã bơi lội trong đó, sung sướng mà không hay, để hôm nay bừng tỉnh thì thấy đã mất rồi. Người nhà quê Việt nam không ưa cách nói cao kỳ. Nói rằng bà mẹ già là kho tàng của yêu thương, của hạnh phúc thì cũng đã là cao kỳ rồi. Nói mẹ già là một thứ chuối, một thứ xôi, một thứ đường ngọt dịu, người dân quê đã diễn tả được tình mẹ một cách vừa giản dị vừa đúng mức:

Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp một, như đường mía lau.

Ngon biết bao! Những lúc miệng vừa đắng vừa nhạt sau một cơn sốt, những lúc như thế thì không có món ăn gì có thể gợi được khẩu vị của ta. Chỉ khi nào mẹ đến, kéo chăn đắp lên ngực cho ta, đặt bàn tay (Bàn tay? hay là tơ trời đâu la miên?) trên trán nóng ta và than thở "khổ chưa, con tôi," ta mới cảm thấy đầy đủ, ấm áp, thấm nhuần chất ngọt của tình mẹ, ngọt thơm như chuối ba hương, dịu như xôi nếp một, và đậm đà lịm cả cổ họng như đường mía lau. Tình mẹ thì trường cửu, bất tuyệt; như chuối ba hương, đường mía lau, xôi nếp một ấy không bao giờ cùng tận..."

Mười tám năm ở với mẹ… rồi mười sáu năm bố mẹ sang đến nước Mỹ. Tôi bận rộn, tôi mải mê hết cuộc hành trình này đến những giấc mơ đời khác, để không biết là bên cạnh mình có một kho tàng thương yêu mà hôm nay bừng tỉnh thì thấy đã mất rồi. Tôi đã mất cả một kho tàng của yêu thương, của hạnh phúc mà khi có tôi chưa biết trân quý. Tôi chợt nhớ một khúc nhạc rất thiết tha của Võ Tá Hân trong CD Những Ngày Bên Mẹ gần đây của anh:

Thao thức canh thâu dạ héo hon
Ví như băng giá lạnh trong hồn
Niềm đau mất mẹ còn trơ đó
Ân đức cao vời tợ Thái sơn

Mẹ hỡi giờ đây mẹ chốn nào?
Biết chăng con nhớ mẹ con sầu
Có nghe con gọi trong nước mắt
Mẹ hỡi bây giờ mẹ ở đâu?
(Bây Giờ Mẹ Ở Đâu, thơ Lệ Ngọc)

Tiếng hát của Vân Khánh với giọng Huế thật truyền cảm và tha thiết, từng nốt nhạc, từng lời thơ như rót vào tai tôi. Lòng tôi lúc này như có ngàn mũi kim châm, tôi muốn chạy đến níu mẹ lại mà nào có ích gì. Con trẻ hay người lớn mà mất mẹ thì cũng khổ chẳng kém gì nhau. Tôi biết sẽ có một ngày mẹ ra đi, nhưng biết không có nghĩa là có thể chuẩn bị cho nỗi nhớ tiếc tràn đến như giông bão khi mẹ ra đi.

Năm xưa tôi còn nhỏ
Mẹ tôi đã qua đời
Lần đầu tiên tôi hiểu
Thân phận trẻ mồ côi
Quanh tôi ai cũng khóc
Im lặng tôi sầu thôi
Để dòng nước mắt chảy
Là bớt khổ đi rồi...
Hoàng hôn phủ trên mộ
Chuông chùa nhẹ rơi rơi
Tôi thấy tôi mất mẹ
Mất cả một bầu trời
Ôi trời cao xa thẳm
Có nghe rõ lời tôi
Từ trần gian cát bụi
Tôi đã mất mẹ rồi!

(*Mất Mẹ,* thơ Xuân Tâm và Bảo Uyên)

Đó là tâm trạng của tôi bây giờ, tôi đã mất cả một bầu trời, một bầu trời đầy yêu thương, bấy lâu nay tôi đi dưới bầu trời ấy mà nào có hay. Bài thơ 'Mất Mẹ' của Xuân Tâm và Bảo Uyên, giản dị mà thật là thấm thía. Nước mắt tôi ướt đầm trên má khi nghe những lời nhạc như quyện vào thơ. Tôi vẫn ưa thích bài thơ này

nhưng đến bây giờ mới thực sự cảm nhận được cái nỗi đau da diết và thiết tha của nó. Thật là một tình cờ đến lạ lùng. Anh Võ Tá Hân mới gởi tặng tôi CD này tháng trước. Vừa nghe tôi đã thích ngay vì nó có nhiều bài về Mẹ, bài nào cũng nói rõ được tâm trạng của người con xa mẹ và nhất là người con mất mẹ. Tôi thấm thía nhất là Thảnh Thơi Mẹ Về, thơ Tuệ Kiên

Con khóc mẹ lệ rơi thổn thức
Cảnh từ ly thật quá đau thương
Mẹ đi rồi ngõ trúc vắng tanh
Đàn con trẻ từ nay mất mẹ
Đâu dáng mẹ từ bi thuở ấy
Chờ đàn con tan lớp học về
Trước bàn thờ đâu còn dáng mẹ
Tay lần tràng miệng khẽ Nam-mô
Mẹ niệm Phật Di Đà sớm tối
Lạy Quan Âm Bồ Tát tinh chuyên
Niệm hồng danh Chư Tổ Thánh Hiền
Cầu tịnh độ Tây Phương Cực Lạc
Mẹ đi rồi cháu con ngơ ngác
Thấy vô thường man mác buồn tênh
Đời như chiếc lá bồng bềnh
Chiếc thân tứ đại lênh đênh bến nào?
Theo ánh Đạo chuyển tâm Bồ Tát
Trọn đời nương Phật pháp huân tu
Xa lìa trần cấu ngục tù
Ta bà cõi tạm, phù du hão huyền
Buông xác phàm thuyền đã mục nát
Trọn đời tu vun phước trợ đời
Vượt qua bờ giác Mẹ ơi!
Tây Phương cõi tịnh thảnh thơi Mẹ về.

Phải rồi, để cho mẹ đi để mẹ còn về cõi Tịnh, xa lìa trần cấu ngục tù. Mình giữ mẹ ở lại khi thân xác đã mỏi mòn thì thật là tội nghiệp cho mẹ. Tôi đã được thật nhiều an ủi từ ý thơ giòng nhạc, nhất là ở hai đoạn cuối. Tôi có cảm tưởng đang nghe một bài hợp tấu cổ điển, một Funeral March - thật buồn nhưng cũng thật trang trọng. Chín mươi mấy năm trời mẹ ở với cuộc đời, thời gian dù có dài đến mấy cũng chỉ là ta bà cõi tạm, phù du hão huyền mà thôi. Chúng ta, trong giờ phút đau thương của tử biệt sinh ly, đau khổ càng đau khổ hơn khi chấp cái vô thường là thường hằng. Bài học vô thường ở trước mặt mỗi giây, mỗi phút mà có mấy khi ta chịu nhìn sự vật như nó là. Than khóc buồn khổ là một chuyện tự nhiên mỗi khi ta xa cách, vĩnh biệt người thân, mà làm như thế cũng không đòi hỏi chút vốn liếng tuệ giác nào, điều quan trọng là người Phật tử có nhân cơ hội đó mà học hỏi để sống sao cho lợi mình, lợi người. Tôi chợt nhớ đến một bài pháp thoại của Thầy Trúc Thông Phổ mà tôi đã được nghe qua: "Chết Cũng Là Một Pháp Tu." Sự ra đi của người thân là một cú "sốc" mạnh giúp chúng ta nhận rõ chân lý bất di bất dịch "sinh, lão, bệnh, tử" mà Đức Phật đã dạy từ hơn hai mươi sáu thế kỷ trước. Phật pháp đã cho tôi những phương thuốc vi diệu mà tôi sẽ phải đem dùng trong những ngày sắp tới để qua khỏi nỗi đau to tát này.

Mẹ tôi mất vào buổi trưa, nhưng chúng tôi dặn nhà quàn gần nửa đêm mới đến đem mẹ đi để thần thức của mẹ được ít nhất 8 giờ yên nghỉ. Bố tôi mặc quần áo tươm tất đi chậm đến bên giường, cầm tay mẹ một hồi lâu, Bố nói:

"Thôi bà đi vui vẻ nhé, hai tháng nữa tôi sẽ theo bà!"

Trong tiếng cầu kinh của Ban Hộ Niệm Đạo Tràng Long Hoa cả gia đình chúng tôi đã từ biệt mẹ tôi, chờ đến ngày phát tang,

Trưa Thứ Sáu, 4 tháng 8, 2006. Hôm nay là Lễ Phát Tang của me. Tất cả họ hàng nội, ngoại gần xa, bạn bè đã tề tựu đông đủ. Trong tiếng đọc kinh của quý Chư Tôn Đức Chùa Bát Nhã và quý vị Ban Hộ Niệm Đạo Tràng Long Hoa, hai người nhân viên nhà quàn đặt mẹ vào trong áo quan. Mẹ nằm đó yên lặng như trong một giấc ngủ. Mẹ ơi, mẹ ngủ yên nhé! Mai đây mẹ đi về cõi Tịnh, hết những đau thương phiền lụy của cõi ta bà ô trược này. Anh Hùng đẩy xe lăn đưa bố tôi đến trước linh cữu của mẹ. Bố yên lặng một hồi lâu rồi gạt giòng nước mắt, không nói gì hơn, có lẽ những gì đáng nói bố đã nói, những gì làm được bố đã làm lúc mẹ còn sinh tiền. Sau đó mọi người đưa bố tôi về nhà nghỉ ngơi. Bố đã chín mươi chín tuổi ta, sức đã cạn kiệt sau gần một năm vật lộn với căn bệnh ung thư.

Chủ Nhật, 6 tháng 8, 2006. Hôm nay là Lễ Hỏa Táng của mẹ. Sắp đến giây phút từ biệt mẹ vĩnh viễn. Chút nữa đây khi ngọn lửa thiêu đốt xác thân giả hợp của mẹ thành tro bụi, chúng tôi sẽ còn gì để nhớ về mẹ? Tôi nhớ lời dạy của Bát Nhã Tâm Kinh:

"Nghe đây Xá Lợi Tử: Sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc. Sắc chính thực là không, không chính thực là sắc. Còn lại bốn uẩn kia, cũng đều như vậy cả. Xá Lợi Tử nghe đây: Thể mọi pháp là không, không sanh cũng không diệt, không thêm cũng không bớt, không nhơ cũng không sạch. Cho nên trong tánh không, không có sắc, thọ, tưởng. Cũng không có hành thức, không có nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý sáu căn. Không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp -sáu trần..."

Hãy lấy cặp mắt tuệ giác mà Phật pháp đã cho ta để nhìn thật rõ, nếu nhìn như thế, tôi sẽ thấy mẹ chẳng đi đâu cả, mẹ vẫn còn đó trong tất cả các anh chị em, con, cháu nội ngoại chung quanh đây, và ngày nào chúng tôi, các con cháu vẫn tiếp tục hạnh nguyện của mẹ, ngày đó mẹ vẫn luôn luôn ở cạnh chúng tôi. Mẹ vẫn đang ở trong tôi, các con, các cháu chắt của mẹ, ngay bây giờ và ở đây như Thiền Sư Nhất Hạnh viết trong *Không Diệt Không Sinh Đừng Sợ Hãi* (Việt dịch: Chân Huyền, NXB Lá Bối, San Jose CA 2004, nguyên tác *No Death No Fear*,

Riverhead Books, 2002):

Nếu bạn biết tu tập, thì tới giờ phút chia lìa, bạn sẽ không quá khổ sở. Bạn sẽ sớm nhận thức được rằng mẹ bạn vẫn đang sống trong bạn.

Ngày mẹ tôi chết, tôi viết vào nhật ký: "Tai nạn lớn nhất đời tôi đã xảy ra rồi. "Tôi đau khổ hơn một năm sau khi mẹ qua đời. Nhưng rồi một đêm khi ngủ trong một cái cốc ở vùng cao nguyên Việt Nam, tôi nằm mơ thấy mẹ tôi. Tôi thấy tôi ngồi chơi bên bà và chúng tôi nói chuyện rất vui. Mẹ tôi trông trẻ đẹp, tóc bà thả dài xuống lưng. Thật là sung sướng được truyện trò với mẹ như thể lúc bà chưa chết vậy. Tôi tỉnh dậy vào lúc hai giờ sáng và có cảm giác thực sự là tôi chưa bao giờ mất mẹ. Cảm tưởng mẹ vẫn còn ở trong tôi nó rất rõ ràng. Tôi hiểu rằng ý tưởng mất mẹ chỉ là một ý tưởng mà thôi. Rõ ràng lúc đó tôi thấy mẹ luôn luôn còn sống trong tôi.

Tôi mở cửa đi ra ngoài. Tất cả sườn đồi được tắm trong ánh trăng. Đó là một đồi trà và thất của tôi ở lưng chừng đồi, phía sau ngôi chùa. Khi đi bộ thong thả giữa các luống trà, tôi vẫn cảm thấy mẹ tôi ở bên tôi. Bà là ánh trăng vuốt ve như bà thường hay làm, thật dịu dàng âu yếm… thật là kỳ diệu! Mỗi khi chân tôi chạm đất, tôi biết mẹ tôi vẫn đang ở bên cạnh. Tôi biết cái thân này không phải của riêng tôi mà nó là sự tiếp nối của mẹ, cha, của ông bà, của cụ kỵ, của tổ tiên. Những dấu chân tôi tưởng của tôi, thực ra là của cả hai chúng tôi. Tôi và mẹ cùng để lại những dấu chân trên mặt đất ẩm ướt đó.

Từ lúc ấy, ý nghĩ mất mẹ không còn hiện diện trong tôi nữa. Tôi chỉ cần nhìn vào bàn tay tôi, cảm nhận hơi gió mát trên mặt đất hay đất dưới bàn chân, là tôi nhớ mẹ tôi luôn luôn có mặt với tôi, trong mọi thời điểm...

Thực tập quán chiếu như vậy, tôi bớt đau khổ vì ý tưởng đã mất mẹ. Tôi biết là mẹ luôn có mặt với tôi trong mọi giây phút, nhất là những giây phút tôi làm những việc lợi lạc cho tha nhân. Những lúc ấy, tôi cảm thấy mẹ đang cười và nói:

"Con giỏi lắm, hãy tiếp tục như thế mãi con nhé!"

Sau ngày mẹ mất, tôi thấy rõ ràng là dù ít khi đến chùa mẹ đã thực sự sống đúng như lời dạy của Phật pháp, thể hiện tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) bằng cuộc sống hằng ngày của chính mình. Bố mẹ đã không để lại cho chúng tôi một tài sản vật chất nào nhưng đã trao truyền lại cho thế hệ sau những bài học thương yêu vô giá. Tôi biết rằng mình chẳng bao giờ cách xa cha mẹ bởi vì trong tôi, trong tất cả các con cháu vẫn còn tấm gương hy sinh sáng ngời của hai đấng sinh thành. Nhờ ánh sáng mầu nhiệm của Phật pháp, tôi hiểu rằng báo hiếu không phải là khóc lóc sầu thương, xây bia dựng mộ, cúng giỗ linh đình… mà là tiếp tục truyền thống yêu thương của tổ tiên, ông bà cha mẹ đã trao truyền cho mình. Xin được phép trích dẫn sau đây một đoạn liên hệ trong bài viết sâu sắc "Đôi Điều Về Truyền Thống Và Hiện Đại" của Tiến Sĩ Thái Kim Lan (trích từ Thư Viện Hoa Sen 12-2006, *www.thuvienhoasen.org*)

"'Truyền thống' do đó bao gồm phương thức thực hiện cho được sự chuyển tiếp sức sống hiện đại cho thế hệ hiện tại và tương lai. Đó là ý nghĩa sinh động của truyền thống, chống lại mọi khuynh hướng rập khuôn, sao chép sáo rỗng cũng như khuynh hướng bắt chước, lặp lại, tùy tiện sử dụng nhằm lẫn loại hàng phế thải "second hand" thay thế sản phẩm văn hóa đầu tay. Chính nghệ thuật giữ được ngọn lửa truyền thống văn hóa đem đến ý nghĩa sinh động cho khái niệm truyền thống như Thomas Morus (tác giả cuốn Utopia, 1478-1535) nhận chân:

"*Truyền thống không có nghĩa gìn giữ đống tro,*
Mà là chuyển tiếp ngọn lửa."

Hồi tưởng lại mấy năm trời, từ những ngày mẹ bắt đầu già yếu, qua đến bệnh tử, lòng tôi dào dạt niềm biết ơn Tam Bảo. Không có ngọn đèn của Chánh Pháp chắc hẳn tôi và các anh chị em trong gia đình sẽ bi ai sầu thảm vô ích, không biết quán chiếu:

Thân này từ đâu tới
Thân mất ta về đâu
Mỗi sáng, trưa chiều tối
Hãy tự hỏi vì sao
Sinh diệt trong hơi thở
Sống chết như trò chơi
Hết thành rồi đến hoại
Là chân lý muôn đời…
Như nước sông chảy mau
Qua rồi không trở lại
Đời người cũng như vậy
Nuối tiếc nào được đâu…
(Kinh Pháp Cú Thí Dụ,Việt dịch TT Thích Minh Quang)

Tôi nghe như có tiếng mẹ cùng tôi đọc:

"…Chư Bụt trong ba đời, y diệu pháp trí độ Bát Nhã Ba La Mật. Vậy nên phải biết rằng Bát Nhã Ba La Mật là linh chú đại thần, là linh chú đại minh, là linh chú vô thượng, là linh chú tuyệt đỉnh, là chân lý bất vọng, có năng lực tiêu trừ tất cả mọi khổ nạn. Cho nên tôi muốn thuyết câu thần chú trí độ Bát Nhã Ba La Mật. Nói xong đức Bồ Tát liền đọc thần chú rằng: Gate, Gate, Paragate, Parasamgate, Bodhi Svaha, Gate, Gate, Paragate, Parasamgate, Bodhi Svaha, Gate, Gate, Paragate, Parasamgate, Bodhi Svaha

Mẹ ơi, thôi mẹ an lành đi về cõi tịnh nhé mẹ!

(01-01-2007)

(Năm tháng sau khi viết bài này, nhà thơ Nghiêm Xuân Cường cũng theo Mẹ, từ giã hồng trần, như mây trôi đi… đi về cõi tịnh - VH)

NHỚ MẸ MÙA VU LAN

Khi nắng xế bên hồ sen mãn nhụy
Hơi Hạ nồng lành lạnh thoảng hơi Thu
Mùa nhãn hết vỏ khô vàng dưới đất
Bầy dế mèn trũi mắt nhớ đêm mưa

Ngôi chùa cổ tiếng chuông chiều vọng tới
Mừng ân sư thêm tuổi Hạ cho đời
Thu lại tới mùa Vu Lan trở lại
Hoa nhà ai cài trắng rụng thay lời

Lưu lạc xứ người Thu xưa vẫn đến
Mẹ có về từ cuối nẻo chân quê
Thăm thẳm nhớ nửa đời sau vắng Mẹ
Hồn Vu Lan thương dáng cũ ai về

Đất vô tận Mẹ là hồn của đất
Trời bao la Mẹ là cánh chim mây
Nên hồn ấy chẳng bao giờ phai cũ
Và chim kia không xao xác lạc bầy

Rồi cũng đến tuổi Thu vàng tháng Bảy
Ngoái nhìn ta tóc bạc trắng bơ phờ
Trong hành lý tha hương còn giữ mãi
Hơi mẹ hiền manh áo cũ đơn sơ

Người ta dẫu có trăm ngàn vạn ức
Đời thênh thang lớp lớp nối phù vân
Nhưng chỉ có một Mẹ hiền duy nhất
Sáu mươi hai nhớ Mẹ mùa Vu Lan.

TRẦN KIÊM ĐOÀN

Sacramento, mùa Vu Lan 2007

TRĂNG CŨNG NHƯ TA

Ai bảo rằng trăng trẻ chẳng già?
Không già sao có "khuyết" sinh ra ?
Không "buồn" sao trăng mờ đêm tối?
Chẳng "vui" mà sáng tỏ đêm rằm?

Trăng cũng có vui cũng có buồn.
Cũng sanh cũng tử chẳng khác ta.
Trăng già trăng bệnh nên trăng khuyết.
Trăng cũng vô thường như chúng ta.

Trăng chỉ tùy duyên trước gió giông,
Uy nghiêm sáng tỏ ánh trăng rằm.
Vẫn tròn vành vạnh sau ngày khuyết,
Vẫn đẹp ngàn năm một ánh trăng.

LIÊN VIÊN

Người Đàn Bà Là Me Tôi

Nhiên An

viết cho hương hồn me, và cho các chị yêu dấu

Mấy chị tôi kể rằng tôi mất mẹ lúc 5 tuổi. Đứa em trai út của tôi lúc đó mới 3 tuổi. Tôi chỉ nhớ mang máng có hôm hai chị em tôi đang chơi đùa với nhau thì thấy chị thứ năm của tôi đi đâu về, mắt mở trừng trừng nói với chúng tôi: "Me mất rồi mấy đứa ơi." Em tôi ngây ngô nhìn chị cười rồi lại tiếp tục trò chơi. Nó chưa hiểu gì. Tôi cũng chưa hiểu gì, chỉ mơ hồ cảm thấy có một chuyện trọng đại lắm đã xảy ra... nên chạy đến nằm vạt áo chị và dụi đầu vào chị để an ủi, song chẳng hề mảy may ngờ rằng chúng tôi đang chịu nỗi mất mát lớn nhất của những người con.

Lớn lên tôi nghe kể lại là me tôi đã kháng cự rất quyết liệt với thần chết. Ai chỉ cách chữa nào me tôi cũng làm theo, không đắn đo. Me tôi nói mấy đứa con tôi còn nhỏ quá mà... Căn bệnh nhức đầu dữ dội và thường xuyên của me tôi lâu sau đó người ta mới khám phá ra là bướu não—căn bệnh của những người phải suy nghĩ, lo lắng nhiều. Me tôi nằm xuống không lâu sau lúc phát bệnh nặng. Tội nghiệp me tôi, 46 tuổi và 11 đứa con. Khi đi đám tang, người ta chắc không thể tự hỏi làm sao tất cả chúng tôi lớn lên thành người khi không còn có mẹ?

Dì H.—em nuôi của me tôi—thường bảo với tôi trên đời dì vẫn chưa từng được biết một người đàn bà nào như me tôi. Vậy mà hầu như tôi không biết gì về người. Năm tuổi quá nhỏ để có thể nhớ một điều gì. Dì H. bảo me tôi đã khá công bằng mà chia đều tính nết cho tất cả 8 người con gái của mình. Tôi biết dì đã tử tế mà kể luôn cả tôi trong đó vì tôi tự thấy mình chắc không thừa hưởng được chi mấy những cái hay của me. Chị tôi nói cũng không hiểu tại sao nhưng tôi là đứa con duy nhất trong nhà không được bú sữa mẹ.

Me tôi sinh con gái đầu lòng. Chị cả lấy chồng sớm như me, lúc mới 17 tuổi. Với bốn đứa con trai, một người chồng chết trận và một gia đình chồng khắc nghiệt, chị nhanh chóng quên đi thời con gái huy hoàng, luôn được săn đón chiều chuộng rất mực của mình để tận tụy lo cho người khác. Chị ít bày tỏ tình cảm ra ngoài mặt với chúng tôi. Chị chỉ hiền lành và giản dị đặt hết những gì liên quan đến chị—kể cả những đứa con—ở phía sau những đứa em côi cút. Chị làm điều đó một cách thầm lặng, không hề đắn đo nên dần dần chúng tôi cũng chấp nhận sự hy sinh tuyệt đối của chị như một điều tất nhiên. Và dường như chị cũng không hề mong chờ chúng tôi tỏ lòng biết ơn bao giờ.

Chị thứ hai có một giọng cười giòn tan—cái giọng cười có khả năng lan tỏa niềm vui làm ai cũng phải cười theo và không gian xung quanh chị như sáng rực lên. Tôi lẽo đẽo theo chị từ nhỏ đến lớn. Các chị tôi vẫn cười khi kể lại truyền thuyết đêm tân hôn của chị. Ngày chị lấy chồng, tôi (lúc đó còn nhỏ xíu) bị gia đình nhốt vào phòng khác để cách ly với chị vì cứ quấn quít vướng chân chị hoài. Nửa đêm, chịu hết xiết, tôi lén chạy ra trước cửa phòng chị, ngồi cào cửa và mếu máo gọi chị. Vậy là chị chạy ra bồng tôi vào ngủ chung với chị trên giường trước sự kinh ngạc lẫn... bàng hoàng của đấng tân lang. Thời còn con gái, chị rất lãng mạn và ham chơi. Lấy chồng rồi, chị vừa đảm đang lo cho chồng và cả gia đình chồng, vừa lo cho ba tôi và cả lũ em... nên không còn chút thì giờ nào cho những đam mê lúc trẻ. Vậy mà chị cứ mỉm môi cười như không. Lúc nào chị cũng đầy lòng biết ơn cuộc đời, ngay cả những lúc dường như cuộc đời đã quay lưng ngoảnh mặt, làm như không biết đến chị. Chị bảo tôi chị luôn tâm niệm cuộc đời đã cho chị quá nhiều. Có lẽ đó cũng là bí quyết hạnh phúc của chị.

Chị thứ ba cũng dành cả một thời xuân sắc của mình cho đàn em. Là người đầu tiên của nhà tôi xuất ngoại, chị cong lưng làm việc để gởi về cho chúng tôi những gói quà mà mỗi lần nhận được, cả nhà tôi vừa vui như tết vừa thương chị vất vả. Sau này có chồng con đùm đề, chị vẫn không quên lo lắng cho chúng tôi từng chút một. Chị biết cách làm cho chúng tôi cười ngay cả những

lúc tưởng chừng như chỉ có thể chảy nước mắt. Cũng nhờ chị mà chúng tôi thấy cuộc đời lúc nào cũng đáng nhớ cho dù đó là những năm sau 75 đầy khốn khó ở quê nhà—khi chúng tôi phải nhường (hay giành) nhau từng chiếc bánh cốm—hay những năm bơ vơ về sau nơi xứ người.

Chị thứ tư là đại diện xuất sắc của một người con gái công dung ngôn hạnh. Lúc nào chị cũng trầm tĩnh, khoan thai, nhẹ nhàng. Hình như chưa bao giờ tôi thấy chị lớn tiếng hay gây bất bình cho ai. Chỉ có một lần tôi nhớ chị dám đứng lên chống lại cả nhà tôi là lúc chị lấy chồng. Chị sinh được những đứa con cũng dịu hiền, dễ thương như chị vậy.

Chị thứ năm thích gì làm nấy, không hề biết ngán ngại chuyện gì. Đang đường đường làm dược sĩ, chị nhảy sang làm... đầu bếp cho một nhà hàng lớn một cách ngon lành. Chị quan niệm trên đời này không có gì quan trọng với một người phụ nữ bằng cái hạnh phúc gia đình. Vì thế chủ trương lớn nhất của chị là "tất cả phụ nữ phải lấy chồng." Cũng vì thế nên chị hăng hái kiêm thêm nghề... làm mai, cộng với nghề "gỡ rối tơ lòng" cho đàn em hay gặp trục trặc trong chuyện tình cảm. Chị là bếp lửa quanh năm suốt tháng ấm áp trong lòng mỗi chúng tôi. Chị sống rất tình cảm. Trong nhà, mỗi khi có ai phải đi xa là chị khóc nức nở khiến chúng tôi cũng rơm rớm theo... Đứa con gái của chị như một vì thiên sứ, suốt ngày quanh quẩn ban phát tình thương và niềm vui cho tất cả những người chung quanh với hai bàn tay nhỏ xíu của mình.

Chị thứ sáu tuổi thiên xứng nên biết cách thăng bằng tất cả mọi chuyện. Dù rất bận rộn với cuộc đời của một nha sĩ nhưng chị vẫn dành thì giờ lo lắng chu toàn cho tất cả mọi người với một thái độ an nhiên. Chị có một cái tâm phóng khoáng và bao dung như Bụt. Cho dù ai nói ngã nói nghiêng, nói xiên nói thẳng, nói nặng nói nhẹ..., chị chẳng phí tâm giận dỗi bao giờ. Cái ngộ là chị chẳng hề đọc sách hay thực hành tu tập Phật pháp mà tôi thấy chị đã thực hiện được cách sống của đạo rất ư là "hữu xạ tự nhiên hương."

Chị thứ bảy lại mê đọc sách. Phòng chị chất đầy những Krishna-murti, Khalil Gibran, Rabindranath Tagore... Giấc mơ của chị là một nhân loại gồm những con người có cái đầu biết suy tư sâu sắc và có trái tim biết yêu thương nồng nàn. Có hai nghề chị thích nhất trong đời là làm bác sĩ để xoa dịu những vết đau thể xác và làm cô giáo dạy văn chương để làm đẹp tâm hồn cho con người. Và chị đã làm cả hai nghề nhưng cuối cùng thì chọn hẳn nghề cô giáo. Có lẽ chị thấy vết thương tâm hồn cần chữa lành hơn cả vết thương thân thể. Cũng có lẽ vì quá mải mê với giấc mơ nhân loại hoàn hảo mà gần hết thời con gái chị vẫn chưa chịu lấy chồng. Chị nói với tôi sao chị sợ cái thực tế bất toàn của đời sống quá. Chị bảo chị chỉ muốn dành cả đời, ngoài những lúc chìm đắm vào mấy cuốn sách gối đầu giường của mình, để chăm sóc cho con... của người khác hay nấu nướng món ngon vật lạ cho cả nhà cùng ăn mà thôi. Nhưng có lẽ mẹ tôi không muốn chị sống như vậy nên người đã xui khiến sao đó. Rốt cuộc, chị cũng lấy được một người chồng đi ra từ cái phần nhân loại chị đã mơ.

Tuy me tôi mất đã lâu nhưng người-đàn-bà-là-me-tôi vẫn sống thầm lặng trong mỗi người chị của tôi như thế đó. Mặc dù tôi vẫn còn khóc mỗi khi nghe bài hát "Quán Thế Âm' của Phạm Thiên Thư... *"Thế rồi một hôm mẹ chết. Hơi mẹ trong trời chưa hết. Ôm cả trần gian đầy vơi..."*; mặc dù đến lễ Vu Lan tôi vẫn còn thèm thuồng nhìn những đóa hoa hồng đỏ gắn trên áo của ai đó đứng cạnh tôi; mặc dù rất nhiều khi tôi thấy mình ao ước dù chỉ một lần được nép vào lòng và nhìn vào đôi mắt hiền từ của me, dù chỉ một lần được ôm me và cảm nhận cái tình yêu thương vô bờ bến, vô điều kiện mà người mẹ dành cho đứa con mang nặng đẻ đau... Nhưng thôi, tôi biết mình đã quá may mắn khi có bảy người chị—bảy ngọn nến hồng—mà nhờ đó, cuộc đời thiếu mẹ lẽ ra là lạnh lẽo và tối tăm của tôi và đứa em trai đã được sưởi ấm và thắp sáng.

«Như cõi đất lớn không hề dao động khi mang gánh nặng bằng sức mạnh đại bi, như kho tàng trí tuệ nuôi dưỡng thế gian, mong con bước lên cỗ xe tối thượng như vậy.»

(Lời của Thiện Tài đồng tử thưa với Bồ-tát Văn Thù về sự phát khởi tâm bồ đề của mình - trích kinh Hoa Nghiêm)

Thơ NGHIÊM XUÂN CƯỜNG

Mẹ Là Phật Độ Con Qua Khổ Hải

Như thảm cỏ xanh ngóng đợi mùa xuân tới
Mỗi bình minh vẫy gọi tiếng chim ca
Tâm hồn con đón nhận biển bao la
Là Biển Mẹ chan hòa tình thương mến

Mẹ là Gió, tự ngàn xưa gió đến
Ru hồn con qua từng bến long đong
Mẹ là Trăng soi sáng những dòng sông
Trôi êm ả, tuổi thơ bên gối mẹ.

Mẹ là Nắng, từng giọt rơi…rất nhẹ!
Rất mong manh, nắng vẽ mọi sắc hình
Nắng nồng nàn sưởi ấm những bình minh
Cho vạn vật an lành muôn sức sống.

Mẹ là Hoa cho đời bao thơ mộng,
Ngát hương yêu giữa lồng lộng núi đồi.
Mẹ là Mây cho bóng mát ngàn nơi
Là Mưa xuống cho người thêm trái ngọt.

Mẹ là Nhạc, những dòng đầy thánh thót,
Mỗi sớm mai như chim hót trên cành.
Mẹ là Thơ bay ngàn lối mênh mông
Là Sao sáng khắp đầu ghềnh, cuối bãi.

Mẹ là Phật độ con qua khổ hải
Suốt một đời dầu dãi nắng mưa.
Bước chân xa, dẫu lạc lối… quay về,
Xin nương tựa trong tràn trề tình mẹ.

Như Lai Là Tình Yêu

Lòng con mang một niềm tin trong sáng
Tai lắng nghe tiếng nhạc tự nơi Người.
Ôi Như Lai, Chánh Pháp tuyệt vời!
Bao thế kỷ vẫn sáng ngời chân lý.

Ôi Như Lai, cuộc hành trình không nghỉ
Mỗi bước Chân, Thiện, Mỹ nở ngàn hoa.
Dưới bóng Người vạn vật cất lời ca,
Trong ánh đạo chan hòa muôn sức sống.

Như Lai chính là mặt trời tỏa rạng,
Là tình thương trải rộng khắp ngàn nơi.
Là Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi
Là gió mát đưa con về chánh niệm.

Như Lai đó, là biển sâu mầu nhiệm
Là tình yêu con đã kiếm tự bao giờ.
Bể khổ mênh mông không thấy bến bờ,
Noi đuốc tuệ con tìm ra chánh đạo.

Bên Như Lai con hướng về Tam Bảo,
Diệt tham sân si, phiền não cõi vô thường.
Hạnh nguyện đem ánh đạo chiếu mười phương,
Vui bất tận trong tình thương Chư Phật.

Từng Bước Yên Vui

Không sinh cũng không diệt,
Không có cũng không không.
Vạn hữu từ duyên khởi,
Rồi tan vào mênh mông.

Thân này đã không thật,
Mộng đời biết viễn vông.
Cái giả lòng vẫn chấp,
Pháp thân còn mịt mùng.

Ôi Tứ Vô Lượng Tâm,
Giữ lòng không bi lụy.
Quên cái ta bé nhỏ,
Vượt thoát bể trầm luân.

Không sinh cũng không diệt,
Không đến cũng không đi.
An trú trong hiện tại,
Từng bước đời yên vui.

Không sinh cũng không diệt,
Không có cũng không không.
Sáu trần vừa lìa bỏ,
Chân Như đường thênh thang.

MẸ và Những Lời Cầu Nguyện

Mỹ Đức Phạm Kim Dung

Đêm đêm con thắp đèn trời,
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.

Mẹ tôi năm ngoái 79 tuổi, đã ăn chay được 15 năm. Ai gặp mẹ tôi cũng nói mẹ tôi trẻ hơn tuổi thật nhiều. Cũng năm ngoái này mẹ tôi đã trải qua một ca đại phẫu cắt bỏ một quả thận vì ung thư ác tính. Bệnh đã phát hiện ra từ 4 năm trước. Được tin này, nhà tôi và tôi, sau khi sắp xếp mọi việc là về Việt Nam để thăm mẹ tôi ngay. Trước khi về Việt Nam, tôi có tham vấn ý kiến của bác sĩ gia đình về chứng ung thư thận này. Bác sĩ gia đình của tôi nói rằng hơn 90% ung thư thận là ung thư ác tính, và khi phát hiện ra bệnh thì thời gian sống không còn được bao lâu.

Trên chuyến bay về Việt Nam, tôi bàng hoàng xúc động, luôn nghĩ rằng mẹ tôi giờ hẳn tiều tụy lắm và có lẽ lần này là lần cuối cùng tôi được gặp lại mẹ tôi. Khi máy bay bắt đầu rời khỏi Taipei và hướng về Saigon là lúc tôi xúc động hơn bao giờ hết. Qua cửa sổ máy bay chỉ thấy mây trắng xóa, nhưng bảng chỉ khoảng cách giữa Taipei và Saigon càng lúc càng thu ngắn lại, lòng tôi thổn thức, nước mắt cứ tuôn đầm đìa.

Thế nhưng khi gặp lại, tôi thấy mẹ tuy hơi già hơn xưa một chút nhưng vẫn khỏe mạnh bình thường, thần sắc tươi sáng, trí tuệ minh mẫn không thay đổi gì cả. Nếu mẹ tôi không đi tiểu ra máu và đau bụng thì chắc sẽ không phát hiện được cái bướu cũng to bằng quả thận bên phải. Sau khi các bác sĩ cho uống một vài loại thuốc thì máu không chảy nữa, và cũng hết đau bụng luôn. Tuy nhiên, các bác sĩ có nói riêng với gia đình tôi là mẹ tôi tuổi đã cao rồi, sức khỏe yếu đuối, bệnh lại ác tính, nếu mổ thì không biết có đủ sức để chịu đựng ca mổ không; vả lại, vì bướu ác tính nên mổ xong không chắc đã diệt được gốc rễ lây lan của mầm bệnh; vì vậy nên để mẹ tôi sống được ngày nào hay ngày đó thôi.

Gặp lại mẹ sau bao năm xa cách, lòng tôi thổn thức vui buồn lẫn lộn vì biết rằng mẹ không còn sống với chúng tôi bao lâu nữa. Tôi thương quý mẹ tôi vô cùng. Mẹ tôi, cũng như bao bà mẹ Việt Nam cao quý khác, cả đời chỉ sống và hy sinh cho chồng và con, chẳng quản khó nhọc, quên cả thân mình, suốt đời không có lấy một giây phút cho riêng mình. Vui niềm vui chung của cả gia đình và buồn nỗi buồn chung của cả gia đình. Tôi nhớ mẹ tôi nói rằng khi còn bé chị em chúng tôi rất hay đau ốm, quặt quẹo luôn luôn. Mỗi khi như thế là lòng mẹ tôi lúc nào cũng như lửa đốt, đứng ngồi không yên, có bao nhiêu tiền là dốc hết cho ông lang và bác sĩ. Nhiều khi chữa lâu không khỏi thì mẹ tôi chỉ mong có một phép lạ xảy ra, hay ai có thể chỉ một cách nào đó để chị em chúng tôi khỏi bệnh thì dù có mất hết cả gia tài hay những gì quý giá nhất mẹ tôi cũng sẵn lòng. Trước năm 1975, mẹ tôi là một bà nội trợ, cả ngày chỉ quanh quẩn trong gia đình. Sau năm 1975, mẹ tôi phải từ bỏ cái tháp ngà gia đình, tảo tần buôn bán, bươn bả kiếm sống để nuôi chị em chúng tôi, đặc biệt là các em tôi khi đó còn rất nhỏ. Mẹ tôi đi buôn hàng chuyến và thường đón xe của cán bộ đi công tác để chở hàng cho an toàn. Khi đó công an kiểm soát rất gắt, phải trốn chạy để giấu hàng. Có lần mẹ tôi và vài bạn hàng đã bị cán bộ lừa lấy hết số hàng trên xe, phải đi xe đò về tay không. Sau này mẹ tôi bị bệnh cao áp huyết. Có lẽ đó là hậu quả của những lần đi buôn hàng chuyến đầy phiêu lưu và sợ hãi để nuôi nấng chúng tôi. Cũng như những bà mẹ Việt Nam tuyệt vời khác, mẹ tôi rất nhẫn nhục, chịu khó, hay lam hay làm gần như chẳng nghỉ tay. Tôi chưa bao giờ thấy mẹ tôi than thân trách phận, thốt ra lời oán trách, mắng nhiếc, nguyền rủa hay so bì với bất cứ ai. Mẹ tôi cả đời chỉ âm thầm chịu đựng tất cả dù trong những hoàn cảnh ngặt nghèo nhất miễn sao chồng con được no đủ là vui lòng rồi. Nhiều khi tôi tự hỏi điều gì đã khiến mẹ tôi giữ gìn chánh ngữ tuyệt đẹp đến như vậy trong suốt cuộc đời vì khi chúng tôi còn nhỏ, mẹ tôi không bao giờ có thì giờ đọc kinh sách để hiểu rõ tam quy và ngũ giới như thế nào. Mẹ tôi chỉ có thể tìm hiểu giáo lý của Phật khi hầu như tất cả chúng tôi đã yên bề gia thất mà thôi. Tôi nhớ lần đầu tiên khi tụng kinh Báo Hiếu vào dịp lễ Vu Lan, lúc tụng đến đoạn bà mẹ nuôi con sau khi sanh:

"...Điều thứ ba thâm ân nuôi dưỡng
Cực đến đâu bền vững chẳng lay
Thứ tư ăn đắng nuốt cay
Để dành bùi ngọt đủ đầy phần con

Điều thứ năm lại còn khi ngủ
Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo phần con"

Nhớ đến sự hy sinh trời biển của mẹ tôi mà không cầm được nước mắt. Đức Phật quả là đấng Giác Ngộ toàn năng đã khơi dậy lòng hiếu thảo và tri ân cha mẹ nơi những người con một cách hiệu quả nhất qua việc sử dụng ngôn từ để vẽ lên những hình ảnh ấn tượng nhất của cha mẹ, đặc biệt là những bậc cha mẹ Việt Nam trong phẩm kinh này.

Mẹ tôi là niềm tự hào và hạnh phúc lớn nhất của tôi. Tôi luôn luôn cảm thấy hạnh phúc và hãnh diện vì có một bà mẹ tuyệt vời và hiền đức như vậy. Gần như không lúc nào là tôi không nhớ đến mẹ tôi. Hằng ngày và hằng giờ. Mỗi khi nấu được một món ăn ngon, tôi ước gì mẹ tôi ở gần đây hay ở bên tôi để tôi có thể mời mẹ tôi món ăn này. Những tháng ngày sống ở Mỹ chồng chất lên nhau cho đến một ngày kia tôi thấy rõ nỗi ước ao thèm khát có cha mẹ ở bên mình. Nhìn những người có cha mẹ ở bên này, tôi mừng cho họ có một hạnh phúc lớn lao nhưng cũng thấy tủi thân cho mình. Vào những ngày Hiền Mẫu thì tôi nhớ mẹ tôi hơn bao giờ cả. Phải chi giờ này tôi được ở bên mẹ tôi để tôi cũng được nói những lời tri ân mẹ, tặng quà cho me, và dẫn mẹ đi ăn như những người con khác. Cho nên khi đọc "Bông Hồng Cài Áo" của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh đến đoạn: *"... Lớn đến cách mấy mà mất mẹ thì cũng như không lớn, cũng cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, cũng không hơn gì trẻ mồ côi"* thì tôi hiểu ngay. Tôi không muốn mất mẹ. Dù vạn pháp là vô thường, có sinh tất có diệt, nhưng tôi vẫn hằng mong muốn mẹ tôi sống thêm với chúng tôi một thời gian nữa để chúng tôi được tận hưởng suối nguồn hạnh phúc ngọt ngào đó. Gia đình tôi theo đạo Phật. Nhưng chỉ có mẹ tôi, em gái tôi và tôi là những phật tử thuần thành thôi. Bố tôi và các em còn lại của tôi, tuy cũng kính ngưỡng đức Phật, nhưng không có đủ niềm tin sâu sắc như chúng tôi. Tôi và em gái tôi đã làm nhiều việc thiện lành như cúng dường, đúc tượng Phật, đúc chuông, ấn tống, giúp người nghèo... Nhưng từ bây giờ trở đi thì mỗi khi làm những việc đó phải xin hồi hướng công đức này về cho song thân phụ mẫu của chúng tôi với một mục đích duy nhất là để ơn trên gia hộ cho song thân chúng tôi sống thêm một thời gian nữa. Từ khi sang Mỹ, mỗi ngày sau giờ thiền định, tôi đều cầu nguyện chí thành xin Trời Phật cho bố mẹ tôi sống lâu trăm tuổi cùng con cháu. Mỗi khi điện thoại về Việt Nam, biết được bố mẹ đều khỏe là tôi an tâm vô cùng.

Sức khỏe mẹ tôi cứ ổn định như thế cho đến tháng bảy năm ngoái thì mẹ tôi lại đau bụng và đi tiểu ra máu. Bác sĩ cho biết nếu cứ để như vậy thì mẹ tôi sẽ chết vì hết máu. Nếu muốn mẹ tôi sống thì dù sức già yếu, cũng phải mổ cắt bỏ quả thận ung thư thôi. Các em tôi đồng ý để mẹ tôi mổ. Vì từ trước đến giờ cả gia đình tôi đều giấu mẹ tôi bệnh ung thư nên bây giờ phải nói với mẹ tôi là chỉ mổ thận để lấy đi một cái cục gì đó đè lên mạch máu làm chảy máu mà thôi. Nhờ thế mẹ tôi rất vui vẻ chấp nhận lên bàn mổ. Thoạt đầu bác sĩ mổ nội soi để không bị mất máu, vết thương mau lành. Nhưng chẳng may, trong lúc mổ, một động mạch bị đứt, nên phải mổ bình thường để còn vá động mạch đứt lại. Mẹ tôi kiệt sức vì mất quá nhiều máu. Sau khi mổ, mẹ tôi phải nằm trong phòng hồi sức cả tháng trời, hai mắt đỏ sọng, mặt sưng húp, da vàng khè, rũ liệt như tàu lá úa, dù có hai người dìu hai bên, mẹ tôi cũng không đi đứng được. May sao em trai tôi là giáo sư đại học y khoa Saigon nên mẹ tôi được chăm sóc rất đặc biệt với những bác sĩ hàng đầu của Việt Nam và điều trị bằng những phương tiện y khoa tối tân không thua kém gì ở Mỹ. Em dâu tôi là một con dâu thật tốt, đã săn sóc, chiều chuộng và lo lắng cho mẹ tôi hết lòng như mẹ ruột trong lúc sức khỏe và tinh thần mẹ tôi sa sút nhất.

Lúc đó ở đây, lòng dạ tôi rối bời như bòng bong. Thương mẹ đứt ruột mà không thể về thăm mẹ được. Tôi chỉ có thể về được tối đa mười ngày rồi phải trở lại với hình ảnh đau thương của mẹ kiệt sức sau ca mổ. Làm sao tôi có thể dứt áo mà trở về Mỹ trong tình trạng mẹ tôi như thế? Mà nếu không về thì có thể không bao giờ được gặp lại mẹ nữa. Tôi khóc bất cứ lúc nào nghĩ đến mẹ. Tôi cầu nguyện cho mẹ tôi bất cứ lúc nào có thể. Tôi điện thoại cho em gái tôi để em gái tôi nhờ thêm lực cầu nguyện của chư tăng mỗi ngày. Mỗi ngày tôi đến trước ban thờ Tam Bảo, thỉnh chuông, cầu xin chư Phật gia hộ cho mẹ tôi, tụng chú Bạch Y, nguyện xin hồi hướng cho mẹ tôi tất cả những công đức gì mà tôi đã tích lũy được từ đời vô thủy đến nay để nghiệp chướng của mẹ tôi được tiêu trừ, công đức tăng trưởng mà hội đủ duyên tốt lành vượt qua bạo bệnh để sống thêm nữa.

Cứ như vậy, chị em tôi cầu nguyện, chư tăng cầu nguyện cộng thêm với sự chăm sóc chu đáo của các em tôi, mẹ tôi dần dần bình phục như một phép mầu. Những ai đến thăm mẹ tôi lúc mẹ tôi còn trong bệnh viện và gặp mẹ tôi bây giờ đều nói rằng đó là một mầu nhiệm khó tin được. Sau khi bình phục, mẹ tôi gầy hơn trước, yếu hơn trước nhưng khí sắc vẫn tươi nhuận và trí nhớ phục hồi đầy đủ. Khi gặp lại tôi, mẹ tôi kể lại một ấn chứng rất lạ kỳ trước và sau ca đại phẫu.

Vào một đêm nọ, vào lúc trời hừng sáng, bỗng nhiên nổi lên sấm sét vang trời và đổ xuống một cơn mưa bất ngờ thật to. Trong lúc mưa dữ dội như vậy, bỗng dưng có một giọt nước rất to rơi xuống mặt mẹ

tôi. Mẹ tôi rất ngạc nhiên, lấy tay sờ lên mặt và thấy đúng là hạt nước rơi trên mặt. Mẹ tôi tự hỏi giường mẹ tôi nằm xa cửa sổ, lại qua mấy lớp màn che, làm sao mà hạt nước có thể xuyên qua mấy lớp màn rồi rơi trên mặt mẹ tôi như thế. Vài hôm sau thì mẹ tôi đi tiểu ra máu và trải qua một ca mổ nguy hiểm như đã nói ở trên. Khi mẹ tôi gần như hoàn toàn bình phục, nằm trong căn phòng cũ nói trên thì bỗng dưng một buổi hừng sáng nọ, trời lại nổi sấm sét dữ dội, một cơn mưa lớn lại bất ngờ đổ xuống. Cũng trong cơn mưa này, lại một giọt nước, một giọt nước có lẽ từ cửa sổ xa, xuyên qua mấy lớp màn che để đến rơi xuống cùng một vị trí trên mặt mẹ tôi như lần trước. Mẹ tôi lúc đó sợ quá, òa khóc vì sợ rằng mọi sự sẽ giống như lần trước. Có nghĩa là bệnh sẽ trở lại như cũ.

Nghe chuyện mẹ tôi kể, tôi an ủi mẹ tôi có lẽ đó là nước Cam Lồ Phật Bà Quan Thế Âm ban cho mẹ để chữa khỏi bệnh thôi.

Năm nay mẹ tôi đã 80 rồi. Bầy con nhỏ của mẹ tôi năm xưa nay đã hoàn toàn trưởng thành. Mỗi đứa con, tùy theo nhân duyên, có sự nghiệp riêng và thành công trong lãnh vực riêng của mình. Bố mẹ tôi hoan hỉ và an hưởng tuổi già với con cháu. Tuổi già giống như ngọn đèn trước gió, không biết sáng rồi tắt lúc nào. Một ngày nào đó rồi thì bố mẹ tôi cũng phải trở về theo quy luật của thiên nhiên. Dù biết vậy nhưng mỗi khi nghĩ đến điều đó, tôi vẫn thấy xốn xang trong lòng. Rồi lại rơi nước mắt. Tôi sẽ thành đứa trẻ mồ côi. Chị em tôi sẽ là những trẻ mồ côi. Mỗi lần lễ Vu Lan, tôi phải cài bông hồng trắng vì không còn mẹ. Không. Nhất định không. Tôi sẽ không bao giờ cài bông hồng trắng lên áo vào dịp Vu Lan. Cho dẫu mẹ tôi sẽ trăm tuổi và bỏ tôi lại một mình, tôi vẫn cái lên áo hoa hồng màu đỏ, màu dành cho những người con hạnh phúc vì còn mẹ. Bởi vì mẹ tôi sẽ không mất đi, mẹ tôi chỉ thay đổi sang một trạng thái khác mà thôi. Mẹ tôi vẫn còn đầy ắp trong tâm hồn tôi, mãi mãi và mãi mãi. Như lời nhà bác học Einstein đã nói: *"...không có gì sinh ra cũng như không có gì biến mất mà chỉ có sự thay đổi của trạng thái vật chất..."*

VÕ DOÃN NHẪN

Hoa bướm ngày xưa

(Để tưởng nhớ anh Hoàng Thuyên)

Nhạt tím màu xưa hoa bướm ngủ.
Thời gian xuân sắc đương đơm nụ.
Ra đi lướt sóng trận cuồng phong,
Ngoảnh lại ba đào cơn thác lũ.
Đất khách quê nhà chốn tạm dung,
Ly hương lữ thứ nơi cư ngụ.
Đường xưa mây trắng bước thong dong.
Dưới mái chùa mưa rơi "Thính vũ"(*).

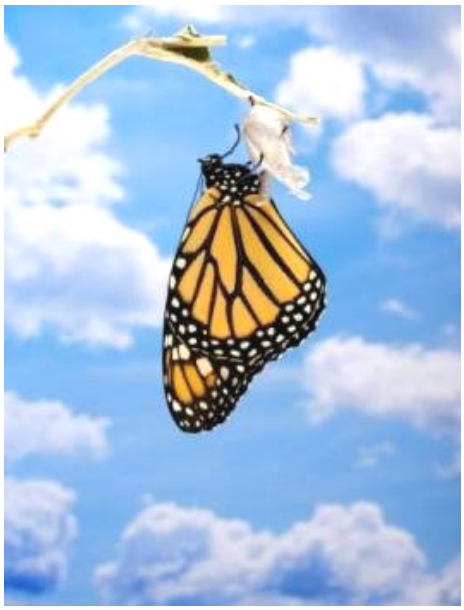

(*) Thính vũ: nghe mưa, thi sĩ Tưởng Tiệp.

Mẹ Con

Thu Thuyền

Mỗi lần thay tã cho con, Vân lại nghĩ đến mẹ. Ba tháng sau khi cô sanh Cu Ngoe, thân mẫu của cô mới lấy vé máy bay để đi thăm hai mẹ con. Lúc ấy cô đã khỏe mạnh cứng cáp và Ngoe cũng vừa dứt khóc đêm!

Mới sanh con so xong, Vân thèm bàn tay săn sóc của mẹ hiền quá đỗi. Chỉ mới bế Cu Ngoe lên cũng đủ làm những đường khâu của vết mổ trên bụng cô muốn sút chỉ, xổ tung ruột gan ra. Cả ngày loay hoay hết vạch áo cho con bú sữa, lại nhoài người thay tã. Thằng bé thơm tho được năm phút rồi đâu lại vào đấy. Lột quần, cởi tã, chùi rửa, quấn quấn, dán dán. Cứ ngần ấy động tác mà làm đến lần thứ mười trong ngày thì Vân nổi điên, ôm mặt khóc hu hu. Chỉ muốn tống thằng cu vào bụng lại cho đỡ mệt!

Thế mà những ngày mẹ của Vân đến, bà chỉ đem theo một xâu những cơn nhức đầu để làm quà tặng cô. Vân chợt khám phá ra cô cho con uống sữa không đúng giờ giấc, cách bế con của cô lỏng lẻo. Hỏng kiểu. Hỏng kiểu hoàn toàn. Về mặt ăn uống kiêng khem thì cứ cái đà mở xúp hộp ngày ba bữa ra xì xụp, chắc chắn Vân sẽ bị cạn sữa trong vài tháng. Gọt quả táo ra định chấm muối ớt là cô được nghe ngay lập tức câu: "Cứ ăn như vậy thì chưa kịp về già đã tiêu ma hai quả thận!" Mỗi lần Cu Ngoe bĩnh, mẹ cô lại bàn: "Con có nghĩ nó bị đi tướt không? Cứ ăn sữa mẹ xong lại xổ soèn soẹt thế này thì chắc nó không chịu được sữa đấy!" Vân chỉ lừ lừ mắt nhìn mẹ. Sữa của cô ngon bổ tinh khiết nhất! Cô không buồn cãi và dĩ nhiên cô để những lời khuyên của mẹ lọt thông thống từ tai này qua tai kia. Có một biến cố cô không bao giờ quên là trong khi hai mẹ con đang ăn trưa, Cu Ngoe chợt khóc um lên vì tã bẩn. Mẹ cô tình nguyện ra thay cho cháu. Vài phút sau, cô bỗng nghe trong phòng tắm, tiếng bà nôn ọe từng hồi. Cô phải phóng ra đỡ tay cho mẹ. Làm xong, cô ngao ngán nhìn mẹ mình hỉ mũi cười gượng: "Thằng Ngoe nó bé bằng cái kẹo mà sao tã thối thế!"

Mấy hôm thăm con, mẹ Vân cứ quanh quẩn trong nhà, hết đứng lại ngồi, trông đến phát tội. Vân đành nhờ chồng mua bộ máy vắt sữa về. Bà ngoại mừng lắm. Cứ ngong ngóng mong thằng bé khóc đòi ăn để bà cho cháu bú bình. Chỉ khổ nhất là trong lúc bơm sữa, mẹ cô hay mon men vào phòng tán gẫu với cô. Mỗi lần nhìn hai bầu vú to căng áp vào chiếc máy bơm đang kêu è è và những tia sữa trắng lóng lánh mỡ bắn vào chai, mẹ cô lại buột miệng phê bình: "Trông chẳng khác gì một con bò cái đang bị vắt sữa!" Cô cụt hứng. Các tuyến sữa như muốn đồng loạt đình công phản đối làm cô phải trốn vào phòng tắm. Khóa cửa, ngồi lên nắp cầu tiêu cong người bơm sữa. Lúc bước ra, lưng cổ mỏi rần...

Sau khi con ngủ, nhà cửa sạch sẽ, Vân ra ngồi tâm tình với mẹ. Lúc ấy trong đầu cô chỉ chứa toàn chuyện sanh đẻ. Cô tỉ mỉ tả cho mẹ nghe từng cơn đau xẻ thịt banh da. Cảm giác thất vọng cùng cực khi bác sĩ quyết định đưa cô vô phòng cấp cứu để mổ. Mẹ hỏi, mổ thì mổ, sao lại thất vọng? Người ta ai cũng đẻ chỗ... khác, mình không bình thường mới phải để bác sĩ rạch bụng, cô lý luận. Mẹ cô xì một tiếng, rõ khéo vớ vẩn. Cô kể tiếp, nửa khuya muốn nhìn con, nhưng lết xuống giường không nổi vì chân giường nhà thương cao lêu nghêu mà bụng thì còn đau nhức thấu đến óc. Nhìn con không xong, tức mình khóc một trận đã nư. Mẹ lại hỏi, tại sao đang đêm không ngủ? Vân thú thật rằng tự nhiên cô buồn vô cớ, không ngủ được nên muốn đi thăm con. Mẹ cô cười khì, có con không mừng, tự nhiên buồn. Vân định cãi đàn bà đẻ xong hay bị chứng post-partum blue nhưng nghĩ sao lại thôi. Cô lấy cớ nghe tiếng Cu Ngoe ọ oẹ để chấm dứt những phút tâm sự mà cô cảm thấy hơi lê thê.

Nay Cu Ngoe đã hơn một tuổi, bắt đầu chân nam đá chân xiêu, đi đứng như Tây say rượu nhưng xinh như cái kẹo bột. "Con bò cái" tên Vân không còn nai lưng ra vắt sữa nữa, Ngoe đã dùng được sữa của bò cái thứ thiệt. Vân bây giờ đút bột, thay tã, tắm rửa con điệu nghệ lắm rồi. Cô còn là cố vấn tối cao cho Vi, cô em kế cũng vừa mới sanh con. Thả ra thì hai chị em có thể ôm điện thoại nói chuyện với nhau cả tiếng đồng hồ. Họ hú hí về màu sắc vàng xanh xám trắng của phân con nít, tã loại nào mặc khít mà vẫn không làm lở mông, thuốc gội hiệu nào trị dứt được bệnh đóng cứt trâu trên đầu... Đang cười đùa hinh hích với nhau, Vi chợt nhớ ra một điều, cô liến thoắng khoe:

"Cuối tháng này mẹ sẽ ghé thăm tụi em. Em mừng quá trời! Cả tháng

nay ở nhà, có phút nào rảnh để đi ra ngoài đâu? Mẹ qua, thể nào em cũng nhờ mẹ coi con cho hai vợ chồng tháo cũi xổ lồng đi chơi vài tiếng đồng hồ!"

Vân phì cười:

"Đừng có tưởng bở mà vỡ mộng. Mẹ qua là mi phải có món xào, món mặn, món canh đầy đủ cho mỗi bữa. Chớ có đem lon xúp ra biểu diễn mở ngay giữa bếp. Mi sẽ bị liệt vô hạng con gái đoảng như ta đó! Ờ mà mi mới sanh con có một tháng đã được mẹ thăm, còn ta phải cả ba bốn tháng sau mới được thấy dung nhan người, sao mi làm gì mà được mẹ cưng dữ vậy?"

"Thì em hứa sẽ gởi vé cho mẹ mà. Chưa gì đã ganh! Ủa chớ hồi đó sanh Cu Ngoe, chị được mẹ giúp những gì?"

Vân hậm hực:

"Mẹ nói đi thăm con thăm cháu chứ mẹ có kêu đi săn sóc bà đẻ đâu mà đỡ với đần! Nghĩ lại hồi xưa, mấy chị em mình toàn có người giúp việc săn sóc nên bây giờ chắc mẹ không quen làm bà ngoại. Đụng đến cái tã là thất kinh hồn vía. Chắc phải trông nom mấy đứa lững chững biết đi, biết phá như Cu Ngoe thì mẹ điên lên mất!"

"Chị chỉ ngoa ngoắt nói xấu mẹ!"

Vân nổi cọc:

"Mi hỏi ta mới trả lời. Có bao giờ ta kể cho mi nghe ba cái vặt vãnh đó đâu?"

Nói chuyện với em xong, Vân cứ thấy bực bực trong người. Mẹ mình sao chẳng giống những bà mẹ Việt nam bình thường khác? Có một chị bạn đến thăm lúc cô vừa sanh xong vài ngày. Vân cố gượng ra phòng ngoài tiếp khách. Chị nhất định ngăn, bắt phải vào giường nằm: "Cử động, làm việc hay suy nghĩ nhiều là dễ mất sữa lắm em ạ!" Chị còn đem bánh đậu xanh ra ép cô ăn. Chất đậu làm tốt sữa, chị giảng nghĩa. Thế là kẻ nằm người ngồi, chị kể chuyện chị bắt con gái nằm trên giường ở cữ, phía dưới đốt lò than. Còn cấm không cho tắm gội cả tháng trời. Vân hỏi, để làm gì? Như thế chắc người ngợm chua loét chịu sao thấu! Chị cười, mẹ chị làm sao thì chị bắt chước như vậy. Chắc cho mọi sự trên cơ thể mau trở lại trạng thái cũ nhưng nghe con năn nỉ quá, chị phải nướng bồ kết gội đầu cho nó. Rồi chị bảo thêm, hồi xưa, mẹ chị còn kỹ hơn nhiều. Vân chỉ thè lưỡi nghĩ thầm, giá mẹ mình có mặt lúc này và chỉ cần lãnh phần nấu cơm là đủ sướng lắm rồi. Đỡ phải nhè nhẹ lê cái bụng nhức nhối ra hâm xúp hộp.

Trời không thương Vân! Cô đang thoải mái với đứa con khoẻ mạnh bi bô cười nói thì nó bị lên sởi. Mụn mẩn đỏ nổi lên khắp người, miệng ho khúc khắc, trán nóng hừng hực... Suốt hai đêm liền, cô rạc người vì phải ngồi canh đứa con yêu nằm sốt thiêm thiếp, thân thể gầy tọp, dán xuống giường. Càng nhìn con, cô nghĩ đến mẹ càng nhiều. Mẹ mình có bao giờ trắng đêm vì con như thế này không nhỉ? Tuổi thơ của cô chỉ tràn ngập hình ảnh của ông bà nội. Cha mẹ sao không nuôi dưỡng chăm nom, nỡ gởi cô lên một vùng cao nguyên xa tít xa tắp? Cô chợt thèm đến mê người về một người mẹ tưởng tượng. Một người đàn bà dịu dàng xuất hiện bên cô, nhẹ nhàng ôm vai, khuyên cô đi nghỉ để người săn sóc con thế cô...

Bẵng đi mấy tuần lo cho Cu Ngoe, Vân chợt nhớ đến em, cô cầm điện thoại lên bấm tanh tách: Vi hả? Mẹ về chưa?... Ta đã bảo mà không nghe! Mi hết chê ta ngoa ngoắt nói xấu mẹ rồi chứ?... Ủa, con bé nhỏ thế mà cũng bị nhọt bọc đầy lưng. Tội quá, chắc nóng gan đấy!... Hả, mi bảo sao? Vân thấy giọng Vi ngùi ngùi: "Ừ, chị không nghe sai đâu, mẹ chả bao giờ khóc trước mặt con mà lần này mẹ đã rơm rớm nước mắt khi nhắc lại ngày chị còn bé cũng bị nhọt đầy trên người. Khóc quấy cả đêm, lả đi vì chả ăn uống gì cả. Mẹ nghĩ chị không chịu nổi cái nóng của Sàigòn nên phải đứt ruột đem chị lên Đàlạt gởi ông bà nuôi vài năm cho cứng cáp. Lúc đưa chị về, mẹ thêm một lần đứt ruột khi thấy chị lạ mẹ, nằng nặc đòi trở lại với ông bà." Vân chợt thấy cổ họng nghẹn cứng. Sao mẹ chẳng bao giờ nói cho mình nghe điều này? Đã đành mẹ ít có thói quen tỏ lộ tình cảm như mình nhưng việc gì phải giữ những kỷ niệm xưa kỹ đến thế? Cái cảm giác nặng nề bị cha mẹ hất hủi chợt vợi đi trong khoảng khắc. Bao nhiêu bứt rứt trong lòng, cô để mặc cho nó ứa trên mi. Tình mẫu tử thiêng liêng mà cô vẫn hằng so sánh với cái ao tù nhỏ xíu, cạn sệt nay mang mang sâu rộng, rạt rào những lượn sóng dịu êm, vỗ về tâm hồn xương rồng cằn cỗi của cô. Tiếng Vi vẫn vang vang trong ống nghe:

"Chị biết không? Mẹ chỉ cái rocking chair em để gần cửa sổ, bảo nhà chị cũng có một cái ghế giống hệt như vậy, chị vẫn hay ngồi bế Cu Ngoe vừa đong đưa người vừa đọc sách. Nắng vàng chiếu rợp tóc hai mẹ con, cảnh tượng êm đềm này chỉ nhìn một lần cũng đủ nhớ suốt đời! Mẹ định mua một cái ghế để sẵn ở cửa sổ cho chị ngồi đọc sách. Mẹ nghĩ chị sẽ thích lắm..."

Vân không còn nghe tiếng nói của Vi nữa. Một ngọn sóng cả từ chiếc ao của mẹ vừa úp phủ lên thân cô, xóa hết những vết sẹo cuối cùng còn sót lại trong tim. Đầu óc Vân bây giờ đang quay cuồng với dự tính mua vé máy bay cho hai mẹ con về thăm bà ngoại. Cô sẽ tươi cười bế con ngồi lên chiếc ghế mẹ đặc biệt mua cho cô. Cô sẽ gục đầu vào lòng mẹ... Chỉ cần nhắm mắt tận hưởng vòng ôm yêu thương của mẹ cũng đủ lắm rồi. Có lẽ chia sẻ sự yên lặng bao giờ cũng là những giây phút quý giá nhất cho những tâm hồn mang nhiều điểm khác biệt!

Cảm Niệm nhân Mùa Vu Lan

Chân Hiền Tâm

THẤY GÌ QUA HÌNH ẢNH VU LAN BỒN

Cách đây mấy ngàn năm, ngài Mục Kiền Liên đã thỉnh cầu Thánh chúng cầu siêu cho mẹ. Nhờ lễ cầu siêu ấy, bà thoát kiếp ngạ quỉ, sinh vào thiên giới. Nói chinh xác, nhờ lòng hiếu hạnh và nội lực của hàng Thánh chúng tác động, bà mở lòng buông bỏ tham sân, nên mới thoát được kiếp ngạ quỉ. Sự buông bỏ và mở lòng đó là nhân khiến bà sanh thiên. Những thứ còn lại chỉ là trợ duyên. Nhân duyên hội đủ mà quả thành hình.

"Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức". Ba cõi không ngoài tâm. Vạn pháp đều do phân biệt tạo tác mà có. Chẳng trách, chiếc bát cơm của một thánh La hán lại thành than đỏ trong bàn tay của kiếp ngạ quỉ. Thế giới tranh tàn đau thương hay hạnh phúc ấm no, tùy thuộc vào những nghiệp nhân mà người ở thế giới đó tạo ra trong quá khứ. Ai tạo nhân, đủ duyên người ấy lãnh quả. Không tạo nhân, dù duyên nhiều bao nhiêu, cũng không có quả để lãnh. Vì thế, khủng bố tràn lan nhưng không phải ai cũng bị tai họa vì khủng bố. Không phải có sóng thần thì ai cũng chết vì sóng thần. Y học tiến triển rất mực, nhưng không phải vì thế mà mọi bệnh tật đều được cứu chữa. Vẫn có người chết vì sự tiến bộ của khoa học. Khoa học mang lại rất nhiều lợi ích, nhưng tác hại từ nó cũng không phải ít. Bởi mọi thứ còn tùy thuộc vào suy nghĩ và hành động của từng người. Cái quả mình nhận được luôn tương thích với cái nhân mình đã rạo ra. Từ mình mà ra, nên phải tự mình giải quyết vận mệnh của mình. Các thứ bên ngoài chỉ là trợ duyên.

Một lần đi dạo cùng thiền sư Phật ấn, Tô Đông Pha thấy tượng Quán Thế Âm cầm chuỗi niệm Phật, ông hỏi :

- Quán Thế Âm là người để ta lễ bái, vì sao trên tay còn cầm chuỗi niệm Phật?
- Đó phải hỏi chính ông
- Sao con biết niệm ai?
- Niệm Quán Thế Âm chứ ai!
- Sao lại phải niệm mình?
- Vì cầu người không bằng cầu mình.

Cầu người không bằng cầu mình, vì mình là kẻ gieo nhân mà cũng là kẻ thừa hưởng cái nhân ấy. Không có gì thay đổi, khi tâm mình còn đầy tham dục và sân hận. Mọi thứ chỉ thay đổi khi suy nghĩ và hành động của mình thay đổi. Không thể có một hoàn cảnh tốt đẹp, khi thân khẩu ý của mình hoàn toàn bất thiện. Niệm Phật cầu tha lực, là lấy một niệm Phật trừ đi một niệm ác. Niệm niệm niệm Phật là niệm niệm hành thiện. Tha lực mới hiển. Cầu tha lực, mà không niệm Phật cũng không dừng ác hành thiện, thì chưa từng có tha lực nào ứng được.

Nhận ra được điều ấy, mình sẽ hạn chế bớt những đổ thừa trách cứ, cũng như hạn chế bớt những tư tưởng và hành động vị kỷ. Chư Tôn đức có lập đàn tràng tế độ nhân sinh, thì cũng như Mục Kiền Liên, vì hiếu từ mà thỉnh cầu chư Tăng độ mẹ, hy vọng thế giới bình an, người sống hạnh phúc, người chết siêu thăng. Nhưng nếu mỗi người, sống cũng như chết, không tự buông bỏ tâm vị kỷ của chính mình, như bà Thanh Đề buông bỏ tâm tham hận, thì mọi thứ vẫn y nguyên, không có gì thay đổi. Duyên đủ mà nhân không có, nên mọi thứ vẫn hoàn không.

Cho nên, lập đàn tràng tế độ nhân sinh không phải để cầu cho khủng bố thiên tai hay hoạn nạn hết hoành hành, mà chính là cầu cho mọi người chúng ta có cái nhìn đúng đắn về thực lý Nhân Duyên đang chi phối thế giới này, cầu cho tất cả chúng ta phát tâm hướng thiện và hành thiện. Tâm bớt bạo tàn tham dục, thì khủng bố thiên tai sẽ chấm dứt. Khủng bố dẹp rồi mà tâm con người không hết tham sân, sẽ có loại nạn tai khác xảy ra cho tương thích với những gì nhân loại đã gieo...

VU LAN GỢI NHỚ

Vào cái tuổi đáng nhẽ được êm ả trong lòng mẹ, tôi lại phải vào ở với ông bà nội để đi học. Tôi không nhớ một năm, bà vào đây mấy lần. Chỉ nhớ, tôi không được phép thấy bà đi. Cái đọng lại hiện nay trong ký ức tôi, là những cơn khóc tức tưởi, một cuốn tập chứa vài dòng thương yêu, và một tờ giấy bạc mười đồng màu đỏ có hình bó lúa. Có lẽ, để tôi trút nước mắt qua mấy que si rô.

Được ở gần gia đình rồi, mẹ hình như vẫn rất xa. Công việc không cho bà có thời gian gần gũi con cái. Đó là hình ảnh chung của thời đại văn minh. Người phụ nữ không chỉ có bếp núc và chồng con, mà đã có chỗ đứng trong xã hội. Chăm sóc con, là mang cho chúng mọi thứ và học hành tiến bộ. Còn cái khoảng "Tháng ngày êm ả

trong lòng mẹ, ấp ủ cho con suốt cuộc đời" thì quả là hiếm hoi sau những giờ mệt nhọc. Nếu có chăng, cũng không có phần cho những đứa sổ giò như tôi. Tôi đòi hỏi được gì khi lũ em khá nhiều và khá nhỏ? Một vòng tay mẹ, ôm không hết lũ nó, làm gì đến phiên tôi. Mọi thứ cứ thế mà trôi đi trong phú quí giàu sang. Mẹ và tôi, như không có gì dính dáng. Mọi thứ càng xa khi cha không còn. Gánh nặng mẹ phải gánh thay ông, khiến bà thêm xa lạ. Tôi thì cứ thế mà... vô tư. Không hề quan tâm đến nỗi ưu tư hay lo lắng của bà.

Rồi một ngày...

Mọi thứ đều thay đổi. Phú quí không còn. Chị bếp không có. Lò ga không sử dụng được. Trong ánh sáng loe loét của ngọn đèn dầu, mẹ nghiêng người thổi to ngọn lửa, hối hả tất bật thốt lên những lời xin lỗi "Hôm nay trường có việc thành mẹ về trễ". Tôi âm ự cho qua chuyện, không trả lời. Thứ gì đó đang chận ngang cổ. Trả lời, mẹ sẽ biết tôi khóc. Phú quí đủ đầy, khiến mình không nhận được nỗi thương yêu lo lắng của bà. Chỉ trong hoàn cảnh thiếu thốn khó khăn, mình mới nhận rõ tình cảm của mẹ lớn đến dường nào. Mọi thứ như ẩn trong cảnh nhá nhem của ngọn đèn dầu, chỉ sợi dây thâm tình là đang hiện rõ.

Bao năm qua...

Mẹ đã không còn. Còn tôi thì làm mẹ. Làm, để hiểu nỗi đau của bà khi sinh con. Để biết cái nhọc của bà khi mình bệnh. Mọi nỗi đau của mình là nỗi đau của bà. Mọi lo lắng của mình là lo lắng của bà. Hạnh phúc sung sướng dành cho con. Chịu đựng cực nhọc là của mẹ.

Vu lan...

Không biết giờ này bà ở đâu. Mục Kiền Liên ngày nay không có thần thông, cũng không đủ phước duyên gặp được chư Phật, mà hỏi cho ra lẽ... Mục Kiền Liên thời vi tính, chỉ có niềm tin và lòng thành. Chỉ biết lấy chút công đức phước thiện hiện đời, hướng về mười phương Tam bảo, nguyện cho cha mẹ trong ba đời được yên vui. Nguyện cho tất cả con cái đều hiếu nghĩa, như một ai đó đã nói, rất đơn giản nhưng không dễ làm:

Ai còn mẹ, xin đừng làm mẹ khóc
Đừng để buồn lên mắt mẹ nghe không.

Chân Hiền Tâm

Thơ NGẬM NGÙI

Mẹ

"Sắc hương một đoá hoa hồng
*Kính dâng lên mẹ trọn lòng nhớ ơn!" **
Nay con đã được lớn khôn
Cho con sắc thắm ... héo hon mẹ hiền

Trải bao năm tháng muộn phiền
Mẹ tôi vất vả triền miên gánh gồng
Mẹ tôi nuốt lệ vào lòng
Đắng cay riêng mẹ thay chồng nuôi con

Cho con được giấc ngủ ngon
Cho con no ấm, lớn khôn, nên người
Lòng mẹ hơn cả biển khơi
Làm sao tả hết, mẹ ơi! nỗi lòng

Hôm nay con được đóa hồng
Ngát hương đỏ thắm, đượm nồng tình thâm
Con luôn cầu nguyện âm thầm
Cúi xin cho mẹ sống trăm tuổi già.

Viết nhân lễ Vu Lan

* (2 câu thơ trên Ngamngui không nhớ đã đọc ở đâu. Xin được ghi vào đây, cảm ơn tác giả)

Dáng Mẹ Trăm Chiều

Từ Thế Mộng

Thưa má, từ má lòng bàn tay dìu dắt, con đâu còn sợ ai. Cái xấu nảy mầm. Tâm hồn con nảy toàn cây trái cấm.

Ga xe lửa Phan Thiết chật ních người vào buổi trưa năm ấy. Hàng hóa tuôn từ Sài Gòn ra, từ Nha Trang vào, nhiều vô kể. Chú bé, khoảng 12, 13 tuổi, nhởn nhơ đi lại, cặp mắt to đen tha hồ ngó. Nhưng gầy quá. Chú đói. Hai ngày nay, cha chú đánh bài thua cháy túi. Không một chén cơm vào bụng. Chỉ có cháo. Mấy toa cửa đóng mịt mùng kia chắc chắn là gạo, đựng toàn trong bao chỉ xanh trăm ký. Chỉ cần thọc mũi dùi nhọn và bén ngót này qua khe hở dưới gầm toa, ngoáy rộng một chút, gạo sẽ chảy ra, không ào ạt, nhưng từ tốn, đều đặn. Chiếc mũ bèo nhèo lập tức được chìa ra hứng. Không nên ham hố lấy nhiều dễ bị lộ. Miết nhẹ mũi dùi hai ba lần lên chỗ bao bị chọc thủng, lỗ bao sẽ kín lại ngay. Đó là nghề riêng của "chàng." Chú bỗng cảm thấy đói. Làm như gạo đã có sẵn trong túi.

Trời mùa đông, gió lạnh gớm. Cái áo mỏng manh và rách không đủ che kín bộ xương cách trí của chú. Quần ngắn cũn, thỉnh thoảng chú lấy tay kéo kéo, sợ tụt mất. Gió bất thổi lồng lộng. Chà, lạnh thế này, má chịu gì nổi. Chắc má khóc dữ lắm. Cục máu-nhà-con đợi lạnh là nổi chồm lên trong bụng má. Má nằm úp, đau vật vã. Má rên rỉ, khóc lóc, gào thét, rồi van xin như một đứa con nít: "Đừng! Đừng!" Máu-nhà-con ra không hết khi mẹ sinh chú đã dồn lại, lâu dần thành cục cứng ngắc. Lạnh là cứ nhói lên, muốn nhảy chồm ra ngoài. (Mẹ có quá nhiều nỗi buồn, từ lúc "thằng cha mi bỏ đi theo con đĩ chó").

Thôi má, để con lấy vài liễn trầu má ăn cho bớt lạnh! Chú lấn tới. Mấy cái giỏ cần xé to hụ, cái nào cũng ngồn ngộn trầu, nằm hơi khuất bên kia đường xe lửa. Trầu Long Khánh, lá to, dày, gân nổi trắng, nhai vào thì phải biết: cay xé mà thơm lựng. Mẹ chú ghiền trầu nặng. Dân Huế rặt. Răng đen tuyền, bóng ưởng và chắc rụi.

Chú lơ đãng ngó. Mọi người lơ đãng nhìn. Hấp! Liễn trầu đã lơ đãng chui vào bụng chú, như xiếc. Chú chui ra khỏi ga, nhẹ nhàng như một cái bóng.

Cái bóng bắt đầu chạy. Qua hai ngõ quành, qua bịnh viện, là tới. Mẹ chú ở đó, trong một cái bếp ọp ẹp, ám khói của người cháu kêu mẹ là cô ruột. Chái bếp tối thui. Phải mất một lúc, chú mới nhìn rõ. Mẹ chú ốm quá, trông cứ như lọt thỏm trong chiếc giường tre cũ kỹ. Và má rên. Ôi, má đừng rên nữa má. Trầu đây má. Trầu Long Khánh nè má!

Mẹ chú mở mắt. Cặp mắt tuy mờ mịt khói bếp, tuy ràn rụa vì cục máu-nhà-con nổi lên đau ngất, tuy mòn mỏi vì căn bịnh mạch lươn đục ruỗng vế phải nằm liệt giường, vẫn ánh lên vẻ dịu dàng: "Tư, hả mi? Sao lâu quá mi không về, hử?" Rồi cái thân thể gầy còm, hầu như bất động đó, có tiếng rên, tự vực mình dậy, nghiêng người tựa hẳn vào gối, dăm dăm nhìn con trai....

Cuối cùng, bà cũng nhận ra liễn trầu xanh ngắt, cạnh mình. Một cái gì cứng như đá, lạnh như đồng, một nét đau đớn cổ quái thoáng qua, ngỡ vụt tắt trên gương mặt người đàn bà.

Bà ngọt xớt (ôi, một trăm bà mẹ Huế, bà nào giọng cũng ngọt xớt):

"Cha mi! Mi lấy trầu cho mạ à? Tội quá lại đây con."

Giọng ngọt như mía lùi đó làm chú sướng ngất. Chú bé tóc thưa đã như bay, như bay, sà tới.

Cốc! Cốc! Hàng trăm cái cốc dồn dập ùa tới, khua lớp cốp trên đầu chú. Tóc chú bị túm chặt, ghì xuống từ lúc nào không biết. (Bà mẹ không dùng kế dụ địch làm sao bắt nổi chú. Chú nhanh như cắt và lẩn chạch).

Giọng bà hổn hển vì cơn giận bị ghìm lại lâu quá:

"Đồ ăn cắp! Quân đội đầu xe lửa! Mi... Mi..."

Lưỡi bà líu lại thì hai bàn tay bà vung rộng ra. Cả liễn trầu xòe hàng trăm cái cánh bay ào ạt vào mặt chú.

"Mi lượm của mi đi. Cho ai thì cho. Tau không lấy của loài ăn cắp."

Mặt chú tái ngơ, tái ngắt, chao đảo cúi xuống. Tay chân chú hầu như bất động. Những lá trầu như dính chặt dưới đất.

Chú về cái chòi cha chú che tạm bên hông miễu, nằm lăn trên nền đất ẩm, quên đói, mơ từng chập. Chú mơ thấy hàng trăm, hàng ngàn lá trầu xanh, bay xuống, bay lên, chụp lấy chú. Chú nằm úp mặt, ngọn trầu xanh dưới đất cũng trồi lên, đâm suốt lòng chú.

Má ơi! Con xin vòng tay, cúi nghe lời má. Dù nghèo đói, cũng sống một đời trong sạch. Nhưng lạy má, con chỉ là chú bé tóc thưa dù bốn mươi năm đã trôi qua, vẫn mơ được một lần như ngày nhỏ, cầm liễn trầu xanh ngắt, con sãi cánh bay, về dâng tặng má thương yêu.

Thơ

TÂM MINH – NGÔ TẰNG GIAO

(chuyển ngữ)

PARENTS' WISH

TO OUR DEAR CHILD:
On the day
when you see us
old, weak and weary…
Have patience
and try to understand us…

If we get dirty when eating…
If we cannot dress on our own…
Please bear with us
and remember the times we spent
feeding you
and dressing you up.

If, when we speak to you,
we repeat the same things
over and over again...
do not interrupt us… listen to us.
When you were small,
we had to read to you the same story
a thousand and one times
until you went to sleep.

When we do not want to have a shower,
neither shame nor scold us…
Remember when we had to chase you
with your thousand excuses
to get you to the shower?

When you see our ignorance
on new technologies…
help us navigate our way
through those worldwide webs.

We taught you how to do
so many things…
To eat the right foods,
To dress appropriately,
To fight for your rights…

When at some moments
we lose the memory
or the thread of our conversation…
let us have the necessary time
to remember… and if we cannot,
do not become nervous…
as the most important thing
is not our conversation
but surely to be with you
and have you listening to us…

If ever we do not feel like eating,
do not force us.
We know well when we need to
and when not to eat.

When our tired legs give way
and do not allow us
to walk without a cane.
Lend us your hand.
the same way we did when
you tried your first faltering steps.

And when someday
we say to you
that we do not want to live anymore,
that we want to die.
Do not get angry.
Some day you will understand.
Try to understand that our age
is not just lived but survived.

Some day
you will realize that,
despite our mistakes,
We always wanted the best for you
And we tried
to prepare the way for you.

You must not feel sad, angry
nor ashamed
for having us near you.
Instead,
try to understand us and help us
like we did when you were young.

Help us to walk…
Help us to live
the rest of our live
with love and dignity.
We will pay you
with a smile
and by the immense love
We have always had
for you
in our hearts.

We love you, child.
MOM and DAD
(Anonymous)

MONG ƯỚC CỦA CHA MẸ

GỬI CON YÊU QUÝ:
Một ngày nào đó con ơi
Cả hai cha mẹ con thời già đi
Chán chường, yếu đuối còn chi…
Mong con kiên nhẫn nghĩ suy tỏ tường
Để rồi bộc lộ tình thương
Cảm thông cha mẹ nay đương nhọc nhằn…

Nếu mà cha mẹ khi ăn
Lỡ gây dơ bẩn và làm phiền con…
Áo quần không mặc được luôn…
Mong con chịu đựng và không buồn lòng
Nhớ xưa cha mẹ nuôi con
Lo ăn lo mặc chẳng còn thảnh thơi.
Nếu khi cha mẹ thốt lời
Nói với con cứ nhắc hoài một câu…

Con đừng vội vã chặn đầu…
Hãy nghe cho trọn trước sau con à.
Khi con còn nhỏ quá mà,
Một câu truyện bắt mẹ cha kể hoài
Cả ngàn lần một truyện thôi
Đến khi con ngủ yên rồi mới ngưng.

Mẹ cha nếu tắm chẳng ưng
Con đừng gắt gỏng cũng đừng chê bai…
Xưa con không tắm, ham chơi
Nêu ngàn lý lẽ để rồi chạy xa
Bao lần làm khổ mẹ cha
Phải lo rượt đuổi để mà cầm chân?

Thời nay kỹ thuật tối tân
Mẹ cha nào biết, vô ngần hoang mang…
Mong con giúp vượt dễ dàng
Mạng tin quốc tế thông thường hiểu ngay.

Con làm được nhiều việc thay
Mẹ cha dạy dỗ trước đây lâu rồi…
Chỉ ăn thực phẩm tốt tươi,
Mặc thời tươm tất trên người chớ quên,
Đấu tranh giành lại nhiều quyền
Quyền con được hưởng, chớ nên lơ là…
Con ơi đôi lúc mẹ cha
Hầu như trí nhớ nhạt nhoà buông trôi,

Ngập ngừng nói chuyện chẳng xuôi…
Hãy cho cha mẹ một thời tĩnh tâm
Để mà nhớ lại dần dần…
Nếu cha mẹ vẫn đôi phần lãng quên
Mong con đừng bực bội thêm…
Chuyện trò nào quan trọng trên cõi đời,
Chỉ cần con lắng nghe thôi
Và mong con cứ mãi ngồi gần bên…
Khi nào cha mẹ chẳng thèm
Bỏ ăn, bỏ uống, đừng phiền muộn chi
Con đừng nên ép làm gì
Mẹ cha biết rõ ăn khi nào cần.

Nếu khi cha mẹ đau chân
Phải dùng cây gậy để lần bước đi
Mong tay con giúp tức thì
Giống như thuở trước có gì khác đâu
Khi con chập chững bước đầu
Mẹ cha dẫn dắt xiết bao nhọc nhằn.

Nếu ngày nào đó bất thần
Mẹ cha ngỏ ý chẳng cần sống thêm
Muốn lìa đời thật êm đềm.
Mong con đừng giận, đừng nên bực mình.
Một ngày nào hết vô minh
Con rồi sẽ hiểu tâm tình mẹ cha
Rằng người sống tới tuổi già
Chỉ còn lây lất chờ xa cõi đời.

Một ngày nào sắp tới nơi
Chắc con cũng sẽ tức thời nhận chân

Dù cha mẹ có lỗi lầm
Nhưng luôn chuẩn bị người thân của mình
Muốn con tiếp bước đăng trình
Đường đời vạn nẻo an bình tương lai.

Con đừng sầu thảm u hoài
Đừng hờn, đừng thẹn vì nơi gia đình
Vì cha mẹ ở gần mình.
Mà nên thông cảm tỏ tình thiết tha
Giúp cha mẹ lúc tuổi già
Như cha mẹ giúp con qua một thời.

Giúp cha mẹ lúc già rồi
Để khi đi lại thảnh thơi chẳng phiền…
Giúp cho cha mẹ sống thêm
Quãng đời còn lại được yên thân già
Với thương yêu mãi thăng hoa
Vẹn toàn nhân cách, nếp nhà trang nghiêm.
Tình con cha mẹ nào quên
Nụ cười đáp lại nở trên môi này
Cùng tình yêu vĩ đại thay
Mẹ cha ấp ủ lâu nay trong lòng.

Yêu con thắm thiết vô cùng.

MẸ và CHA

Trái Tim Phụ Nữ

Trần Quỳnh Nga

Tôi ngồi nhìn chị Nhàn đứng bên bậu cửa trông đàn bồ câu đang ăn ngoài sân một cách bình thản. Chị không buồn nhìn tôi.

Hình như chị có một nỗi niềm gì khó nói và nhất là chị không bao giờ nhìn vào mắt tôi những khi tôi hỏi. Vốn thường tôi ít khi tò mò chuyện của người khác và cũng rất ghét ai đó thóc mách vào việc của mình nhưng trông thấy điệu bộ của chị tôi không kìm lại được, dẫu biết chị sẽ không bao giờ nói thật:

"Chị sống không hạnh phúc à?"

"Không, chị sống hạnh phúc đấy chứ!" Chị nói rồi quay sang tôi cười hết cỡ.

"Em lại tò mò chuyện gì phải không? Em nên nhớ đây là đời thật chứ không phải văn chương của em đâu. Chị là một người nhàn rỗi và sung sướng nhất, công việc của chị chỉ là chăm đàn bồ câu và trồng cây thôi, chị không lang thang như em, không lo âu kiếm tiền như em, chỉ có em là khổ thôi ngốc ạ, đừng mang nợ nhiều quá mà mất hết thi vị của cuộc sống."

Tôi nhìn chị một cách xét nét, tỉnh táo đến sắc lạnh. Những lời chị nói không làm tôi đau khổ, ngược lại nó mang một nỗi đau nào đó tiềm ẩn của chính tâm hồn chị. Không tiện ngồi nghe chị nói, tôi bỏ đi trước khi chị kịp lắc đầu ngao ngán nhìn theo.

Chị Nhàn với tôi cùng một mẹ sinh ra nhưng tính cách chúng tôi trái ngược nhau. Chị tôi nhu mì và hiền thục như những cô gái con nhà quyền quý thời trước, tóc để dài ôm lấy tấm lưng mỏng mảnh và yểu điệu. Tôi thì khác hẳn. Mẹ tôi lúc còn sinh thời đã từng than thở với mọi người rằng chỉ mong tôi có được tấm chồng là bà mãn nguyện.

Thế nhưng đến bây giờ tôi vẫn là một người tự do. Mẹ tôi ôm nỗi buồn đó về nơi chín suối trong một cơn bạo bệnh. Lúc tôi về thì bà đã không thể nói được nữa, ánh mắt bà loáng nước đau khổ nhìn tôi rồi tắt thở. Nếu không nhìn thấy cảnh đó có lẽ tôi sẽ không băn khoăn day dứt khi phải sống một mình. Chị Nhàn đã lấy chồng theo sự sắp đặt của mẹ. Chỉ còn tôi trong căn nhà gỗ mộc mạc nằm nép mình bên vách núi bốn mùa thông thống gió.

Tháng Sáu, trời bắt đầu mùa mưa. Những cơn mưa rào mạnh mẽ và gấp gáp xối ào ạt xuống thị xã nhỏ bé mà tôi đang sống. Căn phòng nhỏ đột nhiên trống rỗng và lạnh lẽo. Tôi ngồi bó gối nhìn ra ngoài trời. Những cơn mưa xiên chéo vào nhau như tấm lưới mắt cáo khổng lồ chụp xuống bóng đen giăng mắc khắp giàn hoa nguyệt quế đang độ rực rỡ nhất. Bóng đêm loang lổ đè nén tâm hồn tôi bằng sức nặng của sự sợ hãi. Tôi thò tay ra ngoài cửa sổ. Mưa ướt lạnh dọc cánh tay trần. Mưa ướt nhòe cả mắt.

Trong tôi, sự cô đơn của một kẻ già trước tuổi độc tôn chiếm hữu…

***

… Bấy giờ, chị Nhàn còn đang rất trẻ. Chị thường mặc chiếc váy trắng bông màu da trời non tơ như một búp sen xanh vừa vụt lên khỏi mặt nước khỏa những vòng tròn đồng tâm đều đặn. Chị đẹp nhưng yếu. Làn da mai mái của chị làm tôi nhớ mẹ. Chị chính là hình bóng của bà thời còn trẻ, nhu mì và câm lặng như chiếc bình đá suốt mùa chỉ cắm một vài bông sen trắng u buồn. Đời mẹ là một khúc sông dài với rất nhiều bến đỗ. Mỗi lần neo lại, bà có thêm chị Nhàn và tôi.

Phải nói thêm rằng bà là một ca kĩ đa sầu đa cảm.

Dì tôi kể lại rằng: Đó là một đêm trăng sáng vằng vặc, cả mảng sông ánh bạc màu vảy cá, sóng gối đầu lên nhau rì rào. Người đàn ông bước xuống thuyền nhẹ bổng và trầm ngâm ngồi nghe mẹ tôi ca. Khuôn mặt bà nhuốm trăng rạng rỡ.

Từ đêm ấy, mẹ trượt dài trên sông, mẹ sống theo chính khát khao mà bà phải âm thầm giấu kín suốt một thời tuổi trẻ. Mẹ như bông hoa ngậm sương vừa hé nở, rạng rỡ và dâng hiến. Chị Nhàn là khúc biến tấu cao trào của chính cuộc đời mẹ ưu ái dành cho người đàn ông đa tình ấy.

Tất nhiên, ông không thể là cha tôi. Ông ấy đa cảm, lãng mạn chỉ có thể sản sinh ra những đứa con nhu mì yếu đuối và dễ xúc cảm như chị Nhàn mà thôi. Quá khứ của tôi sẽ mãi như một tấm màn trùm lên chiếc đàn piano cũ kĩ mà từ hồi mẹ mất không còn ai chơi nữa.

Tôi sẽ cứ mãi là tôi, xù lông như một con nhím tự vệ tất thảy mọi điều. Đêm. Tôi ôm chặt cuộn chăn nhìn chòng chọc vào bóng đêm ướt sẫm mưa mà mong trời mau sáng. Tôi sợ bóng đêm hơn bất cứ trò đùa dại nào của lũ bạn.

Còn nhớ có lần Dũng cầu hôn tôi, lúc đó tôi 20 tuổi, không đủ tỉnh táo để làm người lớn, cũng chẳng ngây ngô để thấy lãng mạn mà tôi thực sự buồn cười. Khi Dũng chạm vào người tôi, toàn thân tôi tỉnh táo đến kỳ lạ. Tay Dũng đi dọc thân thể, thọc sâu vào trong áo rung rung như đứa trẻ lần đầu phạm lỗi. Bất giác, Dũng nhìn lên mặt tôi. Một cảm giác

trơ trẽn làm cậu sững lại.

Đột nhiên, Dũng vụt chạy, bỏ lại tôi với kiểu cười nửa miệng ngây ngô khó hiểu… Tôi không hiểu tại sao bọn con gái đều muốn yêu Dũng, yêu vẻ hào nhoáng pha chút cợt nhả của hắn đến mê muội. Còn với tôi, hắn giống như một đám mây giông tích điện giữa mùa hạ nắng như thiêu như đốt. Nó không đủ làm dịu đi cơn khát mà chỉ thêm oi bức, nồng nặc mùi hơi đất ngai ngái. Mưa mùa hạ ầm ào rồi tạnh ngay không để lại chút gì ngoài đám mây rách mướp trôi dạt về một góc trời đầy nắng…

***

"Em lấy chồng đi!" Chị Nhàn cúi xuống gối, mặt sát vào má tôi thì thầm, "đừng ở vậy nữa, rong chơi thế đủ rồi, em phải nghĩ đến mẹ chứ?"

Tôi nằm im nhìn vào seo tóc được uốn vàng của chị rồi cười một mình. Chị Nhàn bao giờ cũng nghĩ đến mẹ. Tóc mẹ cũng xoăn và ánh vàng tự nhiên. Tôi sẽ chỉ nghĩ đến mái tóc nếu chị không thì thầm bên tai tôi và hình bóng mẹ ám ảnh.

"Vâng, em đang tính," tôi miễn cưỡng.

Lẽ tất nhiên chị Nhàn chẳng bao giờ nghe những lời tôi nói. Tôi đã hứa với chị lần này là lần thứ một trăm lẻ một về những chuyện tình không tiền khoáng hậu của mình. Tôi nhìn ra ngoài hành lang sát đường, hai người đàn ông đang tranh cãi với nhau về một thế cờ hóc búa.

Tôi rất thích nghe xem họ sẽ nói chuyện về những điều mà tôi không biết nhưng chị Nhàn đã vội ngăn tôi lại bằng cách nhét vào cái mồm đang há hốc của tôi một miếng táo. Cảm giác mát lạnh làm tôi bừng tỉnh. Chiếc nĩa trông giống như chiếc đinh ba dùng để phơi rơm giơ lên trước mắt tôi làm tôi nhớ đến Phương - một gã si tình đã từng lấy hết can đảm đè lấy tôi ngay trên đống rơm vừa tuốt ngai ngái thơm và xót. Gã im lặng sau khi lấy hết can đảm hôn vào mắt tôi trước khi chia tay lên đường nhập ngũ.

"Vi sẽ chờ tôi, đúng không?"

"Chưa biết," tôi bỡn cợt, "cậu sẽ làm được gì cho tôi?"

"Tôi sẽ yêu em và sẽ không còn ai yêu em như thế!"

Phương nói rồi bỏ đi. Câu nói của Phương vận vào tôi như lời nguyền của bà tiên thứ mười một. Tôi trải qua vài ba mối tình nhạt nhẽo, chóng vánh rồi đâu lại vào đấy, mặc cho chị Nhàn cứ trông chờ ở tôi sự kết thúc tuyệt đẹp giống như truyện cổ tích.

Cuộc sống gia đình tưởng chừng như hoàn hảo của chị trở nên chật hẹp với khát khao tự do của tôi. Tôi muốn sống một mình và không phải băn khoăn gì nhiều về người xung quanh nghĩ gì về mình như chị. Chị tôi là một con chim cảnh luôn phải làm đẹp cho chồng. Chị không còn mặc chiếc váy bông xanh mà mình yêu thích, không được ăn những thứ bình dân bán đầu vỉa hè thứ mà ngày xưa chị ao ước.

Chị phải vận những bộ cánh sang trọng với tông màu anh thích và đi đến những nơi mà những điều họ nói chị đều không hiểu rõ. Chị chỉ cười thật tươi và cúi mình đáp lễ thế là đủ. Tôi đem điều băn khoăn ấy hỏi chị, cố ý gợi lại cho chị một thời xưa cũ. Chị nhìn như đọc được ý nghĩ đó trong mắt tôi.

"Thân phận của người đàn bà như mười hai bến nước, trong đục gì cũng là số mệnh. Em cứ yêu đi rồi sẽ thấy… Chị sẵn sàng đánh đổi tự do của mình bằng một sự yên phận. Em cứ lấy chồng đi rồi sẽ thấy những lời của chị là hoàn toàn có nghĩa!"

Tôi ôm nỗi băn khoăn ấy vào sâu trong giấc ngủ đầy mộng mị. Trước mặt tôi là dòng sông quanh co. Sóng vỗ vào mạn thuyền chở đầy trăng vàng lãng đãng trong khói sóng mờ mờ. Mẹ tôi đứng đó. Bà tựa đầu bên cạnh một người đàn ông đen đủi và xấu xí vẫy vẫy tay chào tôi. Khuôn mặt bà rạng ngời hạnh phúc. Tôi thấy mình chạy dọc bờ sông, giẫm lên đám lục bình ướt rượt, rồi thấy Phương, anh đang đánh đàn. Tiếng đàn piano vỡ ra. Cả cây đàn bung òa từng mảnh ván nhỏ li ti bay tràn cả mặt sông sóng sánh. Phương khóc. Trái tim tôi đột nhiên đau nhói đến nghẹt thở…

***

Trời đã về chiều. Tiếng chuông chùa thỉnh lên từng hồi buồn bã. Tôi bước ra đường, trời xênh xang gió. Những đám mây trắng muốt trên bầu trời trông như đàn cừu đang hiền lành gặm cỏ. Chúng đi từ từ trên cánh đồng vũ trụ bao la xanh và cao. Thi thoảng từng con cừu một lại nằm ườn xuống và một cánh chim lẻ loi bay vụt qua rồi mất hút trong đám mây mờ nhạt.

Hôm nay là ngày Vu Lan. Mọi mùa trước, vào dịp này trời sẽ u buồn và đầy gió. Tôi tạt vào một quán cóc ven đường rồi ngồi nhìn ra phố. Phố đầy hoa. Đám đông đang cúi mình kính cẩn bên một nhà sư ra lễ và đón những bông hoa màu đỏ. Tôi lặng lẽ bước đi, muốn bứt mình ra khỏi không gian tràn ngập sự thanh tịnh u hoài của lòng người. Mọi người đến rồi đi. Chỉ còn tôi.

Phố lại nguyên hình như thế, vắng vẻ, cong queo và chứa đầy bóng tối. Chẳng lẽ mùa Vu Lan là một điều xa xỉ với một người lãnh cảm và cô đơn như tôi? Nghĩ thế, tôi lặng lẽ đếm bước chân mình mà không để ý đến vị sư già trụ trì ngôi chùa tôi thường tới vào ngày Chủ nhật đang đứng trước mặt. Ông hiền lành cài trên áo bông hồng màu trắng rồi đượm buồn nhìn tôi.

"Cho những ai không còn mẹ! Mùa Vu Lan rồi con ạ, về thôi."

Tôi đáp lễ rồi bước đi. Căn nhà gỗ bên đồi đầy hoàng lan đang dần khuất trong đêm quen thuộc đột nhiên lạ lẫm. Tôi sững lại bồn chồn. Lòng chợt mong có một bờ vai để có thể tựa vào và khóc…

THƠ

LƯU TRỌNG TƯỞNG

Tiền kiếp

Ta không biết có bao nhiêu tiền kiếp
Mà đêm đêm gặp mãi những người xưa.
Thật chẳng hiểu hình hài đà chuyển tiếp.
Sao duyên xưa bóng cũ vẫn chưa rời?

Những người xưa xiêm y là óng mượt
Ôm tỳ-bà, tay vuốt phím tơ ngông.
Thơ ý trải một dòng tình não nuột.
Trăng sao êm đứng lặng giữa trời nồng.

Gió trong ta
Sấm trong ta.
Nợ trần ai dễ gì ai thoát khỏi.
Tầng mây chảy,
Suối tình không gốc ngọn.
Thác là khói.
Sương là sông.
Mỹ nhân chập chờn hơi thở sóng!
Bụi trần không là tội lỗi.
Tinh khiết không là thánh thần.
Ta đi lơ lửng
Chẳng xác thân.
Một nửa mảnh linh hồn
Cùng con tim nóng hổi,
Trong cõi trần tục lạnh lùng.

Hằng vài mươi thế kỷ
Trời đất chỉ mình ta!
Bước chân đi ngàn vàng không giữ nổi
Tình vương phi,
Ly rượu chuốt giải sầu.
Trướng gấm, phòng the
Màn lụa rủ.
Phong kín hương xuân...
Tiếng ai bước quay về ru ta ngủ.

Núi Việt, đất Ngô
Trời Tần, biển Hán.
Vạn quốc đều là bạn
Nam-Man, Tây-Di cùng vỗ bụng vui cười.

Một thanh kiếm dưới trăng,
Một bầu rượu trên hồ.
Một kỳ nữ bên suối.
Một dòng thơ như rồng cuốn lưng trời.
Tiếng khúc khích đùa vui bầy tiên nữ
Tiếng sạt xào quận chúa thoát xiêm y.
Dòng thơ trắng khuyên vành môi thắm đỏ.
Nhịp phách giòn ôm gọn bước lưu ly.
Những ngày xưa Ta có là Phạm-Lãi
Cùng Tây-Thi lướt sóng dạt buồm xanh?
Có lẽ nào Ta đã là Khắc-Chung phá ải,
Cứu Huyền-Trân Công chúa khỏi Chiêm-Thành?

Cũng có thể Ta đã là kẻ cuồng ngông Phạm-Thái
Yêu Quỳnh-Như trên sóng rượu ngang tàng
Những cung phi Tấn, Tần, Hán, Sở
Những mỹ nhân Đinh, Lý, Lê, Trần.
Những tao nhân mặc khách thuở Minh, Đường.
Chẳng hò hẹn, lại cùng Ta hội ngộ!

Ta, lãng tử
Ngàn năm chưa có một,
Ôm u hoài lưu luyến những người xưa.
Những vóc dáng,
Bóng hình,
Những nụ cười,
Hơi thở.
Vẫn quanh đây
Trong máu nóng tình đầy.
Xiêm y rủ,
Rộn ràng trong cốc rượu.
Thịt da tê,
Đầu lưỡi ngát men xuân.

Trong tiền kiếp
Gặp nhau đà mấy bận?
Bây giờ nào còn nhớ
Ai trước ai sau!
Vạn năm rồi, ngàn đêm lẻ
Phút bên nhau...

Theo tiếng bước
Gót hài non nhỏ lệ.
Ta quay về.
Từ đó mãi xa nhau.

VU LAN với những người con xa xứ

Lam Khê

Tháng bảy chiều thu mưa buồn lất phất
Chợt nhớ chợt thương áo mẹ vai gầy
Bao năm xuôi ngược chốn trời mây
Con xa mẹ, nhớ mùa thu tháng bảy...

Sài Gòn không có mùa thu để nhuộm thêm sắc vàng cho những chiếc lá còn lay lắt trên cành. Sài Gòn cũng đâu có bầu trời thu trong và mát để cho thi nhân thả hồn mơ mộng mà tức cảnh sanh tình. Ở đây chỉ có cái nắng mưa bất chợt như lòng người vui buồn bất chợt, đến đi bất chợt. Tuy vậy, nơi mảnh đất có chiều dài lịch sử hơn ba trăm năm, đã từng sản sinh ra nhiều cái độc đáo… vừa chung mà lại vừa riêng. Đây cũng là nơi sẵn sàng quy tụ và phát huy mọi điều hay đẹp, kể cả những cái dung dị nhất, bình thường nhất. Từ đó đã tạo nên một dáng dấp Sài Gòn—không giống ai mà cũng chẳng khác ai.

Tôi muốn lướt qua về tính cách đa dạng của một thành phố vốn nổi tiếng muôn sắc lắm màu này, để nói đến những cơn mưa tháng bảy, dù không dai dẳng mà vẫn dìu dặt những điệu buồn phương nam. Trăng rằm tháng bảy làm ta liên tưởng đến một ngày lễ hội mang ý nghĩa của Phật giáo. Ngày lễ Vu Lan, mà ai đó thường gọi một cách trìu mến là 'ngày của mẹ.' Một ngày lễ được mọi người mặc nhiên công nhận. Dù có đạo hay không có đạo. Nó tồn tại và trở thành bất biến với thời gian. Đến với ngày lễ Vu Lan, bạn có nghe lòng mình bâng khuâng xao xuyến? Đi giữa thành phố Sài Gòn trong mùa báo hiếu, bạn sẽ thấy người ta đi lễ các đình chùa. Bạn dễ dàng nhận ra họ qua những bó hương dài cầm trên tay, hay mấy bông hoa hồng màu đỏ trắng được cài lên ngực áo. Màu hoa đặc trưng của ngày lễ Vu Lan và của tình mẹ. Màu hoa ấy đã đi vào thi ca, đi vào lòng người và làm đẹp thêm cho cuộc sống.

Nếu màu hoa đỏ được biểu hiện cho tình mẹ thiêng liêng vẫn còn hiện hữu; thì màu hoa trắng cũng ngầm nói lên những mất mát lớn nhất trong đời người. Thế nên dù bạn đang hạnh phúc hay khổ đau, dù bạn may mắn được cài hoa hồng đỏ, hay phải cài hoa hồng trắng, thì ngày lễ Vu Lan cũng như là sự trở về, một ngày để tưởng nhớ hoài niệm ân sâu phụ mẫu.

Những cơn mưa tháng bảy lại về. Những giọt mưa thu như đắp thêm nỗi buồn cho kẻ tha hương. Có biết bao bà mẹ đang ngày đêm mong đợi đứa con xa. Có biết bao những đứa con lưu lạc, cứ mỗi độ Vu Lan về, lòng cứ hoài tưởng thiết tha về một thời đã xa. Cái thời còn trắng trong như trang giấy học trò. Nào biết muộn phiền. Nào biết lo toan. Những ngày xa xưa ấy mẹ luôn ở bên ta. Mẹ xuất hiện như một bà tiên mỗi khi ta cảm lạnh gió sương hay gặp điều bất như ý. Ôi! Tình mẹ. Cuộc hành trình không bao giờ hết. Sự hy sinh thầm lặng của mẹ biết có sông nước nào đong cho hết được.

Thế giới đã bước vào thiên niên kỷ thứ Ba. Nền văn minh cơ khí đã làm thay đổi hoàn toàn đời sống của nhân loại. Trong những chừng mực nào đó, bạn cảm thấy hài lòng và tự mãn với những đồng tiền được mang về cho cha mẹ. Nhưng bạn có biết không? Tiền bạc nào phải đâu là tất cả. Trên thế gian này, con người thường đánh mất nhiều thứ mà tiền bạc không thể nào bù đắp lại được. Vậy mà nhiều người lại quan niệm rằng có thể đem vật chất ra để trả hiếu mẹ cha. Họ đâu cần biết gì đến câu ấm lạnh quạt nồng. Họ cũng quên đi những lời han hỏi, một cử chỉ thâm tình để gọi là làm vui lòng… đấng sanh thành. Phải chăng vì đời sống quá bận rộn, vì điều kiện vật chất đã choáng hết thời gian và tâm trí người ta, Đến nỗi khiến cho lòng người trở nên lạnh nhạt hết trước mọi thâm tình cốt nhục.

Tôi đang nghĩ về bạn. Những người con xa quê… xa cả vòng tay dìu dắt của mẹ hiền. Sau những ngày vất vả đem mồ hôi đổi lấy bát cơm đầy. Đêm về bên căn gác trọ đìu hiu, bạn chắc hẳn sẽ bồi hồi nhớ cảnh quê xa. Nơi ấy có người mẹ hiền đang nóng lòng chờ đợi. Ngày Vu Lan báo hiếu đã đến, bạn hãy hướng lòng mình về với mẹ, thầm nói với mẹ những điều mà bạn chưa nói, hay chưa kịp nói. Người mẹ ấy dù ở cách

xa, hay không còn nơi trần thế, thì mẹ vẫn có nghe được tâm tình của đứa con thơ. Những lời nói qua tâm tưởng ấy vẫn luôn được lắng nghe bởi một thứ thinh âm vô hình mà người ta gọi là "thần giao cách cảm." Bạn hãy tin đi rồi bạn sẽ thấy nó mầu nhiệm diệu kỳ lắm thay!

Ngạn ngữ có câu "Không ai tắm hai lần trên một dòng sông." Dòng sông của đời tôi và đời bạn cũng không thể do hai người mẹ cùng rứt ruột tạo ra. Đạo Phật thường nói lễ Vu Lan là ngày báo hiếu ân thâm cha mẹ trong bảy đời. Còn hiện đời này, tôi và bạn chỉ duy nhất một người mẹ. Vậy sao ta không báo ân mẹ trong lúc này đây. Ngay khi mẹ còn đó và ta đang được sống cạnh người. Nào phải đợi khi mẹ mất rồi ta mới quờ quạng đi tìm. Ta đau đớn khóc than. Ta lo sửa soạn nào mâm cao cỗ đầy để dâng cúng cho người đã khuất. Đành rằng như vậy cũng là thể hiện chút lòng hiếu trọng thâm ân, nhưng lòng hiếu dưỡng khi cha mẹ sanh tiền vẫn mãi mãi là một điều đáng trân trọng, đáng tôn quí hơn.

Tôi cũng muốn nói với bạn. Những người đã vĩnh viễn mất đi hình bóng người mẹ thân yêu. Những người mãi mãi phải cài lên ngực áo mình khi mùa Vu Lan đến, một màu hoa trắng đơn điệu tẻ buồn. Sự sanh diệt vô thường đã chia xa tình mẫu tử, nhưng tình mẹ là một dư âm không bao giờ đánh mất trong lòng bạn. Tình mẹ là một thiên chức muôn đời không gì có thể thay thế được. Bạn đang đau đớn vì sự mất mát, vậy bạn hãy hướng lòng mình đến bao kẻ khác đi. Bạn báo đáp ân mẹ bằng sự kính yêu con người, bằng sự trang trải với tha nhân, bằng đời sống hướng thiện trong sáng như mẹ bạn thầm mong ước. Cuộc đời rồi sẽ cho bạn niềm tin, một ý chí để tồn tại, để vươn lên. Không có mẹ, bạn vẫn sống, vẫn ngẩng cao đầu để yêu thương… và để tìm cho mình một tương lai trọn vẹn. Một hướng đi đầy ắp tình người luôn rộng mở.

thơ

PHẠM HỒNG ÂN

NÓI VỚI CHÁU NỘI

Đeo kính lão, Nội sắp hàng đi học
Chạy hụt hơi vẫn sau đít đàn em
Chỉ mỗi tiếng chào - đọc hoài không thuộc
Chỉ có cái tên - lúc nhớ lúc quên.

Nội học toán nhẩm xem mình mấy tuổi
Gần sáu mươi sao cứ mãi làm trò?
Lấy hiện tại Nội trừ vào quá khứ
Thành tương lai là những nỗi âu lo.

Nội học vẽ để vẽ đường về xứ
Sao xung quanh toàn biển rộng sông sâu?
Muốn vẽ núi cho một đời ngất ngưởng
Cũng thua mây vần vũ giữa trời cao.

Nội học nhạc muốn cuộc đời thư giãn
Chia niềm vui từ cội rễ vô thường
Nhưng đến khi từng cung thương trỗi dậy
Chợt thấm đau nỗi nhớ mất quê hương.

Nội học Đạo lòng hướng về siêu thoát
Rồi ngẫm ra cũng ích kỷ vô cùng
Muốn bon chen lên thiên đàng cực lạc
Bỏ người thân dưới địa ngục mông lung.

Nội học riết ... thấy mình thêm dốt nát
Gần sáu mươi vẫn đứng mãi sân sau
Mong cháu lấy những vụng về của Nội
Làm nan đề cho kinh nghiệm mai sau.

Nhà Xưa

Quỳnh My

Qua khoảng thời gian dài suy nghĩ đắn đo, Mẹ quyết định rời chốn cũ theo về cùng em gái. Có lẽ tình thương dành cho người còn lại, vẫn nặng hơn người miên viễn cách xa. Mẹ vốn yếu mà không đuối, vì có niềm vui khi sống một mình, không bám víu, trông chờ từ con cháu. Nhưng ngoài những ngày an vui, bình lặng, còn có nhiều ngày thân chẳng chiều tâm. Những đứa con trai dù thương mẹ thật nhiều, vẫn bối rối, vụng về trong chăm sóc. Mẹ về với "Nga Mi," bỏ lại đám "Võ Đang." Bỏ căn nhà nhỏ nơi cất giữ nhiều kỷ niệm của hơn 20 năm chọn xứ người làm chốn gởi nhờ.

Nhà của mẹ là nơi trở lại của những con chim chắp cánh bay xa, trên hành trình đi tìm hạnh phúc. Còn có mẹ là còn vòng tay mở rộng, đón nhận cánh chim lẻ bạn quay về băng bó cho lành những vết thương lòng. Thương con, nuôi con đến lúc thành nhân vẫn chưa xong. Mẹ tiếp tục mớm mồi cho đàn chim nhỏ bơ vơ, trong cảnh chia đôi của mẹ cha. Những bữa ăn tươm tất lo cho cháu. Những sáng, những chiều nguyện cầu cho con được an lành trên nẻo đi về. Trời mưa giông, mẹ dõi mắt nhìn ra song cửa thường hơn. Mong đừng có thêm bất hạnh cho lũ trẻ thơ và đứa con gái của mẹ vốn đã nhiều bất hạnh. Mẹ tuy có buồn nhưng chẳng bi quan, bởi nhìn thấy được trong khổ lụy, từng đứa con tưởng chừng yếu đuối mong manh, đã trở nên vững vàng trước nghịch cảnh trong đời. Mẹ mừng con đã nên người. Nhờ cảnh khổ mà biết thực hành nhẫn nhục. Hiểu và tin vào chính bản thân mình, không tìm kiếm trông chờ nơi người khác. Mẹ nhắc con dù trong cảnh khổ, vẫn có thể sẻ chia với người đau khổ hơn mình. Hạnh phúc không vắng mặt, khi mang niềm vui đến cho người, qua những việc thiện lành dù rất nhỏ hằng ngày.

Nơi mẹ ở cũng là tổ ấm, cho những đứa con trai sau nhiều năm rời mái gia đình, chợt trở về như tên lãng tử, không có gì ngoài túi hành trang xách gọn trên tay. Mẹ tiếp tục giặt cho con từng chiếc áo, đơm lại hạt nút sắp rời như lúc bé thơ. Nấu những món ăn ngày xưa con thích và đợi chờ, để những bữa cơm không còn một bóng hẩm hiu. Thỉnh thoảng những đứa cháu lạc đàn theo mẹ, xa cha, quay trở lại ríu rít cạnh bên bà nội. Đứa nhỏ với nụ cười chấp nhận. Đứa lớn đi theo hỏi tỉ mỉ, tận tường cách nấu những món ăn ngày xưa bà nội thường nấu cho ăn. Mẹ cười, lòng an ổn vui mừng. Tình thương chân thật bao giờ cũng vượt qua ranh giới của oán trách giận buồn, đỗ lỗi cho nhau giữa đúng và sai. Những đứa con của mẹ giờ học thêm bài học có tên là tha thứ, bao dung. Cùng lúc nhận ra nhiều thiếu sót, lỗi lầm của chính mình. Mẹ không thấy buồn khi con một lần nữa rời xa, bởi con biết đem kinh nghiệm có từ quá khứ áp dụng cho hiện tại. Vết thương lành theo với thời gian. Cuộc đời mới bắt đầu trước mặt. Con thêm lần rời căn nhà nhỏ êm đềm, bỏ lại những tháng ngày không dễ có trong đời với người mẹ già tóc trắng lưa thưa, đôi tay yếu nhưng niềm tin vững chãi. Tin vào từng hạt giống tốt gieo trồng, sẽ đơm hoa kết trái mai sau. Sẽ cho con bóng mát an lành, đẩy lui dần những chông gai, giông bão của đời con.

Cả một đời, mẹ chưa bao giờ thử đi tìm niềm vui ở bên ngoài. Mẹ dành hết trọn năm tháng, ngày giờ cho gia đình, cho cháu con và người khắp chốn gần xa. Người mẹ ấy chưa một ngày cắp sách đến trường. Không đọc được chữ nhưng chừng đọc thấu lòng người, bằng sự cảm thông sâu lắng bên trong. Không còn cha để cận kề như chiếc bóng theo sau, mẹ nhận ra suốt đoạn đời dài chưa từng sống cho riêng mình, chỉ sống bằng trách nhiệm với tình thương. Hai thứ trộn lẫn vào nhau không tìm ra ranh giới, bến bờ. Cảm giác hụt hẫng, chơi vơi nhiều quá đỗi, biết làm gì cho qua những tháng ngày còn lại bây giờ, khi cây đại thụ trong đời trốc gốc, trả thân vay mượn về cho cát bụi. Thoáng nhìn trên bàn thờ Phật, còn đó mõ chuông và xâu chuỗi bạc màu nhiều hột đã mòn. Mẹ không còn cảm thấy bơ vơ bởi đã tìm ra nơi nương tựa từ đây.

Từ đó những đứa con quen nhìn hình ảnh mẹ, mỗi sáng, mỗi chiều ngồi lần chuỗi lâm râm câu niệm Phật.

Nhà xưa có những ngày con ghé vào thăm, cảm nghe trống vắng, u buồn vì không thấy mẹ ngồi tay lần xâu chuỗi hột màu nâu. Hình ảnh mẹ từ bi, thanh thoát, đẹp tựa đức bồ tát Quán Âm trong mắt của con. Bình nước nóng cắm dây để sẵn, cạnh những hũ cream, đường với mấy loại cà phê khác nhau theo sở thích các con. Mẹ đau nằm vùi ở trong phòng, nhưng trên chiếc bàn cạnh bếp, bữa ăn sáng dành cho con để sẵn. Những đứa con trai lòng ngập lo âu, bởi ngoài thăm hỏi, nắn xoa những đốt xương đau không làm được gì hơn cho mẹ. Chợt thấy hạnh phúc làm sao những ngày mẹ khoẻ và vui. Dù ngay lúc ấy có thể sẽ nghe câu quở trách, hay nhắc nhở rằng hãy tìm xem lỗi lầm của mình ở chỗ nào, thay vì giận trách người làm cho mình khổ.

"Con dâu là con nhà mình." Câu nói của người xưa có lẽ đúng với mẹ nhiều, bởi trong lòng mẹ đứa con nào cũng ước mong được sống an vui, không muốn khổ đau. Chỉ cần nhìn thoáng qua nét mặt, mẹ dường như thấu rõ nỗi khổ tâm của những đứa "con nhà mình" bên cạnh đám con trai. Một lời khuyên, một câu an ủi chân thành, đã góp phần không nhỏ giữ lại gia đình khi sóng gió. Mẹ không đắn đo khi biểu lộ tình thương, nói cho con biết nỗi buồn phiền của mẹ khi nhìn con không hạnh phúc. Tình của mẹ cho con là tình thương không phân biệt, cho đi nhiều vẫn mãi tràn đầy. Có những ngày mẹ bước thấp, bước cao sau khi nấu vội tô cháo cảm mang cho con dâu bệnh. Đôi tay dù đã yếu, vẫn ân cần hỏi con có muốn cạo gió hay nấu một nồi xông bằng nhiều thứ lá cây. Mẹ thương từ con đến cháu, thương luôn những đứa trẻ thơ theo chân mẹ bước đi thêm bước nữa, nhập vào gia đình lớn để đàn cháu của mẹ ngày càng đông. Mẹ thường lặng yên ít nói hơn nghe, dù vậy không thiếu những tấm lòng dành cho mẹ dù ở bên kia hay ở nơi đây. Có những cô bé hàng xóm nơi đất Mỹ, vào ngày cuối năm hay thỉnh thoảng ngày rằm, đã mua hoa đem đến tặng cho bà cúng Phật. Mẹ có lẽ quen dần những tiếng gọi thân thương bằng bà nội hay bà ngoại, của đám trẻ không phải ruột rà mà vẫn thật gần.

Không phải dễ cho lần từ giã. Mẹ bước lên xe lòng bùi ngùi nhìn lại ngôi nhà. Thương làm sao những đứa con trai, đã chọn chỗ ở xa phố chợ để gần bên nhà mẹ. Chưa kể thêm lũ cháu, quyến luyến không rời bà nội già nua. Những bài hát trẻ thơ học từ nơi mẹ, thường được hát lên trong nỗi hân hoan những lúc sang thăm. Mẹ còn luyến lưu cả những con dâu, đã thay con gái chăm sóc mẹ vô cùng chu đáo trong khoảng thời gian dài vừa bỏ lại phía sau.

Chiếc xe rời khoảnh sân buồn. Cây trái mẹ trồng trong sân nhà cũng vô thường cằn cỗi khác chi thân của mẹ bây giờ. Ở đâu cũng chỉ là cõi tạm thôi. Cả mẹ và căn nhà nhỏ đều không qua vòng sinh diệt. Mẹ nở nụ cười, đưa tay vẫy lại khi nhìn những bàn tay bé xíu đưa lên, gởi những nụ hôn cho bà nội ngày về nơi ở mới.

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM:

VÉN BỨC MÀN BÊN KIA CÕI CHẾT

của LÊ BẢO KỲ (ĐỨC HẠNH)

"Tác phẩm này thuộc siêu hình. Cốt lõi của nó là triết lý về tánh biết của muôn loài hữu tình chúng sinh nói chung, con người nói riêng lúc còn sống trên đời và bên kia cõi chết vẫn còn biết. Do vì còn biết, nên chư vong linh vừa ra khỏi xác chết đã tự tạo cho mình một thân vô hình có đủ 7 quan năng vô xúc. Gọi thân ấy là thân tử ấm, rồi trung ấm. Người đời gọi những thân trung ấm đó là ma, quỷ, yêu, tinh, âm hồn, cô hồn… sau khi trung ấm tự giải thể…"

"Quý vị Phật tử nào muốn đọc tác phẩm VÉN BỨC MÀN BÊN KIA CÕI CHẾT" xin liên lạc với tác giả qua số phone **(619) 258-8342** *hay ở địa chỉ* **8655 Graves Ave., # 103, Santee, CA 92071. U.S.A.***"*

"Tôi, Chân Giác Tuệ, xin trân trọng giới thiệu đến toàn thể Phật tử xa gần về tác phẩm nói trên. Sách dày 233 trang, chứa đựng trên 40 câu chuyện vong linh hiện lên qua nhiều trạng thái bán hữu hình thật là thú vị, cùng với lời tổng luận thật dễ hiểu của tác giả…"

Cánh Thư Sen

Diệu Trang

Viết cho mùa Vu Lan 2007

Kính thưa Thầy,

Con biết Chùa, biết Thầy đã bao lâu rồi nhỉ? Và biết bao nhiêu lá thư con đã gửi cho Thầy rồi? Những lần trước con gửi theo thư thật nhiều nước mắt, nên lần thư này con cứ tưởng nước mắt sẽ cạn khô. Vâng, thưa Thầy, một lần nữa con lại viết thư cho Thầy dẫu biết rằng đây là điều không phải phép.

Những tháng ngày âu lo vừa mới qua, niềm vui chưa kịp đến thì niềm đau cũ lại một lần nữa quay về. Cơn sóng buồn phiền cứ thay nhau ập vào con, ập vào nơi yếu đuối nhất của tâm hồn này, làm con suy sụp, ngã quỵ và chìm trong làn nước mắt. Có hai cái lỗ thật nhỏ nơi khóe mắt, vậy mà chính nơi ấy con không ngờ lại chứa vô lượng những giọt nước mang vị mặn của cuộc đời.

Con tự thấy mình không bằng anh thợ U-Ba-li cắt tóc năm xưa. Con tìm thấy sự tự ti, mặc cảm về thân phận thấp kém của chính mình nơi hình ảnh của U-Ba-Li; nhưng lại không tìm thấy sự can đảm của mình như anh ta. Anh ta đã can đảm, vì lòng mến mộ đức Phật, mà đã chạy tìm và đến quì trước đức Thế Tôn để xin được làm đệ tử. Còn con, con đã làm được gì? Con ẩn mình trong cái vỏ ốc tự ti mặc cảm, rồi tự xem mình là đệ tử của Thầy, rồi lòng vị kỷ tha hồ tăng dần, đã thôi thúc con gửi cho Thầy những bức thư ủy mị quyện đầy nước mắt, mà không dám, dù chỉ một lần, mong được sự hồi âm.

Thầy là cả một đại dương mênh mông. Không cần biết con ốc kia là ai, Thầy vẫn mở cõi lòng bao la mà chứa đựng tất cả những gì nằm trong lòng biển cả, Thầy đã không bỏ rơi một sinh linh nhỏ bé nào, kể cả con.

Vì là biển cả nên Thầy cứ mãi làm những con sóng ngoài khơi. Sóng cứ dập dìu không mệt mỏi, mong đẩy những sinh linh đang lững lờ trong lòng biển, hay cứu vớt những mảnh đời đang chìm ngập trong biển đời đau khổ, để về với bến bờ bên kia…

Biển luôn ngửa mặt sẵn sàng đón nhận những tia nắng gay gắt nhất từ ánh mặt trời; biển dang đôi tay rộng ôm trọn những cơn mưa. Nhưng dù nắng có gay gắt đến đâu, hay những trận mưa có nhiều đến thế nào đi nữa, thì mực nước và vị mặn của đại dương vẫn không bị ảnh hưởng gì, không ít hơn cũng chẳng nhiều hơn, cũng không làm nhạt đi hay làm mặn hơn hương vị biển.

Bây giờ, mỗi lần cảm nhận được đôi môi mình mằn mặn, con nghĩ đến vị mặn của đại dương. Chỉ một giọt nước biển thôi cũng mang đầy đủ vị mặn của cả một đại dương. Vị mặn ấy đã cho con biết bản chất thật sự của cuộc đời này. Bốn câu thơ của Đoàn Như Khuê con đọc đã từ lâu lắm rồi, mà hôm nay mới bắt đầu thấm thía:

Bể thảm mênh mông sóng lụt trời
Khách trần chèo một lá thuyền chơi
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió
Coi lại cùng trong bể thảm thôi.

Con chợt nhớ đến lời pháp nhũ của Thầy: "Hãy cố gắng và giữ vững Tâm Bồ Đề con nhé." Lời Thầy hôm nay có khác chi lời vàng son của bậc Thầy cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm trước: "Các con phải tự nỗ lực. Các đấng Như Lai chỉ là đạo sư. Hãy tự xem con là hải đảo của con. Hãy tự xem con là nương tựa của con. Không nên tìm nương tựa nơi ai khác". Vậy mà con cứ yếu đuối, rồi bi quan trông chờ mãi vào những lời khuyên dạy của Thầy mỗi khi con gặp những nghịch cảnh hoặc trái lòng, để rồi mọi thứ trước mắt con cứ lung lay, nhạt nhòa trong nước mắt.

Lúc này đây con mới hiểu ra là bấy lâu nay con không làm tròn lời Thầy đã dạy, đã phụ tấm lòng của Thầy vì mọi chúng sinh, mà con là một trong số đó. Con khép vội bức thư đang viết dở, thôi không còn nghĩ đến việc gửi thư đi.

Lúc chuẩn bị khép thư, con không thể tin vào mắt mình bởi còn quá ngạc nhiên. Sao thư lần này không bị nhòe như những lần thư trước mặc dù nước mắt cũng đã rơi rất nhiều? Bức thư chợt hóa thành những cánh hoa sen, cánh hoa màu hồng rất đẹp mà không bị thấm ướt bởi nước mắt người đời. Hương hoa len lỏi vào hồn con làm con thấy lòng mình nhẹ nhàng, thanh thản.

Thư đã viết nhưng con không gửi, con chỉ kính dâng những cánh hoa sen này để cúng dường Thầy nhân mùa Vu Lan năm nay.

Chiếc áo khoác hờ bỗng tuột khỏi vai con, con giật mình tỉnh giấc.

Mở mắt ra, con mới phát hiện ra mình đang gục đầu trên bàn với tờ giấy trắng tinh bên cạnh. Ngước nhìn cành sen được cắm trong bình, mà con luôn đặt trên bàn trong căn phòng đọc sách nhỏ này, với tay khẽ chạm vào cánh sen mềm mại, con biết mình vừa trải qua một giấc chiêm bao. Lòng con dâng lên một ước muốn thực tế hơn bao giờ hết: Con nhất định sẽ rời cái vỏ ốc bấy lâu nay để đến chào Thầy một lần.

Có lẽ nhân duyên chưa đủ nên bấy lâu nay con chưa được gặp Thầy để đảnh lễ. Nhưng con không biết mùa Vu Lan năm nay nhân duyên ấy sẽ đủ hay không? Bởi con mong có một ngày được quì trước Thầy mà cúi lạy Thầy ba lạy. Lạy thứ nhất để con tỏ lòng tôn kính Thầy. Lạy thứ hai để Thầy biết con là ai, người đã từng ẩn mình trong vỏ ốc mà gửi đến Thầy những lần thư không phải phép, những lần thư đã lấy quá nhiều thời gian quí báu của Thầy. Lạy thứ ba con xin tạ tội với Thầy vì đã không làm tròn lời Thầy dạy trong thời gian qua.

Vẫn chỉ là những điều đơn giản mà Thầy từng khuyên nhắc thôi, nhưng chính đó lại là hành trang cốt yếu nhất cho tất cả mọi chuyến đi xa, băng ngang trần gian thống khổ: Bồ Đề Tâm.

Tạ ơn Thầy, từ nay con đã hiểu. Con sẽ mạnh dạn lên đường, không ủy mị, nhút nhát và co rút nữa. Hành trang Thầy trao con đã từ lâu rồi, không còn gì phải lo ngại cho hành trình vạn dặm.

Con sẽ tự nỗ lực, đứng dậy và lên đường, sẽ không có những lá thư kêu cầu lê thê sướt mướt nữa; chỉ có những bước đi chậm nhưng vững chắc, để lướt qua những sóng gió cuộc đời.

Kính lạy Thầy với muôn vàn biết ơn.

Vaughan, 18-06-2007

Thơ HÀN TÂM

Mẹ Việt Nam

Tôi đã thấy , người đàn bà thế giới
Đẹp tuyệt vời , khi ngồi dỗ con thơ
Ánh mắt thương yêu , trìu mến vô bờ
Tình mẫu tử , vạn bài thơ chẳng đủ

Và tôi thấy , me. Việt Nam ủ rũ
Lặng nhìn con , dòng nước mắt cạn khô
Tiếng à ơi , nghẹn sau lớp vải sô
Chưa kịp lớn , gánh nỗi lo nghèo khó

Mẹ bán máu , buôn tình không than thở
Đổi hình hài , cho một bữa cơm no
Mẹ cúi đầu , nhịn nhục tiếng nhỏ to
Trong đôi mắt , đứa con thơ cần bú

Trời mưa gió , mẹ cơn ho sù su.
Vội tung chăn , tất tả bước ngược xuôi
Chỉ sợ rằng , hàng quán sẽ ẩm ôi
Con lại đói ... và mẹ no nước mắt

Mẹ Việt Nam , suốt cuộc đời què quặt
Khắp khểnh linh , hồn bám víu người con
Đến bao giờ , bờ môi mẹ hồng son
Để mẹ đẹp ... tròn giấc mơ thế giới.

Ngày Kính Mẹ

Mới hôm nào mẹ còn ru con ngủ
Gió trở trời mẹ ấp ủ nâng niu
Khi lớn khôn con lại vụng dại nhiều
To tiếng cãi làm quặn đau lòng Mẹ

Chừ khuất bóng Mẹ đi trong lặng lẽ
Con giật mình nuối tiếc những ngày xưa
Dù con đong nước mắt cũng bằng thừa
Câu hiếu tử mẹ ơi giờ muộn quá

Xin cho con níu thời gian tàn tạ
Con sẽ quỳ dâng mẹ tấm lòng con
Đoá hoa hồng cài trên áo nhạt son
Từ đây sẽ chỉ còn mờ hương khói

Có tiếng trẻ Mẹ ơi đâu đây gọi
Giọng ngây thơ nhắc nhở một niềm đau
Ngày mai ngày Kính mẹ nhưng còn đâu
Con chết lặng nhìn sâu vào ảnh mẹ

Vẫn mỉm cười ngàn năm lời nhỏ nhẹ
Trải thương yêu tha thứ đứa con hoang
Mẹ thân yêu, nước mắt con đang tràn
Vì con đã là thằng con bất hiếu...

Có Những Mùa Xuân Bất Tận

Từ Tú Trinh

(Kính dâng tất cả những người Mẹ Dấu Yêu)

Lâu lắm rồi, những mười năm đã qua đi...

Cũng có nghĩa là, ngần ấy mùa Xuân trên mảnh đất tạm dung nầy; gia đình chúng tôi không còn bóng dáng một người thân yêu bên cạnh nữa. Đó là, Mẹ.

Từ ngữ Mẹ! Nếu được ghi xuống bằng chữ viết, lúc nào tôi cũng muốn viết hoa. Tức là, viết cái chữ ấy to hơn những dấu chữ bình thường. Hơn thế nữa, tôi cũng đã viết hoa chữ Mẹ thật lớn ngay từ trong cõi lòng thẩm sâu, kỳ bí nhất!

Điều nầy, là lẽ đương nhiên. Nó chẳng lạ lùng gì đối với tất cả mọi người, bởi ai ai cũng từng có Mẹ! Và cũng bởi, tất cả những người Mẹ có mặt trên thế gian nầy, đều là món quà tinh thần diễm tuyệt, hiếm hoi, vô giá nhất đối với những người con. Mẹ! Từ ngữ đã từng được biết bao văn nhân thi sĩ tài danh ca tụng bằng hầu hết những mỹ từ thần tiên, bay bổng, tuyệt vời. Chữ Mẹ, nếu chúng ta kiên nhẫn bỏ chút thời giờ ra nghiền ngẫm tư duy, lại thấy dường như cái ý nghĩa càng thêm đậm đà thâm thúy; mà thiết tưởng, không còn từ ngữ nào khác hay ho hơn nữa để thay vào (!?). Vì thế, đôi khi vụt nghe qua bằng âm thanh, tiếng nói từ ai đó thốt lên; hoặc có lúc, chợt thoáng nhìn qua từ trên những dòng chữ viết - thì cũng chính danh từ Mẹ ấy - đã lập tức, đã không ngờ, đã tự nhiên gợi cho chúng ta liên tưởng đến cái hình ảnh thân quý, yêu thương; vĩnh viễn chẳng phai nhòa…

Những dòng chữ về Mẹ mà tôi ghi lại trong bài viết hôm nay; đúng ra, tôi nên viết vào những mùa Vu Lan của nhiều năm từng đã qua rồi! Nhưng rất đỗi lạ lùng, ngay trong những ngày lễ ấy, dù tôi có nghĩ thật nhiều đến hình bóng Mẹ thân yêu, dù lòng cũng da diết ngậm ngùi, lao xao tưởng nhớ; thế mà, cố "năn nót" mãi vẫn chẳng tuôn ra được ít nhất một hàng chữ mảy may nào khả dĩ nói lên đôi phần nỗi niềm hoài nhớ đến người đã từng cưu mang, sinh dưỡng chúng tôi từ thuở ấu thơ đến lúc trưởng thành! Đó có phải, như một tắc nghẽn, một trở trăn nào đó ở tâm linh, sau thời gian thật dài không còn Mẹ nữa! Để chờ đến lúc, cái khối đau thương sầu não đông cứng bao ngày kia chợt dưng bùng dậy, vỡ òa và trở thành nỗi tan tác, xanh xao hơn bao giờ hết! Nó lại rơi đúng vào thời điểm nầy đây. Thời điểm của những mùa Lễ lớn: của mùa Giáng Sinh; và cạnh bên là mùa Xuân Quê Hương - Dân Tộc. Mùa Lễ. Đang rón rén, e dè từng bước chân quen; đang lấp lửng, thập thò bóng hình xinh tươi trước ngõ; đang hân hoan, thân ái nở sẵn trên môi nụ cười vui… để đến thật gần, để chào mừng ngày tương ngộ, đoàn viên với hầu hết mọi người, mọi vật. Nó cũng nhắc nhớ, một mùa Giáng Sinh, một mùa Xuân của mười năm xưa cũ; Mẹ đã thật sự xa rời chúng tôi, xa rời luôn cõi người mà bản chất vốn dĩ bất toàn, mong manh, hữu hạn…

Mẹ đi, như một bất ngờ quá đỗi! Mẹ rời khỏi, như từ trong cõi mộng ngỡ ngàng, lờ lững, bâng khuâng... Dáng Mẹ, nằm an nhiên như còn say ngoan trong cơn ngủ muộn màng. Dáng Mẹ, hết sức bình yên. Bình yên, như đã vô vàn mãn nguyện, thật sự hài lòng. Bình yên, như đã thấu hiểu tận tường tấm lòng hiếu thuận của những đứa con mà Người một lòng thương yêu, trân quý. Mẹ thoát, cái xác thân còm cõi già nua. Mẹ thoát, cái kiếp người tử, sinh, bệnh, khổ. Nhưng từ ngay những giọt lệ rớt rơi còn sót, những giọt nóng sau cùng nào còn đọng lại trong ánh mắt héo queo, khô khốc, lạc thần; vẫn còn phảng phất vẻ hạnh phúc, ấm vui, an nhàn, thanh thản. Mẹ đã thật sự, làm tròn trọng trách thiêng liêng, mầu nhiệm nhất cuộc đời: "Được làm mẹ của một bầy con!" Mẹ từng nói vậy. Và Mẹ, đã thể hiện thật trọn vẹn vai trò mà Tạo Hóa cố ý dành riêng (!?) cho tất cả những bà Mẹ ở thế gian nầy. Mẹ cũng làm bổn phận một người vợ thật chu toàn, hoàn tất. Đặc biệt hơn cả, người mãi mãi lưu lại trong tâm khảm chúng tôi; một hình ảnh, một dấu ấn sâu đậm nhất, mà thời gian không dễ dàng xóa mất, lãng khuây. Cái hình ảnh, một người Mẹ chân chất, hiền lành, nhẫn nhục, vị tha, từ ái... và còn nữa, người Mẹ chúng tôi còn biết bao đức tính khác theo cùng, nhưng vốn liếng từ ngữ của tôi hình như vẫn còn bị nhốt giam trong giới hạn vướng mắc nghèo nàn, không đủ đầy không trọn nghĩa; để chở chuyên, để dàn trải mọi điều cao đẹp về Người cho công bằng, thấu suốt.

Chỉ chắc chắn một điều. Còn giữ lại từ sâu kín nhất cõi lòng của những người con. Lòng tri ân, tưởng nhớ, khắc ghi về công ơn, nghĩa cử, tấm tình của người làm Mẹ; điều đó, không phải chỉ được đánh dấu từ những lễ hội xôn xao, hoặc chỉ bằng cái tâm tư nhớ nhung nhất thời cạn cợt… mà niềm thương nỗi nhớ vẫn

nằm rất khuất rất im, từ hút sâu đáy vực tâm hồn. Nó như, dòng máu đỏ thẫm nuôi sống thân người còn mãi luân lưu trong từng huyết quản. Nó như, mỗi tế bào tất đỗi chi li, vô vàn nhỏ nhiệm; nhưng gắn chặt vào, kết dính vào để làm thành tấm hình hài đang sinh tồn hằng mỗi phút giây. Mẹ đã rời xa, thật xa... cách ngăn chúng tôi từ vạn nẻo trùng khơi, mịt mù sương khói, từ thế giới nào vẫn còn lắm vẻ mơ hồ, huyễn hoặc, mông lung... (!?) Nhưng bóng hình Người, dù đã từng chuyển đổi qua bao lần khốn khó lầm than, từ thời xuân trẻ đến lúc già nua, từ thuở mạnh lành đến khi hoại tàn bệnh khổ; vẫn mãi là, một hình bóng Mẹ ngút ngàn thương quý của chúng tôi, "một trái tim lớn; của từng trái tim non!", bất biến, đời đời…

Mẹ vắng mất bằng hình dung thể chất, nhưng tâm linh giữa Mẹ và Con, vẫn tương thông trong mỗi nhịp tim, trong từng hơi thở. Và tấm lòng, tình thương bao la sâu rộng của Người; vẫn mượt mà, êm ả như đồng lúa chiều hôm bát ngát tươi xanh; vẫn ngọt ngào, tinh khiết, mát trong như dòng suối huyền năng tưới tẩm, thấm suốt vào lòng những người con yêu dấu; còn mãi ngụp lặn bon chen giữa cõi trầm luân tạm bợ nầy; của Mẹ! Mãi, vẫn còn nguyên đó; một điều duy nhất, thủy chung: dù rằng trong hiện tại, dù đã là quá khứ, dù thấp thoáng tương lai... thì cái bóng hình của tất cả những người Mẹ có mặt ở thế gian nầy; vẫn muôn đời bất diệt trong tận cùng ngăn lòng kính yêu, thương tưởng, tiếc nhớ của tất cả những người con mà Mẹ đã khổ nhọc sinh thành, dầy công nuôi dưỡng...

Và ý nghĩa tốt đẹp, thiêng liêng, trường cửu của mùa Xuân; nếu có, hẳn là phải có, ngay từ giây phút ban sơ của một đời người, khi mầm sống nhỏ nhoi vừa chớm thành hình trong lòng của Mẹ... đến lúc nào đó, bật chợt cất lên tiếng khóc đầu tiên để chào đón cuộc đời, chấp nhận phận người; đã là, khởi điểm của mùa Xuân thứ nhất ! Rồi thời gian qua, con của Mẹ lớn dần, cùng theo đó những mùa Xuân tiếp nối! Mùa Xuân nhiệm mầu, mùa Xuân vĩnh cửu; hiện hữu trong lòng những người con quả thật diễm phúc vì đã từng một lần, có Mẹ! Và ngược lại, cũng là những mùa Xuân tình thương, mùa Xuân tuyệt diệu từ nơi Mẹ ban phát một cách vô điều kiện, không vụ lợi, chẳng mưu cầu; cho cả đàn con! Đó cũng chính là, Những Mùa Xuân Nhân Gian: Tươi Thắm, Nở Hoa; Trong Vô Cùng, Trong Bất Tận!

Có phải thế không? hở Mẹ Yêu Dấu của chúng con, ngàn thuở, muôn đời...!

thơ TÂM SƯƠNG

SƯƠNG MAI

Anh trên cao,
Hay anh ở nơi nào?
Em nơi đây,
Vườn khuya, trăng sáng cũ
Đến cùng em,
Ngồi đợi, bóng đêm tan.
Cầm tay em,
Đôi tay, khô gầy guộc
Nhìn mắt em,
Mắt buồn, hơn đêm đen…
Giọt lệ sầu,
Như sương mai trên lá!
Chút nắng vàng, hôn ấm nhẹ sương tan.

Anh ơi!
Cho em xin chút nắng vàng
Mơn man trên má, ngăn dòng lệ rơi.
Sinh ly, tử biệt, vô thường...
Dứt trừ phiền não, đoạn lìa khổ đau.
Boong! Boong!!

Chuyện của Tí

Chiêu Hoàng

Tí sinh ra đời là kết tinh nguồn yêu thương *"Cho và Nhận"* vô bờ của Bố Mẹ (Mẹ bảo Tí như thế). Có nhiều lúc Tí thắc mắc hỏi mẹ:

"Mẹ ơi, '*cho*' cái gì và '*Nhận*' cái gì hở Mẹ?"

Mẹ chỉ nhìn Tí bằng một cái nhìn yêu thương rồi ôm Tí vào lòng bảo khẽ:

"Ồ... Lớn lên Tí sẽ biết mà... Vì bây giờ Mẹ có nói, Tí cũng không hiểu 'Tình Yêu' là gì đâu, Tí phải "cảm nhận" mới hiểu được cái nghĩa sâu xa của nó..."

Mẹ thì luôn luôn nói những điều mơ hồ, khó hiểu... Nhưng Tí không hỏi thêm, vì Tí tin Mẹ, đợi lớn, Tí sẽ hiểu ra mà...

Ngày Tí sinh ra đời là một buổi sáng mùa Xuân. Trời nắng ấm. Cái tổ chim bồ câu trên nóc cây dừa đằng sau nhà kêu gù gù... Bố tức tốc đưa Mẹ vào nhà thương và ở lại với Mẹ, chia sẻ với Mẹ tất cả những cơn đau đớn trước khi sinh Tí. Bố gần như suốt buổi ngồi bên cạnh giường, nắm tay Mẹ, cảm nhận những cơn đau từng lúc... từng lúc... Những lúc Mẹ gần như chịu không nổi, trán lấm tấm mồ hôi, Bố lại cúi xuống ôm Mẹ, lau cho Mẹ những giọt mồ hôi ấy, rồi để tay lên bụng, lên người Tí lúc đó đang đạp liên tục đòi ra...

Trong cơn đau banh da, xẻ thịt của Mẹ, Tí ra đời... bé xíu... chỉ có 2.5kg (vì Mẹ bé mà...) nên Bố đặt cho cái nick là Tí. Khuôn mặt Tí tròn và sáng, Tí có cái trán cao thông minh và đôi mắt trực tính giống Bố, nhưng lại có đôi môi hiền từ giống Mẹ... Đôi môi cong cong như cánh của con hạc đang soải bay...

Tí lớn lên với tình thương của Mẹ, Bố thì đi đi về về... (vì việc của Bố chưa xong). Mẹ cũng buồn lắm, nhưng không nói ra. Vắng Bố, mọi tình thương Mẹ đều dồn vào Tí... Những lúc Bố về, Mẹ và Tí vui không thể tưởng tượng. Bố dành cho Tí rất nhiều thời gian và dạy Tí nhiều điều mà Mẹ không bao giờ biết... Tí phục Bố nhất đời, vì cái gì Bố cũng biết cả, hỏi gì Bố cũng trả lời được và nhất là Bố có thể làm được nhiều đồ chơi cho Tí. Một lần, Bố bỏ ra mấy tiếng đồng hồ để đóng cho Tí cái bàn học và một cái bảng. Bố bảo, Tí phải học cho chóng giỏi, giỏi hơn Bố để lớn lên nuôi Mẹ...

Còn Mẹ thường đưa Tí đi chùa (Tí được Mẹ đưa đi chùa từ hồi còn trong bụng Mẹ cơ!). Mẹ kể, lúc Tí mới chào đời, Mẹ đem Tí lên chùa để được thày ban phép lành. Mẹ còn bảo, đợi đến khi có dịp thuận tiện Bố Mẹ sẽ cho Tí thọ lễ quy y nữa, Mẹ ước sao lớn lên Tí trở thành một nhà sư để chuộc lại lỗi lầm cho Bố Mẹ...

Tí ngây thơ hỏi:

"Mẹ ơi... Lỗi lầm gì thế Mẹ?"

"Ồ..." vuốt tóc Tí, "sao Tí cứ hay thắc mắc, hỏi han..." Mẹ thấp giọng, "lỗi Mẹ... yêu Bố và có Tí đấy mà!"

Tí vòng đôi tay nhỏ bé bá lấy cổ Mẹ, hôn Mẹ chùn chụt và hỏi bằng một giọng rất ngây thơ:

"Mẹ ơi... Bố và Tí thương Mẹ quá mà... Sao lại gọi là 'lỗi lầm'?"

Mẹ cười hắc hắc với những nụ hôn của Tí đặt trên má:

"Phải... phải... Bố cũng bảo thế... Bố bảo Tí không cần phải 'chuộc' lỗi lầm gì cho ai, vì chẳng ai có lỗi gì phải chuộc. Lại nữa, Bố bảo Tí tinh khôi lắm, vô nhiễm như một đoá sen trắng (đổi giọng) Thế Tí có thích làm một đoá sen trắng tinh khôi không?"

Tí cười tít mắt:

"Mẹ thích thì Tí thích chứ... Tí thương Mẹ mà!"

Nói rồi Tí lại ôm chầm lấy cổ Mẹ hôn chùn chụt...

Một buổi chiều...

Mẹ ngồi sau nhà đọc sách. Tí quanh quẩn bên cạnh ngồi trên cái xe ba bánh đạp bằng chân. Xe này, một lần Bố về thăm đã dẫn Tí đi mua. Tí đạp xe vòng vòng quanh Mẹ, thỉnh thoảng gọi lớn:

"Mẹ ơiii...!"

Nhưng Mẹ vẫn mải mê đọc sách, gọi mấy lần không thấy Mẹ trả lời, Tí bỏ xe chạy xà vào lòng Mẹ kêu lớn:

"Mẹ ơiii!"

Mẹ buông sách, âu yếm nhìn Tí hỏi:

"Tí cần gì thế?"

Thật ra, Tí chẳng cần gì, nhưng thấy Mẹ mải mê đọc sách, không thèm để ý gì nên Tí kiếm chuyện nhõng nhẽo. Nghe Mẹ hỏi, Tí ngập ngừng rồi nũng nịu nói:

"Mẹ ơi... Tí nhớ Bố... Bao giờ Bố lại về hở Mẹ?"

Nghe Tí nhắc đến Bố, đôi mắt Mẹ như vướng víu những sợi tơ trời. Giọng Mẹ buồn buồn, trầm hẳn xuống:

"Mẹ cũng nhớ Bố, chẳng biết bao giờ Bố lại về..."

Thấy Mẹ buồn, tự nhiên Tí cũng buồn lây... Cảm thấy hối hận đã nhắc đến Bố để Mẹ phải buồn. Không gian như hụt hẫng trong sự yên lặng

vô bờ. Đôi mắt Mẹ nhìn xa xăm, Tí nghe tiếng Mẹ khe khẽ thở dài... Thương Mẹ quá, lòng tràn ngập sự hối hận... Tí ôm lấy Mẹ, úp mặt vào vùng ngực ấm hỏi trong một nỗi lo lắng:

"Mẹ ơi... Tí làm Mẹ buồn phải không?"

"Không, Tí ngoan lắm," vuốt tóc, "chẳng bao giờ Mẹ buồn vì Tí... Chỉ có Bố.... Đôi khi... có lẽ trong Mẹ hơi... trách Bố thôi..."

"Sao Mẹ lại trách Bố?"

"Vì Bố... đa đoan... đa tình... làm cho Mẹ khổ..." mỉm cười, tặc lưỡi, "hay Mẹ con mình... đi tu quách, Tí nhỉ?"

"Đi tu là gì hở Mẹ?"ngây thơ, Tí hỏi.

"Ờ... ờ... là làm lễ quy y tam bảo, thọ giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni... là... dứt bỏ mọi nhân duyên, vào chùa sống..."

Tí ngạc nhiên trợn tròn mắt hỏi lớn:

"Vậy thì mình sẽ bỏ Bố cho ai?"

Đôi mắt Mẹ hơi chao đi. Có một chút hờn dỗi trong lời nói:

"Bố hở? Bố... hư lắm! Mẹ sẽ bỏ Bố một mình. Lại nữa, Tí khỏi cần lo cho Bố vì đã có bà nội lo cho Bố rồi!"

Tí dụi mắt khóc lóc:

"Hu hu hu... Mẹ ơi, Bố không hư... Bố ngoan... Tí không chịu bỏ Bố một mình đâu. Bố sẽ buồn lắm đó!"

"Nếu vậy, Mẹ đóng thùng gửi Tí qua ở với Bố nhé?"

Tí ôm chặt lấy Mẹ, nghe mùi hương Mẹ thơm ngát trong từng phân da thịt:

"Tí không chịu đâu... Tí muốn ở với Mẹ cơ!"

"Tí tham quá... Cái gì cũng muốn trọn vẹn," giọng nhỏ dần, "mà trên đời thì chẳng có gì trọn vẹn cả..."

Nói rồi, đôi mắt Mẹ ngơ ngác nhìn trời. Nắng đã tắt. Vạt nắng cuối cùng đang trốn sau những đám mây bắt đầu đổi màu vàng cam rồi trở thành màu chì, thẫm dần... thẫm dần... Mẹ ôm lấy Tí trong lòng. Mẹ bảo Tí có mùi của Bố. Những lúc như thế, Tí thấy lòng thật ấm áp vì cảm nhận được nguồn yêu thương lan từ thân thể Mẹ. Giọng Mẹ mơ hồ, xa vắng, nửa như nói một mình, nửa như những lời tâm sự:

"Mẹ gặp Bố qua trang kinh... Kỳ diệu thay... Mẹ yêu Bố ngay từ giây phút ấy... Mặc dù chưa một lần gặp mặt... Đôi khi Mẹ tự hỏi lòng, đó có phải là một Tình Yêu mù quáng hay không? Hay thăng hoa hơn, đó là một Tình-yêu-vô-điều-kiện, cho đi một cách hết lòng mà không cần phải nhận lại một điều gì... Rồi hai người quen nhau, thư qua, từ lại, phải đến ba năm sau, Mẹ mới gặp Bố lần đầu..."

Ơi....
Dòng đời vội vã..
Gặp nhau qua trang Kinh,
Đời chia muôn lối ngả…
Còn lại đây, cuộc tình...

Tờ Kinh xưa anh dịch
Thành hoa đốm hư không,
Em về đan kết lại,
Vọng tình trong mắt trong...

Trăm năm, đời một kiếp,
Như gió thoảng mây trôi,
Lạc nhau từ mấy kiếp?
Tình sầu vẫn đơn côi...
***(Duyên Nghiệp** - CH)*

Trời bắt đầu lạnh. Đêm len lén trở về từ lúc nào. Mùi hương dạ lan trong vườn nhà ai thoang thoảng đâu đây... Tiếng ve sầu như đồng nhịp cất lên một điệu buồn muôn thuở. Tí đã ngủ gục trong lòng Mẹ từ lúc nào...

Đêm hình như đã sâu lắm... Nhưng người thiếu phụ vẫn còn ngẩn ngơ trước bàn làm việc với máy computer mở sáng. Trên màn hình chỉ thấy một dòng chữ ngắn, dở dang: *"Anh yêu dấu..."* Hình như nàng muốn viết thật nhiều, nhưng vẫn loay hoay ngổn ngang nhiều ý niệm mà chẳng biết phải viết điều gì trước... Hai tay bưng lấy mặt, một sự mệt mỏi chợt ùa về… Mệt mỏi của thân xác, cộng thêm sự cô đơn dai dẳng cùng với nỗi nhớ vô bờ... Nàng nhớ rằng, nàng cần phải để nhiều thời gian trưởng dưỡng tâm thức trong sáng hơn là cứ để tâm hồn mình ủy mị thế này...

Có tiếng động khẽ ở cửa phòng... Ngẩng lên, Tí đang đứng giữa ngưỡng cửa. Tay phải nắm lấy chéo áo con gấu bông nghiêng lết xuống sàn nhà. Đôi mắt rưng rưng, ngấn lệ:

"Mẹ ơi..."

Người thiếu phụ vội chạy ra ôm lấy con:

"Chuyện gì thế Tí? Sao lại khóc thế này?"

Bàn tay bé xíu dụi lên mắt, Tí nói:

"Tì vừa mới nằm mơ, sợ quá!"

"Tí mơ thấy gì, kể mẹ nghe?"

"Tí mơ thấy mẹ bỏ bố và Tí. Mẹ đòi đi tu... Hu hu hu... Tí buồn lắm... Mẹ đừng bỏ Tí nhé?"

"Không!" ôm chặt Tí vào lòng, "chẳng bao giờ có chuyện đó đâu... Tí đừng sợ... Chỉ là giấc mơ thôi mà! Tí coi, Mẹ đây nè.. Mẹ đang ôm Tí vào lòng... Mẹ thương Tí... hôn Tí nè…" Chụt... chụt... chụt...

"Mẹ cũng không bỏ Bố nhé?"

"Sao Tí lại hỏi vậy?"

"Vì chiều nay mẹ nói mẹ muốn đi tu, rồi còn rủ Tí đi theo, mẹ nói, bỏ bố một mình quách! Hu hu hu... Tí thương bố, Tí không muốn mẹ bỏ bố một mình..."

Dỗ dành:

"Mẹ nói đùa thôi mà! Mẹ không bỏ bố đâu, mẹ còn muốn làm *Biểu Nữ* và một *Dakini* kiều diễm của Bố nữa đó..."

Tí úp mặt vào vai mẹ, nghe hơi ấm từ mái tóc mẹ thơm nồng:

"Làm Biểu gì hở mẹ?"

"Biểu Nữ..."

"Rồi gì nữa?"

"Dakini..."

"Mẹ hứa nhé?"

"Mẹ hứa!"

Tiếng mẹ thì thầm... gần như rất nhẹ, nhẹ như một làn gió thoảng. Tí ôm chặt lấy mẹ, cũng thì thầm bên tai mẹ:

"Mẹ ơi... Tí thương mẹ và thương cả Bố nữa..."

Đêm như vang lên một khúc ca rộn rã... Có lẽ, đó là khúc nhạc từ trong tâm phát ra, một khúc hoan ca, nói lên một tình yêu tuyệt vời, vô điều kiện...

VÕ QUỲNH UYỂN

Về

Ta về nâng chén quỳnh xưa
Mời em tri kỷ thôi đưa má hồng
Ta về nâng chén rượu nồng
Chép vần thơ cũ sầu đông chưa già.

Chicago - Hancock Tower

Những tháp cổ chọc vào lòng định mệnh
Những đường bay chao liệng vút ngang tàng
Gió vẫn xoạc chân dài đo thế kỷ
Trả đất trời về với chuyện tình tang.

Tự hát

Ta như mảnh trăng mơ
Ngu ngơ chuyện cổ tích
Muốn làm nàng tiên khờ
Bao dung yêu thằng cuội
Để làm hoa không tuổi
Mấy độ nở rồi tàn
Như bèo mây trôi nổi
Mấy độ hợp rồi tan
Rồi như ánh trăng vàng
Chia tay chờ cuộc hẹn.

Photo by Thu Hằng

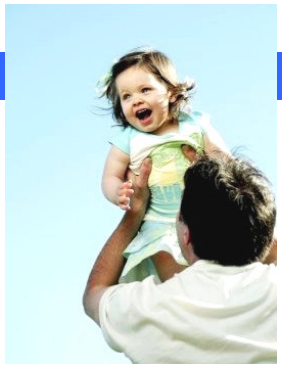

Mồ Côi

Trầm Bội Phương

(Thương tặng người đã hiểu và luôn hỗ trợ tôi)

Ngày Ba tôi mất, tôi chỉ kịp về để đưa đám tang ông. Tin Ba qua đời đến với tôi thật bất ngờ, vì ở tuổi bảy mươi hai, Ba tôi vẫn còn trẻ và hăng hái với đời sống lắm. Là một hướng đạo sinh, ông luôn lạc quan và yêu đời sống. Tôi tưởng như thế ông sẽ còn sống rất lâu. Ở ông chưa có dấu hiệu nào mệt mỏi, từ chối cuộc đời, cũng như tôi còn nhiều chuyện riêng tư giữa hai cha con mà tôi mong có dịp thuận tiện sẽ cùng Ba tâm sự.

Tôi mồ côi Mẹ từ những ngày còn nhỏ lắm. Mẹ tôi bị bệnh mất khi tuổi mới ngoài hai mươi, để lại hai chị em tôi, tôi và đứa em gái nhỏ. Tôi cũng không nhớ hay có một ý niệm gì về hình ảnh của Mẹ vì ngày Mẹ mất, tôi chưa đủ trí khôn để ghi nhớ một kỷ niệm nhỏ nào. Ba tôi rồi cũng lập gia đình và xây dựng tổ ấm riêng của ông. Chị em tôi theo yêu cầu của bên Ngoại hoặc sẽ về ở với ông bà Nội, hoặc về với Ngoại để tránh cảnh mẹ ghẻ con chồng.

Mồ côi Mẹ, tôi cũng mất luôn người Cha còn lại. Từ đó hình ảnh Ba tôi lúc nào cũng xa cách với tôi dù cùng sống chung trong một thành phố nhỏ. Tôi rất ngại ngùng mỗi khi chạm mặt Ba tôi bất ngờ ngoài đường phố. Gia đình Ba tôi khá giàu có, tiếng tăm trong thị xã nhưng chị em tôi chẳng can dự gì đến cuộc sống sung túc đó. Chị em tôi có Bà Nội và các cô yêu mến vì ai cũng muốn bù lại nỗi mất mát và ai cũng thương quý Mẹ tôi.

Đối với gia đình mới của Ba, tôi ít quan tâm đến. Hai cha con có một kỷ niệm duy nhất ngày ông đưa tôi đi lãnh phần thưởng cuối năm lớp 10. Ba tôi hẳn là ngạc nhiên với thành tích của tôi, còn tôi thì hãnh diện ngồi trên chiếc xe Toyota màu xanh do ông lái.

Ba tôi chưa bao giờ có nói là thương hay không đối với chị em tôi. Tôi vẫn tự hỏi hình ảnh Mẹ tôi có còn sót lại chút nào trong tâm tư của ông không? Tôi nghĩ đây là câu hỏi khó nên tôi chưa bao giờ hỏi ông. Tôi cũng không thương ghét gì người đã thay thế địa vị của Mẹ tôi. Tuy còn nhỏ nhưng tôi hiểu và chính tôi cũng không muốn phải làm mẹ kế để chịu tiếng đời. Nhưng quả thật tôi đã có một thời tuổi nhỏ thật chịu đựng và không êm ái. Vì vậy tôi lớn lên bằng cố gắng riêng mình và không bao giờ mong chờ sự giúp đỡ nào từ người khác.

Tôi hiểu rất rõ những thiếu thốn tinh thần và vật chất của một đứa nhỏ thiếu cha hay mẹ nên tôi luôn mơ ước một mái gia đình trọn vẹn của riêng mình và lựa chọn cho các con tôi được lớn lên với trái tim lành lặn.

Đã hơn bốn mươi năm rồi, tôi chưa có dịp để nói với Ba tôi rất nhiều điều. Hôm nay Ba tôi đã mất, quá trễ để tôi nói với Ba là tôi cần và thương ông biết mấy.

Có cha mẹ để được thương yêu và có con cái để yêu thương là hạnh phúc trời ban cho mỗi con người. Vì bất cứ lý do gì mất mát một trong hai tình cảm này là điều thật bất hạnh.

"Chân như đạo Phật rất mầu,
*Tâm trung chữ **hiếu**, niệm đầu chữ **nhân**.*
***Hiếu** là độ được song thân,*
***Nhân** là cứu khổ chúng sanh muôn loài."*

Thiền sư Chân Nguyên

TU BỤI

truyện dài nhiều chương của

TRẦN KIÊM ĐOÀN

(tiếp theo)

CHƯƠNG SÁU

Một Cuộc Cờ

Trời chưa sáng hẳn, Phạm Xảo mang trà vào cho Trí Hải. Thói quen pha trà buổi sáng vẫn không có gì thay đổi. Chỉ khác một Phạm Xảo trong vai người lão bộc pha trà cho chủ thì giờ đây hai người đối ẩm. Khác với mọi ngày, hôm nay Phạm Xảo mặc đồ chàm quần ngắn ống, áo ngắn tay của con nhà võ. Râu cạo nhẵn nhụi, tóc búi gọn được nhuộm màu tiêu muối nên trông trẻ trung và oai nghi như một vệ sĩ xế tuổi trung niên. Trí Hải nhìn Phạm Xảo, bình luận một cách thú vị:

- Trẻ trung và oai vệ thế này thì e "huynh" sẽ biến thành "đệ" mất thôi!

Phạm Xảo nói một cách nghiêm trọng:

- Hàn Kỳ Vương đã biến ngày đấu cờ thành một ngày hội lớn. Giới phú thương người Hoa từ Bắc chí Nam đã chung góp tiền bạc để ủng hộ cho phe nhà của họ. Tất cả đều sẵn sàng để mở đại tiệc ăn mừng thắng trận không một mảy may nghi ngờ tại Thái ấp này. Trong lúc phía bên kia dốc hết sức người, sức của lo cho trận đấu, thì bên ta chỉ có người nườm nượp đi xem. Tôi phải ở sát cạnh hoàng thân để bảo vệ.

Uống xong ba bốn tuần trà trong sự lặng im từ khi có mùi hoa ngọc lan tỏa hương mai. Nắng đã lên cao. Mặt trời sẽ gác bên kia đầu núi và chiều về. Giờ quyết đấu điểm.

Trí Hải ái ngại nhìn Phạm Xảo. Sự đợi chờ căng thẳng làm cho những đường gân trên trán, trên mặt... viên lão tướng muốn bứt ra thành suối, thành dòng, thành tiếng nói. Phạm Xảo ngạc nhiên đến sững sờ nhìn Trí Hải vẫn với tập Đường Thi trên tay với dáng vẻ thản nhiên và tươi cười như đã quên trận thư hùng sống mái đang đợi. Thơ phú ích gì cho buổi ấy.

Hai bên bờ sông Hương người đi như hội. Người ta cố lấn ra gần gần bờ, nơi có bốn chiếc đò đại bản kết thành bè trên sông. Ít người đi xem biết Trí Hải là ai, nhưng chỉ biết là "người đó phe ta" thôi thì cũng đủ cho lửa nhiệt tình bốc cháy. Người ta la hét, xô đẩy nhau, chạy rần rần bao vây cả một vùng bến sông khi Trí Hải và Phạm Xảo xuống đò ngang để lên bè nổi neo giữa sông. Người cầm tay Trí Hải sau cùng trước khi đò rời bến là Lê Trung Ẩn, thủ lãnh sĩ phu Bắc Hà và cũng là đương kim thượng thư bộ Hình trong lục bộ của triều đình. Lê Trung Ẩn ngỏ lời, không ai rõ là hỏi hay dặn:

- Có cần giăng lưới trên sông Hương không?

Trí Hải chỉ thoáng cười, nhìn rất sâu vào mắt người đối diện mà không nói gì. Thuyền rời bến trong tiếng reo hò, cổ vũ của biển người đứng hai bên bờ.

Bốn chiếc thuyền lớn kết lại thành một hòn cù lao nhỏ và được neo cẩn thận trên sông. Trời không mưa nhưng mây mù u ám và nước bạc trên sông cuồn cuộn chảy. Cả một vùng được trang hoàng rực rỡ. Nền thuyền trải thảm Ba Tư với màu sắc được tuyển chọn khéo léo. Khung thuyền treo đèn lồng mỹ thuật. Mui thuyền phủ gấm Thượng Hải ngũ sắc. Ngay chính giữa, trên chiếc bàn gỗ mun đen tuyền bóng loáng, bàn cờ và quân cờ đã sắp sẵn nhưng tất cả đều được phủ kín dưới một lớp gấm đỏ thêu hoa văn màu hoàng kim lóng lánh.

Trong trận "đại kỳ quyết đấu" nầy sẽ không theo mô thức đấu cờ thông thường là có tổng số ván cờ theo số chẵn như hai, bốn, sáu... mà toàn bộ cuộc đấu sẽ có ba ván cờ. Nếu cả ba ván đều hòa thì trận đấu sẽ tiếp diễn cho đến khi có một bên thắng. Trận cờ sẽ được diễn ra theo một luật lệ khắt khe về nhiều mặt.

Luật thời gian.

Một ngày và một đêm tính từ nửa đêm, giờ Tý đến buổi trưa giờ Ngọ ngày hôm sau. Đêm có 5 canh, ngày có 6 khắc. Mỗi khắc dài bằng một vạn tiểu khắc. Tiếng chuông báo hiệu thời gian cho ván cờ và tiếng khánh báo hiệu thời gian cho nước cờ.

Mỗi nước cờ không được kéo dài 100 tiểu khắc. Mỗi khắc được đếm bằng một giọt nước đỏ từ một bình cao rơi xuống một bình thấp. Người quản lý thời khắc phải đếm công khai. Sẽ có một tiếng khánh vàng đánh lên báo hiệu giữa giờ khi nước giọt đến khắc thứ 50, hai tiếng đánh lên đến khắc thứ 90 và ba tiếng báo hiệu hết giờ. Người suy nghĩ quá giờ không được quyền đi tiếp và phải nhường cho phía đối thủ.

Luật xử hòa.

Ván cờ sẽ đương nhiên coi như được xử hòa trong ba trường hợp sau:

- Luật về số nước đi: Khi tổng số nước đi của ván cờ là 200.

- Luật về nước đi có tác dụng: Không kể những nước đuổi và chiếu cũng như những nước để đối phó với những nước đuổi và chiếu, tổng số nước đi là 100.

- Luật về nước đi có tiến triển: Khi tổng số nước đi kể từ lần cuối cùng ván cờ có tiến triển là 20. Điều kiện được coi là ván cờ có tiến triển khi hoặc là có quân bị bắt hay tốt đã sang sông tiến lên một bước.

Luật công bình.

Chiếu dai và đuổi dai là vi lệ. Phía vi lệ sẽ bị xử thua. Nếu một bên vi lệ chiếu dai và bên kia vi lệ đuổi dai thì bên chiếu dai sẽ bị xử thua. Khái niệm về "dai" được minh định là chiếu hoặc đuổi quá 5 nước liên tục với một quân cờ, 10 nước liên tục với hai quân cờ và 15 nước liên tục với ba quân cờ.

- Chiếu liên tục đối phương bằng một hay nhiều quân cờ của mình là vi lệ.

Ban hành luật có 5 vị, người đứng đầu là chưởng kỳ. Ban giám khảo có 5 vị, người đứng đầu là chủ khảo. Ngoài ra ban hộ kỳ cũng có 6 người. Hai người có nhiệm vụ ghi chép trên văn bản và 2 nữ, 2 nam có giọng tốt đại diện cho mỗi bên có nhiệm vụ hô to lên công khai ngay sau khi mỗi quân cờ được di chuyển để xác định dứt điểm một nước đi, đồng thời công bố cho kỳ chúng, là những người đang theo dõi trận đấu, biết được diễn tiến của trận cờ.

Hàn gia đã bày biện bao nhiêu hình thức biểu diễn và trang trí cho cuộc đấu cờ. Đây không chỉ là cuộc đấu cờ tay đôi giữa Trí Hải và Hàn Kỳ Vương mà còn mang một ý nghĩa xa hơn là cuộc đấu trí giữa hai nước chư hầu và thống lĩnh. Bộ cờ tinh huyết thạch của Hàn gia phải tồn tại và mục đích cuối cùng phải đạt được, cho dù phải lòn trôn hay thí quân huyết chiến với địch thủ như thủy tổ Hàn Tín năm xưa.

Trận cờ khai diễn với những thủ tục trình diễn rườm rà chưa từng thấy. Nhưng rồi cuối cùng vị chưởng kỳ với khăn chít áo dài cũng tới hồi trang trọng hai tay nâng lớp gấm điều bọc bàn cờ gia bảo của Hàn gia. Mọi người như cùng "ồ" lên một tiếng để tán dương vẻ đẹp rực rỡ của bàn cờ. Mỗi quân cờ quả là một tác phẩm kỳ tú của thiên nhiên và con người. Đá tinh huyết chỗ trong như pha lê, chỗ trắng ngần, chỗ đen thẳm, chỗ lóng lánh như trân châu mã não. Nhưng tuyệt tác hơn tất cả là những đường gân đỏ thắm như máu đào chạy quanh. Những đường gân đỏ linh động biến hiện lung linh như đang sống, đang trổ nhánh, nẩy mầm. Vẻ đẹp mê hồn của loài đá tinh huyết làm cho lớp lớp đèn lồng ngũ sắc và màn trướng trang trí lộng lẫy mờ nhạt hẳn đi sau một màn sương cảm giác.

Từ khi được trao bộ cờ gia bảo, Hàn Kỳ Vương có một niềm tin mạnh mẽ rằng, với một hình thức lễ nghi mở màn trận đấu đầy tính kỳ bí của tôn giáo và đặc biệt là vẻ thu hút mê hồn của bộ cờ, phía đấu thủ khách đã bị lung lạc tinh thần và bị chinh phục từ phút đầu tiên.

Đối mặt với Trí Hải trên bàn cờ lần này, Hàn Kỳ Vương cảm thấy niềm tự tin từ bao lâu nay của mình bị dao động mạnh. Vương quen chờ đợi một đối thủ xốc nổi, ồn ào hay thâm trầm, kín đáo; có khi là một đối thủ mưu lược, nguy hiểm. Nhưng chưa bao giờ Vương gặp một đối thủ thản nhiên gần như vô tâm trong giây phút mở đầu như thế. Vẻ mặt bình thản và phong thái trầm tĩnh của Trí Hải trong giây phút cực kỳ nghiêm trọng nầy khó ai lường được những gì đang chất chứa sau lớp chắn bên ngoài. Trí Hải ngồi nhìn bàn cờ với cái trí của một đấu thủ đã sẵn sàng nhưng với cái tâm của một gã lang thang bên cạnh người đốt than trong rừng. "Đừng dính mắc!" lời nhắn với sau cùng của gã tiều phu vẫn đang vang vọng trong tâm trí của Trí Hải. Không dính mắc với quá khứ, hiện tại và tương lai. Không dính mắc giữa ta và người. Không dính mắc với thua và được.

Khi người chưởng kỳ lên tiếng thông báo thủ tục bốc thăm tranh nước đi tiên. Trí Hải ngỏ lời mời Hàn Kỳ Vương đi trước. Trong một ván cờ quyết đấu của các danh thủ xưa nay, người đi trước vừa có ưu thế khống chế cuộc cờ vì nhanh hơn một nước, vừa có cơ hội triển khai chiến thuật tấn công thần tốc ngay từ hồi khai cục. Bởi thế, quan điểm "tiên hạ thủ vi cường" thường được áp dụng triệt để trong cờ tướng để "tranh tiên". Tranh tiên là giành trước một nước cờ. Tranh tiên là chiến lược sinh tử của phép tiến công. Nếu phải đi sau thì phải giành cho được "bình tiên," nghĩa là phải rán giữ cho được thế ngang ngửa, ngang nhau. Các nhà chiến lược tranh cờ gọi là "diệu thủ tranh tiên" vì tranh tiên có nhiều mưu kế, thủ đoạn: Phối hợp để bắt quân địch. Thí quân để tranh cho được thế. Có khi phải tàn sát quân phòng ngự để xâm nhập vào bản doanh bắt tướng... chiến thuật và chiến lược biến ảo khó lường với những chiêu thức tuyệt diệu. Thế nhưng Trí Hải lại không một mảy may quan tâm đến

thế tranh tiên.

Ba hồi trống lệnh cáo với Trời; chín tiếng chiêng đồng tạ với đất. Phường bát âm nổi lên trong giây lát rồi im bặt. Có tiếng hô của chưởng kỳ: "Xuất quân!" Trận cờ bắt đầu. Hàn Kỳ Vương run run đặt tay lên quân cờ gia bảo mà suốt năm qua không tìm ra đối thủ để hành quân. Kỳ Vương nhìn trời lâm râm khấn vái, hít một hơi dài để thu hết tinh lực sông núi làm sức mạnh, nhíu mày chú mục, mím chặt môi đầy quyết đoán để đi quân cờ khai cục. Có giọng nam của hai hộ kỳ phía Hàn Kỳ Vương hô lên đĩnh đạc:

- Pháo 2 bình 5.

Một vài giây im lặng đợi chờ và giọng nữ hộ kỳ phía Trí Hải lại vang lên lảnh lót:

- Mã 8 tấn 7.

Giọng nam lại vang lên hầu như tức khắc:

- Mã 2 tấn 3.

Nữ:

- Xa 9 bình 8.

Nam:

- Xa 1 bình 2...

Hàn Kỳ Vương thủ lợi việc đi trước, vận dụng khai cục loại hình tấn công gấp, tức là pháo đầu liên hoàn kẹp mã trực xa và hoành xa.

Trí Hải đã nhìn thấy rõ chiến thuật tiến công của Kỳ Vương đến nước thứ 10 là phải dàn cho được kiểu trận Pháo đầu liên hoàn kẹp Mã. Hàn Kỳ Vương cố lèo lái cho toàn bộ cục diện đi vào bài bản của trận địa đã dàn ra như xông tốt đầu, tiến xe đè mã, nhảy mã đánh tượng, chuyển pháo thúc sát, phát huy cao độ uy lực hùng hậu của pháo đầu liên hoàn kẹp mã...

"Hỏng!"

Dư âm giọng nói đầy kiêu bạt của gã đốt than và cuộc đối thoại trong chiều chia tay lại vang lên: "Làm sao để khỏi hỏng? Tìm cái mới! Cái mới từ đâu? Từ trong cái cũ nhưng thoát ly cái cũ. Bằng cách nào? Đừng dính mắc!"

"Đừng dính mắc!" Kiếp người đã bị dính mắc và nhắm mắt từ trong bào thai cho đến khi nhắm mắt lần cuối cùng cũng vẫn còn bị dính mắc. Tiếng nói xa xăm lại cuốn hút hồn Trí Hải. Đến nước thứ năm, Trí Hải ngồi trơ như cái xác. Tiếng khánh báo hiệu giữa giờ, 50 khắc đã trôi qua, 50 giọt nước đỏ nhắc nhở Trí Hải phải tức khắc trở về với thực tại. Một chút chao động trong lúc nầy cũng đủ làm lạnh cả linh hồn. Hàn Kỳ Vương hơi băn khoăn nhìn Trí Hải thương hại. Đã có bao nhiêu đấu thủ lạc hồn, bạt vía, hay ngất xỉu trước khi ván cờ kết thúc. Lẽ nào một Trí Hải nổi danh của đất thần kinh lại yếu đuối đến thế sao?

Hai tiếng khánh báo hiệu 90 khắc trôi qua. Trí Hải bỗng sực tỉnh. Chỉ còn mười giọt nữa. Nhỏ xuống đi, ơi những giọt thời gian yêu dấu chết người!

Một giọt nữa. Giọt 91. Trí Hải cảm thấy cả tâm trí của mình đều bùng vỡ. Một giọt nữa. Giọt 92. Trí Hải thấy rõ cả khối suy tưởng của mình bứt hết biên cương và mở dài ra tới cõi mênh mông. Một giọt nữa. Giọt 93. Cả bàn cờ trước mắt hiện ra đầy sinh động như có cả vạn cuộc đời thu nhỏ lại giữa biển không gian và thời gian thành thau nước lạnh... Giọt 95 Trí Hải trở về ngay với thực tại và cấp tốc điều quân. Chỉ một đôi nước cờ biến ảo làm thay đổi thế cờ nhanh chóng. Có những lúc Trí Hải mở lối cho những quân cờ tấn thối một cách đơn giản gần như bâng quơ. Hàn Kỳ Vương kinh hoảng nhìn vào mắt Trí Hải nhưng chẳng thấy dấu hiệu gì khác thường cả, nhưng tại sao lại đi một nước cờ rồi tiếp nối những nước cờ quá lạ lùng như thế. Ngớ ngẩn thì không hẳn mà tuyệt chiêu lại càng vô lý. Càng phản ứng, Hàn Kỳ Vương càng nao núng. Những tượng hùng, pháo tống, xe xuyên, mã tốc... đều như trốn biệt hay rình rập đâu đây để tung những đòn chí mạng. Trí Hải di chuyển những quân cờ theo một cách thế mà xưa nay trong các danh thư kỳ phổ chưa từng nghe nói đến.

Không bị giới hạn tầm mắt bởi biên giới của rào dậu bên nầy và hào lũy bên kia, cái nhìn của Trí Hải thoáng đạt và dàn trải đến vô cùng. Khi tâm thức không còn bị đè nặng và buộc chặt vào những hệ lụy của bảng thang giá trị lẫn trong rêu mốc vì đã quá cũ càng, tầm nhìn sẽ bay cao ngoài bốn cõi. Lúc đó sẽ như người đứng trên chóp núi Kim Phụng nhìn về đồng bằng kéo dài tận biển. Những ao hồ, sông rạch, cây cối, nhà cửa, đền đài, lăng miếu... hiện ra rõ nét giống bức họa đồ thu gọn trong tầm mắt. Có những quân cờ ở một vị thế vừa ẩn vừa hiện của một con hươu sao khôn ngoan nấp sau triền đá dốc. Vị thế để tự vệ, sống còn và qui ẩn trong cuộc đời thường sẽ tương đương với những vị thế chiến lược trên bàn cờ. Với cái tâm rỗng lặng và cái trí mênh mông, Trí Hải có được cái nhìn trí tuệ thiên thâu qua cuộc cờ đang diễn ra trước mắt. Trí Hải như đang đồng cảm và giao hòa với những quân cờ "sống" của cả hai phía.

Hàn Kỳ Vương quả thật là không hổ danh với vị trí "kỳ vương" mà người đời trao tặng. Một nước đi có hơn mười "nước biến" theo sau. Nhưng chiến lược tấn công thần tốc mang tính đối công quyết liệt của Hàn Kỳ Vương chưa vào đến trung cuộc đã từ từ chững lại. Tài ba quán chúng đầy uy vũ của Kỳ Vương dựa vào một chuỗi phản ứng có điều kiện. Chiến thuật của Trí Hải là "vô môn quan," dựa vào tinh thần hóa giải để đỡ những đòn sấm sét làm cho đối phương như đánh vào khoảng không. Sức tấn công càng hung hãn, sự hụt hẫng càng quay cuồng chóng mặt. Vẻ yên ắng trên bề mặt "tịnh nhi bất thối, động nhi bất tấn" tạo một phản ứng ngược cho những đòn vọng động.

Hàn Kỳ Vương thuộc lòng châm

ngôn của nghệ thuật đấu cờ là: Nhìn và đợi. Nhìn diễn biến của trận thế và đợi sơ hở của đối phương để chớp thời cơ tiến công tranh thắng. Địch lùi ta truy đuổi. Thành trì phòng ngự chưa kín ta thúc quân vây hãm. Địch bị vây bó tay ta tung hoành xung trận. Trong binh thư của Tôn Tử có nhấn mạnh: *"Biết mình biết người, trăm trận trăm thắng; biết mình mà không biết người, một thắng một bại; không biết mình cũng chẳng biết người, trăm trận trăm bại."* Hàn Kỳ Vương bó tay không biết Trí Hải đang đi chiêu thức gì mà ông ta hoàn toàn không hiểu được. Và sự hoang mang đột biến cũng làm cho Kỳ Vương không hiểu mình là ai và có được khả năng gì để ứng phó với một tình huống quá mới mẻ như vậy.

Đi cờ mà bị động cũng như người xiếc đu dây: lắc lư, chao đảo, bất định. Cả trăm lần thành công nhưng sự sẩy chân thất bại đột biến lại có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Đến nước thứ 32 của ván cờ đầu, Hàn Kỳ Vương ngồi yên bất động. Một chiến trường vang rền xe ngựa biến đâu mất. Cảnh tên bay đạn lạc chỉ còn gió lạnh trên sông. Chốn gió tanh mưa máu lãng đãng mây mù. Trí Hải đi thêm một nước nữa. Hai đối thủ ngước lên nhìn nhau. Hàn Kỳ Vương tròn mắt nhìn sửng Trí Hải. Cờ hết nước. Một ván cờ hòa!

Ván cờ thứ hai, Trí Hải đi tiên. Hàn Kỳ Vương và mọi người nín thở chờ đợi. Những danh thủ cờ tướng xưa nay vẫn dùng chiến thuật khai cục thuộc ba loại hình phổ biến nhất: loại hình tiến công, loại hình phòng thủ và loại hình đối công. Các kỳ thủ cao cấp vận dụng chiến thuật khai cục thường nắm vững yếu lĩnh và thông triệt tổng quan chiến lược của cả ván cờ. Nước tiên giành được trong hồi khai cục sẽ được duy trì và phát huy đến trung cục, tàn cục và tiếp diễn cho đến thắng lợi sau cùng.

Trí Hải xuất quân theo một thế trận hoàn toàn mới mẻ. Ông mở rộng cửa thành nghênh đón quân của Hàn Kỳ Vương lầm liệt tiến vào tấn công như vũ bão. Bằng những nước đi công, thủ tế nhị, tính toán kềm hãm và giữ chân để đưa quân của địch vào trùng vây mà không hung hãn tiêu diệt với sự khéo léo tuyệt diệu của thế bảo quân, trữ lực trong binh pháp "dẫn mà không phát, tích trữ sức lực để động mà không động." Đến nước thứ 32. Lại số 32! Hàn Kỳ Vương chững lại. Một tình huống chung cuộc hoàn toàn giống ván cờ thứ nhất lập lại:

"Một chiến trường vang rền xe ngựa biến đâu mất. Cảnh tên bay đạn lạc chỉ còn gió lạnh trên sông. Chốn gió tanh mưa máu lãng đãng mây mù..." Hàn Kỳ Vương dốc toàn lực tiến công. Các chiến thuật nghi binh, chọc sườn, bọc hậu, xung kích trực diện... đều được tận dụng, nhưng thành quách và quân sĩ của Trí Hải vẫn an trú trong vị trí của mình, chỉ phản công khi tối cần thiết. Trung cuộc, sức tiến công của Hàn Kỳ Vương chững lại, rồi đứng yên. Cờ không còn nước. Lại thêm một ván cờ hòa!

Tiếng reo hò cuồng nhiệt của phe Hoa kiều và phe người Việt chen chân bên bờ, trên bến, dưới thuyền từ từ im bặt với kết quả hai ván cờ hòa đã đi qua.

Khi ván cờ thứ ba và cũng là ván cờ quyết định sau cùng khai cuộc thì sự khích động của quần chúng lại cuồng lên. Người ở xa, ao ước được nhìn tận mắt nét cảm xúc trên mỗi khuôn mặt của hai đại kiện tướng trong giây phút cập kỳ bên bờ vực. Thế nhưng người ở gần lại thất vọng và lấy làm lạ khi nhìn Trí Hải với vẻ mặt thản nhiên và lặng lẽ chẳng khác gì ngày thường khi uống một ly trà buổi sáng. Cuộc cờ trước mắt không đủ bề thế chinh phục để lay động người đàn ông nầy hay ông ta là hiện thân cho sự trơ vơ của một hòn đá núi vững chãi. Mưa bão vô thường dập vùi trên đá đến và đi không lưu dấu vết. Hàn Kỳ Vương cũng cố giữ bản lĩnh thao lược của mình với khuôn mặt nghiêm trọng, trầm tĩnh, nhưng những đường gân trên tay, trên mặt căng phồng; những đường nhăn trên trán loang loáng mồ hôi phản chiếu qua ánh đèn màu trong gió lạnh cuối mùa thu là tấm gương chiếu rọi cái tâm đang dấy động. Hai ván cờ hòa với những thế cờ kỳ lạ đến độ nghịch lý của Trí Hải làm Kỳ Vương nao núng và bồn chồn khi ra quân khai cục cho ván cờ định mệnh cuối cùng nầy. Hàn Kỳ Vương thừa tinh tế để nhận thấy Trí Hải đã làm chủ tình thế trong cả hai ván cờ hòa. Trí Hải như đã nắm hết nội tình và lộ trình chuyển quân của cả đôi bên, có thể triệt đường, chắn lối đối phương bất cứ khi nào muốn, nhưng vẫn đóng vai của kẻ đứng ngoài.

Ván cờ chót không diễn ra quyết liệt và gay cấn như mọi người ước đoán. Kỳ thủ mỗi bên đều lắng sâu vào vùng chiến lược của mình. Đêm xuống chỉ còn ánh đèn ngũ sắc. Những quân cờ càng rực lên ánh sáng chói lòa. Mỗi mảnh sáng có một điệu múa lân tinh riêng làm cho người không quen chóng mặt. Hàn Kỳ Vương vui sướng cảm tạ hồng ân của dòng dõi Hàn gia đã gìn giữ được bộ cờ gia bảo có một không hai trên trần gian nầy. Trí Hải đăm đăm nhìn những quân cờ "lên nước." Những màu sắc huy hoàng dữ dội của đội "kỳ quân" chinh phục nầy nhắc Trí Hải nhớ đến những chuyến viếng thăm đấu trường La Mã ở nước Ý Đại Lợi trong những năm theo hoàng tử Cảnh ở Âu Châu. Sự tàn bạo ẩn mặt dưới màu sắc và danh nghĩa từ Đông sang Tây đều độc ác như nhau. Những lưỡi kiếm bọc trong bao ngà và những cuộc chém giết có nghi thức thường dùng xương máu và mạng sống của con người không quan trọng hơn những nhánh hoa trang trí. Bộ cờ tinh huyết thạch của Hàn gia đã tạo ra biết bao nhiêu đau đớn, tủi nhục và oan khiên cho

những kẻ chiến bại trong suốt cả chiều dài lịch sử chinh phục của nó. Dù chỉ là một phương tiện, nhưng làm gì có phương tiện nhân ái để đạt đến một cứu cánh tiêu diệt địch thủ. Có vó ngựa Mông Cổ nào mà không dày xéo lên thân phận của con người trên đường chinh phục. Trước mắt Trí Hải, những quân cờ bóng lộn là những con yêu tinh dùng bã phù hoa để hãm hại con người. Làm chủ bộ cờ là làm chủ động yêu tinh. Bộ cờ hiện ra như một sự thách đố của tội ác. Dù ai làm chủ đi nữa thì bản chất của tội ác cũng không thể cải hóa thành thánh thiện được. Với Trí Hải, thắng hay thua trong cuộc cờ nầy không còn là vấn đề then chốt, mà vấn đề then chốt là phải bẻ gãy phương tiện của tội ác trước đã.

Hàn Kỳ Vương quan sát và thoáng ngạc nhiên khi nhìn thấy vẻ mặt khoan hòa của Trí Hải từ từ đanh lại. Trí Hải mở miệng. Mọi người ngạc nhiên chăm chú theo dõi vì người nầy chưa mở miệng trong gần suốt cả ba ván cờ:

- Dù ta có chấp Hàn gia một ngựa thì chắc chắn chín nước nữa ta cũng sẽ thắng và đương nhiên làm chủ bộ cờ nầy!

Giọng Trí Hải trầm xuống như nói một lời nguyện trên sông:

- Đáng vứt đi, đồ vô dụng!

Hàn Kỳ Vương hét lên thất thanh:

- Đư...ừ...ng!

Nhưng đã muộn. Trí Hải đã vung tay cầm quân mã ném tung ra ngoài dòng sông Hương với nước nguồn đầu mùa đục ngầu đang cuồn cuộn chảy.

Sự nhốn nháo lên tới cực điểm. Nhóm vệ sĩ của Hàn Kỳ Vương đứng vây quanh bàn cờ. Nhóm chưởng kỳ, hộ kỳ, giám kỳ rời chỗ. Nhưng bỗng đâu có tiết thét lanh lảnh vang lên làm mọi người chững lại. Đó là tiếng Phạm Xảo:

- Đứng yên!

Tất cả vốn liếng hơi sức của một đời khổ luyện và làm tướng dồn tụ cả lại trong phút nầy. Ông lão cầm cây chèo bằng gỗ kiền kiền và bẻ gãy làm ba mảnh. Ông cầm mảnh lưỡi chèo dài ngoẵng loáng nước như thủ đại đao trong tay. Dáng cao lớn, sức lực công phá ghê hồn và giọng nói đầy trấn áp làm mọi người bị chế ngự một cách tự nhiên.

Một phản ứng cấp thời bất ngờ đến từ Hàn Kỳ Vương. Vương đứng dậy, râu tóc bạt gió như dựng ngược cả lên, tiếng la vang rền mà gần như nghẹn lại trong cổ họng:

- Được! Rồi đây nếu cần...! Nếu cần phải tát cạn sông Hương, mò biển Nam Hải để tìm lại cho ra con cờ đã mất cũng phải làm. Ha! Ha...! Bộ cờ tinh huyết thạch quý nhưng danh giá dòng họ nhà ta còn quý gấp vạn lần hơn thế! Danh dự sẽ được xác định công minh ngay trên bàn cờ. Đánh! Nào! Đến phiên hoàng thân! Đi... đi tiếp!

Trí Hải đã đánh trúng "điểm tử" của Hàn Kỳ Vương.

Thủ pháp ra quân trên bàn cờ là một sự phối hợp hài hòa giữa tâm và trí. Tâm loạn kéo theo trí đoản. Những nước cờ lúc tấn kích điên cuồng, lúc sững sờ chới với, chứng tỏ Kỳ Vương đang sống qua những giây phút ngập ngụa giữa trăm ngàn thác loạn.

Đến nước thứ tám sau vụ "chấp mã," Trí Hải báo động bằng một giọng bình thản:

- Xin Hàn gia cẩn thận, chỉ còn một nước nữa thôi là ván cờ kết thúc.

Hàn Kỳ Vương quay quắt như ngồi trên lửa. Cờ đối phương dàn quân trùng trùng không có khe hở. Tiếng khánh báo hiệu sắp hết giờ cuối nước về phía Hàn Kỳ Vương lại vang lên. Cố vươn bàn tay run rẩy đi một nước cuối cùng trong tuyệt vọng, Hàn Kỳ Vương nói bàng hoàng như trong mơ:

- Ho...ò...a?!

Trí Hải lịch thiệp nhưng cương quyết và lạnh lùng:

- Trước sau đều bị bao vây, bốn mặt đều đối đầu với địch, lấy gì để hòa?!

Hàn Kỳ Vương ngớ người nhìn sâu vào thế cờ của mình đang bị chiếu tướng với trùng vây khóa chặt. Một nước thoát cũng không còn, viện binh cắt đứt, quân của Trí Hải siết chặt gọng kềm công thành đả tướng. Hết! Hàn Kỳ Vương điên cuồng trong chiến bại, đấm tay vào ngực, gục đầu lên bàn cờ, rồi đội bàn cờ lên đầu, những quân cờ rơi lảnh cảnh. Vương nói lầm bầm mà nghe như tiếng rên xiết: "Cúc cung muôn lạy Hàn gia tiên tổ xin rủ lòng nhân tha tội. Kẻ hậu duệ nầy bất tài, bạc đức đã không giữ nổi bộ cờ gia bảo. Thật đáng tội chết..." Rồi một thoáng qua trong nháy mắt, Hàn Kỳ Vương ôm bàn cờ lao xuống sông. Nước nguồn đêm tối đen ngòm, cuồn cuộn chảy xuôi về biển. Có tiếng người phóng theo trước khi tiếng la hét thất thanh nổi lên. Riêng đám vệ sĩ của Kỳ Vương vẫn còn đủ mặt. Cả dòng sông nước lũ ầm ầm thôi thúc, dòng chảy cuồng lãng vẫn ngậm miệng phăng phăng trôi đi trong đêm tối.

Điểm lại, có hai người bị nước cuốn đi. Một tự trầm mình và một bị mất tích lúc nào không ai hay, đó là Hàn Kỳ Vương và Phạm Xảo.

Sau cuộc "binh đao", người chiến thắng ngồi bên bờ sông trong bóng tối dưới cơn mưa xối xả đầu mùa. Mất bạn, mất thù, mất luôn tiếng gọi thôi thúc giục giã đi tới, Trí Hải đội mưa chờ tin Phạm Xảo.

Đám đông vô danh ẩn mình trốn mưa trong bóng tối tản dần. Đám đông theo dõi cuộc cờ bên bờ sông cảm thấy mình đã tham gia vào trận cờ "lịch sử." Rất nhiều người chưa hề biết mặt Hàn Kỳ Vương hay Trí Hải là ai lại thao thao bình luận cuộc cờ trong trí tưởng của họ. Lịch sử của trận cờ sẽ được viết lại theo những "chứng nhân lịch sử" bên bờ

sông mà biết đâu sau nầy đọc lại, Trí Hải sẽ ngạc nhiên về những việc của ai mà lại có tên mình.

Trên đỉnh núi cao nhất mà bao người đã bỏ mạng vì cố leo lên cho được cũng chỉ có mây bay và gió thổi. Ảo ảnh cỏ trên đồi phía bên kia bao giờ cũng xanh hơn cỏ bên đồi nầy là một bi hài kịch của đời sống. Bi kịch về sự chối bỏ một thực tại trong tầm tay để đuổi theo một thiên đường hoang tưởng. Bi hài kịch tự nó chỉ là sản phẩm tự nhiên của hoàn cảnh, nhưng chính những nhân vật thủ diễn sẽ làm cho mỗi màn vui hơn hay chán ngắt.

Ván cờ đi qua. Trí Hải nhìn lại và tự hỏi, thêm một cuộc cờ, thêm một kẻ thua, thêm một người thắng; cũng như thêm một đêm mưa, một ngày nắng. Đời sống mang một ý nghĩa gì quanh chuyện tranh chấp hơn thua...

(còn tiếp)

Thơ MỸ HUYỀN

VU LAN CON NGẮM SAO TRỜI

(Thương gởi các bà Mẹ quạnh hiu với nỗi nhớ xa con trên quê hương tôi)

Ngắm sao nhớ Mẹ phương xa
Rời vòng tay Mẹ hơn ba năm rồi
Phương này khóc phận nổi trôi
Sao ơi cho hỏi: Mẹ tôi vẫn thường?

Mẹ còn một nắng hai sương?
Tảo tần hôm sớm tóc sương bạc màu?
Gối còn mỏi, lưng còn đau?
Đứng ngồi thấp thỏm ra vào ngóng con

Bữa cơm Mẹ cảm thấy ngon?
Đêm về giấc ngủ có tròn năm canh?
Thương đôi mắt Mẹ long lanh
Đôi tay gầy guộc gạt nhanh lệ tràn

Mẹ còn lui tới đạo tràng?
Sớm hôm kinh kệ bên làn khói hương?
Nguyện cho một kiếp vô thường
Thân tâm nhẹ tựa giọt sương đầu cành

Mắt sầu vươn tận trời xanh
Mong đàn con nhỏ an lành muôn phương
Cầu xin chư Phật mười phương
Từ bi soi sáng nẻo đường con qua

Chúng con nay dẫu xa nhà
Khắc sâu tình Mẹ bao la biển trời
Vu Lan con ngắm sao trời
Vọng về quê Mẹ vạn lời kính dâng.

TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI

Hoạt động Phật sự của một danh tài điện ảnh Hoa Kỳ

Ngày 23 tháng 7, 2007

Glouster, Massachusetts (Hoa Kỳ) - Lindsey Crouse, một minh tinh điện ảnh và đài truyền hình, quê quán tại Annisquam, đã tìm ra con đường tâm linh mà bà muốn chia xẻ với cư dân vùng Cape Ann.

Gần ba năm trước đây bà đã tổ chức một chương trình Phật học để phổ truyền sự hiểu biết và sự thanh thản mà đạo Phật đã đem đến cho bà.

Thiện chí của bà đã được sự hưởng ứng nồng nhiệt của cộng đồng ngoài dự kiến của bà. Hiện bà đang chuẩn bị cho khóa tu học hàng năm lần thứ ba tại Windhover, Rockport từ 20 đến 26 tháng 8, 2007.

Có khoảng 30 người đã ghi danh 3 tuần trước khóa tu đầu tiên năm 2005. Bà nói 'Tôi đã biết chắc rằng có rất nhiều người ưa thích tu học, nhưng tôi cần phải loan tin này ra. Sau khi bài viết được đăng trên tờ báo địa phương, 250 người đã gọi cho tôi trong vòng một tuần rưỡi sau đó. Đây là một sự hưởng ứng không thể ngờ được. Tuy nhiên điều làm cho tôi hăng hái hơn là những câu chuyện được mọi người trút ra đối với một nhân vật hoàn toàn xa lạ.'

Họ kể cho bà Crouse nghe những mẫu chuyện khó khăn của gia đình, cái chết của người thân, sự bất lực trong việc duy trì quan hệ tình cảm, sự hoang mang của họ về ý nghĩa cuộc sống, sự khao khát một 'cuộc dừng chân'.

Từ hạt giống ấy nảy sinh một phong trào tại địa phương được nhuận sắc với sự tham gia của tín đồ từ mọi tôn giáo. Khoá tu đầu tiên nhằm xóa tan mọi hiểu lầm về việc hành trì theo Phật giáo. Khóa tu năm vừa qua chú trọng về tâm từ. Chủ đề năm nay là sự an lạc.

Bà Crouse cho biết 'Nhiều điều đã xảy ra do kết quả của hai khóa tu học trước. Lạt ma Brian Smith và cư dân vùng Cape Ann hiện là một đoàn thể trân quý lẫn nhau. Sư rất yêu thích thời gian giảng dạy tại đây, và cũng rất yêu mến các học viên của mình nên Sư đã hứa sẽ đến đây một năm ba lần. Mọi người đã nhiệt tình đáp ứng lại lối giảng dạy nồng nhiệt, khéo léo và siêu việt của Sư, và nhận ra rằng những lời dạy của Sư có lợi ích trực tiếp đến cuộc sống của họ.'

Sư Smith là một tu sĩ Phật giáo Tây Tạng có tiếng tăm và cũng là học giả về tiếng Sanskrit, đã từng là giáo sư tôn giáo tại Đại học Columbia và Đại học California tại Riverside.

Khi Sư trở về để dạy 4 buổi tối tại Rockport Community Center tháng 12 vừa qua, có gần 400 người đã đến tham dự, đây là một điều đáng ngạc nhiên đối với thời điểm bận rộn trong năm.

Sau khi hoàn tất các buổi giảng, bà Crouse đã tổ chức một buổi họp mặt tại tư gia của bà cho những ai muốn tìm hiểu sâu thêm về cách áp dụng Phật Pháp vào đời sống. Bà nói '60 người đã chen chúc trong căn phòng khách nhỏ bé của tôi ở Annisquam.' Bà nói rằng cuộc đời của bà đã thay đổi do kết quả của việc bà làm tại đây. 'Đối với cá nhân tôi, đây là sự thành tựu một ước mơ. Bốn năm trước, tôi đã ngồi trong một lớp học vốn là căn phòng trọ nhỏ tại Venice Beach của Sư Brian Smith lúc chưa xuất gia, và điều làm cho tôi kinh ngạc là nơi mà tôi yêu thích nhất trên đời - Cape Ann - lại là một địa điểm tuyệt vời để Sư đến đây giảng dạy...

(Minh Châu dịch)

Đức Quốc: Đức Đạt Lai Lạt Ma được ưa chuộng hơn Đức Giáo Hoàng

July 16, 2007 *Edition 1*

Germany- Dân chúng Đức Quốc thích thú với Đức Đạt Lai Lạt Ma hơn là đối với Đức Giáo Hoàng Benedict XVI, căn cứ theo một thống kê gần đây.

Một cuộc nghiên cứu trên tạp chí *Der Spiegel* cho thấy 44% của những câu hỏi được trả lời đã nhìn vị lãnh đạo tâm linh và thế tục Tây Tạng như một vai trò gương mẫu, trong khi 42 % thì cho rằng tương đương với đức Giáo Hoàng.

Cũng căn cứ theo cuộc thống kê, do tổ chức TNS thực hiện, được công bố hôm thứ Bảy vừa qua, Đức Đạt Lai Lạt Ma đặc biệt có được sự mến chuộng rất cao của các tầng lớp trẻ và và giới trí thức. Phân nửa của các câu hỏi thuộc những nhóm này tin tưởng rằng nhà lãnh đạo tâm linh Phật Giáo này có thể ban bố cho quần chúng những lời khuyên nên sống như thế nào, điều này cho thấy người dân Đức quốc tìm thấy nơi Phật Giáo một tôn giáo nhiều cảm thông hơn Ki Tô giáo hoặc Hồi Giáo.

(Hạt Cát dịch)

Ấn Độ: Tân Gia Ba trợ giúp tu bổ bảo tàng viện Patna

PATNA, India - Được gây ấn tượng bởi những kỹ thuật trưng bày tối tân hiện đại và các phối hợp ánh sáng tân kỳ trên đồ cổ ngoạn tại phòng triển lãm Viện Bảo Tàng Văn Minh Á Châu tại Tân Gia Ba, chính quyền tỉnh bang Bihar đã quyết định hiện đại hóa Bảo Tàng viện Patna cùng mô thức tương tự.

Phòng nghệ thuật và văn hoá thuộc chính phủ tỉnh bang Bihar sau khi tìm kiếm qua nhiều viện bảo tàng, kể cả viện bảo tàng nổi danh Patna, đã bắt đầu quay sang liên hệ với các viên chức viện bảo tàng Tân Gia Ba.

Thư ký bộ văn hoá nghệ thuật tỉnh bang Bihar, ông Anjani Kumar Singh, nói rằng viện bảo Tàng Tân Gia Ba, được nhìn nhận là viện bảo tàng hiện đại nhất trên thế giới, đã đồng ý cung cấp hỗ trợ kỹ thuật đòi hỏi cho việc hiện đại hoá nội thất của viện bảo tàng Patna.

Một nhóm viên chức viện bảo tàng Tân Gia Ba, dẫn đầu bởi Gauri Krishnan, đã viếng thăm các bộ sưu tập cổ ngoạn tại viện bảo tàng Patna, Gaya và Nalanda.

Ông Singh nói thêm "Họ kết luận rằng mặc dù các công trình sưu tập về lịch sử thiên nhiên, vật cổ ngoạn và cổ phẩm Phật giáo rất phong phú, mô thức trưng bày cũng cần đến sự hiện đại. hoá.

(Hạt Cát dịch)

Tổng Thống Tích Lan cung nghinh Xá Lợi Tóc Đức Phật được Bangladesh trao tặng

COLOMBO, Sri Lanka -Lanka Daily News, July 20, 2007- Tổng Thống Tích Lan Mahinda Rajapaksa đã đảnh lễ trước Xá Lợi Tóc Đức Phật, tặng phẩm của Bangladesh cho Tích Lan tại chùa Gangaramaya, Hunupitiya ngày hôm qua 19 tháng 07, 2007.

Xá Lợi Tóc thiêng liêng này được mang đến từ Phi trường Quốc Tế Bandaranaike do một đoàn xe hộ tống đến chùa Gangaramaya, nơi được Tổng Thống Rajapaksa nghinh đón và tôn trí trong một phòng đặc biệt cho công chúng đến chiêm bái. Xá Lợi sẽ được trưng bày cho đến Chủ Nhật.

Ven. Galaboda Gnanissara Thera, viện chủ ngôi chùa nói "Xá Lợi Tóc này là một tặng phẩm thiêng liêng mà Bangladash đã dành cho dân chúng Tích Lan, tất cả mọi người dân Tích Lan nên ủng hộ Tổng Thống trong nỗ lực vãn hồi hoà bình không kể đến những khác biệt vụn vặt."

Bộ Trưởng Ngoại Giao Rohitha Bogollagama, người thay mặt chính phủ Tích Lan tiếp nhận xá lợi từ cộng đồng Phật Giáo Bangladesh cũng đồng thời hiện diện trong buổi lễ.

(Hạt Cát dịch)

Anh Quốc: phản ứng của hội đồng thành phố về tên gọi của một tiệm ăn

Ngày 22 tháng 7, 2007

Anh Quốc- Một thương gia Phật tử muốn đặt tên cho tiệm ăn của ông là Fat Buddha, đã khiến các vị lãnh đạo hội đồng thành phố bất bình - họ cho rằng điều này sẽ làm cho giới Phật tử phẫn nộ.

Tiệm ăn trị giá 1,3 triệu Anh Kim của ông Eddie Fung sẽ khai trương tại Durham vào tháng tới, tạo công ăn việc làm cho 60 người. Nhưng chủ nhân đã kinh ngạc khi bà Tracey Ingle, trưởng ban dịch vụ văn hóa của hội đồng thành phố, đã yêu cầu ông đổi tên khác vì tên gọi này có tính cách 'trêu chọc.'

Ông Fung, 39 tuổi, phát biểu 'Tôi không thể ngờ được rằng bà này lại bỏ thời gian và công sức để chú tâm vào một cái tên vốn không công kích bất cứ một ai như là Fat Buddha.

Không một người Phật tử nào sẽ bị xúc phạm bởi tên gọi này. Fat Buddha là biểu tượng cho sức khỏe và hạnh phúc. Đây là điều quá đáng của sự làm việc thiên về chính trị.'

Một phát ngôn viên của Hội Phật Giáo cho biết 'Phật tử xem Fat Buddha như là sự may mắn. Nếu cho rằng đây là một sự xúc phạm tức là hiểu sai đức tin của họ. Người Phật tử không thấy bị xúc phạm bởi bất cứ điều gì xảy đến vì như thế là không vâng lời Phật dạy'.

Ông Fung cho biết công ty Utopian Leisure của ông đã không bị than phiền về việc dùng tên Fat Buddha cho tiệm ăn đầu tiên của ông, được mở tại Belfast đầu năm nay.

"Tính từ chung 'Fat' tự nó không là một từ có tính cách xúc phạm khi được dùng một cách tổng quát... tên gọi này hàm ý một sự dâng tặng của người Đông phương vì nó liên kết với một tôn giáo xuất phát từ các quốc gia Á Châu... Tuy vậy, nó không phải để dùng riêng cho các tiệm ăn chay cũng như không riêng ám chỉ các hệ thống tín ngưỡng Phật giáo. Tên gọi này là một sự 'trêu chọc'." Uỷ viên Hội đồng thành phố Durham biện luận cho lập trường của bà, bà nói tiếp "Văn phòng chúng tôi cảm thấy tên gọi này không phù hợp trong một thành phố được thành lập trên căn bản tôn trọng tín ngưỡng. Cả hội đồng chúng tôi thực thi một chính sách nghiêm cẩn trong việc tạo cơ hội bình đẳng không kỳ thị và có tính cách đa dạng."

Bà Ingle nói thêm "Tôi giữ vững ý kiến trong bức thư yêu cầu chủ nhân đổi tên tiệm ăn của họ. Đây là lập trường của chúng tôi. Chúng tôi đã tìm đủ mọi biện pháp hợp lý và tôi đã liên lạc với giám đốc công ty để trình bày mối quan tâm của tôi. Tiệm ăn nằm tại một địa điểm dễ được chú ý và chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến thanh danh của thành phố. Tôi đã bày tỏ quan điểm với tư cách là trưởng ban dịch vụ văn hóa đối với vấn đề văn hóa của thành phố."

Hiện nay có 350 triệu Phật tử trên toàn cầu, trong đó có hơn 150,000 người tại Anh Quốc.

(Minh Châu dịch)

Những ngôi đền Phật giáo cổ được tìm thấy tại West Godavari, Ấn Độ

Guntur, Ấn Độ - Viện Nghiên cứu Khảo cổ Ấn đã tìm ra hai ngôi đền Phật giáo cổ nằm đối diện nhau tại Kantamanenivarigudem thuộc phía Tây Godavari, gần những ngôi chùa bằng núi đá thuộc khu vực Guntupalli nổi tiếng.

Những ngôi đền này được xây vào thế kỷ thứ 2 trước Công Nguyên, là biểu tượng cho việc truyền bá giáo Pháp của đức Phật rộng khắp quần chúng đã tạo thành rường cột của hệ phái Đại Thừa.

"Trong cuộc khám phá này còn có một ngôi tháp nhỏ đường kính 1 mét rưỡi và một số mảnh đồ gốm đáng kể, như một pho tượng Phật trong tư thế thiền định nửa phần đã bị hư hoại và cột trụ bằng đá xanh hoàn toàn được khắc chạm đã được tìm thấy tại đây hơn một năm trước," Giám đốc ASI Hyderabad Cicle kiêm quản lý khảo cổ D. Jithender Das đã cho tờ báo The Hindu biết như trên.

Các ngôi đền có chiều dài 10 mét 4, chiều rộng 5 mét 57 trong đó có tượng Phật và một ngôi tháp nhỏ, chiều cao của ngôi đền, mặc dù hiện nay không còn trông thấy, được ước tính khoảng 12 feet để mọi người có thể vào bên trong một cấu trúc bằng đá kiên cố này.

Hồ vôi là hỗn hợp được dùng để đúc khuôn cho tầng hầm của hai ngôi đền và ngôi tháp nhỏ.

Ngôi đền có tượng Phật hướng về phía Đông trong khi ngôi đền có ngôi tháp nhỏ lại hướng về phía Tây và người ta tin rằng cả hai ngôi đền này đã được thành lập trong thời vua Satavahana.

Ông Das giải thích 'Từ lúc khởi thuỷ của các ngôi đền này tại miền Tây Ấn vào thế kỷ thứ 3 trước Công Nguyên, chúng được xem là những cơ sở chủ yếu cho việc lễ bái. Chư tăng từ miền Đông đã tăng thêm những nét đặc trưng của sự tôn kính như đã được tìm thấy trong chánh điện của các ngôi đền của Salihundam, Ramateertham, Guntupalli và Amaravathi trong quận Guntur.'

Phụ tá quản lý khảo cổ D. Kanna Babu trong lúc khảo sát về những khám phá này đã nhận định 'các cấu trúc khép kín này cốt tạo nên sự chú tâm cho người hành lễ và đây là sáng kiến của chư tăng Tu viện Dhakiniana.

Ba căn hầm này với những phiến gạch được chế tạo đặc biệt cho mỗi tầng là sự khơi mào cho những căn hầm Tripattakumada Adhishtanams của các ngôi chùa Ấn giáo sau này'.

(Minh Châu dịch)

Hàn Quốc: Triển lãm tranh họa kinh điển cho thấy nét huy hoàng của nghệ thuật Phật Giáo Á Châu

Hàn Quốc: Viện Bảo Tàng Quốc Gia Hàn Quốc đang thực hiện một cuộc triển lãm đặc biệt được mệnh danh "Kinh Điển Trên Hội Hoạ: Nghiên Cứu Đời Sống Đức Phật" tại Phòng Triển Lãm Đặc Biệt cho đến 16 tháng 09.

Các bài kinh bằng tranh vẽ được xem như là kinh điển Phật Giáo với miêu tả nhiều thủ bút và hoạ tiết khác nhau.

Chỉ với phương diện là hội hoạ Phật

Giáo, với những đường nét tinh xảo và tỉ mỉ, các hoạ phẩm được đánh giá một cách cao trọng, các công trình thuộc triều đại Cao Ly vì thế cũng được trọng vọng.

Cuộc triển lãm hàng trăm bài kinh bằng tranh vẽ của bảo tàng viện Quốc Gia Hàn Quốc lần đầu tiên được thực hiện tại đây. Sự kiện này được xem là thuộc về công trình quốc bảo.

Các bức hoạ đã thu hút được sự quan tâm của công chúng với biểu hiện thẩm mỹ quan của Vương Triều Cao Ly (từ năm 918 đến 1392 sau Tây Lịch).

Cuộc triển lãm, tuy được mở cửa cho công chúng tham quan nhưng cũng nằm trong sự giới hạn để bảo đảm tính chất bảo toàn của nó.

Phiên triển lãm mang đến cho công chúng một cơ hội hiếm hoi để chứng kiến bộ sưu tập các hoạ phẩm kinh điển từ bảo tàng viện quốc gia, bảo tàng viện tư nhân, các phòng triển lãm và ngay cả những bộ sưu tập cá nhân.

Cuộc triển lãm trình bày hơn 40 họa phẩm, tất cả đều được thực hiện dưới triều đại Cao Ly, được mang đến từ Bảo Tàng Viện Quốc Gia Nhật Bản và nhiều đền chùa khác nhau cho cuộc triển lãm này.

Giữa những bộ sưu tập này có 14 hoạ phẩm được trưng bày lần đầu tiên tại Hàn Quốc.

Cuộc triển lãm gồm có 26 họa phẩm thuộc danh sách Quốc Bảo Hàn Quốc, ví dụ như 7 quốc bảo kể cả Bảo Vật số 196 "Hoa Nghiêm Kinh" từ bộ sưu tập của Bảo Tàng Viện Leeum, 17 Bảo Vật khác và hai Sản Vật Văn Hoá Quan Trọng từ Nhật Bản.

Đây cũng là lần đầu tiên bức "Hoạ Kinh Liên Hoa", dưới sự bảo trợ của Yeom Seung-ik, được phát hiện từ tháp Namgyewon được trưng bày.

Cuộc triển lãm gồm có hai chủ đề, chủ đề thứ nhất nhằm giới thiệu Tạng Kinh Kim Cang bằng vàng được phát hiện tại tháp Iksan Wanggung-ri Các loại hộp cũng như hòm chứa kinh, vải bọc cũng được trưng bày.

Chủ đề thứ hai nhằm cống hiến các bản hoạ kinh được sắp xếp theo các thời đại từ triều Thống Nhất Tân La - Unified Silla (668-935) cho đến Vương triều Triều Tiên - Joseon Kingdom (1392-1910), sắp xếp theo niên đại nhằm trình bày một cái nhìn toàn bộ những nét đặc thù riêng biệt theo từng thời đại và khuynh hướng.

Đồng thời, các bản Hoạ Kinh của Trung Quốc và Nhật Bản cũng được trưng bày để cho thấy nét ưu việt của thủ công nghệ Hàn quốc.

Cuộc triển lãm cống hiến cho quan khách một cơ hội vô giá để tán thưởng những bản hoạ kinh của Hàn Quốc cũng như những vật linh tinh như hòm chứa kinh, vải gói, vật cắm hương v.v...

Avatamsaka Sutra Painting, gold paint on paper, from the Unified Silla (754-755), National Treasure No.196, Leeum Museum

"Qua những bức hoạ kinh tinh xảo và rực rỡ này, chúng ta có thể thấy được kỹ thuật vẽ kim loại cao nhất thế giới đã được đạt đến đỉnh cao như thế nào trong triều đại Cao Ly, triều đại mà Phật giáo đã được nhìn nhận là quốc giáo". Kim Hong-nam, giám đốc Viện Bảo Tàng nói như trên, Cô thêm " Nó cho thấy tinh thần thánh thiện của tổ tiên và sự cao siêu của Phật Giáo."

Dưới đây là một vài tác phẩm tiêu biểu như:

-Hoạ Kinh Hoa Nghiêm vẽ bằng vàng trên giấy quý từ triều đại Thống Nhất Tân La, là một bản Hoạ Kinh của Bản được chuyển ngữ bởi Sư Sikananda trong đời nhà Đường (652-710).

-"Bất không Quyên Sách Thần Biến Chân Ngôn Kinh" bằng vàng vẽ trên giấy quý xanh dưới triều đại Cao Ly năm 1275 đến từ BảoTàng Viện Leeum đang được trưng bày.

-Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh vẽ bằng vàng trên giấy quý xanh đậm từ Heian Period (794-1191) Thời Kỳ Bình An Nhật Bản.

(Hạt Cát dịch)

Chính phủ Nepal bị lên án có thành kiến với Đại Học Siddhartha

Gorkhapatra, July 30, 2007

KATHMANDU, Nepal -- Viện Trưởng Siddhartha University, Dr. Vichhu Sunanda Mahasthabir đã khiếu nại rằng chính phủ đã không phúc đáp cho sự kêu gọi phê chuẩn cho phép Viện Đại Học hoạt động.

Ngôi trường đã đệ trình đơn từ xin phép đến cho Bộ sau khi hoàn tất mọi yêu cầu cần thiết từ 10 năm trước cho việc được thừa nhận chính thức.

Ngôi trường cũng đã duy trì mối quan hệ thư từ thích đáng với bộ. Bỏ qua sự thực đã được kể trên, bộ đã không phúc đáp cho thỉnh cầu thành khẩn của ngôi trường, viện trưởng phát biểu trong một bài tường trình.

Gần một năm trước, ngôi trường đã đệ trình lên một lá đơn xin thảo luận với Bộ Giáo Dục và Bộ Thể Thao nhưng ngôi trường chưa bao giờ nhận được bất cứ quyết định cụ thể nào từ bộ, trong khi những ngôi trường khác, dù đệ đơn trễ hơn cũng đã chính thức được phép hoạt động. Văn bản thỉnh nguyện thư đã được gửi tới cho bộ, như khi bộ đã không phúc đáp cho những yêu cầu khẩu ngữ.

Mới hai tháng trước, ngôi trường đã gửi một lá đơn yêu cầu công lý đến phát ngôn viên của Hội Đồng Quản Trị Lâm Thời. Căn cứ theo lá đơn, nhà trường lẽ ra đã nhận được giấy phép để bắt đầu mở màn với các khoá học dựa trên các điều khoản pháp lý hiện hành.

Ngay cả các điều khoản lập pháp của cơ quan lập pháp quốc hội cũng đã được Nhà trường cũng đã đệ trình lên cho bộ để hối thúc việc phê chuẩn. Nhà trường đã lên án Bộ Giáo Dục là đã kỳ thị đối với lá đơn xin phép đã giữ lại Bộ trong 10 năm qua nằm không chờ đợi hợp thức hóa.

Nhà trường lên án bộ giáo dục đã kỳ thị nhà trường, ngôi trường cống hiến chương trình giáo dục dựa theo căn bản Phật Pháp cho cộng đồng Phật Giáo, mặc dù trên thực tế Đức Phật đã được sinh ra ở Nepal, bản tường trình cho biết như trên.

Nhà trường cũng đã gửi đi một lá đơn thứ hai trong hai tháng trước.

Mặc dù nhà trường đã đệ trình một vài đơn từ văn bản và đồng thời thỉnh cầu bằng khẩu ngữ cho sự được thừa nhận chính thức, nhà trường vẫn chưa nhận được bất cứ phúc đáp nào của bộ. Một bức thư của bộ Giáo Dục đã được chuyển đến cho Dr. Mahasthabir, tuy nhiên, bức thư nói rằng quyết định của một cấp bộ phải mất hơn hai tháng mới bắt đầu tiến hành phê chuẩn cho ngôi trường sau khi đơn từ dưới sự cứu xét của quốc hội được thông qua.

(Hạt Cát dịch)

Tây Tạng: Unesco lo ngại trước sự phát triển thương mại quanh Cung Điện Potala

Ngày 30 tháng 7, 2007

Lhasa, Tây Tạng - Các viên chức điều hành Cung Điện Potala của Tây Tạng tại Lhasa đã phủ nhận những mối lo cung điện 1300 năm tuổi này đang bị vây quanh bởi các cơ sở hiện đại đáng sợ của Trung Quốc.

Viên quản lý cung điện Qiangba Gesang nói rằng chính phủ Trung Quốc đã cố gắng bảo vệ nơi an dưỡng vào mùa Đông trước đây của các vị Lạt ma cũng như khu vực chung quanh.

Unesco đã tỏ ra lo ngại sự phát triển chung quanh cung điện sẽ phá đi khung cảnh đặc thù của khu vực này.

Cung điện Potala đã được liệt vào Danh Sách Di sản Quốc Tế của Unesco vào năm 1994.

Trong số những cung điện và cơ sở khác, cung điện Potala nằm trên một đỉnh đồi nhìn xuống toàn Thung lũng Lhasa, cách mặt biển 3700 mét.

Ông Qiangba Gesang cho biết đây không phải là lần đầu tiên Unesco tỏ ra quan tâm. Ông nói với đài BBC rằng vào năm 2002 Unesco đã nhận được những lời than phiền cho rằng sự phát triển của ngành thương mại chung quanh đã phá đi nét đặc trưng của cung điện. Chính quyền đã ban lệnh cho các cơ sở chung quanh Cung điện Potala không được xây cất cao hơn 21 mét.

Unesco cũng đã lo ngại về các vật liệu được dùng vào việc chỉnh trang cấu trúc bằng gỗ và đất này. Các vật liệu cổ truyền và kỹ thuật thiện xảo của Tây Tạng hằng được xử dụng trong việc tu sửa cung điện, quản lý Qiangba Gesang cho biết thêm, ông đã làm việc tại đây từ 19 năm qua. Ông nói rằng chính quyền trung ương đã cấp 170 triệu yuan (tương đương 22 triệu Mỹ kim, 11 triệu Anh kim) vào năm 2002 vào ngân quỹ công trình tái thiết.

Những biện pháp khác cũng đã được đề ra để đảm bảo cung điện không bị hư hoại bởi số lượng du khách đến viếng Tây Tạng cứ tăng lên hàng năm.

Đã có thêm 30% du khách đến Cung điện Potala từ khi có tuyến đường xe lửa nối liền Lhasa và những nơi khác của Trung Quốc, được khai mở từ tháng 7 năm ngoái.

Ông Qiangba Gesang cho biết hiện nay chỉ có 2,300 du khách được vào thăm cung điện mỗi ngày, mặc dù không có sự giới hạn đối với số du khách người Tây Tạng.

Tuy nhiên, bất kể lời dẫn giải của ông, cung điện Potala đang bị vây quanh bởi các cửa hàng, cơ quan và tiệm ăn trong những năm gần đây.

Có một cửa hàng bán thảm dệt bằng tay ngay phía dưới cung điện, đã có được số khách hàng đông nhất vào tháng 7 và tháng 8.

Trước kia cung điện hoàn toàn cách biệt với thành phố cổ Lhasa.

Ông Qiangba Gesang giải thích: 'Chủ nghĩa thương mại là một hiện tượng trải rộng khắp toàn cầu. Nếu không có kinh doanh thì sẽ không có các thành phố.'

Cung điện Potala chỉ là một trong sáu địa điểm có tính cách di sản quốc tế tại Trung Quốc mà Unesco đang quan tâm. Những nơi khác gồm có Tử Cấm Thành tại Bắc Kinh và thành phố cổ Lijiang trong vùng Tây Nam của Tỉnh Vân Nam.

(Minh Châu dịch)

Thiếu Lâm Tự nỗ lực bảo vệ thương hiệu "Shaolin" bị lạm dụng

PTI, Aug 1, 2007

Đăng Phong, Trung Quốc - Chư Tăng thuộc ngôi chùa nổi tiếng Thiếu Lâm, ngôi chùa được thành lập năm 495 sau Tây Lịch, đang nỗ lực phản đối chuyện gia tăng lạm dụng thương hiệu, danh hiệu "Thiếu Lâm" bởi những nhà buôn vô lương tâm, ngay cả ở Ấn Độ, cho mục tiêu thương mại.

"Đó là trách nhiệm lịch sử mà chúng tôi phải bảo vệ và làm trẻ trung văn hoá độc đáo của Thiếu Lâm." Thích Vĩnh Tân, Trụ Trì Thiếu Lâm hiện nay, ngôi chùa ẩn mình dưới chân ngọn núi thiêng Tung Sơn, nói như trên.

Thiếu Lâm Tự được nhìn nhận là nơi khai sinh Quyền Thuật Thiếu Lâm một cách rộng rãi, một kết hợp độc đáo giữa Phật pháp và võ thuật Trung Quốc đã phát triển thành môn võ Kung Fu.

Ngôi chùa Phật Giáo nổi tiếng bởi hàng tá bộ phim về võ thuật- Kung Fu, đã đăng ký danh hiệu "Shaolin" và "Shaolin Temple" như là một thương hiệu với Bộ Thương Mại và Kỹ Nghệ của chính phủ Trung Quốc, vị trụ trì nói như trên, chùa cũng đã thành lập một công ty chuyên lo việc bảo vệ danh dự ngôi chùa và ngăn cản sự lạm dụng thương hiệu này trong cách hoạt động thương mại.

"Chúng tôi đã đăng ký thương hiệu Thiếu Lâm của chúng tôi với nhiều quốc gia ngoại quốc, kể cả Ấn Độ," Sư Vĩnh Tân nói. Sư Vĩnh Tân đã đến viếng Ấn Độ hồi năm 1995 và đã dứt khoát rõ ràng khi được hỏi về sự gia tăng lạm dụng thương hiệu "Shaolin."

"Chúng tôi sẽ có thái độ thích đáng đối với những ai lạm dụng thương hiệu Shaolin cho mục đích thương mại mà không có sự đồng ý của chúng tôi".

Sư Vĩnh Tân trở thành vị trụ trì chùa Thiếu Lâm năm 1999. Nắm vững quan hệ của chùa Thiếu Lâm và Ấn Độ, Sư nhấn mạnh rằng Trung Quốc và Ấn Độ, cả hai đều có những nền văn minh cổ đại, là quốc gia láng giềng với những giao lưu thân tình đã có từ thời cổ đại.

Ngôi chùa được thành lập năm 495 sau Tây Lịch. Là một tín đồ Phật Giáo, Nguỵ Hiếu Văn Đế sùng kính Ngài Buddhabhadra, Phiên âm Hán Bạt Đà - Batuo, vị Sư người Ấn đến truyền bá giáo pháp Nguyên Thủy tại Lạc Dương, Hiếu Văn Đế ra lệnh xây dựng ngôi chùa Thiếu Lâm này để Ngài Bạt Đà lưu trú và trở thành vị sư trụ trì lỗi lạc đầu tiên của chùa Thiếu Lâm.

(Hạt Cát dịch)

Hoa Kỳ: lễ quy y của các tù nhân trại cải huấn

Ngày 31 tháng 7, 2007

Stafford Creek, Washington - Trong những bộ thường phục, họ đứng thành hai hàng trước một bàn thờ được trang hoàng với một tấm vải lụa đỏ, một bình hương, một lọ hoa màu hồng và một cái chuông.

Một bức hình Phật được vẽ bằng bút chì màu, được tôn trí trước mặt những người đang phát nguyện nương tựa Ngài và thực hành lời dạy của Ngài hầu đạt đến sự giác ngộ.

Để trở thành Phật tử, những người này phải phát nguyện giữ gìn năm giới cấm. Những lới nguyện này không nên xem nhẹ bởi bất kỳ một ai, nhưng đây không phải là những con người bình thường, họ là tù nhân tại Trung Tâm Cải Huấn Stafford Creek ở phía Tây Nam của Aberdeen. Họ là những người đang sống đời tù tội vì đã làm tổn hại kẻ khác.

Edward Moore, 30 tuổi, đã bắt đầu tu Phật từ 7 năm về trước, 6 năm đầu

trong thời gian 18 năm tù. Anh nói rằng khi bị bắt vào tù lúc tuổi thiếu niên, anh đã rất ích kỷ và kiêu ngạo. Giống như các tù nhân khác, lúc nào anh cũng sẵn sàng gây chuyện. Nhưng đó chỉ là bề ngoài, trong nội tâm anh rất khổ sở. Anh nói 'Đạo Phật đã cho tôi một cách nhìn mới. Đã khiến tôi khiêm tốn hơn... Tôi thấy được con người thật của tôi và tôi cảm thấy hài lòng. Tôi được chấp nhận.'

Thật vậy, Thầy Nguyên Kim đến từ một ngôi chùa Việt Nam tại Olympia, đã nói rõ rằng đối với Phật giáo thì đau khổ phát sinh từ tham dục. Thầy đã khuyến khích các tù nhân hãy sống với lòng thương yêu, tình thân ái và sự tri ân. Thầy nói 'Một người biết mở lòng ra để hiểu rõ hơn, đấy chính là đạo Phật. Hãy thay đổi cuộc đời của bạn... trở nên một người tốt, có thể một con người cao thượng, thì mọi người sẽ tôn trọng bạn.'

Thầy Nguyên Kim đứng giữa hai vị sư trong những bộ y màu đất son, sư Chakkrit Phonphai và sư Ratsamee Chutintharo, và trong trang phục màu đen là Scott Whitney, vài tháng trước đây vẫn còn là vị giáo sĩ của trại giam. Chư tăng xướng lên thời kinh tụng bằng ngôn ngữ riêng, thỉnh thoảng có dịch ra tiếng Anh.

Chỉ tụng niệm suông có lẽ không phải là điều có thể làm thay đổi một con người, nhất là các tu sĩ cũng có nói rằng đạo Phật là đạo để thực hành hơn là một tín ngưỡng.

George Nellans, một tù nhân khác, cho biết anh cảm thấy mình đã thay đổi qua việc hành trì. Ngay cả trong một môi trường đầy căng thẳng của trại giam, chút ít thiền tập cũng đem lại lợi ích. Anh nói 'Tôi không thấy bị căng thẳng'.

Ngày lễ 'Buddha Day' nhằm kỷ niệm ngày Phật đản sanh, được tổ chức vào thứ năm tuần vừa qua đã qui tụ nhiều sắc dân, cũng là một sự kiện khác thường đối với một trại giam. Các tù nhân được mặc y phục thường với những màu sắc khác nhau và được chuyện trò với nhau.

'Trong đạo Phật mọi người đến với nhau, và trong trại giam, người ta thường bị phân chia theo chủng tộc,' ông Arthur Longworth, 42 tuổi, cho biết như trên, ông đã là Phật tử từ 15 năm nay. Ông đã vào tù từ lúc 18 tuổi. Ông nói rằng lúc đó đạo Phật đã đi từ giai đoạn bị hiểu sai lầm do lòng hiếu kỳ cho đến khi được nhìn nhận là một tôn giáo.

Đây không những là một cơ hội cho các tù nhân mừng lễ, cuộc lễ kéo dài 7 giờ đồng hồ này cũng là một cơ hội cho họ được gặp mặt gia đình. Kriss Longworth là vợ của Arthur từ 13 năm nay, cho biết không phải dễ dàng gặp được chồng bà một cách hi hữu như thế này.

Bà Anna Padilla là mẹ của tù nhân Seraphim Padilla cho biết bà thật khổ sở khi có một đứa con bị ngồi tù. Bà nói 'Không có ngày nào tôi không nghĩ đến điều này, và tôi không khóc'.

Thường khi đến thăm con, bà phải ngồi đối diện với con bà, ngăn cách nhau bởi một lớp kính an toàn, và phải dùng điện thoại để nói chuyện. Thứ năm vừa qua, không những bà được ngồi cạnh và sờ vào con, mà còn được ăn chung với con bà.

Bà Anna Padilla nói rằng bà cảm thấy hãnh diện khi con bà theo đạo Phật - cả bà và gia đình đều theo đạo Ki Tô giáo - để trở nên một con người biết định hướng, đã giúp anh có những dự định và theo dự các lớp học trong trại giam. Bà nói 'Giờ đây tôi rất sung sướng.'

(Minh Châu dịch)

Ấn Độ: các nhà lập pháp kêu gọi bảo vệ các pho tượng Phật cổ

The Hindu, ngày 29 tháng 7, 2007

Tamil Nadu, Ấn Độ - Những thông báo của địa phương cho biết một pho tượng Phật trong văn phòng chính phủ tại Ariyalur và nhiều tượng Phật tại Panruti vừa biến mất.

Có hai pho tượng Phật rất đẹp tại Thyaganur gần Salem nằm trên một cánh đồng lúa, và một pho tượng khác bên trong một cấu trúc đổ nát tại Peruncheri gần Mayiladuthurai.

Các chuyên gia nghiên cứu về Kỳ Na giáo và Phật giáo trong đó có D. Ravikumar, nhà lập pháp thuộc nhóm Dalit Panthers of India, ông Gandhirajan, chuyên gia về lịch sử nghệ thuật, cho biết một số các pho tượng Phật, tượng các ngài Adinatha và Mahavira còn nằm trên các cánh đồng trong những vùng khác nhau của Tamil Nadu, và họ yêu cầu chính quyền phải bảo vệ các pho tượng này.

Ông Ravikumar nói 'Tất cả những pho tượng này sẽ dễ dàng là mục tiêu của các nhóm người chuyên trộm hình tượng Phật. Hiện chúng ta đang kỷ niệm 2550 năm từ ngày Phật nhập Niết Bàn. Chính quyền trung ương đã trao một ngân quỹ để dùng vào lễ kỷ niệm. Chính quyền Tamil Nadu nên xây cất những kiến trúc chung quanh để bảo vệ các pho tượng Phật và tượng ngài Mahavira'.

Cách đây 5 tháng, ông Gandhirajan đã tìm được một tượng Phật trang nhã, cách Ariyalur khoảng 10 cây số trên đoạn đường Ariyalur-Lalgudi thuộc Tamil Nadu.

Về tính chất mỹ thuật, đây là một tác phẩm điêu khắc quan trọng thuộc thế kỷ 11 trước Công nguyên. Ông Arunraj, Phó Quản lý Ban Khảo cổ, Viện Nghiên cứu Khảo cổ Ấn, và ông Gandhirajan đã tìm ra một tượng Phật chưa hoàn thành trong một ngọn đồi gần làng Balasamudram, gần Andipatti. Pho tượng này thuộc thế kỷ 11 trước Công nguyên. Theo ông Arunraj, tượng các vị thần Ấn giáo và các mảnh đồ gốm của thời đại Trung cổ cũng được tìm gặp gần đấy.

(Minh Châu dịch)

Thái Lan: Đức Vua đối với Phật Giáo và Khoa Học

Bangkok- August 4, 2007 - Công chúa Thái Lan Maha Chakri Sirindhorn hôm qua đã ca ngợi vua cha về việc thực hiện tốt đẹp một vai trò gương mẫu bằng cách áp dụng khoa học và Phật Giáo vào việc giúp đỡ cho dân chúng của Ngài. Bà đề nghị thế hệ trẻ áp dụng các giới đức của giáo pháp Phạm trú trong đời sống họ.

Bà đã chủ toạ buổi khai mạc một hội nghị quốc tế về Phật Giáo và Khoa Học tại Đại Học Nghiên Cứu Tôn Giáo Mahidol University. Có 256 tu sĩ và cư sĩ từ 9 quốc gia tham dự hội nghị ba ngày này để kỷ niệm khánh thọ 80 của Đức Vua vào tháng 12 tới đây.

Bà đã phát biểu trước tham dự viên rằng "hội nghị rất thích đáng và sẽ giúp cho công chúng hiểu được rằng khoa học và Phật Giáo là những lực lượng hỗ trợ lẫn nhau và có thể cùng phối hợp với nhau", Phụ Giảng giáo sư giám đốc Đại học Pinit Ratanakul kể lại như trên.

Ông kể thêm về lời phát biểu của công chúa "Đức Vua đã áp dụng cả hai lãnh vực Phật Giáo và khoa học trong việc mang lại hạnh phúc cho dân chúng qua các dự án, nhất là đức tính từ bi trong việc xoa dịu những nỗi thống khổ của dân chúng Ngài. Cả hai lãnh vực đều quan trọng đối với sự nghiên cứu về tâm thức của nhân loại để mang lại sự nội an và tinh thần lành mạnh trên khuôn mặt một nếp sống hiện đại đầy rẫy những hỗn loạn, đổi thay".

Bà đề nghị giới trẻ hãy áp dụng các đức tính Phạm hạnh từ bi hỷ xả vào đời sống và diễn tả sự hài lòng rằng hội nghị cũng đã tổ chức các buổi thực hành thiền định, căn cứ theo lời ông Pinit.

Alan Wallace, giám đốc Viện Nghiên

Cứu Tri Thức tại California, đã phát biểu rằng trong khi Phật pháp nhấn mạnh vào kinh nghiệm hơn là nguyên nhân, nó cũng nhắm vào nguyên nhân hơn là sự mê tín và như thế thì Phật Giáo gần gũi với khoa học hơn những tôn giáo và các triết thuyết khác.

Ông nói thêm "Như Phật giáo có tất cả các tính chất của một tôn giáo nhắm vào đạo đức, quân bình và tự do tâm thức, nó có thể là một gạch nối giữa tôn giáo và khoa học."

Wallace nói nhiều người tin rằng Phật Giáo và khoa học không thể đi chung với nhau bởi vì Phật Giáo chú trọng về tâm thức và thiền định cùng với nhiều vấn đề phức tạp được ghi chép lại trong kinh sách cổ xưa.

Ông nói "Nhiều ngôi chùa, giống như viện bảo tàng, một nơi mà người ta đến để chụp hình mà không áp dụng các giáo lý trong đời sống hiện đại của họ. Nếu Phật giáo có thể được giảng giải trong cái nhìn của khoa học, làm cho nó gần gũi với đời sống người ta hơn, thế hệ trẻ sẽ càng tán dương giá trị của Phật pháp nhiều hơn."

Ông thúc đẩy chư tăng nên cởi mở trong việc áp dụng khoa học và kỹ thuật trong việc giảng giải những nguyên lý, các giáo thuyết tôn giáo.

(Hạt Cát dịch)

Những vị Lạt Ma Tây Tạng phải đăng ký để tái sanh

Ngày 3 tháng 8, 2007

Bắc Kinh - Những vị Lạt Ma Tây Tạng không còn được phép tái sanh nếu không có sự chấp thuận của chính phủ Trung Quốc, tin tức báo chí ngày thứ sáu đã cho biết như trên.

Nhân viên thông tin Xinhua cho biết những luật lệ mới này là 'một sự chuyển hướng quan trọng trong việc chế độ hoá việc quản lý sự tái sanh của các vị Lạt Ma được coi như là Phật sống,'

Theo những quy luật có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9, tất cả đơn xin tái sanh phải nộp cho các viên chức ban tôn giáo để được phê chuẩn.

Các vị Phật sống là một yếu tố trọng đại trong Phật giáo Tây Tạng, hình thành một đoàn thể các nhân vật tôn giáo có ảnh hưởng rất lớn, được tin tưởng là các ngài liên tục tái sanh để tiếp tục lại đạo nghiệp của mình.

Thường thì không phải chỉ một người được đưa ra để được nhận là đã thật sự tái sanh, và người có thẩm quyền để quyết định ai là người tái sanh thật có một năng lực rất đáng kể.

Trường hợp của Ban Thiền Lạt Ma là đặc biệt chính xác, ngài là nhân vật có ảnh hưởng hàng nhì trong Phật giáo Tây Tạng, sau Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Các nhà cầm quyền Trung Quốc đã giam giữ vị Ban Thiền Lạt Ma do Đức Đạt Lai Lạt Ma chọn vào năm 1995, khi em bé trai này mới vừa lên sáu, và từ đó đến nay chưa bao giờ được trông thấy nữa.

Vị Ban Thiền Lạt Ma mà chính phủ Trung Quốc đã chọn hiện đang tuần du khắp nơi trong nước trong những năm gần đây để đẩy mạnh sự thống trị của Trung Quốc trên xứ sở của mình.

Trung Quốc đã đem quân đội vào đất nước Tây Tạng năm 1951. Sau đó Đức Đạt Lai Lạt Ma phải trốn sang Ấn Độ vào năm 1959, sau khi cuộc nổi dậy bị thất bại, và ngài đã thành lập một chính phủ lưu vong tại Dharamsala.

(Minh Châu dịch)

Tích Lan: Lãnh đạo Phật Giáo: Kênh Truyền hình God TV không là mối đe dọa

By Chathuri Dissanayake, The Sunday Times, Aug 5, 2007

Colombo, Sri Lanka - Một tháng sau khi Kênh Truyền Hình Phật Giáo phát hình 24 trên 24 được thiết kế bởi công ty Dialog TV, bây giờ thì công ty Dialog TV lại thiết kế một kênh truyền hình mới không được phô trương quảng cáo rầm rộ, đó là kênh truyền hình GOD của giáo hội Ki Tô Giáo American New Church." Hiện nay thì kênh truyền hình này chỉ dành cho khán giả yêu cầu," Giám Đốc Điều hành công ty dialog TV, Nushad Perera cho biết như trên.

Chúng tôi không dự trù phát hình cho tất cả mọi người khi mà đất nước chúng tôi là một quốc gia Phật Giáo. Khán thính giả nào muốn được xem kênh này thì điện thoại tới đường dây nóng thuộc phân bộ phục vụ khách hàng của chúng tôi để được nối mạch, sẽ không có tốn phí nào hết, ông Nushad Perera nói thêm như trên.

Phát ngôn viên của đảng Jathika Hela Urumaya, một đảng phái được lãnh đạo bởi chư Tăng Phật Giáo, Nishantha Sri Warnasinghe nói mọi người đều có quyền đề cao tín ngưỡng của mình, tuy nhiên, sự đề cao phải ở trong một cung cách không làm phương hại đến các tôn giáo khác.

Sư Trưởng tu viện Sri Sambodhi Viharaya, Ven. Daranagala Kusala-damma Thera, người chịu trách nhiệm hàng đầu trong việc thiết lập Kênh Truyền Hình Phật Giáo "The Buddhist' TV" nói rằng khi mà 70% phần trăm dân số là Phật tử và Phật Giáo được bảo vệ bởi Hiến Pháp thì việc xuất hiện kênh truyền hình GOD TV không có gì đáng lo ngại.

Cha Alfred Alexander, cựu lãnh đạo tổ chức Blessed Sacrament Community nói ông không biết nội dung của God TV như thế nào nhưng có thêm một kênh truyền hình tôn giáo 24 trên 24 như thế cũng tốt cho những ai muốn xem bất cứ lúc nào trong ngày đều có thể xem được như họ mong muốn.

Sư Trưởng chùa Sri Gnana Vairawa Temple, Sivabala Ravi Shanker Sivacharya, nói rằng các kênh truyền hình như thế không nên tạo ra những sự phân chia trong chương trình của họ. Kênh truyền hình God TV cũng đã từng tham dự vào việc cung cấp cứu trợ cho nạm nhân sóng thần ở Tích Lan.

(Hạt Cát dịch)

Ki Tô Giáo California phản đối việc dạy thiền trong trường học công lập

California Catholic Daily, August 6, 2007

Trong khi sự cầu nguyện tại trường học bị cấm đoán, việc học sinh thực hành thiền tập dường như được gia tăng.

Oakland, CA (USA) - -Tại Trường Tiểu Học Oakland' Emerson, các học sinh có thể không được nói ngoài công cộng từ "Đức Cha" nhưng họ có thể công khai thực hành các kỹ thuật "chánh niệm", tiếp nhận từ Phật giáo, cái bộ môn mà trẻ con học hỏi theo dõi hơi thở, ghi nhận các tư tưởng và tập trung sự chú ý bằng cách lắng nghe âm điệu tiếng khánh nhạc Tây Tạng cho đến khi nó im bặt không còn có thể nghe được nữa." Tờ báo Oakland Tribune tường trình như trên hôm 27 tháng 07, 2007.

Trường Tiểu Học Emerson, tuy nhiên, chỉ là một trong rất nhiều trường học có chương trình chánh niệm như thế, con số trên toàn quốc có thể lên đến hơn 100.

Một tổ chức khuyến khích các trường học tiếp nhận chương trình thực hành thiền tập cho học sinh là tổ chức có cơ sở tại Hollywood "David Lynch Foundation với chủ trương Giáo Dục và Xây Dựng Hoà Bình Thế Giới trên Nền Tảng Tỉnh Thức".

Tổ Chức David Lynch đề cao pháp Thiền thoại đầu, kỹ thuật mà Nhóm David Lynch gọi là một kỹ thuật "nội hàm." Trong một thông điệp trên trang

nhà của Tổ chức Lynch David, Ông Lynch nói lên niềm hy vọng rằng "Một ngày nào đó, hy vọng là rất sớm, kỹ thuật nội hàm như là một sự chuẩn bị cho việc học hỏi, và là một công cụ để phát triển tiềm lực sáng tạo của tâm thức, sẽ là một bộ môn tiêu chuẩn trong các chương trình giảng dạy của mỗi trường học".

Ông Lynch nói "Trẻ con, chịu đựng áp lực của thế giới và," ông nhấn mạnh "Có hằng trăm ngôi trường, với hàng ngàn học trò, những người thiết tha mong được giải toả những nỗi áp lực để đem lại sự phát triển toàn diện tiềm năng của mỗi học sinh bằng việc cung cấp chương trình giáo dục trên Nền Tảng Tỉnh Thức ngày hôm nay." Căn cứ theo tờ báo, tổ chức Lynch David đã bảo trợ cho chương trình sơ khởi của một trường học tại Inglewood và một trường khác tại Sun Valley. Cả hai trường đều là trường công lập..

Thực hành thiền tập trong trường học công lập không tránh khỏi sự đụng chạm đến điều lệ tách biệt tôn giáo của trường học." Đó không phải là trách nhiệm của nhà trường để hướng dẫn trẻ con đến sự nội an xuyên qua một diễn trình tôn giáo," Tabash, chủ tịch uỷ ban pháp lý quốc gia về vấn đề Phân Cách Giáo Hội và Chính Phủ nói như trên.

Rất nhiều phụ huynh đã phản đối, Viện Pháp Lý Pacific, một nhóm dân quyền tôn giáo, hăm doạ sẽ kiện nhà trường vi phạm điều lệ tách biệt tôn giáo của các trường công lập. Mặc dù các nhà biện hộ nói rằng việc hành thiền trong trường học được đặt dưới sự bảo trợ của một câu lạc bộ và được phép thực hiện với điều luật của tiểu bang California, người của nhóm Viện Pháp Lý Pacific, Kevin Snider, nói với phóng viên hãng thông tấn Associated Press rằng "Nếu đó là một tôn giáo tự nhiên và liên can đến pháp quyền tôn giáo, vậy thì bạn sẽ gặp rắc rối."

Những người đề xuất việc thực hành thiền tập trong trường học lại biện hộ rằng kỹ thuật thiền có thể tách biệt từ Phật Giáo hay Ấn Giáo và tự bản thân nó không phải là tôn giáo. "Tôn giáo nào lại hướng dẫn học tập theo dõi hơi thở?" Hiệu Trưởng Trường Tiểu Học Emerson, người mà tờ báo Tribune gọi là "một Cơ Đốc nhân sùng tín", nói như trên.

(Hạt Cát dịch)

Tích Lan: Seruwila có triển vọng trở nên một di sản quốc tế

The Morning Leader - Ngày 8 tháng 8, 2007

Colombo, Tích Lan - Tích Lan đang mong Trụ sở Di Sản Quốc Tế tại Paris phê chuẩn cho Seruwila Raja Maha Viharaya được công bố là một Điểm Di Sản Quốc Tế.

Tích Lan đã trình kiến nghị lên Unesco rằng ngôi chùa này được liệt vào một trong 16 ngôi chùa Phật giáo thiêng liêng nhất tại đây.

Phái đoàn Unesco tại Colombo trong bản đệ trình lên Paris đã đề nghị rằng ngôi chùa tọa lạc tại làng Thoppur thuộc quận hạt Trincomalee cần phải được Unesco bảo toàn cho hậu thế.

Tổng thư ký Prithiviraj Perera của Hội Đồng Uỷ Ban Quốc Gia Tích Lan cho Unesco đã nói với tờ báo The Morning Star rằng có thêm nhiều điểm được Unesco bảo quản là một điều có lợi cho quốc gia, sẽ làm tăng thêm giá trị của nơi này lên hàng di sản thế giới đồng thời có được sự bảo vệ rộng lớn của họ.

Seruwila được phú cho một địa bàn rất đặc biệt với bến cảng thiên nhiên lớn nhất thế giới, Tricomalee và di tích lịch sử từ thế kỷ thứ hai trước Công Nguyên, kinh đô Seru, và ngôi chùa Phật giáo.

Bản kiến nghị cũng đề ra một khu vực 50 mẫu tây với khu vực chung quanh rộng 30 mẫu để được Trụ sở Di Sản Quốc tế nhìn nhận.

Trong văn thư chứng minh, Unesco có ghi rõ Seruwila vẫn còn là một ngôi chùa Phật giáo rất được sùng bái với xá lợi Phật được tôn thờ trong ngôi bảo tháp.

Hơn nữa, bản kiến nghị cũng ghi rằng ngôi chùa được hình thành từ thế kỷ thứ hai trước Công Nguyên và còn đầy những dấu tích kiến trúc Phật giáo cổ xưa nhất tại Tích Lan, đã được vua Kavantissa kiến lập, có thể được xem là cái nôi của Phật giáo tại Tích lan, đã đạt đến thời kỳ hưng thịnh nhất trong triều đại vua Anuradhapura.

Vùng này trước kia được xem là khu vực Seru, và một bản khắc được tìm thấy nơi đây, có ghi rõ 'Hang động của Ngài Gutta dành cho tứ phương Tăng.'

Cũng có thêm một câu khắc trên đá thuộc thời vua Kassapa IV (808-914 trước Công Nguyên) đề cập đến sự có mặt của các vị a la hán và nhận ra nơi này là Tissa Maha Vehera.

Năm 1922, một tu sĩ nhiệt tâm, Sư Dambagasare Sumedhalankara đã trùng tu ngôi chùa Seruwila với sự trợ giúp của Bộ Khảo cổ. Công trình bảo trì được hoàn tất năm 1931. Khoảng 85 mẫu đất được công bố là khu đất dành riêng cho khảo cổ vào năm 1962.

Hiện nay Tích Lan có tất cả 7 điểm được công bố là Di Sản Quốc Tế, gần nhất là Ngôi chùa vàng Dambulla, được công bố vào năm 1991.

(Minh Châu dịch)

Hoa Kỳ: một tu sĩ Phật giáo viết sách giáo dục thiếu nhi

Ngày 8 tháng 8, 2007

Kansas City, Kansas (Hoa Kỳ) - Các bậc phụ huynh muốn tìm những quyển sách giải trí vừa dạy cho con em họ những bài học rất quan trọng về cuộc sống, sẽ tìm gặp một quyển sách vừa mới được phát hành bởi sư Kudagammana Seelaratana, một tác giả chuyên viết sách truyện nhi đồng.

Trong quyển The She-Falcon and the Quail (Chim ưng mái và chim cút), Sư Seelaratana dệt nên một truyện ngắn thú vị về những đức tính can đảm, vâng lời và khiêm tốn, qua câu chuyện của hai kẻ thù bẩm sinh.

Qua những hình ảnh minh hoạ sống động và lời văn bình dị, quyển sách truyện bằng hình này kể lại chuyện về một con chim ưng mái và con chim cút nhỏ, cả hai đã được một bài học quan trọng trong đời sau một cuộc gặp gỡ có tích cách vận mệnh của chúng. Chúng đã đụng độ nhau sau khi chim cút nhỏ cãi lời cha và đi rong chơi trong cánh đồng rộng.

Khi chim cút bị chim ưng mái bắt được, nó đã khóc lóc và van xin được tha mạng. Chim ưng mái kiêu hãnh xiêu lòng, lý luận rằng nó có thể bắt được chim cút bất cứ lúc nào. Điều này dẫn tới một tình tiết gay cấn, để rồi cuối cùng dạy cho cả hai một bài học hết sức quan trọng trong đời.

Về tác giả

Sư Kudagammana Seelaratana, hiện là tu sĩ thường trú thâm niên của Chicago Buddhist Vihara, xuất gia lúc 17 tuổi vào năm 1973 tại Kudagammana Sri Sudassana Chethiyaramaya tại Tích Lan. Sư đã học xong chương trình sơ cấp tại Sri Ganeshwara Piriwena, tại tu viện nổi tiếng Gangaramaya của Colombo, sau đó sư theo học tại đại học Kelaniya. Sư đã đậu bằng thạc sĩ về triết học và xã hội học. Sau thời gian hơn 20 năm giảng dạy cho chính phủ, Sư đã sang Hoa Kỳ và tình nguyện làm cố vấn về Phật giáo ở Chicago Buddhist Vihara tại Illinois. Sư đã viết truyện ngắn cho một tờ báo thiếu nhi từ hơn 25 năm nay.

(Minh Châu dịch)

Tích Lan: Viện Nghiên cứu Goethe tổ chức lễ kỷ niệm 50 thành lập

Kandy Times, Aug 5, 2007

Kandy, Sri Lanka – Viện Nghiên cứu Goethe – Trung tâm Văn Hóa Đức tổ chức lễ kỷ niệm 50 năm với một vài hoạt động liên quan đến Phật giáo. Một trong những sự kiện của đợt kỷ niệm này có liên quan đến Kandy.

Tỳ Khưu Sumedha Thera, một vị sư đã viên tịch gần đây ở tuổi 70 đã trải qua nhiều năm sống ở trong một hang động gần Kandy. Vị sư này đã từng là một nghệ sĩ nổi tiếng trong việc suy tư về những tư tưởng của Đức Phật và chuyển hóa sang loại hình mỹ thuật. Một cuộc triển lãm về những tác phẩm của Tỳ Khưu Sumedha được Cora Lang tổ thức tại Viện Nghiên Cứu Goethe vào ngày 21/8. Chủ đề của cuộc triển lãm này là "Sự thật khó tin".

Cùng với dịp này tại Kandy cũng có cuộc Hội thảo được tổ chức vào hai ngày 23 và 24 tháng 8. Chủ đề của cuộc Hội thảo là "Đạo Phật và Tuổi trẻ" tập trung bàn thảo về mối quan hệ giữa giới trẻ và tôn giáo đặc biệt là Đạo Phật, những bài đối thoại về đa tôn giáo và những sự tương tác giữa những nền văn hóa khác nhau.

Buổi hội thảo bàn về những hình thức đặc trưng của tôn giáo, bạo lực và nhân phẩm. Những câu hỏi về những giá trị như làm cách nào để đưa ra tiêu chuẩn đánh giá và làm cách nào để thông tin về những chức năng của chúng cũng được đề cập đến. Viện Nghiên cứu Goethe cũng cùng hợp tác với Ban Nghiên cứu về Phật Học và Tiếng Pali của Trường Đại học Peradeniya nhân dịp này.

Ngoài ra, cũng có các chủ đề khác trong cuộc hội thảo là: Đạo Phật (hay bất cứ một tôn giáo nào khác) có ảnh hưởng mạnh mẽ như thế nào đến lối sống của giới trẻ ở Sri Lanka? Có phải chăng Tôn giáo đã ảnh hưởng hay thậm chí là góp phần quyết định đến triết lý sống hàng ngày của giới trẻ không?

Đạo Phật đóng vai trò như thế nào khi một người đối mặt giải quyết những vấn đề cơ bản nhất trong cuộc sống? Đạo Phật thường được xem như là một công cụ, một phương tiện của cuộc sống cho từng cá nhân. Trái ngược với những tôn giáo khác, Đạo Phật được xem như là cách để một người tự giải quyết những vấn đề của chính mình. Nhưng Đạo Phật có quan tâm gì đến cộng đồng hay không? Cuộc hội thảo giải quyết những vấn đề này sẽ được tổ chức tại Anh Quốc.

(Nhã Uyên dịch)

THÔNG BÁO CỦA TẠP CHÍ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

Kính thưa quý văn thi hữu và bạn đọc,

- Phương Trời Cao Rộng đang sưu tập những tranh vẽ và hình chụp nghệ thuật để đăng lên bìa trước, cũng như để minh họa cho các bài vở bên trong. Kính mong sự đóng góp ủng hộ tranh và hình của quí họa sĩ, nhiếp ảnh gia để tạp chí luôn giữ được vẻ mỹ thuật cần thiết cho một tờ báo văn học, nhất là văn học Phật giáo.
- Có một số độc giả gửi email "yêu cầu được nhận báo" miễn phí, lại có độc giả nói cứ gửi báo đi rồi sẽ gửi tiền sau nhưng rồi không bao giờ gửi nên chúng tôi phải ngưng. Chúng tôi xin thưa, báo miễn phí chỉ gửi đến chư tôn đức bảo trợ và các văn thi hữu đóng góp bài vở cho Phương Trời Cao Rộng mà thôi. Tạp chí không có ngân quỹ để gửi báo miễn phí đến mọi người, ngoại trừ những hoàn cảnh đặc biệt mà chúng tôi biết rõ. Mỗi kỳ báo đều có đăng trọn vẹn trên trang lưới vinhhao.net, đây cũng là một hình thức biếu tặng trong khả năng của chúng tôi rồi, mong quý độc giả thông cảm.
- Tạp chí cũng học được phương thức nhắc nhở độc giả dài hạn khi sắp đáo hạn đặt mua báo (chẳng hạn ghi con số tháng, năm kèm theo tên mỗi người khi gửi báo), nhưng chúng tôi không làm, vì nghĩ rằng quý độc giả đã tự nguyện ủng hộ thì sẽ tự giác nhớ rằng đã qua một năm, hay hai năm; nếu nhiều người đều quên, không tiếp tục ủng hộ thì tờ báo sẽ đình bản một ngày nào đó, thật bất ngờ, là điều đáng tiếc không ai muốn xảy ra.
- Bài vở và hình ảnh đóng góp cho Phương Trời Cao Rộng, xin gửi về địa chỉ email: vinhhao@vinhhao.net hoặc vinhhao3011@yahoo.com. Quý vị có thể dùng YouSendIt.com để gửi nếu hình ảnh và bài vở nặng trên 10MB.

Trân trọng cảm tạ sự ủng hộ nhiệt tình, quí báu của quý vị.

Vĩnh Hảo